

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: 2016 - 2021)

(Hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài)

ĐÀ NẴNG, 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

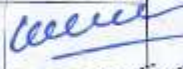
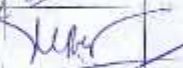
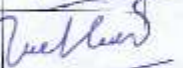
(Giai đoạn đánh giá: 2016 - 2021)

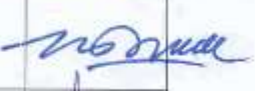
(Hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài)

ĐÀ NẴNG, 2022

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHDT, ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Lê Nguyên Bảo	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	TS. Võ Thanh Hải	Phó Hiệu trưởng thường trực	Phó chủ tịch trực	
3	TS. Trần Nhật Tân	Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Phó chủ tịch	
4	ThS. Nguyễn Thanh Trung	Phó Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Ủy viên thư ký	
5	TS. Lê Nguyễn Tuệ Hằng	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân	Ủy viên	
6	PGS.TS Nguyễn Ngọc Minh	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân kiêm Hiệu trưởng Trường Y Dược	Ủy viên	
7	TS. Nguyễn Hữu Phú	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân kiêm Trưởng phòng Tổ chức	Ủy viên	
8	TS. Nguyễn Phi Sơn	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân kiêm Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên	
9	TS. Hà Đắc Bình	Hiệu trưởng Trường Công nghệ	Ủy viên	
10	PGS.TS Phan Thanh Hải	Hiệu trưởng Trường Kinh tế	Ủy viên	
11	PGS.TS Nguyễn Gia Như	Hiệu trưởng Trường Khoa học Máy tính	Ủy viên	
12	TS. Trần Văn Hùng	Phó Hiệu trưởng thường trực Trường Ngoại ngữ	Ủy viên	
13	TS. Nguyễn Đức Mận	Viện trưởng Viện Đào tạo Quốc tế	Ủy viên	

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
14	TS. Bùi Kim Luận	Phó Viện trưởng Viện Đào tạo & Nghiên cứu Du lịch Duy Tân	Ủy viên	
15	TS. Trương Tiến Vũ	Trưởng phòng Khoa học công nghệ	Ủy viên	
16	ThS. Nguyễn Thành Dương	Chánh Văn phòng Trường Đại học Duy Tân	Ủy viên	
17	ThS. Mai Hoàng Hải	Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Ủy viên	
18	TS. Nguyễn Đức Hiền	Trưởng phòng Hợp tác doanh nghiệp	Ủy viên	
19	ThS. Võ Như Phùng	Trưởng phòng Thanh tra	Ủy viên	
20	ThS. Nguyễn Thôi	Trưởng phòng Công tác sinh viên	Ủy viên	
21	ThS. Nguyễn Thị Tuyết	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên	
22	ThS. Nguyễn Thị Anh Đào	Giảng viên Viện Đào tạo Quốc tế	Ủy viên	
23	Ngô Đình Nam	Sinh viên khoa Y	Ủy viên	

(Danh sách gồm có 23 người)

Mục lục

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	28
DANH SÁCH BẢNG BIỂU	29
Phần I.....	18
HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC	18
1. Khái quát về cơ sở giáo dục	18
1.1. Lịch sử hình thành, phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, và các giá trị	18
1.1.1. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển	18
1.1.2. Tuyên bố về Sứ mạng của Trường.....	19
1.1.3. Tầm nhìn đến năm 2030.....	20
1.1.4. Các Giá trị cốt lõi	20
1.1.5. Triết lý giáo dục	20
1.1.6. Nhận dạng thương hiệu	20
1.2. Tóm tắt thành tích nổi bật của nhà trường theo các giai đoạn phát triển.....	21
1.2.1. Về công tác đào tạo	22
1.2.2. Về công tác hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo.....	23
1.2.3. Về công tác khoa học và công nghệ.....	24
1.2.4. Về công tác đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên	25
1.2.5. Về công tác cơ sở vật chất.....	26
1.2.6. Về công tác tài chính.....	29
1.2.7. Về công tác Đảng, Đoàn thể	29
1.2.8. Về công tác quản lý.....	31
1.2.9. Về Đảm bảo và kiểm định chất lượng.....	32
1.2.10. Các thành tích nổi bật của nhà trường.....	33
1.3. Cơ cấu tổ chức của Trường.....	34
1.3.1. Về Cơ cấu tổ chức của Trường	34
1.3.2. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường.....	38
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục	38
2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD.....	38

2.2. Mô tả những thách thức chính mà Trường Đại học Duy Tân gặp phải và kế hoạch của nhà trường để khắc phục những thách thức đó	39
2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của Trường Đại học Duy Tân và cách mà nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó	41
Phần II	46
TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	46
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	46
Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	46
Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD	48
Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.....	51
Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan	52
Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	53
Tiêu chuẩn 2. Quản trị.....	57
Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD	57
Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện	58
Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên	59
Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.....	60
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	63
Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	63

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.	65
Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên....	66
Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.	68
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	71
Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	71
Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.....	73
Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD	74
Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.	75
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	78
Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	78
Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.....	79
Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.....	80
Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	81
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	84
Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	84
Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.	85

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.....	87
Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.	88
Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	90
Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.	93
Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	94
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	98
Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	98
Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	100
Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.....	104
Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.	107
Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.	111
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại.....	117
Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.	117

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.....	119
Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.	124
Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.	125
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong	131
Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	131
Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	133
Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.	134
Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.	135
Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.....	136
Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.	137
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	140
Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.	140
Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.....	141
Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.	142
Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.	144
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong	148
Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt	

động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.	148
Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.	149
Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.	151
Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	153
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng.....	156
Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	156
Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.	157
Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.	159
Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.	161
Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.	162
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học.....	164
Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của cơ sở giáo dục.	164
Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.	165
Tiêu chí 13.3. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện.	166
Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.....	167
Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.	168
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học.....	171

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.	171
Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.	171
Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.	172
Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.	174
Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.	175
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	178
Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CĐR.	178
Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.	179
Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CĐR.	180
Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.	181
Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CĐR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.	183
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	186
Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.	186
Tiêu chí 16.2 Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được CĐR.	189
Tiêu chí 16.3 Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR.	191
Tiêu chí 16.4 Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CĐR.	194

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	200
Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.	200
Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.	202
Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.....	207
Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	209
Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH.....	214
Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động có liên quan đến nghiên cứu.....	214
Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng CSGD.....	216
Tiêu chí 18.3 Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.....	219
Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học	221
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ.....	224
Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.	224
Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.	225
Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.	227
Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.	228
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	232
Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu	232

Tiêu chí 20.2. Triển khai được chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu	233
Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.....	234
Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.....	235
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng.....	238
Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.	238
Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.....	238
Tiêu chí 21.3 Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng	240
Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.	243
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	245
Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ Người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	245
Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	246
Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	247
Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	249
Tiêu chuẩn 23. Kết quả Nghiên cứu khoa học	252
Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	252
Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.....	255
Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	258
Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	261

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	264
Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	265
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	269
Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến ...	269
Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	273
Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến	277
Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. ..	279
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	283
Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	283
Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.	284

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ANTT	An ninh trật tự
BGH	Ban giám hiệu
CDIO	Conceive Design Implement Operate
CĐR	Chuẩn đầu ra
CGCN	Chuyển giao công nghệ
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐT	Hội đồng trường
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN	Khoa học công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PBL	Project - Based Learning
THPT	Trung học phổ thông

DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Bảng 6. 1. Thống kê số lượt cử cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng qua các năm	89
Bảng 6. 2. Thống kê số lượng giảng viên đi học thạc sĩ, tiến sĩ qua các năm.....	89
Bảng 6. 3. Phân bậc thi đua	92
Bảng 7. 1. Thống kê chi giai đoạn 2017 – 2021 (<i>Đơn vị tính: đồng</i>)	99
Bảng 7. 2. Thống kê nguồn thu giai đoạn 2017 – 2021 (<i>Đơn vị tính: đồng</i>)	100
Bảng 7. 3. Số tiền đầu tư mua sắm thiết bị và học liệu.	108
Bảng 7. 4. Số học liệu sắm mới.....	108
Bảng 7. 5. Lượt bạn đọc	110
Bảng 7. 6. Tỷ lệ sinh viên đến thư viện.....	110
Bảng 8. 1. Thống kê đoàn khách quốc tế	121
Bảng 8. 2. Thống kê hội thảo 5 năm qua.....	123
Bảng 8. 3. Số lượt ký MOU/ MOA theo năm	126
Bảng 13. 1. Cấu trúc bài thi Sơ tuyển môn Tiếng Anh và tư duy logic	166
Bảng 16. 1. Số lượt phúc khảo qua các năm	193
Bảng 17. 1. Thống kê số lượng sinh viên đến thư viện qua 5 năm	209
Bảng 17. 2. Thống kê số lượng phục vụ giấy tờ cho sinh viên	210
Bảng 17. 3. Thống kê số lượng và số tiền cấp học bổng, khen thưởng	210
Bảng 17. 4. Số lượng sinh viên có việc làm hằng năm	211
Bảng 17. 5. Thống kê số lượng và tỷ lệ sinh viên cảnh báo học tập, thôi học, tốt nghiệp hằng năm.....	211
Bảng 18. 1. Bảng dự trù kinh phí các hoạt động KHCN hàng năm	215
Bảng 18. 2. Bảng Số lượng và kinh phí đề tài qua các năm.....	217
Bảng 18. 3. Số bằng sáng chế được cấp	217
Bảng 18. 4. Số lượng hợp đồng (HĐ) hoặc thỏa thuận hợp tác (MoU) nghiên cứu ký kết với các tổ chức, cá nhân	218
Bảng 18. 5. Bảng thống kê tỷ lệ nghiệm thu đề tài qua các năm	218
Bảng 18. 6. Bảng Số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2017-2021.....	219
Bảng 18. 7. Bảng Số lượng công bố quốc tế	220

Bảng 18. 8 Bảng thống kê giải thưởng trong các cuộc thi KHCN của giảng viên và SV	221
Bảng 20. 1. Số lượng các nhiệm vụ khoa học công nghệ Trường là cơ quan chủ trì kết hợp với các tổ chức, cá nhân thực hiện	234
Bảng 20. 2. Số lượng hội nghị, hội thảo khoa học được tổ chức	234
Bảng 21. 1. Thống kê các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	240
Bảng 21. 2. Bảng số lượng doanh nghiệp ký kết hợp tác cùng với nhà trường	241
Bảng 21. 3. Bảng Số doanh nghiệp tham gia ngày hội việc làm do trường tổ chức ..	241
Bảng 21. 4. Bảng khảo sát tỷ lệ việc làm của Sinh viên	241
Bảng 21. 5. Bảng thống kê các hội thảo	241
Bảng 22. 1. Tỷ lệ (%) Việc làm sinh viên tốt nghiệp được khảo sát trong 5 năm	248
Bảng 23. 1. Thống kê các công bố trong và ngoài nước 05 năm	253
Bảng 23. 2. Thống kê NCKH của sinh viên	256
Bảng 24. 1. Đối sánh kinh phí đóng góp vào Quỹ từ thiện nhân đạo	275
Bảng 24. 2. Kết quả tổ chức Chiến dịch Tình nguyện mùa đông và Xuân tình nguyện	275
Bảng 25. 1. Xếp hạng ngành của trường năm 2022	286

Phần I

HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

1.1. Lịch sử hình thành, phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, và các giá trị

1.1.1. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển

Trường Đại học Duy Tân tọa lạc tại dải đất miền Trung, là vùng đất hẹp, nghèo, luôn chịu nhiều thiên tai, hậu quả chiến tranh để lại nặng nề và dai dẳng. Người dân miền Trung vốn có truyền thống cần cù, hiếu học, luôn tự phấn đấu vươn lên để thoát khỏi đói nghèo. Do đó, nhu cầu học tập không ngừng tăng nhanh hằng năm, việc nâng cao dân trí trở thành một nhu cầu cấp bách với người dân cả nước nói chung và miền Trung nói riêng. Những suy nghĩ nói trên làm trăn trở một số người có tâm huyết, muốn thực sự đóng góp công sức vào sự nghiệp trồng người, thực hiện ý nguyện của các bậc tiền nhân, các bậc cha mẹ, nhằm gìn giữ, xây dựng và phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa tốt đẹp của nhân dân miền Trung: Hiếu học, chăm làm. Từ đó, ý tưởng thành lập một trường đại học tư thục tại miền Trung được nhen nhóm với những bước đi chập chững đầy tâm huyết và lắm thử thách cam go. Trải qua nhiều khó khăn, nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 11/11/1994 với tên gọi là Trường Đại học Dân lập Duy Tân, chính thức đi vào hoạt động. Bộ GD&ĐT là cơ quan quản lý trực tiếp về chuyên môn và UBND Thành phố Đà Nẵng là cơ quan quản lý hành chính theo lãnh thổ.

Năm 2015, thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ về việc chuyển đổi từ Dân lập sang Tư thục, nhà trường đã chuyển đổi sang loại hình Tư thục theo Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Duy Tân đã tổ chức hoạt động theo loại hình trường tư thục và áp dụng đúng Điều lệ trường đại học số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Qua 27 năm hoạt động, nhà trường từng bước trở thành 1 trong những đại học uy tín của cả nước; là một đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa bậc và đa hệ. Nhà trường đã xác định mô hình đào tạo: “Đào tạo gắn liền với nghiên cứu trên nền nhân văn – hiện đại ” và lấy thực hành gắn với doanh nghiệp làm trọng tâm trong suốt quá trình đào tạo và nghiên cứu.

Từ khi thành lập đến nay, nhà trường tổ chức đào tạo các hệ chính qui, từ

xa, liên thông, cao đẳng nghề và Trung cấp chuyên nghiệp. Năm 2012, nhà trường dừng tổ chức đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp và đến năm 2018 dừng đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính qui và hệ nghề. Hiện nay, nhà trường tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ đào tạo 07 chuyên ngành, thạc sĩ 13 chuyên ngành, đại học 44 ngành; Hệ liên thông chính qui 10 ngành; hệ văn bằng thứ hai 2 ngành; hệ Từ xa 07 ngành và liên kết đào tạo với nước ngoài dưới các hình thức du học tại chỗ (4+0), các chương trình liên kết (1+1+2), (2+2) và (3+1) với các đại học của Mỹ và Anh quốc.

Qua 27 năm hoạt động, nhà trường đã tuyển sinh được 123.298 nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên. Trong đó: tuyển sinh 10 khoá tiến sĩ với 68 nghiên cứu sinh, 24 khóa thạc sĩ hơn 2.717 học viên, 27 khóa đại học với 98.239 sinh viên, 11.227 sinh viên cao đẳng, 07 khóa cao đẳng nghề với 1.378 sinh viên và 12 khóa trung cấp chuyên nghiệp với 12.400 học sinh (dừng tuyển sinh hệ trung cấp chuyên nghiệp từ 2012 và trình độ cao đẳng năm 2018). Nhà trường đã cung cấp cho xã hội 69.542 tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, kiến trúc sư và cử nhân. Trong đó: 08 tiến sĩ, 1.697 thạc sĩ; 49.481 kỹ sư, kiến trúc sư, cử nhân đại học; 6.778 cử nhân cao đẳng, 547 cao đẳng nghề và 11.033 TCCN - nguồn nhân lực có chất lượng, đóng góp vào quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trên cơ sở Luật số 34/2018/QH14 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP, nhà trường hoàn thiện bộ máy tổ chức, quản lý hoạt động, gồm có: HĐT, Đảng ủy, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên; 05 trường đào tạo và 02 Viện đào tạo (41 đơn vị thuộc trường/viện đào tạo với 25 Khoa), 08 viện nghiên cứu (07 trung tâm nghiên cứu thuộc các viện nghiên cứu), 40 đơn vị là các trung tâm, phòng, ban chức năng. Ngoài ra, nhà trường có Tạp chí Khoa học & Công nghệ (ISSN:1859 – 4905) và Tạp chí Mạng công nghiệp và Hệ thống thông minh (EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems - ISSN: 2410-0218), tạp chí này đã được xếp vào danh mục SCOPUS.

1.1.2. Tuyên bố về Sứ mạng của Trường

Sứ mạng của nhà trường là “Đào tạo, Nghiên cứu gắn liền với Khoa học và Công nghệ nhằm tạo ra những sinh viên và học viên có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm Bản sắc Việt Nam, có ý thức sinh hoạt cộng đồng, có sức khỏe, có năng

lực, kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo và trở thành công dân khởi nghiệp mang tính toàn cầu”.

1.1.3. Tầm nhìn đến năm 2030

Tầm nhìn đến năm 2030 là phát triển nhà trường trở thành Đại học Duy Tân nằm trong Top 300 Đại học hàng đầu châu Á theo bảng xếp hạng của QS Asia Ranking và nằm trong Top 1000 Đại học hàng đầu thế giới theo bảng xếp hạng của Time Higher Education.

1.1.4. Các Giá trị cốt lõi

- Nhân văn - Hạnh phúc;
- Đổi mới - Sáng tạo;
- Trách nhiệm - Đồng thuận;
- Khát vọng - Khởi nghiệp.

1.1.5. Triết lý giáo dục

Nhân văn – dân tộc – dân chủ – đổi mới – sáng tạo!

Tôn chỉ “Tất cả vì quyền lợi học tập, nghiên cứu và việc làm của sinh viên đáp ứng nhu cầu xã hội, khu vực và quốc tế”

Các khẩu hiệu hành động

- Lấy giá trị nhân văn làm nền tảng;
- Lấy chất lượng đào tạo và việc làm của sinh viên làm mục tiêu hành động;
- Lấy đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ làm động lực.

1.1.6. Nhận dạng thương hiệu

a. Logo



Biểu tượng của Trường Đại học Duy Tân được thiết kế bởi họa sĩ danh tiếng Bửu Chỉ. Biểu tượng như một quyển sách đang mở ra trong tay người, thể hiện khát vọng không ngừng học hỏi của mọi cá nhân trong xã hội, bất kể thuộc thành phần nào của

xã hội. Biểu tượng Trường Đại học Duy Tân được hình thành chỉ qua một nét bút, như con đường tri thức liên tục, không ngừng. Nét bút uốn cong thể hiện bàn tay người còn là hình ảnh sóng gió, khẳng định con đường tri thức hoàn toàn không dễ dàng mà phải qua sóng gió, trả bằng mồ hôi, nước mắt, và có khi cả bằng máu.

b. Linh vật



Con Cò là linh vật của Trường Đại học Duy Tân. Đây là một hình ảnh đẹp, đậm nét ca dao Việt Nam. Con Cò tượng trưng cho con người chân quê, thật thà, chất phác, chịu thương, chịu khó, cần cù, hiếu học.

c. Slogan

“Bản lĩnh Việt Nam – Đổi mới, Sáng tạo, Vươn tới những tầm cao”.

d. Màu truyền thống

Màu nâu thẫm đỏ thể hiện sự hiện thực, tính nguyên tắc, là màu của sự ổn định, và đây cũng chính là đặc điểm cơ bản của Trường Đại học Duy Tân. Gần giống như màu gạch nung, thể hiện sự vững vàng của Trường Đại học Duy Tân. Màu nâu thẫm đỏ còn là màu của những ước mơ cháy bỏng.

e. Bài nhạc truyền thống

Bài hát truyền thống của Trường Đại học Duy Tân là "***Duy Tân Khúc Tâm Giao***" được nhạc sĩ Thuận Yến sáng tác năm 1999. Bài hát ca ngợi phong cảnh hữu tình và tình cảm thầy trò sâu đậm ở Trường Đại học Duy Tân.

1.2. Tóm tắt thành tích nổi bật của nhà trường theo các giai đoạn phát triển

Trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND thành phố Đà Nẵng, Bộ GD&ĐT cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu, toàn thể cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên Trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu đưa Trường phát triển trở thành trường đại

học Top đầu của Việt Nam. Trong 5 năm qua, nhà trường đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào:

1.2.1. Về công tác đào tạo

Từ năm 1995 đến năm 2016, qua 21 năm nhà trường tổ chức đào tạo 02 chuyên ngành tiến sĩ, 04 chuyên ngành thạc sĩ, 21 ngành đại học và 10 ngành cao đẳng hệ chính qui, hệ nghề và hệ trung cấp chuyên nghiệp với tổng qui mô người học là 79.225 nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên, học viên cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

Trong giai đoạn 2017-2022, trong 5 năm, nhà trường phát triển thêm 05 chuyên ngành tiến sĩ, 09 chuyên ngành thạc sĩ, 23 ngành đại học, dừng đào tạo trình độ cao đẳng; qui mô người học tăng thêm 30.020 nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên.

Hiện nay, nhà trường tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ đào tạo 07 chuyên ngành, thạc sĩ 13 chuyên ngành, đại học 44 ngành; Hệ liên thông chính qui 10 ngành; hệ văn bằng thứ hai 2 ngành; hệ Từ xa 07 ngành và liên kết đào tạo với nước ngoài dưới các hình thức du học tại chỗ (4+0), các chương trình liên kết (1+1+2), (2+2) và (3+1) với các đại học của Mỹ và Anh quốc.

Trong điều kiện hầu hết các trường rất khó khăn về tuyển sinh nhưng nhà trường không những luôn thực hiện đạt chỉ tiêu của Bộ GD&ĐT giao mà còn từng bước nâng chất lượng tuyển sinh đầu vào để đảm bảo chất lượng đào tạo và quy mô người học của trường trong 5 năm qua luôn tăng lên.

Tổng quy mô đào tạo của nhà trường đến ngày 31/12/2021 là 25.597 nghiên cứu sinh, học viên và sinh viên, trong đó có: 30 nghiên cứu sinh, 395 học viên thạc sĩ, 24.112 sinh viên đại học chính qui và 1060 học viên hệ từ xa.

Trong 5 năm qua, nhà trường đã có 19.824 tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, kiến trúc sư và cử nhân tốt nghiệp. Kết quả khảo sát việc làm cho thấy tỷ lệ việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp bình quân trong 5 năm đạt trên 90%. Có thể thấy rằng, chất lượng đào tạo ở Trường Đại học Duy Tân đã góp phần đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội, cũng như góp phần nâng cao trình độ dân trí và xã hội hóa giáo dục.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã tham gia Hiệp hội CDIO và PBL thế giới nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua việc áp dụng giảng dạy theo hình thức CDIO đối với các ngành khối kỹ thuật và công nghệ, hình thức Phương pháp học qua dự án (PBL) đối với các ngành khối kinh tế - xã hội; đa dạng các chương trình ngoại khóa và bổ sung nhiều học phần nhằm trang bị tư duy phản biện, phương pháp NCKH cho sinh viên.

Trường Đại học Duy Tân đã công bố CDR cho tất cả các ngành, trình độ đào tạo trước toàn xã hội.

1.2.2. Về công tác hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và tạo điều kiện cho cán bộ, sinh viên trau dồi kiến thức, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận với những phương pháp giảng dạy hiện đại. Trường đã đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế, ký kết hợp tác và chuyển giao 13 CTĐT tiên tiến thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực: công nghệ thông tin, QTKD, Tài chính-Ngân hàng, Du lịch, Xây dựng và Kiến trúc, Điện – Điện tử với các trường uy tín của thế giới, có thể kể đến như: Đại học Carnegie Mellon, Đại học Penn State, Đại học Purdue, Đại học Carlifornia State Fullerton, Đại học Cal Poly, Trường Lorain County Community College (Mỹ), Trường Singapore Polytechnic (Singapore), Đại học Koblenz - Laudau (CHLB Đức), Đại học Dong - A (Hàn Quốc), Tổ chức Hỗ trợ Đại học thế giới Canada, Hội đồng Kế toán Vương quốc Anh, Tập đoàn Seires (Nhật Bản), Đặc biệt, Trường Đại học Duy Tân là đồng sáng lập Tổ chức Tổ chức Passage to Asian (P2A); là đại diện vùng Châu Á của tổ chức CDIO thế giới và là thành viên chính thức của tổ chức PBL thế giới. Năm học 2017-2018, Trường đã đăng cai tổ chức thành công Hội nghị thường niên CDIO vùng Châu Á năm 2018. Hội nghị đã thu hút được 200 đại biểu của 55 trường đại học đến từ 12 quốc gia đến tham dự.

Nhằm đa dạng hoá các hình thức hợp tác quốc tế cũng như tạo cơ hội cho sinh viên được hưởng thụ nền giáo dục tiên tiến với chi phí thấp nhất, Trường đã được Bộ GD&ĐT đồng ý cho phép triển khai các chương trình liên kết đào tạo quốc tế như: Liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng với Đại học Fooyin – Đài Loan, liên kết đào tạo trình độ đại học dưới hình thức 1+1+2 với Trường Lorain, 2+2 với đại

học Medaille và đại học Appalachian State – Hoa kỳ, 4+0 (du học tại chỗ) với đại học Troy - Mỹ; đại học KueKa-Mỹ; 3+1 với đại học Coventry - Vương quốc Anh.

1.2.3. Về công tác khoa học và công nghệ

Công tác khoa học và công nghệ luôn được nhà trường đặc biệt quan tâm đầu tư, do đó công tác nghiên cứu khoa học của trường có sự phát triển vượt bậc, là điểm sáng của ngành, mà nổi bật nhất là các công bố quốc tế. Theo trang website khoa học thế giới (Web of Science của Clarivate, Mỹ, thống kê các công trình khoa học, công nghệ đã công bố trên 14.000 tạp chí khoa học chất lượng và uy tín hàng đầu thế giới, còn được gọi là các tạp chí ISI), vừa công bố năng lực của các cơ sở nghiên cứu và giáo dục, trong đó có Việt Nam thì Trường Đại học Duy Tân là cơ sở tư thục duy nhất đứng thứ 5 trong Top 10 trường có số công bố quốc tế nhiều nhất Việt Nam.

Trong 05 năm qua, đội ngũ giảng viên trường đã thực hiện 188 đề tài NCKH các cấp; trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước, 56 cấp Bộ và 131 cấp trường; xuất bản toàn quốc 17 giáo trình, sách chuyên khảo; công bố 6775 sản phẩm khoa học; trong đó tiêu biểu là 5.958 công trình quốc tế (5.633 bài báo ISI, 191 bài báo Scopus, 134 bài báo NON-ISI); 817 bài báo đăng tạp chí ngành có chỉ số ISSN; có 536 báo cáo khoa học được báo cáo trong hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; số lượng kết quả/sản phẩm nghiên cứu đăng ký sở hữu trí tuệ: 15 chứng nhận độc quyền sáng chế và 01 chứng nhận giải pháp hữu ích. Trong đó, có 03 chứng nhận đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và 13 chứng nhận được đăng ký bảo hộ nước ngoài; và Tổng thu từ chuyển giao công nghệ đạt 37,139 tỷ đồng.

Xác định công tác NCKH của sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng bên cạnh công tác đào tạo, nhà trường đã ban hành quy định công tác NCKH sinh viên và định kỳ tổ chức nhiều hoạt động liên quan từ việc tổ chức các sinh hoạt định hướng công tác NCKH, giảng dạy phương pháp NCKH, tổ chức hội nghị NCKH sinh viên v.v. cho đến việc đầu tư cho sinh viên NCKH và tham dự các giải thưởng trong và ngoài nước. Trong giai đoạn 2017-2021, sinh viên trường đã có 761 đề tài NCKH được triển khai thực hiện.

Ngoài các công bố khoa học mang tính hàn lâm, các công trình và đề tài mang tính ứng dụng của cán bộ, giảng viên, cán bộ, giảng viên và sinh viên đã đạt được 400

giải thưởng tiêu biểu, như:

Đối với giảng viên: Sản phẩm Ứng dụng công nghệ 3D thực tại ảo mô phỏng cơ thể người đã đạt giải nhất Giải thưởng Nhân Tài Đất Việt năm 2017 và giải thưởng Sao Khuê năm 2018, Giải Bạc ASEAN ICT Awards 2018; Giải Sao Khuê năm 2020; Quả cầu vàng; tạp chí Forbes Việt Nam đã công bố Danh sách Forbes Việt Nam “Under 30” năm 2022 có tên Huỳnh Lê Thái Bảo hiện là bác sĩ, giảng viên của trường.

Đối với sinh viên: Sinh viên trường đã đạt giải Vô địch CDIO Academy 2017 tại Canada, Vô địch CDIO Academy 2018 tại Nhật Bản, Giải Women in Business Award tại cuộc thi Go Green In The City 2018 thế giới (tại Atlanta -Mỹ), xếp hạng 6 Cuộc thi An ninh mạng quốc tế WhiteHat Contest 12 năm 2017; đạt 04 giải Nhất, 03 giải Nhì, 13 giải Ba và 31 giải Khuyến khích Quốc gia; 01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 02 giải Ba, 07 giải Khuyến khích cấp tỉnh, thành phố; giải Ba, giải Khuyến khích sinh viên NCKH cấp Bộ năm 2019-2020, giải Nhì cuộc thi “Sinh viên Sáng tạo và Quyền Sở hữu trí tuệ” năm 2021.

Với những thành tích nổi bật trong hoạt động khoa học và công nghệ, Bộ GD&ĐT, Trung Ương Đoàn thanh niên, Chủ tịch UBND thành phố tặng Bằng khen cho các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Nghiên cứu khoa học.

1.2.4. Về công tác đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên

Chất lượng đội ngũ giảng viên là yếu tố then chốt, có vai trò quyết định nâng cao chất lượng giáo dục trong các trường học. Bởi vậy, phát triển đội ngũ giảng viên có chất lượng cao là một chiến lược được quan tâm hàng đầu hiện nay tại trường. Trong xu thế hội nhập, một giảng viên đại học giỏi đồng thời phải là một nhà giáo, một nhà khoa học. Giảng viên phải có kiến thức chuyên môn sâu về ngành giảng dạy, về CTĐT, về xu hướng đào tạo; kỹ năng về dạy và học... Tất cả giảng viên đều thực hiện NCKH, tìm cách ứng dụng các kết quả NCKH vào thực tiễn và công bố các kết quả nghiên cứu. Theo đó, nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện cho giảng viên được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp. Đồng thời, xây dựng chính sách động viên, khuyến khích giảng viên thực hiện công tác NCKH, làm đề tài khoa học, viết báo khoa học, đăng tải các ấn phẩm khoa học. Các sản phẩm khoa học công nghệ của sinh viên, giảng viên được áp dụng vào công tác giảng dạy, nghiên cứu, sản

xuất; thể hiện năng lực nghề nghiệp chuyên sâu của đội ngũ giảng viên; khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất của thầy và trò nhà Trường.

Hiện nay, toàn Trường Đại học Duy Tân có 1222 cán bộ, giảng viên, nhân viên; trong đó có 883 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 72,3%. Về trình độ chuyên môn của giảng viên: Nhà trường có 8 giáo sư, 55 phó giáo sư, 196 tiến sĩ, 462 thạc sĩ và 162 trình độ đại học; trong 884 giảng viên của trường, giảng viên có trình độ tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư chiếm tỷ lệ 29,33%; Tỷ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên chiếm 81,65%.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu chiếm 85-90% khối lượng giảng dạy của toàn trường; giảng viên thỉnh giảng được mời tại các trường đại học có uy tín trong nước chiếm 10 đến 15% trên tổng khối lượng giảng dạy. Ngoài ra, nhà trường còn mời các giám đốc doanh nghiệp có uy tín, kinh nghiệm và giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy chuyên đề. Đội ngũ giảng viên của trường tuổi đời còn trẻ, bình quân 38,7 tuổi hầu hết không ngừng học tập để trưởng thành. Điều này làm cơ sở để nhà trường từng bước đào tạo một đội ngũ nhà giáo giỏi, có uy tín trong tương lai gần. Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên là những tổ chức lãnh đạo và nòng cốt, đầu tàu trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Công tác xây dựng đội ngũ luôn được HĐQT, BGH nhà trường đặc biệt quan tâm. Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy và nhân viên phục vụ qua mỗi năm đều tăng số lượng và tích lũy thêm kinh nghiệm. Trường đã cử hơn 700 lượt cán bộ, giảng viên tham dự Hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn ngắn ngày, học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Tổng chi cho phát triển đội ngũ trong giai đoạn 2016-2021 là 36,5 tỷ đồng tăng gấp hơn 07 lần so với giai đoạn 2010-2015.

Trường phấn đấu đến năm 2025, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên phải đạt trên 100% giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; trong đó có 40% tiến sĩ.

HĐT, BGH tiếp tục đầu tư nhằm từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng được tiêu chuẩn về người thầy do Bộ GD&ĐT quy định, đáp ứng được nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và thực hiện được nhiệm vụ xây dựng Trường Đại học Duy Tân trở thành một đại học đào tạo gắn liền với nghiên cứu trên nền Nhân văn – Hiện đại.

1.2.5. Về công tác cơ sở vật chất

Trường đã trang bị hệ thống CSVC với đầy đủ trang thiết bị khang trang, hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu, làm việc cho học viên, sinh viên, giảng viên, chuyên gia nghiên cứu cũng như cán bộ, chuyên viên, nhân viên trong Trường. Trường có 6 cơ sở đào tạo, cụ thể: Cơ sở số 03 và K7/25 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Cơ sở 137 Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Cơ sở 120 đường Hoàng Minh Thảo, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Cơ sở 59 đường Hà Bổng, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; và Cơ sở số 02 đường Phan Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, nhà trường đã được thành phố Đà Nẵng đồng ý giao 286.976 m² đất tại đường Hoàng Văn Thái, xã Hòa Nhơn Huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để đầu tư xây dựng. Nhà trường đang triển khai hoàn thành các thủ tục pháp lý để tiếp nhận và đầu tư xây dựng tại cơ sở này.

Bảng 1. 1 Tổng hợp diện tích đất và diện tích xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	LK	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	349.145,30	61.697,10	0	287.748,20
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	349.145,30	61.697,10	0	287.748,20
	<i>Đất của Trường</i>	62.219,30	61.497,10		722,2
	<i>Đất thành phố cho thuê</i>	286.976,00			286.976,00
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH	73.116,16	70805,76		2310,4
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	73.116,16	70805,76		2310,40

Xét về diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của cơ sở

đào tạo/01 sinh viên là $3\text{m}^2/\text{sv}$. Năm 2022, nhà trường sẽ đưa vào sử dụng thêm 01 khu nhà 20 tầng tại số 03 Quang Trung đảm bảo nhu cầu đào tạo tốt nhất cho người học.

Hệ thống Phòng Thí nghiệm - Thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị trong đó có nhiều thiết bị, máy móc hiện đại, như: Phòng Thí nghiệm Quang phổ, Phòng thực hành kế toán ảo, Phòng Thí nghiệm Lý hóa, Hóa – sinh, Vi sinh, Y sinh, Môi trường, Giải phẫu, Điều dưỡng, Dược lý, Bào chế dược liệu, Sinh lý bệnh, Hệ thống nhúng, Robot – Micromouse, Điện – Điện tử, Viễn thông, Cơ học đất, Thủy lực, Vật liệu xây dựng, Sức bền vật liệu, Trắc địa, Vẽ kỹ thuật, Audio và Video, Lễ tân, Bếp, Buồng, Phòng,... 02 phòng ghi âm và thu hình; vườn thuốc đạt chuẩn ngành Dược; 100% phòng học được trang bị máy chiếu đa phương tiện, máy điều hòa.

Hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng internet và mạng wifi miễn phí phủ khắp toàn trường. Nhà trường đã đầu tư hoàn thiện hệ thống Data Center phục vụ công tác đào tạo theo học chế tín chỉ, đào tạo từ xa dưới dạng E-Learning; học và thi trực tuyến (online). Trang bị 394 projector (máy chiếu), 2.093 máy vi tính, 244 laptop được kết nối mạng. Các trang thiết bị khác như máy in, máy scanner, máy đọc barcode, máy chấm thi trắc nghiệm khách quan, cổng từ được trang bị đầy đủ. Bên cạnh hệ thống trang thiết bị, Trường còn thành lập các đơn vị chuyên sâu, chuyên trách nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược như: Trung tâm Công nghệ phần mềm (CSE), Trung tâm Công nghệ thông tin (CIT), Trung tâm Điện – Điện tử (CEE).

Hệ thống 03 thư viện, được trang bị hiện đại gồm 194.012 đầu sách, tạp chí, ebook..., 85 máy tính, hơn 50 máy đọc sách điện tử với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, tạp chí chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác học tập nghiên cứu tại thư viện. Thư viện đã sử dụng phần mềm trong công tác quản lý, hỗ trợ tra cứu tài liệu (<http://elib.dtu.edu.vn>). Bên cạnh thư viện truyền thống, nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử với 160.000 tài liệu điện tử (<http://thuvienso.edu.vn>) và kết nối với các CSDL toàn văn trong nước và quốc tế như: <http://tailieu.vn>; Science@Direct; Springerlink ; Proquest Central ; IEEE... Thư viện thường xuyên tổ chức các hoạt động để thu hút sinh viên như triển lãm sách, tọa đàm kỹ năng đọc sách hiệu quả, cuộc thi tranh luận. Thư viện thực hiện chính sách mở cửa 04 ca phục vụ người đọc, kể cả thứ bảy và chủ nhật. Thư viện đã tiến hành khảo sát và nhận được đánh giá cao của bạn đọc về mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với

bạn đọc. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% sinh viên, giảng viên hài lòng về mức độ đáp ứng tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của thư viện.

Trường đã tiến hành xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm phục vụ đào tạo như: Hệ thống email, Phần mềm Quản lý nhân sự, Phần mềm Công văn nội bộ, Phần mềm Quản lý Thư viện, Elearning Platform, Phần mềm Thi trắc nghiệm, Phần mềm Quản lý Đào tạo, Portal cho sinh viên và Cán bộ/Giảng viên trường và mua bản quyền phần mềm Zoom phục vụ giảng dạy trực tuyến.

1.2.6. Về công tác tài chính

Trường Đại học Duy Tân hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán. Nguồn thu của nhà trường chủ yếu là học phí và các khoản lệ phí liên quan đến nhiệm vụ đào tạo. Trong 05 năm qua, nhà trường đã làm nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước trên 120 tỷ đồng, gấp 2 lần so với giai đoạn 2010-2025. Thu nhập bình quân một người/năm khoảng 8.000 USD cao hơn thu nhập bình quân đầu người của thành phố Đà Nẵng trong năm 2021 là 3.753 USD.

Trường thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về công tác tài chính, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, địa phương, hoàn thành nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN. Ngoài ra nhà trường còn thực hiện công tác từ thiện, nhân đạo; thực hiện chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên nghèo học giỏi, con mồ côi, vùng khó khăn – những đối tượng không thuộc đối tượng theo quy định của Nhà nước.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc về trách nhiệm và nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Công tác kiểm toán, kiểm toán theo niên độ và quyết toán tài chính được nhà trường thực hiện đúng theo các quy định hiện hành. Nhà trường đã thực hiện việc kiểm toán hoạt động tài chính và được cơ quan kiểm toán có ý kiến nhận xét “*Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động của Trường cho từng niên độ, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan*”. Kết quả kiểm toán và quyết toán cho thấy nhà trường không có sai phạm nào trong công tác quản lý tài chính.

1.2.7. Về công tác Đảng, Đoàn thể

Từ một chi bộ đầu tiên chỉ có 03 Đảng viên, đến năm 2015, có Đảng bộ với 144 đảng viên thì đến nay Đảng bộ trường đã phát triển được 236 đảng viên, trong đó có 57 đảng viên là sinh viên. Đảng bộ trường có 02 đảng bộ bộ phận và 17 chi bộ trực thuộc. Đảng bộ trường nhiều năm liền được Đảng bộ cấp trên công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Đảng ủy đã xây dựng nhiệm vụ, Nghị quyết về thực hiện nhiệm vụ công tác; chương trình làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ; chương trình công tác kiểm tra giám sát; Nghị quyết chuyên đề về công tác phát triển đảng viên mới hàng năm; phân công nhiệm vụ cụ thể, phụ trách các Chi bộ của các ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ khóa VII nhiệm kỳ 2015- 2020, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Đoàn và phong trào sinh viên và đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Công đoàn trường ngày càng lớn mạnh, đến nay có 820 đoàn viên công đoàn, sinh hoạt trong 54 tổ chức công đoàn bộ phận. Công đoàn trường tiếp tục triển khai đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; xây dựng “Văn hóa Đại học Duy Tân”. Triển khai thực hiện tốt xây dựng Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động Trường Đại học Duy Tân góp phần thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động. Tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội - từ thiện - nhân đạo theo tinh thần Chỉ thị 24 ngày 10/8/2009 của Thành ủy Đà Nẵng. Với những kết quả đạt được, Công đoàn Trường được Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng công nhận Công đoàn cơ sở vững mạnh và vững mạnh xuất sắc và tặng bằng khen vì đã có thành tích tiêu biểu hàng năm; Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong xây dựng tổ chức công đoàn.

Đoàn Thanh niên với qui mô 21.937 đoàn viên, 834 chi đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động thu hút đông đảo đoàn viên và sinh viên tham gia như: Tổ chức thực hiện hiến máu nhân đạo với hơn 5.000 đơn vị máu/5 năm, thực hiện “Chiến dịch Mùa hè Xanh” hàng năm “Ngày Chủ nhật Xanh” nhằm tuyên truyền về bảo vệ môi trường. Song song với tổ chức các hoạt động phong trào, Đoàn Trường còn chú trọng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Với những kết quả trên Đoàn

TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Duy Tân được Thành đoàn Đà Nẵng tặng Cờ thi đua cho đơn vị xuất sắc và Trung ương đoàn tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

1.2.8. Về công tác quản lý

Công tác quản lý của nhà trường được chú trọng và thường xuyên cải tiến, bám sát việc thực hiện các nhiệm vụ cơ bản:

1) Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường trong từng giai đoạn 5 năm, thường xuyên tổ chức rà soát và bổ sung các chỉ số trong chiến lược phát triển Trường.

2) Nhà trường đã xác định mô hình đào tạo là *“Đào tạo gắn liền với nghiên cứu, trên nền nhân văn hiện đại”*. Nhà trường lấy thực hành gắn với doanh nghiệp làm trọng tâm trong suốt quá trình đào tạo và nghiên cứu.

3) Thực hiện đổi mới công tác quản lý trong tất cả mọi hoạt động như quản lý CTĐT, kế hoạch, khối lượng giảng dạy; tổ chức hoạt động khoa học, NCKH và quan hệ đối ngoại; quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học; quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và NCKH; đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập; chuẩn hóa và không ngừng nâng cao trình độ Anh văn và Tin học bằng cách định kỳ tổ chức khảo sát trình độ Anh văn, Tin học cho tất cả cán bộ, giảng viên.

4) Đổi mới công tác Thi đua: Kết quả thi đua của tập thể, cá nhân trong năm là cơ sở để Hội đồng lương của nhà trường căn cứ xây dựng chính sách lương, thưởng và phúc lợi. Nhà trường đã ban hành quy định và lượng hóa công tác đánh giá thi đua trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của giảng viên, ý kiến sinh viên, ý kiến đồng nghiệp, kết quả thực hiện công việc. Định kỳ, từng cá nhân đánh giá, trường đơn vị đánh giá lại và Hội đồng Nhà trường thực hiện đánh giá cuối cùng. Công tác thi đua đã mang lại sự đồng thuận cao trong toàn trường, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện công việc và mang lại sự công bằng trong thu nhập đối với mọi thành viên trong Trường.

5) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý: Nhà trường đã phát triển hệ thống phần mềm phục vụ đào tạo, Hệ thống email, Phần mềm Quản lý nhân sự, Phần mềm Công văn nội bộ, Phần mềm Quản lý Thư viện, E-Learning Platform, Phần mềm Thi trắc nghiệm, Phần mềm Quản lý Đào tạo, Portal Myduytan cho sinh viên và cán bộ/giảng viên và nhiều phần mềm ứng dụng khác.

6) Phát triển Văn hóa Duy Tân: Mục tiêu xuyên suốt của nhà trường được xác định là “Tất cả vì quyền lợi học tập và việc làm của sinh viên gắn liền với đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ giảng viên, cán bộ và nhân viên”. Xây dựng Văn hóa Duy Tân thành bản sắc trong mọi hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng của toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên Trường, làm cốt lõi của Văn hóa Tổ chức, trong đó mọi thành viên tự nguyện chia sẻ, sẵn sàng làm việc hết mình vì tổ chức.

Trường đã ban hành nhiều quy định nhằm chuẩn hóa các hoạt động trong tiếp xúc với người học như quy định về giờ giấc lao động, trang phục. Các cá nhân và tập thể trong nhà trường luôn thể hiện sự đồng thuận trong công việc, chia sẻ khó khăn và thuận lợi, phối hợp với các đơn vị bạn trong tổ chức thực hiện kế hoạch, quan hệ hữu hiệu với các trường bạn và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

1.2.9. Về Đảm bảo và kiểm định chất lượng

Trường chú trọng thực hiện công tác ĐBCL bên trong, KĐCL cấp chương trình và cấp cơ sở giáo dục.

Trường thường xuyên phổ biến các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, các nội quy, quy định, xây dựng các quy trình công việc, tổ chức đánh giá hàng tháng về công tác ISO và ĐBCL tất cả các đơn vị trong trường. Bên cạnh đó, các đợt kiểm tra nội bộ theo các chuyên đề ISO, ĐBCL, các điều kiện ĐBCL,... Tổ chức lấy ý kiến sinh viên về giảng viên để đánh giá chất lượng giảng dạy, các hoạt động phục vụ giảng dạy của nhà trường để từng bước khắc phục, cải tiến.

Những hoạt động này giúp cho cán bộ, giảng viên nắm được các các nội quy, quy định, văn hóa của nhà trường và hiểu thêm về các tiêu chí kiểm định để áp dụng vào công việc. Qua các đợt kiểm tra nội bộ từng bước giúp cán bộ, giảng viên thấy được vai trò, trách nhiệm của mình và cần phải làm gì để nâng cao các điều kiện ĐBCL, nâng cao chất lượng của từng cá nhân, đơn vị góp phần vào chất lượng chung của nhà trường.

Đến nay, nhà trường đã 02 lần thực hiện kiểm định cấp trường, cụ thể:

- Chu kỳ I: 2009-2015 theo kết quả đánh giá ngoài thì nhà trường đạt chuẩn cấp độ I nhưng Bộ GD&ĐT không công bố kết quả.

- Chu kỳ II: 2016-2021, nhà trường đạt chuẩn kiểm định với tỉ lệ đạt 85.25% và được công nhận theo văn bản Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD và Giấy chứng nhận theo Quyết định số 11/QĐ-KĐCLGD ngày 20/02/2017.

Đối với cấp CTĐT: Nhà trường đã có 04 ngành/CTĐT được ABET đánh giá và công nhận đạt gồm: Kỹ thuật mạng, Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử; Công nghệ/Kỹ thuật phần mềm. Ngoài ra, 02 chương trình ngành Quản trị Du lịch và Quản trị Nhà hàng đang chuẩn bị đón đoàn đánh giá ngoài vào tháng 3/2022.

1.2.10. Các thành tích nổi bật của nhà trường

Trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo trực tiếp Bộ GD&ĐT cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng, Trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu đưa Trường phát triển trở thành trường đại học Top đầu của Việt Nam. Sau 27 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào:

1. Năm 2019, nhà trường được Nhà nước tặng thưởng phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhất cho tập thể Nhà trường. NGUYỄN. Lê Công Cơ, Chủ tịch HĐQT được Nhà nước trao tặng Danh hiệu Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới và Huân chương Lao động hạng Ba cho TS. Lê Nguyên Bảo, Hiệu trưởng nhà trường.

2. Nhà trường được các tổ chức xếp hạng uy tín trên Thế giới thừa nhận như:

- Theo xếp hạng của Times Higher Education (THE) nhà trường thuộc Top 500 đại học tốt nhất thế giới năm 2022; Top 107 Thế giới trong xếp hạng các trường đại học ở các nền kinh tế mới nổi năm 2022; và Top 98 trong bảng Xếp hạng đại học trẻ tốt nhất thế giới năm 2022;

- Theo xếp hạng QS Asian University Ranking, nhà trường Top 210 đại học tốt nhất châu Á năm 2022. Trước đó năm 2021 nhà trường nằm trong Top 400; năm 2020, nhà trường nằm trong Top 500;

- Theo U.S. News & World Report Top 577 đại học tốt nhất toàn cầu năm 2022;

- Theo xếp hạng của ShangHai Ranking, nhà trường thuộc Top 700 đại học tốt nhất thế giới năm 2021

- Theo các tổ chức xếp hạng khác trên thế giới, nhà trường được xếp thứ 3 đại học của Việt Nam (thứ 1482 thế giới) trên bảng xếp hạng các Đại học trên Thế giới - CWUR. Xếp thứ 2/12 đại học của Việt Nam (thứ 770 thế giới) trên bảng xếp hạng theo Học thuật – URAP; Xếp thứ 2 của Việt Nam trên bảng xếp hạng Nature Index 2020; Xếp thứ 3 Việt Nam, 1255 Thế giới trên Bảng xếp hạng Website các Trường Đại học trên thế giới do Webometrics đánh giá và công bố vào cuối tháng 01/2022; xếp thứ 8, Trường Đại học Tư thục Tốt nhất Đông Nam Á năm 2022 theo AppliedHE.

- Đối với xếp hạng các ngành đào tạo: Ngành Khoa học Máy tính & Kỹ thuật có thứ hạng trong nhóm 301-400 Thế giới, Top 1 tại Việt Nam và Ngành Kỹ thuật Điện Điện tử có thứ hạng trong nhóm 401-500 Thế giới, đứng thứ 2 tại Việt Nam theo bảng xếp hạng Shanghai Ranking 2021. Lĩnh vực Khoa học Máy tính & Kỹ thuật Công nghệ xếp hạng Top 251-300 Thế giới theo Bảng xếp hạng Times Higher Education (THE) năm 2022. Lĩnh vực Y, Dược, Lâm Sàng xếp hạng Top 176-200 Thế giới theo Bảng xếp hạng Times Higher Education (THE) năm 2022.

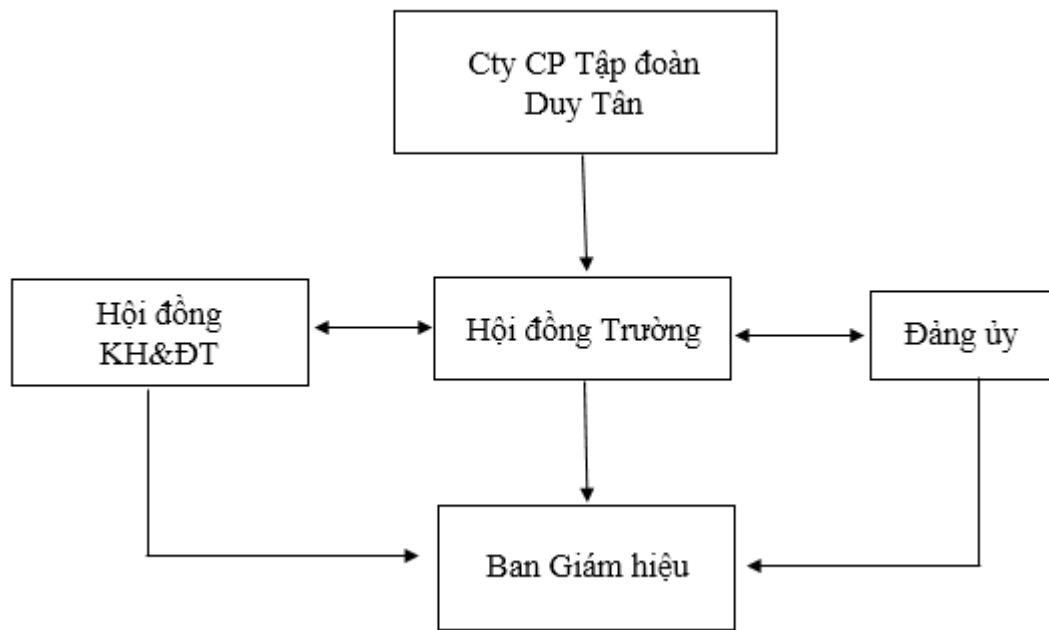
3. Là Đại học thứ 2 của Việt Nam đạt kiểm định ABET của Mỹ, có nhiều kiểm định ABET nhất Việt Nam. Hiện nay tổ chức kiểm định hàng đầu của Mỹ, công nhận đạt KĐCL theo chuẩn quốc tế đối với 4 chương trình: Kỹ thuật mạng, Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử; Công nghệ/Kỹ thuật phần mềm.

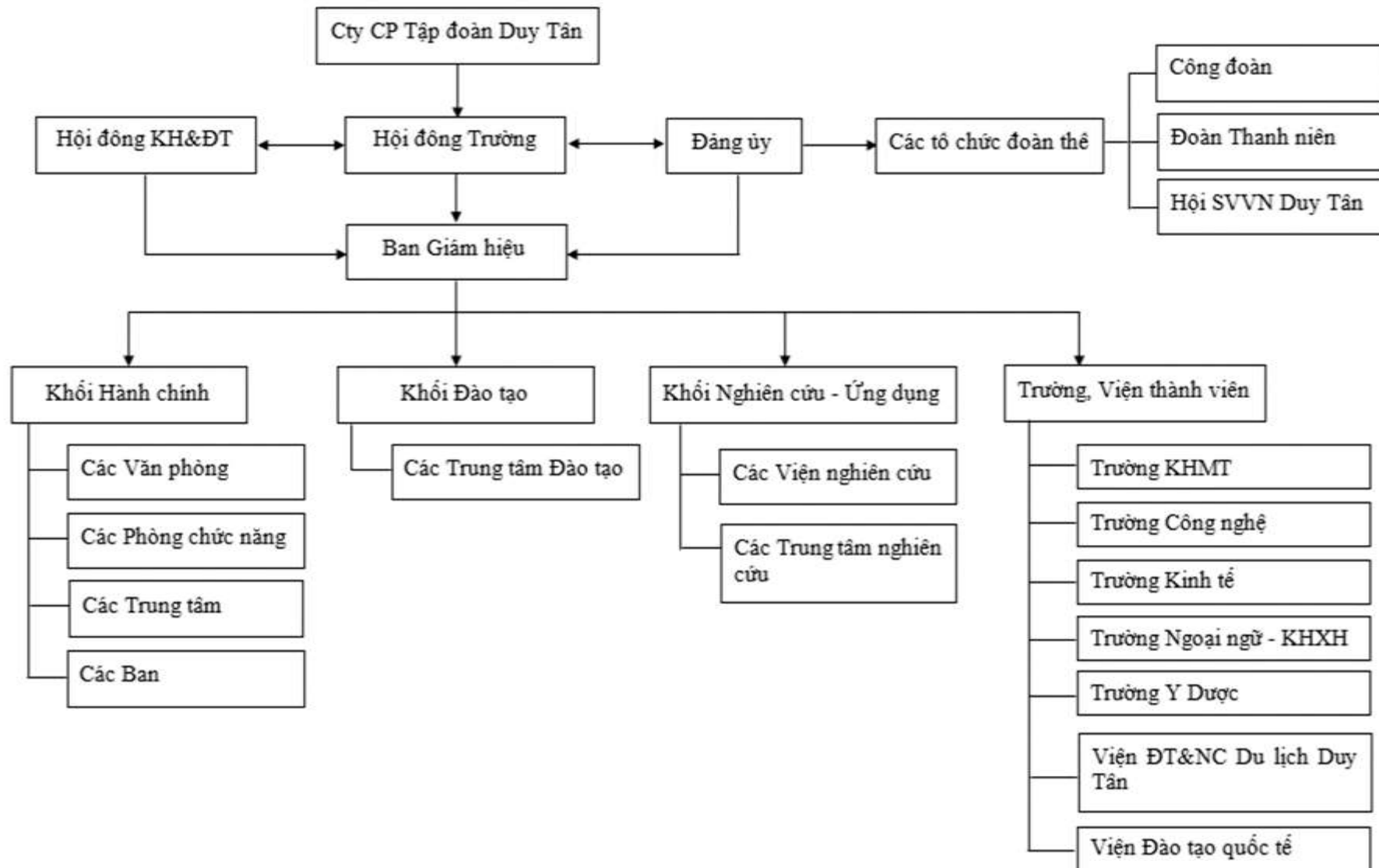
4. Kết quả khảo sát việc làm cho thấy tỷ lệ việc làm của sinh viên sau một năm tốt nghiệp bình quân 05 năm qua đạt trên 90% hàng năm. Có thể thấy rằng, chất lượng đào tạo của nhà Trường đã góp phần nâng cao trình độ dân trí và xã hội hóa giáo dục.

1.3. Cơ cấu tổ chức của Trường

1.3.1. Về Cơ cấu tổ chức của Trường

Thực hiện Luật Giáo dục sửa đổi số 34/2018/QH14, nhà trường thực hiện cơ cấu lại tổ chức và nâng cấp lên mô hình tập đoàn với Trường Đại học Duy Tân làm nòng cốt cùng với các đơn vị dịch vụ, phục vụ liên quan,... đại diện pháp nhân là Hội đồng Trường, cấu trúc các khoa có chuyên môn gần để nâng cấp lên các trường thành viên, với sơ đồ tổng thể và sơ đồ chi tiết như sau:





i) Khối Trường, Viện

Trường Khoa học máy tính: Khoa Công nghệ thông tin; Khoa Khoa học máy tính; Khoa Kỹ thuật mạng máy tính & Truyền thông và các đơn vị: Trung tâm Mô hình hóa & Mô phỏng (CVS); Trung tâm Nghiên cứu & Chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin, Phòng Tổng hợp.

Trường Công nghệ: Khoa Điện – Điện tử; Khoa Xây dựng; Khoa Kiến trúc & Mỹ thuật ứng dụng; Khoa Môi trường & KHTN; Khoa Cơ khí và các đơn vị: Trung tâm Điện – Điện tử (CEE); Trung tâm Cơ khí (CME), Phòng Tổng hợp.

Trường Kinh tế: Khoa Kế toán; Khoa QTKD; Khoa Luật, Khoa Kinh tế - Tài chính, Phòng Tổng hợp.

Trường Ngoại ngữ - Xã hội nhân văn: Khoa Tiếng Anh; Khoa Tiếng Trung; Khoa Tiếng Hàn; Khoa Tiếng Nhật, Khoa KHXH&NV, Phòng Tổng hợp, Ban Anh ngữ hóa.

Trường Y Dược: Khoa Y; Khoa Dược; Khoa Điều dưỡng, Trung tâm Thực hành mô phỏng y khoa (MSC); Trung tâm Sinh học phân tử; Trung tâm Thí nghiệm Côn trùng & Ký sinh trùng, Phòng Tổng hợp, Ban Dự án Phòng khám Đa khoa.

Viện Đào tạo & Nghiên cứu Du lịch Duy Tân: Khoa Khách sạn Nhà hàng Quốc tế, Khoa Du lịch lữ hành Quốc tế, Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ du lịch quốc tế, Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ & Kỹ năng mềm.

Viện Đào tạo quốc tế: Khoa Quản lý – Kinh tế Việt – Mỹ (PSU), Khoa Công nghệ phần mềm Việt – Mỹ (CMU), Khoa Kiến trúc & Xây dựng Việt – Mỹ (CSU), Trung tâm phụ trách Chương trình ADP, Trung tâm Sáng tạo MicroSoft, Trung tâm Tư vấn & Hỗ trợ Sinh viên.

ii) Các đơn vị còn lại

- *Khối Đào tạo*: Phòng Đào tạo, Ban Sau đại học, Trung tâm GDTC&QP, Trung tâm Đào tạo Trực tuyến & Bằng hai, Tổ Chương trình tài năng, Trung tâm Tin học Duy Tân, Trung tâm Ngoại ngữ Duy Tân, Trung tâm Thực hành, Trung tâm Thí nghiệm, Trung tâm Huấn luyện & Khảo thí (LTC).

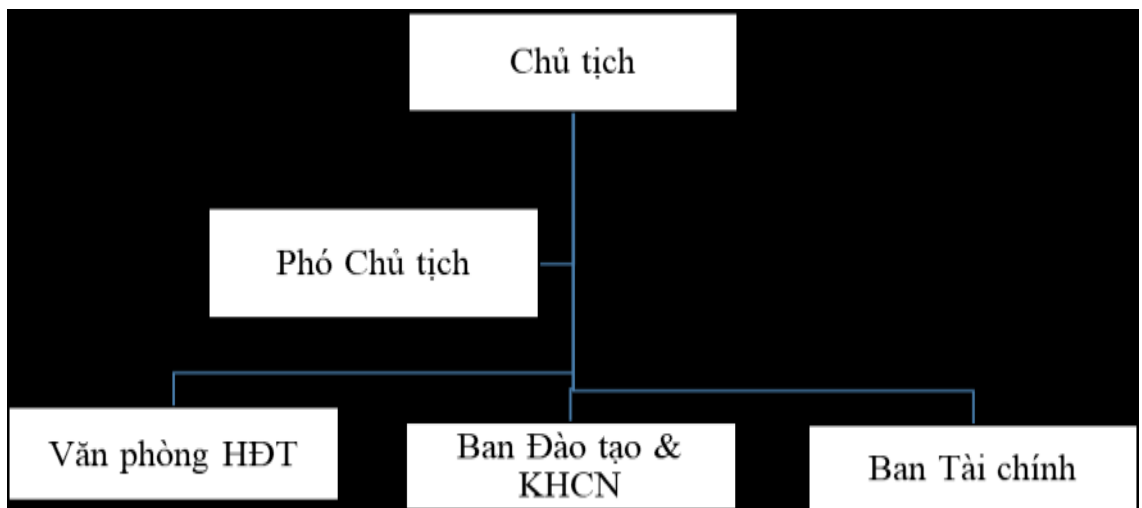
- *Khối Nghiên cứu ứng dụng*: Trung tâm CIT, Trung tâm CSE, Trung tâm Học

liệu, Trung tâm Đồ họa & Mỹ thuật, Viện Nghiên cứu & Phát triển CNC, Viện Kỹ thuật & Công nghệ Việt – Nhật, Viện Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội, Viện NCKH cơ bản & Ứng dụng, Viện NC về Tính toán kỹ thuật Duy Tân (DTRICE), Viện Sáng kiến Sức khỏe toàn cầu, Viện Nghiên cứu Lý thuyết & Ứng dụng, Viện Trí tuệ nhân tạo & Dữ liệu lớn, Silver Swallows Studio.

- *Khối Hành chính – Phục vụ*: Văn phòng Trường, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Tổ chức, Phòng Đào tạo, Phòng KHCN, Trung tâm Khởi nghiệp, VP Tạp chí KH&CN, Trung tâm In ấn, Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Thanh tra, Phòng Quan hệ quốc tế, Phòng Trao đổi sinh viên toàn cầu, Thư viện, Trung tâm Tuyển sinh, Trung tâm Truyền thông, Phòng Hợp tác doanh nghiệp, Trung tâm Khảo thí, Trung tâm ĐBCL, Ban Thi đua, Ban Dự án, VP đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, VP Hội đồng Trường.

- *Khối Đảng – Đoàn thể*: Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Công đoàn Trường, Văn phòng Đoàn thanh niên.

1.3.2. Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường



2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD

Trường Đại học Duy Tân đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 11/11/1994 và chính thức đi vào hoạt động. Bộ GD&ĐT là cơ quan quản lý trực tiếp về chuyên môn và UBND thành phố Đà

Năng là cơ quan quản lý hành chính theo lãnh thổ.

Năm 2015, thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ về việc chuyển đổi từ Dân lập sang Tư thực, Trường đã chuyển đổi sang loại hình Tư thực theo Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Duy Tân đã tổ chức hoạt động theo loại hình trường tư thực và áp dụng đúng Điều lệ trường đại học số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường Đại học Duy Tân luôn xác định chất lượng là tiêu chí quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của nhà trường. Năm 2001, nhà trường đã thành lập Trung tâm Quản lý chất lượng và xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Nhà trường tham gia nhiều tổ chức trên thế giới nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy như CDIO, PBL.

Năm 2009, nhà trường là 1 trong số 40 trường đại học đầu tiên của nước ta tham gia kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục và thực hiện đánh giá ngoài. Kết quả nhà trường đạt chuẩn cấp độ I nhưng Bộ GD&ĐT không công bố kết quả.

Năm 2016, nhà trường tiến hành đánh giá ngoài lần thứ 2 với kết quả đạt chuẩn kiểm định với tỉ lệ đạt 85.25% và được công nhận theo văn bản Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD và Giấy chứng nhận theo Quyết định số 11/QĐ-KĐCLGD ngày 20/02/2017.

Đồng thời, nhà trường tiến hành thực hiện kiểm định cấp chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, cụ thể: Nhà trường đã có 04 ngành/chương trình đào tạo được ABET đánh giá và công nhận đạt gồm: Kỹ thuật mạng, Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử; Công nghệ/Kỹ thuật phần mềm. Ngoài ra, 02 chương trình ngành Quản trị Du lịch và Quản trị Nhà hàng đang chuẩn bị đón đoàn đánh giá ngoài vào tháng 4/2022.

2.2. Mô tả những thách thức chính mà Trường Đại học Duy Tân gặp phải và kế hoạch của nhà trường để khắc phục những thách thức đó

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động đến mọi khía cạnh của đời sống ở tất cả quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Với những thành tựu vô cùng to lớn, cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang mang lại cho giáo dục nhiều cơ hội phát triển. Tuy nhiên, cuộc cách mạng này cũng đang đặt ra những thách thức không nhỏ cho giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. Trong đó, đòi hỏi về chất lượng nguồn nhân lực, về sự thích ứng của mỗi ngành nghề, về sự sáng tạo và chia sẻ tri thức mới, về ứng dụng tri thức và công nghệ hiện đại là những ví dụ điển hình.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã trở thành xu thế tất yếu. Đối với giáo dục đại học, toàn cầu hóa đã thúc đẩy cho sự ra đời của mô hình đại học đa quốc gia. Đồng thời, dần hình thành các mạng lưới liên kết các đại học trên toàn thế giới.

Những năm gần đây, xu thế chuyển dịch từ đào tạo tinh hoa dành cho số ít sang đào tạo đại chúng dành cho số đông đang dần trở nên phổ biến. Một trong những ảnh hưởng lớn nhất của xu thế này đến các trường đại học, đặc biệt là các trường đại học ở các nước phát triển như: Anh, Mỹ, Đức... là thúc đẩy quá trình thương mại hóa giáo dục. Quá trình này đã tạo ra nhiều loại hình giáo dục đại học khác nhau phục vụ đa dạng các đối tượng. Đại chúng hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 cũng làm xuất hiện các mô hình đào tạo phi truyền thống như đại học E – Learning hay đại học online.

Các mối đe dọa như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng có những tác động sâu sắc đến tất cả các quốc gia trên thế giới và nước ta. Hậu quả của đại dịch Covid-19 đối với toàn cầu là một ví dụ điển hình. Tuy nhiên Covid-19 cũng là một cơ hội để giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học nhận thức lại về vai trò của chuyển đổi số, tái cấu trúc các chương trình giảng dạy, chuẩn bị nguồn lực cho các ngành nghề đào tạo mới, chuẩn bị năng lực, kỹ năng cho người học để ứng phó với những biến động và tham gia vào thị trường nhân lực toàn cầu.

Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII xác định, trong những năm tới, tình hình thế giới và trong nước đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đại hội XIII xác định: cần phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sự xuất hiện của các công nghệ mới đã và đang thay đổi nền tảng sản xuất,

dịch vụ, đặc biệt sự thay đổi này đặt ra những yêu cầu mới về năng lực nhân sự. Theo đó, các hoạt động đào tạo và NCKH từ các trường đại học sẽ phải đổi mới với các yêu cầu cải cách và cạnh tranh mới. Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2020 của Bộ Chính trị về đổi mới chủ trương, chính sách để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã khẳng định việc chủ động, tích cực tham gia vào cuộc cách mạng này là tất yếu khách quan. Nghị quyết số 52 cũng khẳng định, giáo dục 4.0 phải được xem là mô hình tất yếu của nền giáo dục trong tương lai để đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Trong nền giáo dục 4.0, trường đại học không chỉ là nơi đào tạo, nghiên cứu, mà còn phải là trung tâm đổi mới sáng tạo, giải quyết các vấn đề thực tiễn cho xã hội. Để đáp ứng được những yêu cầu đó, các trường đại học cần đổi mới mô hình giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu, phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình vận hành.

Bộ GD&ĐT đã ban hành nhiều chính sách nhằm khuyến khích các trường đại học triển khai đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo để hướng tới một nền giáo dục hiện đại, hội nhập quốc tế theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, thi và đánh giá; phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; xây dựng thương hiệu riêng của từng trường để thu hút người học nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao về nhân lực cho xã hội.

2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của Trường Đại học Duy Tân và cách mà nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

2.3.1. Điểm mạnh

- Trường Đại học Duy Tân đã khẳng định được uy tín, vị thế của mình không những ở trong nước mà còn trên trường quốc tế.
- Nhà trường có đội ngũ giảng viên trẻ có trình độ chuyên môn khá vững vàng, năng động, sáng tạo, có tính thích nghi cao.
- Nhà trường đào tạo đa ngành nghề, đa lĩnh vực, trong đó một số ngành là nền tảng của cách mạng công nghiệp 4.0 như công nghệ thông tin, điện, điện tử.
- Nhà trường đã đầu tư CSVC ngày càng hoàn thiện, hiện đại, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển đào tạo. Đặc biệt, hạ tầng cơ sở phục vụ cho đào tạo trực tuyến được đầu tư hệ thống và bài bản.

- Công tác NCKH được chú trọng, tỷ lệ công bố các bài báo quốc tế luôn nằm trong nhóm 05 đơn vị có công bố nhiều nhất cả nước.

- Nhiều thế hệ sinh viên của nhà trường tốt nghiệp, thành công trong cuộc sống.

2.3.2. Điểm yếu

- Kinh nghiệm, trình độ công tác của đội ngũ cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu. Tổ chức bộ máy còn cồng kềnh, hoạt động còn thiếu tính đồng bộ, kém hiệu quả.

- Đội ngũ giảng viên trẻ nên tính ổn định nghề nghiệp còn thấp.

- Tỷ lệ cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên chưa đạt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ tham gia nghiên cứu sinh của cán bộ giảng viên còn thấp.

- Số lượng công trình NCKH ngoài trường chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của Trường.

- Chưa đa dạng hóa được các nguồn thu. Nguồn thu từ học phí vẫn chiếm tỷ lệ chính. Vì vậy, công tác tài chính của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn.

2.3.3. Cơ hội

- Trường Đại học Duy Tân tọa lạc tại thành phố Đà Nẵng, địa phương được xác định là động lực phát triển của miền Trung và Tây nguyên, là cửa ngõ trong giao thương với nhiều khu vực trọng điểm trong và ngoài nước bằng cả đường biển, hàng không và đường bộ.

- Chính sách của nhà nước về tự chủ trong mở mã ngành, liên kết đào tạo và định hướng nghiên cứu giúp các trường đại học nói chung và Trường Đại học Duy Tân nói riêng có thể chủ động trong đổi mới toàn diện chương trình và phương pháp giảng dạy, nâng cao hiệu quả, khẳng định thương hiệu.

- Quá trình hội nhập quốc tế được thúc đẩy, tạo cơ hội cho nhà trường có thể xây dựng các mối quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên, chuyển giao khoa học công nghệ...

2.3.4. Thách thức

- Chất lượng tuyển sinh đầu vào của nhà trường chưa cao. Điều này có tác động không nhỏ đến chất lượng đầu ra cũng như cơ hội việc làm của sinh viên sau khi ra trường.

- Đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đang đặt ra cho nhà trường bài toán đầy thách thức về hiệu quả đầu tư.

- Đào tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng theo yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0, trong đó đảm bảo tính tri thức liên ngành, đảm bảo năng lực, kỹ năng để tham gia vào thị trường nhân lực toàn cầu là một thách thức không hề nhỏ đối với nhà trường.

- Sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ của các trường đại học trong và ngoài nước, đặc biệt là các trường đại học trực thuộc các tập đoàn lớn có tiềm lực tài chính dồi dào cũng đang tạo ra những thách thức lớn cho Trường Đại học Duy Tân ở cả hiện tại và tương lai.

- Trong những năm đến, thách thức mang tính toàn cầu như bệnh dịch, biến đổi khí hậu, thiên tai được dự báo là sẽ ngày càng phức tạp. Đây cũng là thách thức lớn mà nhà trường phải nỗ lực để vượt qua.

2.3.5. Các giải pháp cơ bản phát triển Trường đến năm 2030

2.3.5.1. Quan điểm

Phát triển Trường Đại học Duy Tân phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; góp phần vào công cuộc đổi mới giáo dục đại học Việt Nam.

Xây dựng một đại học đào tạo đa bậc, đa ngành, đa lĩnh vực để tăng cường các nguồn lực, phát triển đội ngũ cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, NCKH và công nghệ phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phát huy sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực của nhà trường, phát huy tinh thần cộng đồng và uy tín của Đại học Duy Tân; Phát triển toàn diện và bền vững, áp dụng các giải pháp mang tính đột phá; ưu tiên đầu tư phát triển các

hướng NCKH trọng điểm, mũi nhọn; phát triển nhanh một số ngành, chuyên ngành, lĩnh vực, bộ môn, khoa và đơn vị đạt trình độ quốc tế.

2.3.5.2. Giải pháp phát triển

1. Xây dựng hoàn chỉnh mô hình Đại học Duy Tân và mở rộng phân hiệu tại một số địa bàn trọng điểm. Xây dựng văn hóa tổ chức, môi trường công tác giúp phát huy năng lực đổi mới, sáng tạo, tinh thần tự chịu trách nhiệm của từng Trường/Viện đào tạo và các đơn vị trong toàn trường.

2. Xây dựng và ổn định đội ngũ cán bộ trong toàn Trường Đại học Duy Tân đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, ĐBCL giáo dục. Phát triển đội ngũ cân đối giữa các ngành nghề đào tạo. Ưu tiên phát triển đội ngũ trình độ cao cho những ngành trọng điểm, mũi nhọn. Nâng cao chất lượng cán bộ giảng dạy dựa trên các tiêu chí cụ thể về bằng cấp, ngoại ngữ và kinh nghiệm chuyên môn.

3. Mở rộng và đa dạng hóa các ngành đào tạo, tăng tỷ trọng đào tạo sau đại học theo hướng phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao của khu vực miền Trung và cả nước. Tập trung phát triển một số ngành đào tạo mũi nhọn và các ngành nghề đào tạo mới gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

4. ĐBCL và số lượng công bố khoa học theo yêu cầu về xếp hạng quốc tế. Gắn hoạt động NCKH với các hoạt động cung ứng dịch vụ; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KHCN; ưu tiên các nghiên cứu tạo ra sản phẩm ứng dụng mang thương hiệu Duy Tân.

5. Xây dựng công tác khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trở thành phong trào trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu đề tạo khí thế mới trong sinh viên, giảng viên.

6. Xây dựng một mạng lưới đối tác xuyên biên giới. Trong đó, tập trung vào việc hợp tác với các trường đại học, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước chú trọng hợp tác với các đối tác có uy tín trên thế giới theo nguyên tắc bình đẳng, cùng phát triển; hướng tới xây dựng môi trường giáo dục và nghiên cứu đẳng cấp quốc tế.

7. Hoàn thiện và ổn định hệ thống CSVC, cảnh quan môi trường sư phạm đảm

bảo phục vụ tốt nhất cho đào tạo và nghiên cứu.

8. Đảm bảo nguồn lực tài chính cho sự phát triển bền vững, phù hợp với các mục tiêu về cơ cấu, quy mô trong các lĩnh vực hoạt động.

2. CSDL kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem Phụ lục 1)

Phần II**TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC****Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa****Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan**

Trường Đại học Duy Tân được thành lập theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 02/10/2015, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1704/QĐ-TTg về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân từ loại hình dân lập sang loại hình tư thục [H1.01.01.01]. Trong mỗi giai đoạn, nhà trường đều công bố tầm nhìn và sứ mạng. Năm 2016, nhà trường đã ban hành Quyết định số 2841/QĐ –ĐHDT ngày 03 tháng 10 năm 2016 phát biểu về tầm nhìn và sứ mạng trong Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 ban hành ngày 01 tháng 9 năm 2016 để phù hợp trong giai đoạn mới [H1.01.01.02]. Trong giai đoạn 2016-2020, trường tuyên bố tầm nhìn: Đến những năm 2020, 2025 Trường Đại học Duy Tân là một Tập đoàn đào tạo gắn liền với nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Sứ mạng được công bố năm 2016: Đào tạo và rèn luyện ra những sinh viên có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có ý thức cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo, khởi nghiệp và trở thành công dân mang tính toàn cầu. Thực hiện các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, HĐQT đã họp, rà soát và đi đến thống nhất điều chỉnh Chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2019 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên cơ sở kế thừa chiến lược 2016 – 2020 và bổ sung những nội dung quan trọng để phù hợp xu thế phát triển của trường trong giai đoạn mới. Ngày 19 tháng 10 năm 2019, nhà trường đã ban hành Quyết định số 4072/QĐ –ĐHDT phát biểu về tầm nhìn và sứ mạng [H1.01.01.03]. Sứ mạng được điều chỉnh năm 2019: Đào tạo, nghiên cứu gắn liền với khoa học và công nghệ nhằm tạo ra những sinh viên và học viên có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có ý thức sinh hoạt cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo và trở thành công dân khởi nghiệp mang tính toàn cầu. Tầm nhìn được điều chỉnh: Đến những năm 2020, 2025... Trường Đại học Duy Tân là một Tập

đoàn đào tạo gắn liền với nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Tầm nhìn của Trường hiện tại là: *“Đến năm 2030, Đại học Duy Tân giữ vững Top 300 đại học hàng đầu châu Á theo bảng xếp hạng của QS Ranking và nằm trong Top 1.000 đại học thế giới theo bảng xếp hạng của Time Higher Education”*. Sứ mạng của nhà trường hiện tại là: *“Đào tạo, nghiên cứu gắn liền với khoa học và công nghệ nhằm tạo ra những thế hệ có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo để trở thành công dân khởi nghiệp toàn cầu”*.

Để xây dựng chiến lược, nhà trường đã ban hành Quyết định số 868/QĐ-ĐHDT ngày 15/4/2016 thành lập Ban Xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2016-2026 gồm các thành viên HĐQT, BGH và lãnh đạo các đơn vị chủ chốt của Trường [H1.01.01.04]. Trong quá trình xây dựng chiến lược, nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc họp lãnh đạo các đơn vị chủ chốt để thảo luận, thu nhận nhiều ý kiến góp ý của các chuyên gia và các bên liên quan. Ban xây dựng kế hoạch chiến lược đã dự thảo nội dung sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa và báo cáo HĐQT/HĐT và BGH. HĐQT/HĐT tổ chức họp và chỉ đạo BGH tổ chức họp lãnh đạo các đơn vị chủ chốt, tổ chức đoàn thể để thảo luận về nội dung sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa. Trên cơ sở ý kiến thảo luận, góp ý của các bên liên quan, Ban xây dựng chiến lược đã hoàn thiện dự thảo về nội dung sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa của trường [H1.01.01.05].

Tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường Đại học Duy Tân, là nội dung quan trọng đầu tiên trong Quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường năm 2021 và Chiến lược xây dựng phát triển trường giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.06]. Để phát triển Trường Đại học Duy Tân trở thành một trong các cơ sở giáo dục có thứ hạng và uy tín trong nước và trên thế giới, nhà trường đã xây dựng và tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng: Phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ sở giáo dục là đào tạo, nghiên cứu gắn liền với khoa học và công nghệ; phù hợp với nguồn lực và định hướng phát triển của cơ sở giáo dục là nhằm tạo ra những sinh viên và học viên có năng lực, có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có ý thức

cộng đồng, có sức khỏe, và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của ngành địa phương là đào tạo ra những sinh viên khởi nghiệp mang tính toàn cầu. Khi xây dựng Kế hoạch chiến lược, nhà Trường đều căn cứ trên nội dung của các văn bản của Đảng, nhà nước, Bộ ngành và thành phố Đà Nẵng như Nghị quyết 20-NQ/TW của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ [H1.01.01.07]. Do đó, tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường phù hợp với phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; góp phần vào công cuộc đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, cụ thể: Xây dựng một đại học đào tạo đa bậc, đa ngành, đa lĩnh vực để tăng cường các nguồn lực, phát triển đội ngũ cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, NCKH và công nghệ phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Ngoài chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân, nhà trường còn ban hành các kế hoạch, chiến lược theo từng mảng tổ chức, đào tạo, NCKH, tài chính, CSVC và phục vụ cộng đồng [H1.01.01.08]. Các đơn vị xây dựng kế hoạch chiến lược của đơn vị thuộc trường [H1.01.01.09]. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược của trường, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình kinh tế - xã hội, hiệu trưởng ban hành kế hoạch năm học [H1.01.01.10], giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm cho các đơn vị trong Trường để triển khai thực hiện [H1.01.01.11]. nhà trường tổ chức ký cam kết thực hiện nhiệm vụ năm học giữa hiệu trưởng với Trường các đơn vị trong toàn Trường [H1.01.01.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Trường xác định nhân văn là gốc của một cơ sở giáo dục nên giá trị cốt lõi văn hóa của nhà trường mang tính nhân văn, hiện đại. Năm 2007, nhà trường thành lập Ban xây dựng Văn hóa Đại học Duy Tân và ban hành Nội dung Cuộc vận động xây dựng Văn hóa Đại học Duy Tân [H1.01.02.01], [H1.01.02.02]. Năm 2016, nhà trường tuyên bố các giá trị cốt lõi trong Chiến lược xây dựng phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2016 -2020, tầm nhìn đến năm 2025, 2030 [H1.01.01.03] với những nội dung cơ bản như sau: Xây dựng Văn hóa Duy Tân thành bản sắc trong mọi hoạt động

đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng của toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên Trường, làm cốt lõi của Văn hóa Tổ chức, trong đó mọi thành viên tự nguyện chia sẻ, sẵn sàng làm việc hết mình vì tổ chức.

Văn hóa Duy Tân được thể hiện ở cả 03 bình diện: Bề nổi – Logo, Linh vật; Trang phục, phù hiệu...; Hệ giá trị và hành vi. Nội dung Văn hóa Đại học Duy Tân được cụ thể hóa bằng các hệ giá trị như sau:

-“Tất cả vì quyền lợi học tập, nghiên cứu và khởi nghiệp của sinh viên...”

-“Sự thành công của sinh viên là niềm hạnh phúc của cán bộ, giảng viên và nhân viên Nhà trường”

-“Sự thành đạt của cán bộ, giảng viên là niềm hạnh phúc của Trường”

- “Mỗi người, mỗi ngày có một sáng kiến, ý hay, ý mới trong công việc; mỗi đơn vị, mỗi ngày tạo ra một hiệu quả hơn hôm qua”

-“Mỗi năm đi qua, Trường lớn lên về trí tuệ cả thầy và trò tạo nên một Đại học Duy Tân ngày càng đậm nét hơn trong lòng xã hội”

-“Chống triệt để các biểu hiện hoặc việc làm tiêu cực, bè phái, không công bằng và có những thái độ và hành động làm giảm sút phấn đấu của từng thành viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Trường giao”

-“Từng thành viên của Trường nhận thức rõ nhiệm vụ và năng lực chịu trách nhiệm của mình, đặc biệt là phải phối hợp nhau, nương tựa nhau, chia sẻ khó khăn và thuận lợi để cùng nhau tỏa sáng trên bước đường đi tới”.

Văn hóa của Trường còn được thể hiện bằng các chuẩn mực trong giao tiếp:

- Đối với đồng nghiệp

+ Lắng nghe khi trao đổi

+ Học hỏi nhau cái hay

+ Cùng nhau giải quyết những cái dở

+ Nhường nhịn khi chưa ưng ý

+ Đồng thuận trong thực hiện mục tiêu của đơn vị và Trường.

- Đối với khách

+ Niềm nở khi tiếp xúc

- + Nhã nhận khi giải quyết khó khăn
- + Chu đáo trong phục vụ

Văn hóa của Trường hoàn toàn phù hợp với tầm nhìn của nhà trường qua các năm, cụ thể từ giai đoạn 2021 – 2025 được thể hiện như sau:

-Giá trị cốt lõi:

- +Nhân văn - Hạnh phúc;
- +Đổi mới - Sáng tạo;
- +Trách nhiệm - Đồng thuận;
- +Khát vọng - Khởi nghiệp.

-Khẩu hiệu hành động:

- +Lấy giá trị nhân văn làm nền tảng;
- +Lấy chất lượng đào tạo và việc làm của sinh viên làm mục tiêu hành động;
- +Lấy đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ làm động lực.

-Bài nhạc truyền thống: Duy Tân - Khúc ca xanh, Duy Tân - Khúc tâm giao, Khúc tráng ca Đại học Duy Tân.

-Slogan: Bản lĩnh Việt Nam – Đổi mới, Sáng tạo, Vươn tới những tầm cao!

-Tôn chỉ: “Tất cả vì quyền lợi học tập, nghiên cứu và khởi nghiệp của người học gắn liền với sự nghiệp, đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ”.

Văn hóa của nhà trường hoàn phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường qua các giai đoạn. Cụ thể, từ giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn của Trường là “Đào tạo gắn liền với nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0”, sứ mạng của trường cũng khẳng định “Đào tạo, rèn luyện sinh viên có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có ý thức cộng đồng, sức khỏe, có kỹ năng toàn diện...” [H1.01.02.04] Văn hóa cũng thể hiện sự nhất quán và phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng trong giai đoạn 2021 – 2025, trong đó yếu tố nhân văn, đào tạo và nghiên cứu gắn liền với khoa học và công nghệ, sinh viên khởi nghiệp mang tính hội nhập được thể hiện xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển của Trường.

Qua nhiều năm xây dựng, văn hóa của Trường đã được đúc kết và tổng hợp thành quy định Văn hóa Đại học Duy Tân và được quy định trong nhiều văn bản khác của nhà trường nhằm hướng dẫn các đơn vị, cá nhân thực hiện, giữ gìn và phát triển [H1.01.02.05].

Đảng ủy nhà trường ban hành nghị quyết về triển khai thực hiện Văn hóa Đại học Duy Tân, trong đó yêu cầu các tổ chức chính trị xã hội như Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nội dung giá trị văn hóa theo nhiều hình thức khác nhau. Giá trị cốt lõi được công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường; phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau để truyền thông Giá trị cốt lõi đến các bên liên quan; Phòng Công tác sinh viên lập kế hoạch phổ biến tuyên truyền Giá trị cốt lõi đến sinh viên thông qua các tuần sinh hoạt công dân đầu năm học dành cho sinh viên khóa mới nhập học; Phòng Tổ chức phối hợp với Công đoàn trường lập kế hoạch phổ biến tới toàn thể cán bộ nhân viên, giảng viên toàn Trường thông qua các hình thức sinh hoạt cộng đồng, các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao [H1.01.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Trường đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt đến cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên cũng như các bên có liên quan hiểu rõ về nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa của trường để thực hiện, bằng các hình thức: Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi được hiệu trưởng nhà trường trực tiếp quán triệt trong hội nghị giao ban lãnh đạo các đơn vị, hội nghị tổng kết năm học, tại các cuộc họp giao ban đầu năm, trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học dành cho sinh viên khóa mới nhập học [H1.01.03.01].

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của nhà trường được ban hành và công bố đến cán bộ, giảng viên và người lao động qua trang hệ thống văn bản và lưu trữ nội bộ <https://dsns.duytan.edu.vn> - mục văn bản đi [H1.01.03.02], trên website của nhà trường tại địa chỉ <https://duytan.edu.vn> - phần giới thiệu tổng quan và mục sứ mạng, fanpage [H1.01.03.03], trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Duy Tân, Gostock, brochure, các giáo trình, ấn phẩm ... của nhà trường [H1.01.03.04];

được niêm yết trong tất cả các phòng làm việc, phòng học và thực hành của nhà trường [H1.01.03.05]. Sứ mạng của nhà trường còn được truyền thông đến các doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước thông qua slide và video clip giới thiệu về năng lực của trường [H1.01.03.06]. Ngoài ra, tầm nhìn, sứ mạng cũng được nhà trường nêu trong các Kế hoạch [H1.01.01.12], báo cáo gửi đến các cấp [H1.01.03.07]. Văn hóa của nhà trường được xác định trong phần đầu tiên của Chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn; được thể hiện trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường [H1.01.01.04], [H1.01.01.07], [H1.01.01.08]; được hiệu trưởng nhà trường cụ thể hóa và ban hành thành Quy định Nội dung Văn hóa Đại học Duy Tân [H1.01.02.03]. Đảng ủy ban hành Nghị quyết về xây dựng Văn hóa Đại học Duy Tân để triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ cũng như các tổ chức đoàn thể. Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên của trường căn cứ vào các nội dung của Quy định về văn hóa Trường Đại học Duy Tân để xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện trong cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhà trường [H1.01.03.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Năm 2016, nhà trường thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục đại học và được công nhận đạt [H1.01.04.01]. Đến giữa nhiệm kỳ đánh giá (năm 2018), HĐQT nhà trường đã gửi thông báo yêu cầu các thành viên HĐQT, BGH và lãnh đạo các đơn vị góp ý dự thảo Chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2019 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030” [H1.01.04.02]; thành lập Ban rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của trường; tổ chức nhiều cuộc họp thảo luận để đi đến thống nhất trước khi ban hành tầm nhìn và sứ mạng mới [H1.01.01.03]. hiệu trưởng đã ban hành Kế hoạch số 26/KH-ĐHDT ngày 19/6/2019 thực hiện báo cáo giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học và giao cho Ban rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của trường tiến hành rà soát, cập nhật, tầm nhìn sứ mạng của nhà trường trong giai đoạn 2019 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để phù hợp với tình hình hiện tại của nhà trường và xu hướng phát triển của giáo dục đại học Việt Nam [H1.01.04.04].

Năm 2019, nhà trường đã thực hiện báo cáo rà soát giữa chu kỳ đánh giá kiểm định chất lượng [H1.01.04.05]; tổ chức tổng kết đánh giá kết quả 25 năm xây dựng

xây dựng và phát triển trên tất cả các mảng công tác [H1.01.04.06], trong đó có nội dung tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, các giá trị cốt lõi. Đảng ủy Trường đã tổng kết đánh giá tầm nhìn, sứ mạng cũng như việc thực hiện Văn hóa Đại học Duy Tân [H1.01.04.07]; đồng thời chỉ đạo Công đoàn Trường tổng kết đánh giá việc thực hiện Văn hóa Đại học Duy Tân [H1.01.04.08]. Ngoài ra nhà trường đã thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” tại Trường Đại học Duy Tân Báo cáo thực hiện đẩy mạnh xây dựng môi trường Văn hóa trường học [H1.01.04.09].

Năm 2021, Hội đồng Trường đã giao cho hiệu trưởng tổ chức rà soát, góp ý và bổ sung tầm nhìn và sứ mạng và giá trị văn hóa trong lãnh đạo các đơn vị chủ chốt. hiệu trưởng yêu cầu lãnh đạo các đơn vị tiến hành thảo luận và góp ý bằng văn bản về tầm nhìn và sứ mạng và giá trị văn hóa. Nhà trường tổ chức cuộc họp lãnh đạo các đơn vị chủ chốt để thảo luận, thu nhận nhiều ý kiến góp ý của các chuyên gia và các bên liên quan; trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát về tầm nhìn và sứ mạng và giá trị văn hóa, Ban rà soát đã họp và thống nhất các nội dung dự thảo điều chỉnh về sứ mạng, tầm nhìn và giá trị văn hóa trình HĐT họp thống nhất ban hành tầm nhìn và sứ mạng mới [H1.01.04.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường ban hành quy trình rà soát, cải tiến tầm nhìn và sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa Duy Tân và giao cho Ban rà soát tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi phối hợp với các đơn vị chức năng quan trọng của nhà trường triển khai kế hoạch thực hiện rà soát, cải tiến tầm nhìn và sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa [H1.01.04.02]. Sứ mạng và tầm nhìn của trường được rà soát thường xuyên nhằm cải tiến đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Trên cơ sở rà soát tầm nhìn sứ mạng, năm 2019, nhà trường đã phê duyệt và tuyên bố tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa của Trường. Sứ mạng được điều chỉnh dựa trên những nội dung cơ bản của Sứ mạng được công bố năm 2016 và bổ sung thêm cụm từ “Đào tạo và nghiên cứu gắn liền với khoa học và công nghệ nhằm tạo ra những sinh viên và học viên”. Tầm nhìn, giá trị cốt lõi và

văn hóa được điều chỉnh phù hợp với sự phát triển của nhà trường [H1.01.01.04].

Tầm nhìn 2016-2020: Đến những năm 25, 30 của thế kỷ này, Trường Đại học Duy Tân là một Tập đoàn đào tạo và nghiên cứu gắn liền với thương mại dịch vụ trên nền nhân văn – hiện đại mà cốt lõi là Văn hóa Duy Tân và nằm trong Top 20 Trường hàng đầu của Hệ thống Đại học Việt Nam. Sứ mạng 2016-2020: Đào tạo và rèn luyện ra những sinh viên có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có ý thức cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo, khởi nghiệp và trở thành công dân mang tính toàn cầu.

Tầm nhìn 2019-2025: Đến những năm 2020, 2025 Trường Đại học Duy Tân là một Tập đoàn đào tạo gắn liền với nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Sứ mạng 2019-2020: Đào tạo, nghiên cứu gắn liền với khoa học và công nghệ nhằm tạo ra những sinh viên và học viên có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có ý thức sinh hoạt cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo và trở thành công dân khởi nghiệp mang tính toàn cầu.

Năm 2021, nhà trường đã xây dựng và ban hành Chiến lược xây dựng phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn đến năm 2030 do đó tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa của nhà trường đã được điều chỉnh. Sứ mạng được điều chỉnh dựa trên những nội dung cơ bản của Sứ mạng được công bố năm 2020 và điều chỉnh cụm từ “*những sinh viên và học viên có lòng yêu nước*” thành “*những thế hệ có lòng yêu nước*”; điều chỉnh cụm từ “*có “có ý thức sinh hoạt cộng đồng*” thành “*có trách nhiệm cộng đồng*”; điều chỉnh “*trở thành công dân khởi nghiệp mang tính toàn cầu*” thành “*trở thành công dân khởi nghiệp toàn cầu*” [H1.01.01.05]. Tầm nhìn 2021-2025: Đến năm 2030, Đại học Duy Tân nằm trong Top 300 Đại học hàng đầu châu Á theo bảng xếp hạng của QS Asia Ranking và nằm trong Top 1.000 Đại học hàng đầu thế giới theo bảng xếp hạng của Time Higher Education. Sứ mạng 2019-2020: Đào tạo, nghiên cứu gắn liền với khoa học và công nghệ nhằm tạo ra những thế hệ có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có trách nhiệm cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo để trở thành công dân khởi nghiệp toàn cầu.

Quy trình xây dựng, rà soát và tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và văn hóa của nhà trường được cải tiến 01 lần trong 05 năm của chu kỳ đánh giá. Nhà trường đã ban hành kế hoạch rà soát quy trình và giao cho Ban xây dựng, rà soát kế hoạch chiến lược chủ trì mời lãnh đạo các đơn vị đề họp rà soát quy trình; thông qua các cuộc họp lấy ý kiến đóng góp bổ sung của lãnh đạo các đơn vị, Ban xây dựng, rà soát đã tổng hợp ý kiến và hoàn thiện dự thảo trình Hội đồng Trường và BGH họp thống nhất và ban hành thực hiện quy trình mới [H1.01.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

-Trường đã tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa với nội dung tuyên bố phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Trường; phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; góp phần vào công cuộc đổi mới giáo dục đại học Việt Nam.

-Trường thực hiện việc rà soát thường xuyên nhằm cải tiến đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Trên cơ sở các lần rà soát, nhà trường đã có những cải tiến, điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa cho phù hợp với tình hình thực tế.

-Trường đã truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức phong phú khác nhau.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc lấy ý kiến góp ý của sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, các cơ quan đoàn thể, chính quyền... chưa rộng rãi. Chủ yếu tập trung ở đội ngũ cán bộ đoàn, cán bộ lớp, các doanh nghiệp, cơ quan có hợp tác với trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Do trường đang vẫn tiếp tục quá trình xây dựng cơ bản để hoàn thiện CSVC trang thiết bị nên ảnh hưởng đến không gian để tổ chức các hoạt động cộng đồng. Do đó hạn chế đến việc tuyên truyền và vun đắp các giá trị văn hóa của nhà trường đến

các thành viên trong trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Lấy ý kiến góp ý của sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, các cơ quan đoàn thể, chính quyền về nội dung tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa trong quy trình xây dựng, rà soát	Văn phòng HĐT; Phòng Hợp tác Doanh nghiệp, Phòng Công tác Sinh viên, các trường đào tạo	Cuối năm 2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao để tăng sự đoàn kết, chia sẻ trong đơn vị, đồng thời tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về trường nhằm tuyên truyền và vun đắp các giá trị văn hóa của Trường	Công đoàn, Đoàn thanh niên	Bắt đầu năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	5,6
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	6
Tiêu chí 1.4	6
Tiêu chí 1.5	6

Tiêu chuẩn 2. Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của CSGD; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD

Hệ thống quản trị của Trường Đại học Duy Tân được xây dựng và hoạt động theo Luật giáo dục Đại học số 08/2012/QH13, Luật Giáo dục Đại học sửa đổi số 34/2018/QH14, Điều lệ trường Đại học quy định tại Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg và Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Duy Tân (xem [H1.01.01.01]). Ngày 02/10/2015, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1704/QĐ-TTg về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân từ loại hình dân lập sang loại hình tư thục. Trên cơ sở này, nhà trường đã thành lập HĐQT gồm 09 thành viên và đã được UBND thành phố Đà Nẵng công nhận [H2.02.01.01], làm hồ sơ đề nghị UBND thành phố Đà Nẵng công nhận Chủ tịch HĐQT [H2.02.01.02], công nhận hiệu trưởng [H2.02.01.03]. Năm 2018, HĐQT đã bầu TS. Lê Nguyên Bảo giữ chức vụ hiệu trưởng thay cho NGƯT. AHLĐ Lê Công Cơ, nhà trường đã hoàn thành hồ sơ và được UBND thành phố Quyết định miễn nhiệm và Công nhận hiệu trưởng mới theo quy định [H2.02.01.04]. Thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ, nhà trường đã thành lập HĐT nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 19 thành viên [H2.02.01.05], bầu Chủ tịch HĐT [H2.02.01.06], công nhận và bổ nhiệm hiệu trưởng [H2.02.01.07], bổ nhiệm các phó hiệu trưởng đúng với quy định mới [H2.02.01.08].

Cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý hoạt động của Trường, gồm có: HĐT, Đảng ủy, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên. Các đơn vị thuộc và trực thuộc gồm: 07 trường đào tạo (41 đơn vị thuộc Trường với 24 Khoa), 08 viện nghiên cứu (08 đơn vị thuộc Viện nghiên cứu), 38 đơn vị là các trung tâm, phòng, ban chức năng... [H2.02.01.09]. Đảng bộ Trường Đại học Duy Tân là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Quận Hải Châu, được thành lập vào ngày 19/8/1996 theo Nghị quyết định số 160 /NQ-TV của Đảng ủy Dân Chính Đảng tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng [H2.02.01.10]. Đảng bộ trường đã trải qua

08 kỳ đại hội, nhân sự Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 15 thành viên [H2.02.01.11]. Hiện nay, Đảng bộ Trường, gồm có 02 đảng bộ bộ phận, 17 chi bộ trực thuộc, với 237 đảng viên (205 đảng viên chính thức, 57 đảng viên là sinh viên).

Công đoàn Trường Đại học Duy Tân là công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn thành phố Đà Nẵng, được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-LĐLĐ ngày 18/9/1997 của Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng [H2.02.01.12]. Công Đoàn Trường đã trải qua 8 kỳ đại hội, Ban chấp hành Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 15 thành viên [H2.02.01.13], Công đoàn có 08 công đoàn bộ phận, 36 tổ công đoàn với 843 đoàn viên công đoàn. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Duy Tân trực thuộc Thành đoàn thành phố Đà Nẵng, được thành lập theo Nghị quyết số 23/QĐ-BTV ngày 12/10/1995 của tỉnh Đoàn Quảng Nam – Đà Nẵng [H2.02.01.14]. Hiện nay, Ban Chấp hành có 31 thành viên [H2.02.01.15]. Hội sinh viên Trường Đại học Duy Tân được thành lập theo Quyết định số 54/QĐ-TU'HSV ngày 28/11/2003 của Trung ương Hội sinh viên Việt Nam. Hiện nay Hội có 25 Ủy viên Ban Chấp hành và 07 Ủy viên Ban thư ký [H2.02.01.16].

Trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính, quy chế dân chủ và hệ thống văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐT, BGH, các tổ chức đảng, đoàn thể và các đơn vị trong trường. Nhà trường ban hành các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động về tổ chức, đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, ĐBCL... Hệ thống văn bản của trường thể hiện rõ trách nhiệm giải trình, tính bền vững, tính minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm năng trong quá trình hoạt động của các bộ phận trong hệ thống quản trị của nhà trường [H2.02.01.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Quyết định của HĐT được phổ biến và truyền tải thông qua các nghị quyết thực hiện nhiệm vụ theo từng năm học. Căn cứ vào Nghị quyết thực hiện nhiệm vụ năm học của HĐT, BGH nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch năm học theo từng mảng hoạt động của nhà trường [H2.02.02.01]. Các đơn vị của nhà trường căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường cụ thể hóa thành kế hoạch năm học, các kế hoạch

chuyên đề của đơn vị trình lãnh đạo trường phê duyệt để thực hiện [H2.02.02.02]. Các kế hoạch hành động, chính sách của nhà trường được HĐT, BGH triển khai thực hiện qua các cuộc họp giữa bộ máy quản trị, bộ máy quản lý và các bộ phận chức năng trong Trường, bao gồm: Các cuộc họp xây dựng chiến lược, nhiệm vụ năm học, các cuộc họp chuyên đề, các cuộc họp sơ kết, tổng kết năm học [H2.02.02.03]. Sau mỗi cuộc họp, các quyết định được triển khai xuống các bộ phận thông qua các thông báo kết luận để các đơn vị làm căn cứ triển khai thực hiện [H2.02.02.04].

Đảng bộ nhà trường thực hiện việc rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức của các chi bộ trực thuộc thông qua các cuộc họp chuyên đề của Ban chấp hành Đảng bộ; xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động hằng năm với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các mục tiêu chiến lược phát triển của Trường. Kết quả đánh giá và phân loại chi bộ và đảng viên được thực hiện và thể hiện trong báo cáo công tác hàng năm [H2.02.02.05].

Hằng năm, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2017 – 2022, Công đoàn xây dựng và triển khai các hoạt động gắn với các chỉ tiêu thực Nghị quyết của Đảng bộ và kế hoạch năm học của Trường. Công đoàn Trường phối hợp với chính quyền xây dựng, điều chỉnh nội quy, quy chế, chế độ liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của của người lao động [H2.02.02.06].

Hằng năm, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên Trường xây dựng kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động đoàn và phong trào sinh viên và được Trung ương Đoàn, Đoàn Thành Đoàn thành phố Đà Nẵng khen thưởng và xếp loại xuất sắc trong nhiều năm liền [H2.02.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên

Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và hệ thống văn bản quản trị của nhà trường được rà soát thường xuyên theo kế hoạch kiểm tra, kế hoạch công tác pháp chế theo từng năm học do hiệu trưởng ban hành [H2.02.03.01]. Sau khi nhà trường chuyển đổi từ loại hình dân lập sang loại hình tư thục, nhà trường đã thành lập HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 gồm 09 thành viên và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và các văn bản pháp lý để phù hợp với loại hình trường tư thục [H2.02.03.02]. Thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số

34/2018/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018; căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ, nhà trường đã thành lập HĐT nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm 19 thành viên, trong đó thường trực HĐT gồm 9 thành viên, gồm 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 06 thành viên [H2.02.03.04].

Trường tổ chức sơ kết, tổng kết năm học theo từng đơn vị và mảng công tác để đánh giá kết quả thực hiện, tìm các giải pháp khắc phục tồn tại và đưa ra kế hoạch khắc phục trong năm học tiếp theo [H2.02.03.05]. Nhà trường tổ chức và thực hiện hệ thống đánh giá thi đua tập thể, cá nhân theo từng tháng với bộ tiêu chí đánh giá sát với nhiệm vụ chuyên của từng cá nhân và đơn vị. Thông qua kết quả thi đua từng tháng, ban thi đua trường sẽ tổng kết, đánh giá và xếp loại thi đua từng đơn vị và cá nhân theo năm học; tiến hành bình xét thi đua và tổ chức khen thưởng cho cán bộ, giảng viên và nhân viên [H2.02.03.06]. Ngoài ra, hiệu trưởng giao cho Phòng Tổ chức phối hợp với các đơn vị tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm lãnh đạo Trường, trường các đơn vị để làm căn cứ nhận xét đánh giá về năng lực lãnh đạo, quản lý của các nhận sự tham gia trong hệ thống quản trị của nhà trường [H2.02.03.07].

Đảng bộ nhà trường thực hiện việc rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các chi bộ thông qua các cuộc họp tổng kết nhiệm kỳ, giữa nhiệm kỳ đại hội và tổng kết năm. Các kết quả rà soát, đánh giá được nêu đầy đủ trong báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của Đảng ủy. Đảng bộ Trường thực hiện kiểm điểm phê bình và tự phê bình gắn với việc đánh giá tổ chức đảng và đảng viên theo đúng quy định của Điều lệ Đảng [H2.02.03.08]. Công đoàn và Đoàn thanh niên Trường tổ chức rà soát, đánh giá tổ chức và các hoạt động thông qua các cuộc họp Ban chấp hành và hội nghị tổng kết năm; thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo định kỳ và công tác kiểm tra theo yêu cầu của Liên đoàn Lao động thành phố và Thành đoàn thành phố Đà Nẵng [H2.02.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn

Hệ thống quản trị của Trường được cải tiến giúp quản lý và hạn chế nhiều rủi ro về các mặt quản trị và tài chính. Năm 2015, sau khi chuyển đổi từ loại hình trường dân

lập sang loại hình trường tư thục, nhà trường đã thành lập HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 gồm 9 thành viên để phù hợp với mô hình trường tư thục. Cũng trên cơ sở này, trường thành lập mới một số đơn vị và cơ cấu lại bộ máy quản trị và quản lý của nhà trường [H2.02.03.01]. Trong giai đoạn này, HĐQT Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định của loại hình của trường đại học tư thục [H2.02.03.02]. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được nêu rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, phù hợp với Điều lệ đại học và Luật Giáo dục Đại học năm 2012 cũng như các quy định liên quan của Bộ GD&ĐT. Thực hiện Luật Giáo dục Đại học sửa đổi, nhà trường thành lập HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm 19 thành viên, trong đó Thường trực Hội đồng Trường gồm 9 thành viên. Hội đồng Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động số 01/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 18/03/2020 [H2.02.03.03].

Sau quá trình tái cơ cấu lại tổ chức để hoạt động theo Luật Giáo dục Đại học sửa đổi và theo hướng dẫn của Nghị định 99 của Chính phủ, nhà trường đã ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động số 07/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 28/06/2021 [H2.02.03.04]. Nhà trường tiến hành tái cơ cấu về tổ chức, đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ, hợp tác doanh nghiệp và tài chính; thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong các mảng công tác giữa các trường đào tạo và các phòng ban chức năng của nhà trường [H2.02.03.05]. Nhà trường thường xuyên cử cán bộ, giảng viên, chuyên viên tham gia các hội nghị, hội thảo, các chương trình tập huấn theo từng lĩnh vực đào tạo của nhà trường để bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn của đội ngũ quản lý, giảng viên và chuyên viên [H2.02.03.06]. Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên nhà trường tiến hành điều chỉnh nhân sự Ban chấp hành, Ban thường vụ; thành lập mới, sáp nhập các đơn vị trong tổ chức sau mỗi kỳ đại hội để phù hợp với cơ cấu và sự phát triển chung của nhà trường theo từng giai đoạn [H2.02.03.07].

Thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động số 07/QĐ-ĐHDT-HĐT, hiệu trưởng Trường đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện quy chế và yêu cầu các phòng, ban chức năng tổ chức rà soát lại hệ thống các quy định và văn bản pháp lý của nhà trường để điều chỉnh phù hợp với quy chế tổ chức hiện hành [H2.02.03.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

-Hệ thống quản trị của nhà trường bao gồm Hội đồng Trường, BGH, tổ chức Đảng, Đoàn thể và các hội đồng được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch và giảm thiểu rủi ro.

-Trường có hệ thống văn bản dùng để quản trị, tổ chức và quản lý hiệu quả các hoạt động của Trường.

-Hệ thống quản trị của nhà trường được rà soát thường xuyên và được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hoạt động đánh giá, rà soát hệ thống quản trị của nhà trường chưa thực hiện thường xuyên theo từng năm, chưa có bộ phận độc lập đánh giá cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức đánh giá toàn diện về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị và hệ thống văn bản của Trường.	Phòng Tổ chức phối hợp cùng Thanh tra pháp chế	Kết thúc năm học 2021-2022
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các hoạt động đánh giá, lấy phiếu tín nhiệm trong nội bộ, ghi nhận các phản hồi và ý kiến đóng góp để hoàn thiện cơ cấu tổ chức mới nhằm đưa trường vào giai đoạn phát triển mới thành công	BGH	Năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	5,75
Tiêu chí 2.1	6
Tiêu chí 2.2	6
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	6

Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Duy Tân được xây dựng theo đúng Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019. Kể từ cuối năm 2019, thực hiện chủ trương của nhà đầu tư về việc phân cấp quản lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng trường, BGH Trường Đại học Duy Tân đối với nhà đầu tư [H3.03.01.01]. Các chức danh quan trọng của nhà trường như Chủ tịch HĐQT, hiệu trưởng phải trình và được sự phê chuẩn của hội nghị đại hội đồng cổ đông của nhà đầu tư. Quy chế tổ chức hoạt động của nhà trường cũng được thông qua bởi đại hội đồng cổ đông [H3.03.01.02]. Nhà trường dựa trên nghị quyết và định hướng chiến lược của nhà đầu tư để xây dựng cơ cấu quản lý rõ ràng. Các đơn vị/bộ phận/các tổ chức của nhà trường được thành lập mới căn cứ trên kế hoạch, định hướng chiến lược phát triển đã được phê duyệt và phù hợp với từng giai đoạn [H3.03.01.03]. Đầu năm 2020, thực hiện chủ trương của nhà đầu tư, Chủ tịch HĐQT đã ban hành khuyến nghị về việc sắp xếp tái cấu trúc Trường Đại học Duy Tân theo hướng tinh gọn, định hướng phát triển nhà trường trở thành Đại học Duy Tân vào năm 2022 [H3.03.01.04]. Tiếp đó, từ tháng 5/2020 đến nay, HĐQT đã thống nhất chủ trương thành lập các trường đào tạo thành viên nhằm sớm thực hiện mục tiêu chiến lược cũng như sứ mạng và văn hóa đã đặt ra [H3.03.01.05]

Trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và hiệu trưởng cũng như phó hiệu trưởng được nêu rõ trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Duy Tân được nhà đầu tư thông qua. Chủ tịch hội đồng trường và các thành viên trong hội đồng trường được phân công trách nhiệm và quyền hạn cụ thể theo các mảng công việc nhằm đạt được mục tiêu chiến lược, tầm nhìn và sứ mạng đã đề ra [H3.03.01.06]; HĐQT phải tổ chức họp định kỳ nhằm giải quyết những vấn đề chính, cốt lõi trong chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân dựa trên nghị quyết của nhà đầu tư [H3.03.01.07]. Trên cơ sở định hướng của HĐQT, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng phải tiến hành họp công tác BGH thường xuyên; có quyết định phân công

mảng công việc cụ thể, các đơn vị được phân công giám sát và chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của các đơn vị này cho từng phó hiệu trưởng và hiệu trưởng [H3.03.01.08]. Bên cạnh đó, BGH ban hành quyết định thành lập Hội đồng khoa học & đào tạo nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược qua từng giai đoạn, thời kỳ cụ thể [H3.03.01.09]. Đối với các trường đào tạo, trên cơ sở định hướng của hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân ban hành các quy chế tổ chức hoạt động cho các trường đào tạo [H3.03.01.10]. Tương tự, về quy định chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị cụ thể thuộc Trường Đại học Duy Tân, Phòng Tổ chức tham mưu cho BGH ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị cấp 2; chức năng, nhiệm vụ của các lãnh đạo là trưởng, phó các đơn vị trong toàn trường [H3.03.01.11]. Đối với các đơn vị thuộc trường đào tạo thì bao gồm các khoa, trung tâm và phòng tổng hợp. Trong mỗi khoa đào tạo đều có Hội đồng khoa để thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho trưởng khoa trong việc thực hiện nhiệm vụ của khoa [H3.03.01.12]. Bên cạnh đó, mỗi khoa có các tổ bộ môn làm nhiệm vụ quản lý chuyên môn trong phạm vi được khoa giao [H3.03.01.13].

Để phân công công việc rõ ràng, tránh chồng chéo trong công tác quản lý. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân được phân định rõ vai trò và trách nhiệm trong việc quản lý điều hành, hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được phân công đảm nhận quản lý trực tiếp từng đơn vị và lĩnh vực cụ thể theo quyết định. Tương tự như vậy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, bộ phận cấp 2 trong Trường Đại học Duy Tân (bao gồm các trường đào tạo, phòng, ban) được mô tả, thể hiện trong chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị [H3.03.01.11]. Quy trình bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo được nhà trường thực hiện theo đúng quy trình, đúng tiêu chuẩn [H3.03.01.14], các chức danh lãnh đạo các đơn vị đều có tiêu chuẩn chức danh rõ ràng [H3.03.01.15]. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi giảng viên và chuyên viên, nhân viên trong nhà trường đều được phân định rõ ràng trong hợp đồng lao động [H3.03.01.16], các vị trí công việc đều có mô tả công việc để hướng dẫn thực hiện [H3.03.01.17]. Trường Đại học Duy Tân có hệ thống tài liệu mô tả quy trình và hướng dẫn thực hiện cho từng đầu việc giúp các cá nhân nắm bắt được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình [H3.03.01.18]. Nhiều quy trình được cập nhật, bổ sung để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của nhà trường và quy định mới của Nhà nước.

Những văn bản nêu trên được xây dựng dựa trên Quy chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường được phổ biến qua trang thông tin <https://dsns.duytan.edu.vn/> để cán bộ, giảng viên biết và thực hiện. Hệ thống thông tin, báo cáo của nhà trường được thể hiện trong hệ thống tài liệu quy trình, hướng dẫn, trong đó thể hiện cụ thể các công việc thực hiện theo mẫu nào, ai thực hiện, các bước thực hiện, báo cáo cho ai và thời gian thực hiện. Hệ thống tài liệu này được đăng tải lên trang thông tin <https://dsns.duytan.edu.vn/> có phân quyền đến các bộ phận. Cán bộ giảng viên có thể đăng nhập bằng tài khoản được cung cấp để xem những tài liệu liên quan đến công việc của mình phải thực hiện. Hệ thống văn bản đi, văn bản đến, quyết định, thông báo,... được cập nhật trên trang thông tin này. Tuy nhiên, nhà trường chưa ứng dụng triệt để các ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, số hóa và truyền tin nội bộ một cách đồng bộ và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trong các buổi họp giao ban hàng tháng, sơ kết học kỳ, tổng kết cuối năm, lãnh đạo nhà trường, cụ thể là Chủ tịch HĐT và hiệu trưởng đều rất quan tâm đến việc tuyên truyền, định hướng tầm nhìn, nhấn mạnh đến sứ mạng, giá trị cốt lõi cũng như mục tiêu chiến lược của nhà trường [H3.03.02.01]. Các nội dung công việc được triển khai trong tháng, học kỳ hoặc năm học phải đạt được những mục tiêu theo định hướng chiến lược mà Trường Đại học Duy Tân đã ban hành. Lãnh đạo nhà trường ban hành kế hoạch phân công các đơn vị, tổ chức đoàn thể trong trường tổ chức tuyên truyền tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa và mục tiêu chiến lược, trong đó có mốc thời gian hoàn thành cụ thể. Trên cơ sở đó, các đơn vị, tổ chức đoàn thể đã triển khai nhiều hình thức tuyên truyền, quán triệt và giải thích rõ ràng để cán bộ nhân viên, sinh viên, các bên liên quan biết và hiểu rõ nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa của trường bằng các hình thức: Thông qua các buổi sinh hoạt đầu khóa của sinh viên năm thứ nhất, các lãnh đạo khoa, phòng ban trực tiếp giới thiệu các nội dung chính về tầm nhìn và sứ mạng để sinh viên nắm và hiểu. Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi được in thành các bảng đặt tại vị trí trang trọng, được công bố trên cổng thông tin

điện tử, được lãnh đạo nhà trường giải thích và truyền thông cho cán bộ giảng viên thông qua trang <https://dsns.duytan.edu.vn/>. Văn phòng trường và các đơn vị liên quan như Khoa Khoa học xã hội và nhân văn tổ chức các cuộc thi viết, thuyết trình nhằm quảng bá tầm nhìn và sứ mạng cốt lõi của Trường Đại học Duy Tân cho các đối tượng là cán bộ, giảng viên cũng như sinh viên [H3.03.02.02].

Đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân ngoài trường, lãnh đạo Trường Đại học Duy Tân đã nhấn mạnh sứ mạng và mục tiêu chiến lược của nhà trường thông qua các buổi phỏng vấn của truyền hình. Trung tâm truyền thông đã thực hiện các video và clip giới thiệu về nhà trường và lồng ghép các nội dung quảng bá về sứ mạng, mục tiêu và tầm nhìn để phụ huynh, sinh viên, các cơ quan chức năng hiểu rõ [H3.03.02.03]. Ngoài ra, trong các buổi gặp mặt làm việc với các đối tác trong và ngoài nước, lãnh đạo nhà trường gửi đối tác brochure, tặng quà có in nội dung tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của trường. Đồng thời, tầm nhìn sứ mạng cũng được giới thiệu cho các bên liên quan thông qua trang thông tin điện tử; in trên brochure gửi tới các đối tác, các đơn vị trong các chuyến thăm làm việc, đối ngoại trong và ngoài nước, được sử dụng trong hoạt động quảng bá và tuyển sinh [H3.03.02.04]. Tuy nhiên, mức độ tiếp cận về các thông tin truyền thông, quảng bá về những điểm nổi bật về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của nhà trường cho các bên liên quan chưa đạt hiệu quả cao. Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, văn hóa được hiệu trưởng trực tiếp quán triệt tại hội nghị tổng kết công tác và hội nghị người lao động hàng năm, tại cuộc họp giao ban đầu năm, trong tuần sinh hoạt đầu khóa với toàn thể sinh viên mới nhập học và gửi sổ tay sinh viên qua email toàn thể sinh viên hoặc qua hệ thống myDTU [H3.03.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên.

HĐT, BGH giao trách nhiệm chính cho phòng tổ chức trong việc rà soát cơ cấu quản lý định kỳ hằng năm. Vào cuối mỗi học kỳ và năm học, phòng tổ chức có trách nhiệm báo cáo về cơ cấu quản lý cho các thành viên trong hội đồng trường, BGH và đội ngũ quản lý chủ chốt toàn trường [H3.03.03.01]. Dựa trên báo cáo của Phòng Tổ chức, HĐT tổng hợp và báo cáo với nhà đầu tư về vấn đề cơ cấu quản lý của Trường Đại học Duy Tân [H3.03.03.02]. Từ năm 2016 đến nay, BGH đã có 02 lần rà soát quy

mô lớn và thay đổi cơ cấu quản lý, tiêu biểu như năm 2020, trường đã thực hiện việc tái cấu trúc nhân sự quản lý theo hướng trẻ hóa, hàng loạt nhân sự trẻ, có năng lực đã được bổ nhiệm vào các chức vụ quản lý tại các khoa thuộc trường đào tạo, phòng ban chuyên môn [H3.03.03.03], cụ thể là việc hình thành tổ bộ môn mới [H3.03.01.13]; bổ nhiệm hiệu trưởng [H3.03.03.04]; bổ nhiệm lại các phó hiệu trưởng [H3.03.03.05]; hình thành các trường đào tạo thuộc Trường Đại học Duy Tân [H3.03.03.06]; hình thành các khoa mới trên cơ sở điều kiện cần phải mở rộng quy mô đào tạo [H3.03.03.07]; bổ nhiệm cán bộ quản lý theo nhiệm kỳ của hiệu trưởng [H3.03.03.08].

Trường đã rà soát quy chế tổ chức và hoạt động để điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế và quy định nhà nước hiện hành, đặc biệt là sau khi luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 có hiệu lực. Sau khi có sự thay đổi về cơ cấu lãnh đạo và quản lý nhà trường tiến hành rà soát điều chỉnh phân công nhiệm vụ trong BGH, đề xuất ban hành các quy định về chức năng nhiệm vụ đối với các tổ chức mới thành lập làm cơ sở vận hành hoạt động bộ máy [H3.03.03.09], cụ thể đã sửa đổi và ban hành mới chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn trên cơ sở tách và sáp nhập các đơn vị [H3.03.03.10], lấy ý kiến lãnh đạo các trường đào tạo, phòng ban chức năng như Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức, Phòng Kế hoạch tài chính,.. để có thể hình thành và ban hành quy chế tổ chức hoạt động của các trường đào tạo, làm cơ sở để phát triển Trường Đại học Duy Tân trở thành Đại học Duy Tân theo định hướng đã đề ra.

Hoạt động quản lý của các cấp lãnh đạo được cán bộ nhân viên cấp dưới đánh giá, nhận xét thông qua các cuộc họp trao đổi trực tiếp tại mỗi kỳ đánh giá hoàn thành công việc vào cuối mỗi năm, từ đó các lãnh đạo, các trưởng bộ phận thấy được điểm mạnh, điểm yếu trong công tác quản lý của bản thân năm vừa qua [H3.03.03.11]. Phòng Tổ chức và phòng thanh tra phối hợp với các đơn vị trong toàn trường để tiến hành lấy phiếu tín nhiệm của các chức danh quản lý tại các đơn vị theo định kỳ hàng năm nhằm đánh giá được mức độ tín nhiệm của các thành viên trong đơn vị đối với cán bộ quản lý tại đơn vị đó [H3.03.03.12]. Ngoài ra, ban thi đua có xây dựng bảng đánh giá thi đua cho các cán bộ quản lý, các bảng đánh giá này sẽ được nộp và tính điểm hàng tháng, đến cuối năm trường, phó các đơn vị được tổng kết điểm cũng như đánh giá các mặt mạnh, yếu của cá nhân qua năm học. Kết quả đánh giá nhằm để xét

trả lương/thưởng và xét các danh hiệu thi đua cuối năm [H3.03.03.13].

Căn cứ chiến lược phát triển, mục tiêu và sứ mạng của nhà trường và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch định biên lao động hàng năm, hiệu trưởng chủ trì việc quy hoạch đội ngũ lãnh đạo và cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc trong toàn trường [H3.03.03.14]. Ngoài ra để được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý và lãnh đạo, Phòng Tổ chức thực hiện lấy phiếu tín nhiệm của nhân viên trong bộ phận, cán bộ quản lý cấp trên, người đồng cấp của ứng viên. Mục tiêu của đánh giá này để đánh giá lại cán bộ lãnh đạo, kết quả của việc đánh giá này để làm căn cứ luân chuyển, quy hoạch cán bộ trong tương lai [H3.03.03.15]. Ngoài ra các vị trí quản lý đều có bản mô tả công việc được ban hành, trong đó quy định về cấp báo cáo, mục tiêu công việc, yêu cầu cần thiết về phẩm chất cá nhân, học vấn, kinh nghiệm, kiến thức liên quan tới vị trí, các kỹ năng về quản lý, nghiệp vụ cần thiết khi đảm nhiệm công việc, trách nhiệm công việc được giao, phạm vi ra quyết định để cán bộ quản lý có đầy đủ thông tin về vị trí công việc của mình.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn.

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến dựa trên kết quả rà soát đánh giá. Đội ngũ lãnh đạo của nhà trường là những người điều hành một hệ thống lớn và phức tạp, đồng thời thực thi các chính sách giáo dục đa dạng và mềm dẻo để giải quyết một cách chủ động và sáng tạo các vấn đề mới nảy sinh như: phân cấp quản lý, trách nhiệm xã hội, huy động nguồn lực, tin học hóa quản lý... Đội ngũ lãnh đạo đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo thực hiện thành công các quyết sách giáo dục và nâng cao hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của nhà trường. Vì vậy, rà soát và cải tiến cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý là hoạt động không thể thiếu của nhà trường. Cơ cấu lãnh đạo của nhà trường được thay đổi theo các thời kỳ, ví dụ, để hướng đến mục tiêu phát triển thành Đại học Duy Tân, hội đồng trường và BGH đã sắp xếp thành lập các trường đào tạo dựa trên các khoa, trung tâm nghiên cứu chức năng [H3.03.03.07]; thành lập phòng tổng hợp tại các trường đào tạo [H3.03.04.01] để tham mưu cho hiệu trưởng các trường đào tạo về các vấn đề liên quan.

Song song với việc cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý tại trường, thì các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được điều chỉnh và bổ sung nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả như mong muốn. BGH đã tổ chức cuộc họp nhằm phân công lại trách nhiệm cụ thể của từng thành viên [H3.03.01.08]. Phòng tổ chức phối hợp với các trưởng đơn vị mới thay đổi (sáp nhập, thành lập mới) để xây dựng chức năng, nhiệm vụ và giao các chỉ tiêu cụ thể cho từng thành viên quản lý [H3.03.01.11]. Một điểm nổi bật trong công tác này là phòng tổ chức đã thẩm duyệt và trình BGH phê duyệt quy chế tổ chức hoạt động của các trường đào tạo thành viên nhằm hướng đến mục tiêu đưa Trường Đại học Duy Tân thành Đại học Duy Tân.

Việc sắp xếp, bố trí tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm đối với cán bộ quản lý của nhà trường được thực hiện đúng theo quy định hiện hành. [H3.03.01.14] thể hiện nội dung, trình tự các bước, mối quan hệ và trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân, đơn vị, bộ phận có liên quan trong việc tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ sung, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cán bộ quản lý. Trong quá trình sắp xếp các chức danh quản lý, nhà trường chú trọng lựa chọn nguồn cán bộ đáp ứng các yêu cầu của chức danh, cán bộ có kinh nghiệm quản lý, cán bộ trẻ... Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường luôn được rà soát, điều chỉnh thường xuyên theo sự phát triển của cán bộ để kịp thời bổ sung nhân tố mới, chuẩn bị đội ngũ kế cận [H3.03.03.08]. Đối với cán bộ quản lý mới được bổ nhiệm sẽ được lãnh đạo cấp cao hơn hướng dẫn làm quen với công việc, tạo điều kiện cho cán bộ sớm hòa nhập và hoàn thành nhiệm vụ của mình [H3.03.03.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Cơ cấu quản lý rõ ràng, luôn phân định rõ vai trò, trách nhiệm từng bộ phận; quy trình ra quyết định, chế độ báo cáo thông tin luôn công khai minh bạch.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa tối đa hóa công nghệ trong chế độ báo cáo thông tin.

- Việc thông tin, tuyên truyền, kết nối với các bên liên quan trong khu vực và thế giới để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của nhà trường còn nhiều khó khăn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch và chuyển đổi việc báo cáo, lưu trữ hồ sơ dưới dạng tài liệu số dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin	Văn Phòng trường/Phòng Tổ chức	Giai đoạn 2022-2025
2	Khắc phục tồn tại 2	Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế để quảng bá trường cũng như giới thiệu rộng rãi sứ mạng tầm nhìn của trường	Phòng Hợp tác quốc tế	Năm học 2022-2023
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và cải tiến các quy trình, quy định nội bộ để các hoạt động trong trường được triển khai thông suốt và ổn định theo các định hướng chiến lược trong giai đoạn phát triển mới.	Phòng Tổ chức	Năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	<i>4,5</i>
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	4

Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trường Đại học Duy Tân đã tổ chức hướng dẫn xây dựng Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2016 -2020, tầm nhìn đến năm 2025, 2030 vào năm 2016. Nhà trường thành lập Ban Xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2016-2020 vào ngày 14/5/2016 và đã có văn bản giao cho Văn phòng HĐQT phụ trách công tác xây dựng, theo dõi, xây dựng kế hoạch chi tiết và thành lập Tổ Xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân [H4.04.01.01].

Lãnh đạo nhà Trường đã có văn bản quy định quy trình cơ bản xây dựng Kế hoạch chiến lược vào ngày 15/5/2016, đồng thời ban hành Hướng dẫn xây dựng “Chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2016-2020” [H4.04.01.02].

Quy trình xây dựng chiến lược/ kế hoạch chiến lược gồm các bước sau:

- Bước 1: Đánh giá thực trạng hoạt động và các nguồn lực của Trường
- Bước 2: Nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, khu vực miền Trung Tây Nguyên và của thành phố Đà Nẵng và đặc biệt chú ý đến nhu cầu về nguồn nhân lực của từng lĩnh vực.
- Bước 3: Quán triệt các văn bản quy pháp pháp luật của Nhà nước, Chỉ thị, Thông tư và các Quy định của Bộ ngành liên quan đến các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của nhà trường thuộc các lĩnh vực: Đào tạo, NCKH, Hợp tác quốc tế về đào tạo.
- Bước 4: Căn cứ vào kết quả của các bước 1, 2, 3 và định hướng của Hội đồng Trường và chỉ đạo của BGH về xây dựng và phát triển Trường, đơn vị được giao chủ trì dự thảo chiến lược phát triển nhà trường và xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai.

Để xây dựng kế hoạch chiến lược, nhà trường đã khảo sát ý kiến của các bên liên quan như: Đảng ủy Trường, Công Đoàn Trường, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên, Trưởng các đơn vị và cán bộ giảng viên, nhân viên và đã nhận được ý kiến đóng góp của các bên liên quan [H4.04.01.03]. Quá trình xây dựng chiến lược của nhà trường được thể hiện qua:

- Lịch làm việc cho ý kiến về định hướng kế hoạch chiến lược, các thành viên tham gia góp ý được thể hiện tại các biên bản họp;
- Các bản dự thảo do Ban soạn thảo lập;
- Các kết luận, nghị quyết của Đảng ủy, Nghị quyết của Hội đồng Trường và Thông báo kết luận của BGH.

Từ 2016 đến nay nhà trường đã xây dựng: Chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 được thống nhất thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-ĐHDT-HĐQT ngày 01/9/2016; được công bố tại Quyết định số 2841/QĐ-ĐHDT ngày 03/10/2016 [H4.04.01.04]. Chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được công bố tại Quyết định số 4072/QĐ-ĐHDT ngày 19/10/2019 [H4.04.01.05]. Tại Quyết định số 07/QĐ-ĐHDT-HĐT ngày 01/7/2021 của HĐT Trường Đại học Duy Tân ban hành kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giao đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.06].

Cùng với kế hoạch chiến lược tổng thể, nhà trường đã xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện theo các lĩnh vực như: Tài chính, Tổ chức Đào tạo, NCKH Hợp tác Quốc tế [H4.04.01.07].

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược chung của Trường, các đơn vị thực hiện xây dựng kế hoạch chiến lược của đơn vị trình BGH phê duyệt. Kế hoạch của các đơn vị hướng vào việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của nhà trường [H4.04.01.08].

Kế hoạch chiến lược được xây dựng, ban hành và còn hiệu lực phù hợp với tầm nhìn sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược đào tạo, NCKH và phục cộng đồng, cụ thể: Phát triển Trường Đại học Duy Tân phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; góp phần vào công cuộc đổi mới giáo dục đại học Việt Nam. Xây dựng một đại học đào tạo đa bậc, đa ngành, đa lĩnh vực để tăng cường các nguồn lực, phát triển đội ngũ cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, NCKH và công nghệ phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phát huy sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực của

nhà trường, phát huy tinh thần cộng đồng và uy tín của Trường Đại học Duy Tân; nâng cao tính tự chịu trách nhiệm xã hội và sáng tạo của các đơn vị; đẩy mạnh, liên kết, hợp tác toàn diện giữa các trường đào tạo thuộc Trường Đại học Duy Tân với các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương và các đối tác nước ngoài để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Phát triển toàn diện và bền vững, áp dụng các giải pháp mang tính đột phá; ưu tiên đầu tư phát triển các hướng NCKH trọng điểm, mũi nhọn; phát triển nhanh một số ngành, chuyên ngành, lĩnh vực, bộ môn, khoa và đơn vị đạt trình độ quốc tế đáp ứng nhu cầu xã hội. Trong 5 năm qua, nhà trường ban hành có 3 kế hoạch chiến lược (2016-2021, 2019-2025 và 2021-2025), các mục tiêu tổng thể, cụ thể của: Đào tạo, NCKH, Phục vụ cộng đồng đều bám sát vào mục tiêu của tầm nhìn, sứ mạng văn hóa. Hiện nay, nhà trường đang thực hiện theo Kế hoạch chiến lược 2021-2025.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2016 – 2019, giai đoạn 2019 – 2025, giai đoạn 2021- 2025 đã được nhà trường chuyển tải thành kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn và dài hạn cho từng lĩnh vực hoạt động cụ thể như: Nguồn nhân lực, tài chính, đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ và phục vụ cộng đồng [H4.04.02.01].

Toàn bộ Chiến lược, kế hoạch chi tiết từng lĩnh vực và kế hoạch hoạt động tháng hàng năm đều được công bố trên hệ thống xử lý văn bản nội bộ DSNS của Trường, tất cả các đơn vị đều có thể truy cập vào hệ thống để theo dõi, tiếp nhận thông tin và triển khai thực hiện. Hằng tháng, hằng quý các đơn vị cũng như nhà trường đều tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện của từng lĩnh vực [H4.04.02.02].

Trên cơ sở kế hoạch chiến lược, BGH chủ trì xây dựng kế hoạch năm học và giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể cho từng đơn vị. Căn cứ vào kế hoạch năm học của Trường, các đơn vị cụ thể hóa thành kế hoạch hoạt động của đơn vị mình trình hiệu trưởng phê duyệt thực hiện [H4.04.02.03]. Kết thúc học kỳ, năm học, các đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ và gửi báo cáo về Văn phòng trường để tổng hợp hình thành báo cáo chung của Trường. Trên cơ sở các báo cáo tổng kết năm học của

các đơn vị và báo cáo theo từng lĩnh vực của các phòng ban chức năng, BGH chủ trì các cuộc họp tổng kết theo từng lĩnh vực để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế chiến lược, hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn và dài hạn của nhà trường [H4.04.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phần đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD

Trong Kế hoạch Chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn, dài hạn đối với từng lĩnh vực hoạt động nhà trường đều thiết lập các chỉ tiêu phần đầu chính đảm bảo rõ ràng, có tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường. Trong giai đoạn 2016-2020, nhà trường tập trung vào các mục tiêu tổng quát theo từng lĩnh vực như nguồn nhân lực, CSVC, tài chính, đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế và hợp tác doanh nghiệp [H4.04.02.01].

Tháng 7 năm 2021, nhà trường ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với các chỉ tiêu được cải tiến nhằm đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường. Các KPIs, các chỉ tiêu phần đầu chính về nguồn lực, CSVC, tài chính, đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được nhà trường xây dựng đảm bảo tính rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi và có mốc thời gian thực hiện [H4.04.02.02].

Trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban Thi đua [H4.04.02.03] và xây dựng hệ thống thi đua nội bộ để tạo động lực cho cán bộ giảng viên, nhân viên phấn đấu thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu trong kế hoạch hằng năm và kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường. Trên cơ sở bộ tiêu chí thi đua các tiêu chí đánh giá cụ thể như khối lượng công việc, chất lượng công việc được giao, tiến độ hoàn thành công việc, thái độ, kỹ năng làm việc, kỹ năng quản lý, được qui đổi xếp loại đánh giá loại A, B, C, D tương ứng với mức độ hoàn thành công việc. Quy trình đánh giá: Cá nhân tự đánh giá, đơn vị họp bỏ phiếu đánh giá và gửi về ban thi đua, nhà trường tổ chức họp Hội đồng thi đua – khen thưởng và kỷ luật để đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ các đơn vị và cá nhân cho từng học kỳ, từng năm học, từ đó có phương hướng điều chỉnh, thực hiện các công việc tiếp theo và có chế độ động viên khuyến

khích; đồng thời tiến hành đánh giá hoàn thành chỉ tiêu của toàn trường [H4.04.02.04].

Đánh giá tổng thể mức độ thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm trong từng lĩnh vực thông qua các báo cáo tổng kết. Trên cơ sở đó nhà trường tổ chức họp đánh giá, so sánh, đối chiếu các chỉ số, chỉ tiêu của từng lĩnh vực để đưa ra để điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp trong từng giai đoạn phát triển của trường. Qua đó, nhà trường tổ chức các cuộc họp đánh giá nhiệm vụ chung của toàn trường theo từng lĩnh vực cụ thể của chiến lược phát triển, mức độ thực hiện các chỉ số, kế hoạch năm đối chiếu với kế hoạch hành động của chiến lược tổng thể giai đoạn 2019-2025 [H4.04.02.05].

Ngoài ra, hàng năm hiệu trưởng báo cáo HĐT về kết quả thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao trong đó phân tích những khó khăn thuận lợi, khó khăn, các chỉ số đạt được trên các lĩnh vực và đưa ra đề xuất, kiến nghị để hoàn thành kế hoạch chiến lược của trường. Trên cơ sở kết quả thực hiện và báo cáo tài chính đã được kiểm toán, HĐT họp chính thức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà trường [H4.04.02.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Trong quá trình thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở đánh giá giai đoạn 2016-2019 và để phù hợp với tình hình thực tế về định hướng phát triển của Trường. Tại đợt kiểm định trường vào tháng 12 năm 2016, nhà trường đã điều chỉnh tầm nhìn và sứ mạng vào ngày 01 tháng 9 năm 2017, lần điều chỉnh tiếp theo vào ngày 19 tháng 10 năm 2019 và lần điều chỉnh tiếp theo vào ngày 01 tháng 7 năm 2021. Tất cả các báo cáo rà soát đánh giá để phục vụ điều chỉnh về thực hiện các kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm, kế hoạch của từng lĩnh vực đều được công bố trên hệ thống quản lý nội bộ DSNS của nhà trường [H4.04.04.01].

Trường thực hiện việc cải tiến quá trình lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt mục tiêu chiến lược, trước hết bằng việc rà soát quy trình và văn bản hướng dẫn triển khai việc xây dựng kế hoạch chiến lược. Hướng dẫn tổ chức xây dựng Chiến lược phát triển

được điều chỉnh cơ bản vẫn giữ nguyên các bước xây dựng chiến lược phát triển của nhà trường như: Chuẩn bị, đánh giá hiện trạng, bối cảnh, xác định tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi, lập kế hoạch hành động, làm thủ tục ban hành và tổ chức thực hiện [H4.04.04.02].

Bên cạnh việc thực hiện điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng và bổ sung giá trị cốt lõi vào Chiến lược phát triển để phù hợp với định hướng phát triển và tình hình thực tế, nhà trường đã điều chỉnh quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược. Quy trình này cụ thể hóa các bước thực hiện, vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị và thời gian phối hợp hoàn thành kế hoạch hoạt động năm [H4.04.04.03].

Trường đã thực hiện đánh giá quá trình triển khai Chiến lược phát triển qua các giai đoạn. Trong đó, đã rà soát, đánh giá, xác định các thuận lợi, khó khăn để có giải pháp triển khai kế hoạch hành động theo từng lĩnh vực. Đồng thời, nhà trường đã đối sánh mức độ hoàn thành các chỉ số KPIs theo từng lĩnh vực: Công tác tổ chức bộ máy, đào tạo, tuyển sinh tổ chức đào tạo, CSVC, NCKH (thể hiện qua các bảng thống kê của từng lĩnh vực). Từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm để có các đề xuất, phương hướng, giải pháp thực hiện hiện nhằm nâng cao mức độ đạt được mục tiêu chiến lược của nhà trường [H4.04.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường có phân công nhiệm vụ quản lý chiến lược, quản lý tổng thể việc xây dựng, theo dõi kế hoạch chiến lược và định kỳ báo cáo tình hình thực hiện với lãnh đạo Trường.

- Có hướng dẫn chi tiết để xây dựng kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm và được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp để đạt được mục tiêu chiến lược của Trường.

- Các chỉ số và chỉ tiêu chiến lược được xây dựng và theo dõi qua các con số, thời gian cụ thể và được hướng dẫn chi tiết đảm bảo rõ ràng và phù hợp với tầm nhìn sứ mạng và các giá trị cốt lõi của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Trong quản trị chiến lược, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng khó xác định chỉ tiêu cụ thể.

- Việc rà soát, đánh giá chỉ tiêu chiến lược trong một số lĩnh vực còn chưa được thực hiện đồng bộ.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng chỉ tiêu về kết nối và phục vụ cộng đồng cho rõ ràng, đo đếm, đánh giá được	Phòng Công tác sinh viên, Đoàn thanh niên	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Ban hành văn bản giám sát thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch hằng năm. Cuối năm thực hiện tổng kết đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ cho từng lĩnh vực.	Văn phòng Trường chủ trì phối hợp với TT ĐBCL và các khoa phòng chức năng.	Năm 2022-2023
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục giao trách nhiệm để theo dõi việc thực hiện kế hoạch chiến lược để có giải pháp đôn đốc, hỗ trợ kịp thời để các kế hoạch, chiến lược của trường đạt các mục tiêu đã đề ra	BGH	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,25
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	4
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4

Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhằm thực hiện sứ mạng và kế hoạch chiến lược, BGH Trường Đại học Duy Tân đã lập các phòng ban chức năng nhằm tham mưu và triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể giao cho Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo, tham mưu về chính sách cho đối tượng giảng viên; giao cho Phòng KHCN tham mưu chính sách về lĩnh vực khoa học, công nghệ; giao cho Công đoàn và Đoàn thanh niên đề xuất các chính sách hướng đến việc phục vụ cộng đồng. Hơn nữa, bộ phận pháp chế thuộc Phòng Thanh tra có trách nhiệm tư vấn, điều tiết, kiểm soát hoạt động, kiểm tra các phòng ban trên liên quan đến việc xây dựng các chính sách theo đúng quy định của pháp luật [H5.05.01.01].

HĐT của Trường Đại học Duy Tân đã có những nghị quyết liên quan đến việc xây dựng chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng trong từng giai đoạn cụ thể phù hợp với những văn bản pháp quy của Nhà nước quy định và định hướng phát triển của nhà trường [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Trên cơ sở đó, BGH Trường Đại học Duy Tân đã thực hiện đúng chủ trương, tổ chức các buổi họp chuyên đề về việc chỉ đạo các phòng, ban chức năng liên quan tiến hành soạn thảo và trình BGH ban hành các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H5.05.01.04].

Dựa trên các văn bản quy định Luật Giáo dục [H5.05.01.05], Luật Giáo dục Đại học, các thông tư và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.06]; phù hợp với sự phát triển và mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Duy Tân. Nhà trường đã xây dựng hệ thống chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, cụ thể:

- Chính sách đào tạo: Phòng đào tạo kết hợp với các khoa, viện đào tạo có trách nhiệm chủ trì xây dựng, nghiên cứu và phát triển các CTĐT; ban hành các quy định về chính sách đào tạo phù hợp với các quy định của Nhà nước và sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường về việc điều chỉnh phụ cấp tiền lương [H5.05.01.07]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng xây dựng, điều chỉnh chính sách đào tạo với các đối tượng đặc thù như tiến sĩ [H5.05.01.08]; điều chỉnh chính sách chế độ tiền lương giảng dạy [H5.05.01.09]; phụ cấp cho các đối tượng có chức danh giáo sư, phó giáo sư

[H5.05.01.10],...

- Chính sách NCKH: Phòng KHCN có trách nhiệm chính trong việc tham mưu cho BGH ban hành các quyết định mang tính chất khuyến khích phát triển lĩnh vực NCKH của Trường, theo hướng tăng dần chi phí cho hoạt động NCKH, cụ thể trong Quyết định 3666/QĐ-ĐHDT ngày 01/11/2017 [H5.05.01.11]. Quy định này áp dụng cho tất cả các hoạt động NCKH của toàn trường.

- Chính sách phục vụ cộng đồng, Phòng Tổ chức phối hợp với Công đoàn, Đoàn thanh niên và các bộ phận chuyên trách tổ chức, xây dựng các kế hoạch cho cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng quyết định số 3334/QĐ-ĐHDT ngày 14/11/2016 quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H21.21.01.02].

Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đều được xây dựng theo quy trình lấy ý kiến từ các đơn vị, phòng ban chức năng, nhà khoa học trong và ngoài trường [H5.05.01.12] trong đó mô tả các bước tiếp nhận ý kiến góp ý, soạn thảo quy định/tài liệu, tổ chức lấy ý kiến dự thảo, hoàn thiện và phê duyệt, ban hành,... Bên cạnh đó, để thích ứng với sự thay đổi cho từng lĩnh vực đào tạo, ngành nghề đào tạo thì có một số thay đổi nhỏ về chính sách chưa nhận được ý kiến của các bên liên quan. nhà trường chỉ nhận được những góp ý chủ yếu từ bên trong, chưa nhận được các ý kiến nơi khác ngoại trừ thành phố Đà Nẵng và khu vực tỉnh thành lân cận.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Các đơn vị chức năng như Phòng Tổ chức, Phòng Đào tạo, Phòng KHCN, Công đoàn và Đoàn thanh niên triển khai và giám sát các mảng công tác được phân công theo chức năng, nhiệm vụ [H5.05.01.01]. Định kỳ báo cáo trước lãnh đạo nhà trường thông qua. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra nội bộ cũng là kênh giám sát sự tuân thủ của các đơn vị theo các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H5.05.02.01].

Để giám sát sự tuân thủ các chính sách được ban hành, nhà trường đã ban hành quy trình tương ứng, trong đó giao trách nhiệm cho các đơn vị như: Phòng Thanh tra,

Phòng Tổ chức, Trung tâm ĐBCL xây dựng kế hoạch kiểm soát theo từng học kỳ, năm học để kiểm soát sự tuân thủ các quy trình, chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H5.05.02.02].

Toàn bộ quy trình giám sát và các kế hoạch kiểm tra công khai, minh bạch, thực hiện khách quan chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được gửi cho các trường đơn vị có liên quan bằng văn bản; thông qua trang mạng công văn nội bộ để cán bộ, giảng viên và chuyên viên nắm thông tin và nội dung của các chính sách liên quan đến đào tạo [H5.05.02.03].

Hằng năm, các đơn vị có liên quan về việc thực thi chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng như Phòng Đào tạo, Phòng KHCN, Công đoàn và Đoàn thanh niên và các khoa, phòng, ban có báo cáo về việc triển khai thực hiện việc giám sát nội bộ gửi về phòng tổ chức và Văn phòng trường [H5.05.02.04]. Văn phòng trường tổng hợp và báo cáo cho BGH về mức độ tuân thủ việc phổ biến và thực hiện các chính sách trong toàn trường; ngoài ra các đơn vị chức năng như: Phòng Thanh tra, Phòng Tổ chức, Trung tâm ĐBCL báo cáo theo chuyên đề khác nhau [H5.05.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

Trường quy định định kỳ hằng năm hoặc hai năm một lần thực hiện việc rà soát dựa trên việc thu thập các ý kiến từ cán bộ, giảng viên, sinh viên và doanh nghiệp, nhưng các thay đổi lớn chủ yếu theo các thay đổi lớn ở các văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GD&ĐT, Luật Giáo dục đại học và trong đợt nhà trường thực hiện tái cấu trúc trong tháng 5/2020 theo chủ trương của HĐT. Nhà trường đưa vào kế hoạch hoạt động hằng năm; thực hiện sơ kết, tổng kết theo các đợt thay đổi chính sách. [H5.05.03.01], [H5.05.03.02] [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên và thay đổi nhằm đáp ứng kịp được xu hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước. Sau mỗi lần có quy định thay đổi của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện quy chế đào tạo các bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, nhà trường đều nghiên cứu và thay đổi để đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

Từ năm 2017 đến nay, đã có 02 lần thay đổi chính sách nói chung cũng như rất nhiều lần bổ sung các quy định để đảm bảo sự phù hợp của ngành nghề, từ đó đảm bảo theo xu hướng phát triển của xã hội. Quy định tốt nghiệp của nhà trường cũng được rà soát kiểm tra liên tục, như yêu cầu về tiếng Anh, Tin học [H5.05.03.05]. Quy định này phải đáp ứng cho từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể. Các chính sách về tuyển sinh được thay đổi hàng năm dựa trên tiêu chí của Bộ GD&ĐT và nhà trường. Ngoài ra nhà trường có các đợt thi tuyển cho ngành đặc thù như kiến trúc, xây dựng một số tiêu chí tuyển sinh cho những ngành đặc thù riêng (du học, liên kết,...). Nhà trường có các quy chế cho đào tạo hệ thạc sĩ, tiến sĩ [H5.05.03.06]. Chính sách cho giảng dạy các khối này cũng được ban hành với cơ chế đặc thù để có thể thu hút đội ngũ giảng viên và chuyên gia giỏi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tuân thủ theo các quy định của Bộ GD&ĐT [H5.05.03.07]. Định kỳ hằng năm, trên cơ sở tổng hợp các ý kiến từ những báo cáo của bộ phận, khoa, phòng ban liên quan đến việc thực hiện chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. BGH giao cho phòng tổ chức, phòng đào tạo, Phòng KHCN, Công đoàn và Đoàn thanh niên rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng có vướng mắc nào cần phải thay đổi. Ví dụ, nhà trường đã ban hành các chính sách tuyển dụng giảng viên nhằm theo kịp sự phát triển của từng ngành nghề đào tạo đặc thù như khối khoa học sức khỏe, công nghệ thông tin và Ngoại ngữ [H5.05.02.04], [H5.05.03.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Việc thay đổi chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hầu hết đều nhằm mục tiêu đáp ứng sứ mệnh và mục tiêu của nhà trường qua các thời kỳ khác nhau. Quy chế đào tạo, NCKH thay đổi lớn qua các thời kỳ. Năm 2013, nhà trường ban hành chính sách ưu tiên cho đào tạo [H5.05.04.01], đến năm 2014 nhằm mục tiêu phát triển chất lượng đội ngũ giảng viên nhằm hướng tới việc đưa Trường Đại học Duy Tân vào các bảng xếp hạng khu vực, quốc tế trường ban hành các chính sách nhằm khuyến khích các giảng viên nâng cao trình độ tiếng Anh cũng như NCKH [H5.05.04.02]. Tiếp đến năm 2017, với mục tiêu vào các bảng xếp hạng quốc tế, nhà

trường đã cải tiến các chính sách về đào tạo và khuyến khích NCKH có công bố quốc tế [H5.05.04.03]. Bên cạnh đó còn chú trọng đến chính sách đào tạo liên quan đến giảng viên thỉnh giảng, nhà trường đã ban hành quy định về chính sách đào tạo của giảng viên thỉnh giảng. Nhà trường cũng đã thay đổi một số đơn giá thỉnh giảng cho một số ngành đặc thù như thiết kế đồ họa, ngoại ngữ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H5.05.03.07]. Năm 2017, nhà trường ban hành quy định toàn diện về quản lý hoạt động KHCN của giảng viên theo quy định cụ thể về mức thưởng các bài báo trên các tạp chí ISI, Scopus; đề tài NCKH; sở hữu trí tuệ cũng như khai thác các hoạt động sở hữu trí tuệ [H5.05.01.11]. Tuy nhiên, một số ngành nghề đặc thù, trường vẫn chưa cho thấy sự bắt kịp về việc thay đổi chính sách nhằm thu hút được các nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Việc thay đổi chính sách đào tạo đã ảnh hưởng rất tốt đến tâm lý của cán bộ, giảng viên và nhân viên; thu hút được những nhân sự có chất lượng cao về làm việc tại trường, cụ thể đội ngũ có trình độ tiến sĩ trở lên chiếm tỷ lệ 30% tổng số nhân sự toàn trường [H5.05.04.04]. Thêm vào đó, sau khi phòng KHCN tham mưu ban hành chính sách về hoạt động KHCN của giảng viên với mục tiêu phát triển hơn nữa về số lượng và chất lượng các công trình NCKH nhằm giúp nhà trường có mặt trong các bảng xếp hạng đại học uy tín trên thế giới. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng bảng khảo sát để đánh giá sự hài lòng của các cán bộ, giảng viên, nhân viên trong toàn trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

1.Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường có bộ phận chuyên trách giám sát việc tuân thủ các chính sách thông qua việc kiểm tra từng học kỳ và năm học nhằm rà soát việc thực hiện các chính sách này tại các khoa, phòng, ban liên quan.

- Trường Đại học Duy Tân luôn đưa ra các chính sách phù hợp, linh hoạt để đạt được những mục tiêu chiến lược đã đề ra.

2.Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Mức độ rà soát, thay đổi các chính sách nhằm đáp ứng tốc độ phát triển của các

ngành đào tạo, trường thành viên chưa đạt được như mong đợi.

- Chưa xây dựng phiếu khảo sát đánh giá sự hài lòng về chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cho những nhóm đối tượng cán bộ, giảng viên và nhân viên cụ thể.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn cho các trường đào tạo, thuộc Trường Đại học Duy Tân trong việc triển khai các hoạt động đạt mục tiêu đề ra	Văn phòng Trường	Đầu năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng phiếu khảo sát cho từng đối tượng riêng và thực hiện khảo sát định kỳ hàng năm	Phòng Tổ chức	Tháng 8/2022
3	Phát huy các điểm mạnh	Thường xuyên rà soát các chính sách, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các mục tiêu chiến lược để các những giải pháp thích hợp nhằm giúp nhà trường duy trì việc đạt được các mục tiêu đã đề ra	BGH	Đầu mỗi học kỳ, bắt đầu từ năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	5

Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nguồn nhân lực đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển của nhà trường. Chiến lược phát triển trường qua các giai đoạn đều xác định rõ việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp, trong đó xây dựng lực lượng tài năng trẻ, lấy giảng viên là trọng tâm được xem là nhiệm vụ cốt yếu trong quy hoạch đội ngũ, có vai trò quyết định về chất lượng đào tạo, vị thế và thương hiệu của nhà trường. Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025 đề ra mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực có hàm lượng chất xám cao phục vụ đào tạo, nghiên cứu của nhà trường, mỗi năm công bố trên 500 bài báo thuộc danh mục ISI, Scopus,... [H6.06.01.01]. Để cụ thể hóa và hiện thực hóa các mục tiêu liên quan nguồn nhân lực, đầu mỗi năm học, Phòng Tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chính về công tác nhân sự, đều thực hiện kế hoạch đánh giá tổng thể nhân lực của toàn trường trên cơ sở các đánh giá nhu cầu nhân lực tại từng đơn vị trực thuộc. Kế hoạch tổng thể này đảm bảo xác định nguồn nhân lực cần thiết để đáp ứng hoạt động đào tạo, NCKH cũng như phục vụ cộng đồng cho từng đơn vị trong năm học đó [H6.06.01.02]. Đồng thời, báo cáo sơ kết học kỳ và báo cáo tổng kết hàng năm của từng đơn vị cũng như của Phòng Tổ chức đều có đánh giá cụ thể về tình hình đội ngũ, kết quả triển khai thực hiện các kế hoạch nhân sự và dự trù kế hoạch liên quan nhân sự cho học kỳ hoặc năm học tiếp theo [H6.06.01.03].

Căn cứ đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực tại các đơn vị, vào đầu mỗi năm học, Phòng Tổ chức xây dựng quy hoạch nhân sự toàn trường cũng như kế hoạch phát triển đội ngũ tại từng đơn vị trình BGH phê duyệt [H6.06.01.04]. Công tác quy hoạch nhân sự, bổ nhiệm cán bộ quản lý được nhà trường thực hiện chặt chẽ và bám sát yêu cầu thực tế nhằm đáp ứng các mục tiêu đã đề ra. Các nhân sự được quy hoạch, bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý phải đảm bảo các tiêu chuẩn được quy định trong bộ tiêu chuẩn chức danh đã ban hành [H6.06.01.05]. Nguồn nhân lực hiện nay được xây dựng để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, đảm bảo tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo quy định (20,85 sinh viên/giảng viên). Tính đến tháng 12/2021, Trường Đại học Duy Tân có 923 giảng viên cơ hữu chiếm 72,34% trên tổng số cán bộ cơ hữu. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, nhà trường cũng mời giảng viên thỉnh giảng có học hàm học vị

cao, có kinh nghiệm giảng dạy và kinh nghiệm thực tế từ các cơ sở giáo dục khác và các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước về giảng dạy. Đội ngũ các bộ phận hỗ trợ bao gồm các cán bộ phụ trách thư viện, công tác sinh viên, phát triển ứng dụng, đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin, văn phòng, hành chính, nhân sự, kế toán, truyền thông, văn hóa đoàn thể, phòng thực hành,... và các nhân viên phục vụ khác chịu trách nhiệm đảm bảo về điều kiện hạ tầng, CSVC trong trường, tạo điều kiện tốt nhất để giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Mặc dù nhà trường đã chủ động trong việc đề ra các kế hoạch, quy hoạch phát triển đội ngũ nhân sự tại các đơn vị, tuy nhiên, với một số ngành đặc thù như: du lịch, điều dưỡng, thiết kế thời trang vẫn bị động trong việc quy hoạch đội ngũ nhân sự bởi các lý do: việc tuyển dụng nhân sự có trình độ từ tiến sĩ trở lên còn khá khó khăn do số lượng nhân sự có trình độ cao trong các ngành này còn thấp; chính sách của nhà trường chưa đủ hấp dẫn để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao ở hai đầu đất nước. Để giải quyết cho vấn đề này, nhà trường triển khai cho các nhân sự tại các ngành này đi học nâng cao trình độ, tuy nhiên phương án này cần có thời gian triển khai.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Hoạt động tuyển dụng của nhà trường tuân thủ nghiêm ngặt Quy trình tuyển dụng số QT.005 và lựa chọn nhân sự hiện hành [H6.06.02.01]. Hoạt động tuyển dụng được xác định dựa trên kế hoạch tuyển dụng và kế hoạch phát triển đội ngũ hàng năm đã được BGH phê duyệt [H6.06.02.02]. Đối với từng vị trí cụ thể, dựa trên các bản mô tả công việc đã được xây dựng, các đơn vị gửi phiếu yêu cầu tuyển dụng cho bộ phận tuyển dụng của Phòng Tổ chức để thực hiện tuyển dụng [H6.06.02.03]. Sau khi nhận yêu cầu, bộ phận tuyển dụng của Phòng Tổ chức đăng tuyển thông tin công khai lên website tuyển dụng của nhà trường với các yêu cầu và tiêu chí rõ ràng, cụ thể. Phòng Tổ chức tập hợp hồ sơ, lựa chọn những hồ sơ phù hợp với vị trí tuyển dụng để tổ chức phỏng vấn và thi kiểm tra đầu vào [H6.06.02.04]. Đối với vị trí giảng viên, do yêu cầu đặc thù về giảng dạy người học, nhà trường yêu cầu ứng viên cần tham gia các buổi phỏng vấn chuyên môn, thực hiện giảng thử với sự tham gia trực tiếp của tổ bộ môn và

lãnh đạo khoa để đánh giá khả năng học thuật, kỹ năng sư phạm, phẩm chất đạo đức,... [H6.06.02.05]. Căn cứ vào kết quả lựa chọn ứng viên ở các vị trí, Phòng Tổ chức tiến hành đàm phán, thỏa thuận các chế độ chính sách với ứng viên và ban hành quyết định tuyển dụng chính thức [H6.06.02.06].

Để quyết định đề bạt, bổ nhiệm hay sắp xếp nhân sự, ngoài việc xem xét tính phù hợp của cá nhân với vị trí mới (vị trí công việc hiện tại, thành tích trong quá khứ, khả năng đáp ứng công việc trong tương lai), nhà trường thực hiện việc đánh giá toàn diện về ứng viên được bổ nhiệm theo các tiêu chuẩn được quy định trong bộ tiêu chuẩn chức danh [H6.06.01.05]. Theo Quy trình số QT.009 về điều động và bổ nhiệm cán bộ, Phòng Tổ chức nhận tờ trình đề xuất bổ nhiệm/điều động nhân sự từ phía đơn vị. Sau khi nhận tờ trình, Phòng Tổ chức làm việc trực tiếp với nhân sự và đơn vị để tham khảo ý kiến cá nhân và đơn vị trước khi trình lãnh đạo trường phê duyệt [H6.06.02.07]. Trong một số trường hợp cần cân nhắc thêm về năng lực lãnh đạo của ứng viên, nhà trường thực hiện bổ nhiệm tạm thời hoặc bổ nhiệm dưới chức danh “Quyền” đối với nhân sự được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo mới [H6.06.02.08].

Công tác tuyển dụng của nhà trường xuất phát từ nhu cầu thực tế, tuân thủ chặt chẽ quy trình tuyển dụng, sử dụng biểu mẫu thống nhất. Các quy trình, quy định liên quan đến tuyển dụng được phổ biến rộng rãi đến tất cả các đơn vị trong toàn trường. Mỗi đơn vị khi có nhu cầu tuyển dụng đều phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục trong quy trình tuyển dụng của nhà trường. Thông tin tuyển dụng khi đăng tải đảm bảo đầy đủ thông tin, rõ ràng các nội dung về số lượng tuyển và các yêu cầu cơ bản đối với vị trí tuyển dụng. Thông tin tuyển dụng được Phòng Tổ chức thông báo công khai trên kênh tuyển dụng chính thống của nhà trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.02.09]. Các thông tin liên quan đến việc bổ nhiệm, sắp xếp, luân chuyển đội ngũ trong trường cũng đều được thông tin cụ thể thông qua hệ thống email của lãnh đạo các đơn vị; đối với các quyết định bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị, Phòng Tổ chức công bố quyết định trong các buổi họp giao ban hàng tháng và gửi văn bản, quyết định đến từng đơn vị, cá nhân liên quan, tuy nhiên chưa thực hiện việc công khai các quyết định này lên mạng công văn nội bộ của trường [H6.06.02.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.

Nhà trường có quy định về tiêu chuẩn năng lực của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau thể hiện trong văn bản tiêu chuẩn chức danh và quy chế tổ chức hoạt động [H6.06.01.05], [H6.06.03.01]. Căn cứ vào quy định này, khi tuyển dụng, nhà trường yêu cầu mô tả các năng lực, kỹ năng,... theo từng đối tượng cụ thể, đối với tuyển dụng lãnh đạo, nhà trường còn yêu cầu thêm các kỹ năng, kinh nghiệm về lãnh đạo. Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, mỗi người đều phải có bản mô tả công việc, mô tả các đầu việc phải làm, độ khó đầu việc, tần suất thực hiện cụ thể. Đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhà trường yêu cầu làm lý lịch khoa học trong đó có mô tả rõ các năng lực và kinh nghiệm về nghiên cứu và giảng dạy của mỗi người [H6.06.03.02].

Tiêu chuẩn chức danh quy định về các tiêu chuẩn, năng lực đối với các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau trong toàn trường [H6.06.01.05]. Đối với các vị trí trưởng, phó của các phòng – ban, giám đốc trung tâm, tiêu chuẩn chung được quy định gồm có: tốt nghiệp trình độ thạc sĩ trở lên (riêng một số trung tâm, phòng ban yêu cầu trưởng đơn vị có trình độ tiến sĩ), giao tiếp được bằng tiếng Anh và đảm bảo tiêu chuẩn về tiếng Anh của nhà trường, có thâm niên làm quản lý, tuổi đời không quá 60 đối với nam và không quá 55 đối với nữ. Đối với vị trí giảng viên, tiêu chuẩn chức danh có các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, nhân thân cũng như trình độ chuyên môn theo quy định của Luật giáo dục Đại học sửa đổi. Theo đó, quy định giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT đại học đều phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ. Bên cạnh trình độ chuyên môn, giảng viên còn được yêu cầu phải sử dụng thành thạo tin học văn phòng để phục vụ hoạt động đào tạo và có thể sử dụng tốt ngoại ngữ trong giao tiếp và trao đổi khoa học. Đối với tiêu chuẩn về năng lực tiếng Anh, nhà trường đã ban hành quy định về điểm chuẩn tiếng Anh cho từng đối tượng [H6.06.03.03]. Đây là yếu tố quan trọng để nhà trường lựa chọn và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, giỏi về chuyên môn, giàu kinh nghiệm công tác và phẩm chất đạo đức tốt để xây dựng và phát triển trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Theo bộ tiêu chuẩn các chức danh, nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và nhân viên toàn trường, nhà trường giao nhiệm vụ cho trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm rà soát, xác định nhu cầu và xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân sự của đơn vị mình. Sau khi rà soát, trưởng đơn vị lập văn bản đề nghị Phòng Tổ chức tiến hành các thủ tục về đào tạo, bồi dưỡng theo đúng các quy định của nhà trường. Phòng Tổ chức căn cứ vào đánh giá nhu cầu nhân lực của từng đơn vị và kế hoạch phát triển đội ngũ hàng năm đã được phê duyệt để làm việc cụ thể với các cá nhân và đơn vị liên quan để hoàn chỉnh các thủ tục cần thiết đúng theo quy định của Nhà nước và của nhà trường. Đối với các trường hợp đảm bảo yêu cầu, Phòng Tổ chức trình hiệu trưởng ban hành các quyết định cử đi đào tạo và ký hợp đồng đào tạo (đối với trường hợp xin hỗ trợ kinh phí) theo đúng quy định [H6.06.04.01]. Để thuận lợi trong việc triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên, nhà trường đã ban hành quy định cụ thể về đào tạo đội ngũ, trong đó đặc biệt quy định về hỗ trợ kinh phí tham gia các khóa học, đào tạo, tham dự hội nghị, tập huấn,... [H6.06.04.02].

Theo như Kế hoạch chiến lược 2016-2020 tầm nhìn 2025, công tác đội ngũ của nhà trường phải đảm bảo các yêu cầu: (1) Quy hoạch phải gắn liền với các chính sách nhằm sắp xếp đội ngũ theo đúng với nhiệm vụ mà Bộ GD&ĐT giao, đảm bảo cho mọi hoạt động của nhà trường từ đào tạo đến nghiên cứu và dịch vụ; (2) Quy hoạch phải gắn liền với đào tạo đội ngũ giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ và dịch vụ tại trường, trong nước và ngoài nước đạt chuẩn mà nhà trường đã quy định,... Hàng năm, nhà trường đã tiến hành xây dựng các kế hoạch bám sát theo kế hoạch chiến lược đã đề ra. Ngoài ra, nhà trường yêu cầu xây dựng kế hoạch năm học cấp đơn vị, trong đó yêu cầu phải có quy hoạch việc đào tạo và phát triển đội ngũ. Trong Kế hoạch năm học 2020 – 2021, nhà trường định hướng nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất

lượng cao; hội nhập quốc tế trong đào tạo,... Kết quả đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của nhà trường tăng về số lượng và chất lượng, trong năm 2017, số lượng giảng viên, nghiên cứu viên là 769 người, trong đó trình độ tiến sĩ trở lên chiếm 22,39%, đến năm 2021, số lượng giảng viên, nghiên cứu viên tăng lên 923 người, trong đó trình độ từ tiến sĩ trở lên chiếm 28,71% [H6.06.04.03], [H6.06.04.04].

Căn cứ kế hoạch đào tạo của nhà trường, các đơn vị tổ chức rà soát và đề xuất các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị mình lập văn bản đề nghị gửi cho Phòng Tổ chức để triển khai thực hiện các thủ tục liên quan [H6.06.04.05]. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn trong 5 năm qua cụ thể như sau:

Bảng 6. 1. Thống kê số lượt cử cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng qua các năm

Nội dung thống kê	Năm				
	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo trong nước	145	56	189	15	0
Số lượng cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngoài nước	16	21	31	0	0

Trong số cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo ở nước ngoài, chủ yếu là đi đào tạo, tập huấn các chương trình tiên tiến của các đại học danh tiếng như: CMU, CSU, PSU, PNU,... toàn bộ kinh phí của các đợt đào tạo, tập huấn này do nhà trường hỗ trợ 100% và đưa vào chi phí đào tạo [H6.06.04.06]. Trong năm học 2020 - 2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhà trường không thường xuyên thực hiện việc cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài, thay vào đó là tập huấn cho 100% đội ngũ cán bộ, giảng viên cách sử dụng thiết bị giảng dạy trực tiếp và trực tuyến [H6.06.04.07].

Từ 2017 đến nay, nhà trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi học thạc sĩ, tiến sĩ ở trong và ngoài nước thông qua chi phí do nhà trường hỗ trợ hoặc cá nhân xin được học bổng [H6.06.04.08], số liệu thống kê được thể hiện trong Bảng 6.2

Bảng 6. 2. Thống kê số lượng giảng viên đi học thạc sĩ, tiến sĩ qua các năm

Nội dung thống kê	Năm				
	2017	2018	2019	2020	2021

Số lượng cán bộ nhân viên được cử đi học thạc sĩ trong nước	15	3	19	7	8
Số lượng cán bộ nhân viên được cử đi học thạc sĩ ngoài nước	4	0	2	0	0
Số lượng cán bộ nhân viên được cử đi học tiến sĩ trong nước	2	0	1	1	2
Số lượng cán bộ nhân viên được cử đi học tiến sĩ ngoài nước	5	1	5	2	2

Ngoài ra, nhà trường có liên hệ với các đơn vị để tổ chức đào tạo bổ sung các nghiệp vụ còn thiếu đối với giảng viên. Năm 2019, nhà trường thực hiện việc rà soát những giảng viên, trợ giảng chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học để mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Sau khi rà soát, nhà trường đã liên hệ với Trường Đại học Vinh, tổ chức đào tạo bổ sung chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học cho 168 cán bộ, giảng viên [H6.06.04.09].

Tùy vào tính chất công việc và yêu cầu của cá nhân, đơn vị, trong 5 năm qua một số trường hợp được nhà trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhiều lần (đặc biệt là các giảng viên trẻ, thuộc diện quy hoạch,...). Tuy nhiên, một số trường hợp chưa được đưa đi đào tạo do tính chất công việc. Mặc dù không được đưa đi đào tạo, nhà trường vẫn tổ chức các đợt tập huấn ngắn hạn tại chỗ, ví dụ như: nghiệp vụ sư phạm, tập huấn phòng cháy chữa cháy, tổ chức các tọa đàm, báo cáo chuyên đề,... Trong giai đoạn 2016 - 2021, tổng chi cho đào tạo phát triển đội ngũ mà nhà trường đã chi là 36,5 tỷ đồng, tăng gấp hơn 7 lần so với giai đoạn 2010 - 2015.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành bộ tiêu chí thi đua hàng tháng nhằm đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên và nhân viên toàn trường thông qua 09 mẫu đánh giá theo từng nhóm đối tượng cụ thể gồm: trưởng khoa, phó khoa, trưởng bộ môn, giảng viên, giáo vụ, trưởng đơn vị hành chính, phó đơn vị hành chính, nhân viên,

cán bộ nghiên cứu [H6.06.05.01]. Ngoài ra, cuối mỗi năm học, ban thi đua còn đánh giá kết quả của từng cá nhân đối với việc triển khai thực hiện các hoạt động trọng tâm của Nhà trường gồm: NCKH, quan hệ doanh nghiệp, tìm việc làm cho sinh viên, cố vấn học tập, năng lực tiếng Anh, thao giảng,... [H6.06.05.02]. Riêng đối với đội ngũ giảng viên, nhà trường còn thực hiện việc triển khai lấy ý kiến đánh giá của người học. Đây là một trong những kênh thông tin hữu hiệu để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ giảng viên của nhà trường. Việc lấy ý kiến của người học được thực hiện hàng năm, yêu cầu mỗi giảng viên sẽ được lấy ý kiến ít nhất 01 lần. Các tiêu chí lấy ý kiến xoay quanh các mục: phương pháp giảng dạy, nội dung giảng dạy, các hoạt động liên quan,... kết quả đánh giá được tổng hợp gửi về khoa chủ quản và BGH để vừa đánh giá chất lượng đội ngũ vừa có thể có những giải pháp kịp thời nhằm nâng cao chất lượng giảng viên [H6.06.05.03]. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, cuối mỗi năm học nhà trường tiến hành lấy phiếu tín nhiệm. Việc bỏ phiếu tín nhiệm được tổ chức ngay tại đơn vị và người bỏ phiếu là các thành viên trong đơn vị đó. Việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm được triển khai trên tinh thần dân chủ, minh bạch, rõ ràng, ý kiến của người bỏ phiếu được ghi nhận và giữ kín [H6.06.05.04]

Bộ tiêu chí thi đua được công khai, giải thích đầy đủ và được gửi về cho tất cả các đơn vị, cán bộ, giảng viên, nhân viên trong toàn trường. Quy trình đánh giá thi đua được thực hiện đồng bộ ở tất cả các đơn vị hàng tháng. Cụ thể, sau khi mỗi cá nhân tự chấm điểm, trưởng đơn vị đánh giá lại phiếu chấm điểm của từng thành viên. Sau đó, trưởng đơn vị tổ chức họp, công khai điểm, nhận xét và tổ chức bình bầu nhân vật tiêu biểu nhất của đơn vị trong tháng đó. Việc bình bầu được triển khai theo tinh thần dân chủ, mỗi cá nhân sẽ tự bỏ phiếu kín để bầu nhân vật tiêu biểu trong tháng của đơn vị mình [H6.06.05.05]. Các đơn vị chuyên trách theo dõi các mảng công tác của nhà trường công khai điểm chấm hàng tháng trên mạng nội bộ vào ngày 22 hàng tháng để các cá nhân, đơn vị phản hồi trước khi chấm điểm tại ban thi đua [H6.06.05.06]. Cuối mỗi năm học, ban thi đua tổng hợp và gửi kết quả thi đua về cho trưởng các đơn vị, nếu có thắc mắc về điểm thi đua, các cá nhân có thể phản hồi trực tiếp về ban thi đua.

Căn cứ vào bảng điểm thi đua hàng tháng, ban thi đua tiến hành rà soát lại điểm chấm này so với điểm theo dõi tại các đơn vị chức năng và tính điểm cuối cùng của

từng cá nhân. Cuối năm học, ban thi đua tổng kết điểm thi đua trung bình cả năm và thực hiện việc xếp hạng thi đua cá nhân, đơn vị dựa theo Bảng 6.3. [H6.06.05.07]

Bảng 6. 3. Phân bậc thi đua

TT	Điểm thi đua	Xếp loại
1	95 – 100	A+
2	90 – 94.99	A
3	85 – 89.99	A-
4	80 – 84.99	B+
5	75 – 79.99	B
6	70 – 74.99	B- (trên 70)
7	65 – 69.99	B- (dưới 70)
8	55 – 64.99	C+
9	50 – 54.99	C
10	Dưới 50	D

Ngoài việc triển khai công tác thi đua hàng tháng, nhà trường còn yêu cầu các cá nhân, đơn vị thực hiện báo cáo công việc như sau:

- Đối với cá nhân: Cuối mỗi tháng, tất cả cán bộ, nhân viên thực hiện việc báo cáo, tự đánh giá kết quả công việc bản thân thực hiện trong tháng, lập kế hoạch hoạt động trong tháng tới và nộp báo cáo (file mềm) về Phòng Tổ chức qua hệ thống quản lý công văn hoặc email của Phòng Tổ chức [H6.06.05.08].

- Đối với các đơn vị: Cuối mỗi tháng, các đơn vị phải thực hiện báo cáo các hoạt động mà đơn vị đã thực hiện trong tháng. Bên cạnh đó, sau mỗi cuộc họp giao ban giữa lãnh đạo nhà trường và đội ngũ cán bộ quản lý, trưởng các đơn vị triển khai nội dung cuộc họp lại cho các thành viên trong đơn vị và bắt buộc phải nộp biên bản triển khai họp về Phòng Tổ chức. Cuối mỗi học kỳ, năm học, tất cả các đơn vị phải thực hiện việc báo cáo sơ kết, tổng kết năm học và lập kế hoạch hoạt động trong năm học mới. Riêng đối với các khoa, trong báo cáo cuối năm còn được yêu cầu báo cáo thêm 38 tiêu chí liên quan đến công tác đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ,... [H6.06.05.09].

Kết quả xếp loại thi đua được nhà trường sử dụng để làm căn cứ tính lương, thưởng, phụ cấp và phân công công việc. Đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc, được khen thưởng vào giữa năm học hoặc cuối năm học. Các cá nhân có thành tích nổi bật còn được xem xét khen thưởng thêm các giải thưởng như: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, thao giảng tốt, hướng dẫn sinh viên đạt các giải thưởng, quan hệ doanh nghiệp,

NCKH xuất sắc,... [H6.06.05.10]. Với việc triển khai đánh giá thi đua từ cấp cơ sở, nhiều cá nhân của nhà trường đã được vinh dự nhận Bằng khen của thành phố Đà Nẵng, của Bộ GD&ĐT, Cờ thi đua của Chính phủ [H6.06.05.11].

Kết quả đánh giá hiệu quả công việc cũng như kết quả thi đua hàng năm của từng cá nhân là một trong những cơ sở để nhà trường xây dựng quy hoạch nhân lực và lập kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cho những năm tiếp theo. Kết quả thi đua này cũng được sử dụng để phân loại đội ngũ, qua đó làm căn cứ cho việc chi trả lương, phân bổ giờ dạy đối với cán bộ, giảng viên. Bên cạnh việc cử đội ngũ đi đào tạo, các chính sách khuyến khích được triển khai hợp lý đã giúp nhà trường gia tăng quy mô đội ngũ có trình độ cao, có năng lực NCKH nhờ vậy mà những năm gần đây nhà trường đã có nhiều đề tài NCKH, công trình phục vụ cộng đồng như: Chế tạo máy thở hỗ trợ điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19, sản xuất xe lăn điện tặng cho người khuyết tật, ra mắt bộ phim “Những cánh én đầu tiên” - bộ phim tài liệu lịch sử tái hiện trận chiến trên không ở cầu Hàm Rồng,...[H6.06.05.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được định kỳ rà soát vào cuối mỗi năm học, cụ thể:

- Nhà trường thực hiện việc rà soát và điều chỉnh mức lương tháng tối thiểu cho cán bộ, giảng viên phù hợp với các lần điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng của Chính phủ. Bên cạnh đó, nhà trường cũng thường xuyên rà soát lại mức đóng bảo hiểm xã hội của cán bộ, giảng viên cho phù hợp với các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội [H6.06.06.01].

- Đối với đội ngũ nghiên cứu viên và tiến sĩ nước ngoài, nhà trường thường xuyên rà soát, thỏa thuận các hợp đồng lao động và chính sách tiền lương, thưởng đối với từng trường hợp cụ thể. Cuối mỗi năm hợp đồng, nhà trường thực hiện việc kiểm tra kết quả thực hiện hợp đồng của từng cá nhân để điều chỉnh các chính sách mới cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Quy trình tuyển dụng và các biểu mẫu đính kèm cùng với các quy trình nghiệp vụ ISO cấp trường được rà soát định kỳ cuối năm học và thông qua các đợt kiểm tra nội bộ của trường [H6.06.06.02].

- Các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý nhân sự cũng được xây dựng và rà soát, cập nhật định kỳ cho phù hợp với quy mô quản lý nguồn nhân lực ngày càng tăng cao [H6.06.06.03].

- Năm 2015, nhà trường ban hành Quyết định số 501/QĐ-ĐHDT quy định về chính sách đào tạo, bồi dưỡng. Sau thời gian triển khai thực hiện, một số điểm không còn phù hợp với tình hình thực tế, nhà trường giao Phòng Tổ chức nghiên cứu, điều chỉnh một số chính sách cho phù hợp hơn. Sau khi rà soát, năm 2021, nhà trường ban hành Quyết định số 3269/QĐ-ĐHDT quy định đào tạo, bồi dưỡng thay thế cho quy định ban hành năm 2015 [H6.06.06.04].

Việc tiếp thu ý kiến, đề xuất về chế độ chính sách, quy hoạch nguồn lực của nhà trường được thực hiện qua các phương thức sau:

- Một là, thông qua trưởng đơn vị đề xuất bằng văn bản về Phòng Tổ chức hoặc đề xuất trực tiếp trong các buổi họp giao ban [H6.06.06.05].

- Hai là, các cá nhân đăng ký lịch gặp lãnh đạo trường thông qua Văn phòng trường để trực tiếp gặp lãnh đạo để đề xuất các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách của cá nhân.

- Sau khi tổng hợp từ các nguồn thông tin này, lãnh đạo nhà trường họp và đề ra các giải pháp cho các vấn đề về chế độ, chính sách, quy hoạch nguồn nhân lực cho các trường hợp riêng biệt hoặc cho toàn trường. Việc tiếp thu các ý kiến, đề xuất về các chế độ, chính sách mới được triển khai theo phạm vi hẹp, nhà trường chưa tổ chức được các đợt khảo sát hoặc gặp mặt toàn trường để lấy ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, giảng viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Thông qua các ý kiến đóng góp trong các cuộc họp giao ban, báo cáo hàng tháng

của các đơn vị, nhà trường đã thực hiện việc điều chỉnh các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, cụ thể:

Ban hành quy định về việc điều chỉnh chính sách tiền lương cho các ngành đặc thù của các trường đào tạo thành viên: Trường Khoa học máy tính; Trường Ngoại ngữ và Trường Công nghệ nhằm thu hút đội ngũ có chất lượng cao về làm việc [H6.06.07.01].

Đối với chính sách về đào tạo đội ngũ, qua rà soát, nhà trường đã tiến hành điều chỉnh một số điểm chưa phù hợp bằng việc ban hành quy định mới về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ. Một số thay đổi trong chính sách đào tạo mới như:

a) Đối với đào tạo trình độ tiến sĩ tập trung:

– Học tại Hà Nội hoặc Thành phố Hồ Chí Minh: mức phụ cấp tăng từ 5.000.000 đồng/tháng lên mức 7.500.000 đồng/tháng (tăng 50% so với mức cũ).

– Học tại các địa phương khác: mức phụ cấp tăng từ 4.000.000 đồng/tháng lên mức 6.000.000 đồng/tháng (tăng 50% so với mức cũ).

b) Đối với đào tạo tiến sĩ không tập trung:

– Học tại Hà Nội hoặc Thành phố Hồ Chí Minh: mức phụ cấp theo ngày tăng từ 200.000 đồng/ngày lên thành 250.000 đồng/ngày (tăng 25% so với mức cũ).

– Học tại các địa phương khác: mức phụ cấp theo ngày tăng từ 170.000 đồng/ngày lên thành 200.000 đồng/ngày (tăng 17,6 % so với mức cũ)

Đồng thời, thời gian cam kết làm việc tại trường đối với các nhân sự được cử đi đào tạo được quy định rõ ràng, cụ thể cho từng hình thức đào tạo và hợp lý hơn so với quy định cũ [H6.06.04.02], [H6.06.06.04].

Đối với công tác tuyển dụng, nhà trường thực hiện việc điều chỉnh từ việc tập trung tuyển đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng viên có trình độ tiến sĩ trong nước sang tuyển chọn đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng viên học tiến sĩ ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có trình độ tiến sĩ về làm việc. Bên cạnh việc tăng cường nguồn nhân lực quốc tế, đối với một số đơn vị đặc thù, nhà trường đã mạnh dạn bổ nhiệm người nước ngoài giữ vai trò cán bộ quản lý nhằm thay đổi và phát triển các đơn vị này theo hướng hội nhập quốc tế [H6.06.07.02].

Liên quan đến NCKH, nhà trường thực hiện việc giao chỉ tiêu bài báo khoa học có hàm lượng khoa học cao hơn cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu. Trước đây, trong hợp đồng ký kết với các nghiên cứu viên, nhà trường chấp nhận tính các bài báo thuộc nhóm Q3 đăng trên các tạp chí quốc tế ISI (SCI/SSCI/SCIE) vào bài báo chỉ tiêu hàng năm. Hiện tại, nhà trường đã điều chỉnh trong hợp đồng nghiên cứu chỉ chấp nhận các bài báo thuộc nhóm Q1, Q2 của tạp chí quốc tế ISI [H6.06.07.03]. Với việc đẩy mạnh việc hợp tác nghiên cứu và tuyển dụng đội ngũ nghiên cứu viên ở 2 đầu đất nước; thành lập các viện nghiên cứu chuyên sâu phục vụ việc đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Kết quả quá trình này đã giúp cho Trường Đại học Duy Tân có được nhiều đề tài NCKH cấp nhà nước, các công trình nghiên cứu phục vụ cộng đồng, nhiều bài báo khoa học quốc tế được đánh giá cao (IF, Q1, Q2,...), tăng chỉ số xếp hạng trên các bảng xếp hạng quốc tế: QS, THE,...

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Việc quy hoạch nguồn nhân lực bám sát các mục tiêu chiến lược của nhà trường đề ra (NCKH, đào tạo,...), có các chính sách linh hoạt và phù hợp cho từng nhóm đối tượng cụ thể để phục vụ cho việc phát triển trường.

- Nhà trường có đầy đủ văn bản mô tả, quy định rõ ràng các tiêu chuẩn, năng lực cho từng nhóm đối tượng, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện chặt chẽ, đúng theo quy định.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc tuyển dụng tiến sĩ cho một số ngành đặc thù như ngành Điều dưỡng, Du lịch, Thiết kế thời trang còn khó nên việc quy hoạch đội ngũ cho các ngành này còn bị động.

- Việc công khai các thông tin về điều chuyển, bổ nhiệm chưa được đưa đầy đủ lên mạng công văn nội bộ của trường.

- Chưa tổ chức khảo sát ý kiến toàn trường về các chế độ, chính sách hiện hành.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Tuyển dụng và quy hoạch đội ngũ cán bộ trẻ ngành Du lịch, Điều dưỡng và Thiết kế thời trang để cử đi học NCS trong và ngoài nước	Phòng Tổ chức phối hợp với các Khoa Du lịch, Điều dưỡng, Kiến trúc	Từ năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Triển khai việc công khai các văn bản điều động, bổ nhiệm lên mạng công văn của trường	Văn phòng Trường	Học kỳ II – năm học 2021-2022
3	Khắc phục tồn tại 3	Tổ chức khảo sát ý kiến toàn trường về chế độ, chính sách	Phòng Tổ chức	Cuối năm học 2021-2022
4	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục đưa ra các chính sách linh hoạt trong tuyển dụng và phát triển đội ngũ để đảm bảo các yêu cầu ngày càng cao của trường.	Ban giám hiệu, Phòng Tổ chức	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,86
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trên cơ sở Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, nhà trường xây dựng các kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn tìm ra những giải pháp tối ưu để tạo nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng cho hoạt động đào tạo, NCKH và các duy trì các hoạt động khác [H7.07.01.01]. HĐQT nay là HĐT và BGH luôn xây dựng các kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học và giao cho Phòng Kế hoạch tài chính cụ thể hóa nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện kế hoạch trên. Theo các kế hoạch này, hàng năm hội đồng trường, BGH đều thực hiện phê duyệt các kế hoạch, nhiệm vụ công tác tài chính của từng năm học cụ thể để có được các thông tin cơ sở về vấn đề tài chính, các giải pháp thu hút nguồn tài chính và kiểm soát thực hiện việc chi đầu tư CSVC, chi hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác phù hợp với kế hoạch hành động của nhà trường trong từng năm học [H7.07.01.02].

Công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính của nhà trường dựa trên cơ sở kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm, Nghị quyết của HĐT. Bộ phận Kế hoạch tài chính xây dựng nâng cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng các nội dung Nghị quyết, kế hoạch mà BGH đã đề ra cụ thể cho từng năm học. Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng bám sát các nội dung theo quy định của Chính phủ; Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế, v.v... Công tác quản lý tài chính được tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành: Về chế độ kế toán, nhà trường thực hiện theo chế độ Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định số 133/2016/QĐ-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 140/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho cơ sở ngoài công lập; các văn bản pháp luật về thuế như Thông tư 78/2014 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư 219/2013/TT-BTC về thuế giá trị gia tăng và các văn bản sửa đổi bổ sung, các văn bản quy định hiện hành về Luật Quản lý thuế, tài chính [H7.07.01.03].

Trên cơ sở kế hoạch tài chính hàng năm được phê chuẩn, các đơn vị triển khai

thực hiện mua sắm CSVC, trang thiết bị, phục vụ đào tạo và giảng dạy, NCKH và các chi phí khác trong quá trình phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Trường hợp phát sinh ngoài kế hoạch thì phải được HĐT, BGH phê duyệt Phòng Kế hoạch tài chính mới tiếp nhận triển khai thực hiện theo đúng quy định chế độ hiện hành.

Bảng 7. 1. Thống kê chi giai đoạn 2017 – 2021 (Đơn vị tính: đồng)

Năm	Chi cho hoạt động đào tạo	Chi cho phát triển đội ngũ	Chi cho hoạt động NCKH, CGCN và phục vụ cộng đồng	Chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm
2017	215.538.574.951	8.880.918.947	23.79.719.564	4.406.663.385
2018	247.373.600.330	7.408.88.344	32.979.25.306	4.299.361.211
2019	270.873.123.740	6.378.360.269	58.69.582.153	6.466.341.237
2020	337.07.05.361	9.586.268.697	79.32.498.385	5.237.365.564
2021	151.568.798.214	4.259.369.128	18.65.957.314	2.356.679.567

Công tác lập kế hoạch tài chính được thực hiện đúng quy định về thời gian như lập dự toán, thực hiện quyết toán tài chính hàng năm và kiểm toán đúng quy trình. Kết thúc mỗi năm học, nhà trường có báo cáo tổng kết đánh giá công tác quản lý tài chính, nêu ra những tồn tại, vướng mắc và trao đổi biện pháp thực hiện. Công tác lập dự toán tài chính của nhà trường căn cứ trên các đề xuất của các đơn vị, các yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong từng năm học [H7.07.01.04].

Định kỳ, nhà trường có thực hiện báo cáo công tác tài chính với Bộ thông qua các báo cáo công khai thông tin và thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho mỗi niên độ đúng theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện các công tác nộp nghĩa vụ ngân sách Nhà nước đúng quy định, không để xảy ra các tình trạng chậm trễ, nợ tồn đọng và các vi phạm khác liên quan trong lĩnh vực quản lý tình hình tài chính. Nhà trường không có các vi phạm liên quan đến các nguồn thu tài chính theo kết luận của kiểm toán, cơ quan chức năng Nhà nước trong suốt 05 năm qua [H7.07.01.05]. Các ý kiến kết luận của đơn vị kiểm toán đều đánh giá cao công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính kế toán của nhà trường trong các năm qua. Ví dụ niên độ 2020, ý kiến của kiểm toán về tình hình tài chính kế toán của nhà trường “*Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trường cũng như kết quả sản xuất kinh doanh cho năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định*

pháp lý có liên quan”.

Nhà trường đã hoàn toàn tự chủ về tài chính và chủ động trong các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực NCKH,... góp phần không nhỏ vào thành công chung và sự phát triển của trường. Nhà trường thực hiện công tác rà soát, đánh giá các nguồn thu tài chính thông qua báo cáo tổng kết đánh giá hàng năm [H7.07.01.06].

Bảng 7. 2. Thống kê nguồn thu giai đoạn 2017 – 2021 (Đơn vị tính: đồng)

Stt	Năm	Tổng nguồn thu	Tổng thu học phí hệ chính quy	Tổng thu từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng
1	2017	291.254.715.777	246.123.479.51	3.657.00.00
2	2018	334.964.184.962	273.746.43.79	7.941.00.00
3	2019	371.842.929.680	308.874.404.858	10.963.00.00
4	2020	413.450.170.791	412.621.419.365	13.508.00.00
5	2021	527.108.58.900	506.38.58.900	21.70.00.00

Công tác phản hồi các ý kiến của các bộ phận liên quan đến vấn đề tài chính được thông qua các góp ý, kiến nghị của các đơn vị trong báo cáo tháng, báo cáo năm của các đơn vị và được văn phòng tổng hợp báo cáo đề xuất, kiến nghị của các đơn vị đối với thường trực HĐT và BGH để có các giải pháp điều chỉnh thích hợp [H7.07.01.07]. Đối với công tác thực hiện và quản lý tài chính, các ý kiến, kiến nghị đóng góp của các đơn vị trong trường được xem là hỗ trợ tích cực, đáp ứng tốt hơn cho công tác kiểm soát và quản lý tài chính của nhà trường. Tuy nhiên, với những điều kiện khách quan về tình hình kinh tế xã hội suy thoái, dẫn đến một số sinh viên bỏ học cũng tạo ra những bất ổn trong vấn đề cân đối và đảm bảo ổn định nguồn tài chính của nhà trường trong các năm học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, lãnh đạo Trường Đại học Duy Tân luôn quan tâm đầu tư xây dựng CSVC cùng trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ công tác

đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Nhà trường lập ra các đơn vị chức năng như: Ban dự án có nhiệm vụ triển khai các dự án do nhà trường làm chủ đầu tư, Phòng CSVC có 12 thành viên (gồm cả nhân viên kỹ thuật) có nhiệm vụ tiếp nhận, cấp phát và quản lý các trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu của trường; Trung tâm Thực hành (07 thành viên, với 06 cử nhân, 01 trung cấp) quản lý 17 phòng thực hành máy tính; Trung tâm Thí nghiệm (15 thành viên gồm 02 thạc sĩ, 13 cử nhân thuộc các chuyên môn), quản lý 11 thí nghiệm, thực hành gồm: Hóa (3 phòng), Vật lý (2), Hóa sinh (1), Vi sinh (1), Giải phẫu (1), mô phôi giải phẫu bệnh(1), Sinh lý (1), Sinh lý bệnh miễn dịch (1)); Trung tâm thực hành Dược (11 thành viên là thạc và dược sĩ đại học) quản lý 13 phòng thực hành Dược. Các đơn vị này cùng Văn phòng trường chịu trách nhiệm tham mưu BGH trong việc đầu tư, bảo trì và khai thác CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy, học và thí nghiệm thực hành của nhà trường [H7.07.02.01].

Trong văn bản Kế hoạch chiến lược 2016-2020, nhà trường xác định các mục tiêu lớn trong đó có các mục tiêu xây dựng các khu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Ngoài các công trình xây dựng lớn phải lập các dự án xây dựng riêng (các dự án xây dựng Block E và G, tòa nhà số 03 Quang Trung) thì hằng năm các phòng ban chức năng dựa trên các định hướng chiến lược và các nhu cầu thực tế để lập kế hoạch năm học và kế hoạch tài chính để tham mưu BGH trong việc xây dựng, mua sắm các phương tiện dạy học, trang thiết bị thực hành để phục vụ hiệu quả cho đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của nhà trường (ví dụ như: lắp mới 02 phòng thực hành máy tính với 110 máy tính, đầu tư trang thiết bị thí nghiệm để đảm bảo cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của trường với số tiền đầu tư lên đến 250 tỉ đồng,...). Trong một số trường hợp đột xuất ngoài kế hoạch, các đơn vị cũng có thể làm các văn bản đề đề xuất mua sắm thêm. Hàng năm, các đơn vị chức năng như Phòng CSVC, Trung tâm Thí nghiệm, Trung tâm Thực hành, Ban Dự án phối hợp cùng Văn phòng trường, phòng Kế hoạch Tài chính lập kế hoạch và thực hiện kiểm kê tài sản, đánh giá CSVC, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ [H7.07.01.02], [H7.07.02.02].

Triển khai thực hiện các kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, 5 năm qua nhà trường đã đầu tư xây dựng thêm 02 Block E và G mỗi Block 05 tầng tại địa chỉ 120 Hoàng Minh Thảo để phục vụ đào tạo và tòa nhà tại địa chỉ 03 Quang Trung dùng cho

nghiên cứu, đào tạo, thư viện, canteen và khu giải trí cho người học,... tính đến nay tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của trường lên đến 73.116 m², tỉ lệ 3,1m²/sinh viên. Đối với các phòng thí nghiệm, thực hành được nhà trường đầu tư những trang thiết bị hiện đại đắt tiền đáp ứng các nhu cầu nghiên cứu và học tập của cán bộ, giảng viên và người học trong toàn trường. Ngoài việc đầu tư xây dựng, mua sắm mới thì hàng năm nhà trường dành khoản kinh phí lớn cho các hoạt động duy tu, bảo dưỡng và thay thế trang thiết bị, thang máy, máy tính, máy chiếu, phòng học,... Nhờ vậy mà trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, phương tiện dạy, học, NCKH phục vụ cộng đồng luôn được kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay mới đảm bảo cho các hoạt động dạy học, nghiên cứu và phục vụ của nhà trường.

Công tác kiểm kê, bảo trì, bảo dưỡng và đánh giá hiệu quả sử dụng trang thiết bị được thực hiện hàng năm, những trang thiết bị phổ thông thì được kiểm tra, thay thế hoặc sửa chữa tại trường. Với trang thiết bị các phòng thí nghiệm, thực hành do cán bộ có chuyên môn của các phòng thí nghiệm thực hành, thí nghiệm thực hiện. Với các khối nhà đào tạo, thang máy, hệ thống phòng cháy chữa cháy, trạm biến áp, mẫu nước lọc trường thuê các đơn vị có chuyên môn ngoài trường thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn theo quy định. Ngoài việc kiểm kê, bảo dưỡng định kỳ thì các đơn vị được giao trách nhiệm quản lý phải theo dõi hàng ngày thông qua các quy định và quy trình quản lý chặt chẽ, chẳng hạn như: Với phòng thực hành máy tính, mỗi phòng đều có sổ giao nhận phòng máy, giảng viên và sinh viên có thể góp ý vào sổ góp ý khi có sự cố hoặc thông báo trực tiếp với cán bộ kỹ thuật; Với các phòng thí nghiệm, giao trách nhiệm cho cán bộ quản lý từng phòng thí nghiệm, quản lý từng loại máy chuyên biệt và báo cáo tình trạng định kỳ về trường đơn vị,... nên đa phần các hỏng hóc đều được khắc phục kịp thời không gây ảnh hưởng đến công tác đào tạo, NCKH và phục vụ của trường [H7.07.02.03].

Việc xây dựng đầu tư CSVN, trang thiết bị hàng năm được thực hiện tuân theo định hướng chiến lược dài hạn của nhà trường, tuy nhiên cũng phải bám sát nhu cầu thực tiễn và nguồn kinh phí hàng năm của trường, vì vậy các kế hoạch đầu tư hàng năm đều được rà soát và góp ý kỹ trong các cuộc họp giao ban trường hoặc các cuộc họp chuyên đề để đánh giá kế hoạch và các phương án triển khai trước khi phê duyệt. Việc

mua sắm, đầu tư hạ tầng, trang thiết bị đều được nhà trường quản lý chặt chẽ theo các quy trình đã được duyệt [H7.07.02.04]. Việc cấp phát, sử dụng đều quản lý thông qua các phần mềm với các CSDL chi tiết của từng trang thiết bị, đơn vị sử dụng, tần suất khai thác. Thông qua các CSDL này, kết hợp với các kênh khảo sát ý kiến người học, các góp ý từ các bộ nghiên cứu, giảng dạy về CSVC, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành,... đã giúp nhà trường đủ thông tin để đánh giá hiệu quả sử dụng của từng loại, đưa ra các quyết định bổ sung, sửa chữa hoặc thay mới [H7.07.02.05]. Thông qua các hoạt động khảo sát, rà soát nhà trường nhận định một số máy móc xét nghiệm y tế hiện đại mới chỉ dùng cho nghiên cứu và đào tạo chưa dùng cho mục đích dịch vụ và phục vụ cộng đồng cần khai thác hiệu quả hơn Bên cạnh đó, các ý kiến đóng góp từ nhiều kênh cũng đã giúp lãnh đạo nhà trường không ngừng đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng ngày càng tốt hơn, cụ thể như:

- Quy hoạch chi tiết các hạng mục cho từng cơ sở nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và phát triển của Trường.

- Xây 03 toà nhà mới khang trang, hiện đại với diện tích khoảng 32.000m² sàn sử dụng.

- Lập thêm các đơn vị mới: Trung tâm Thực hành mô phỏng Y Khoa, Trung tâm điện điện tử, Trung tâm Sáng kiến sức khỏe toàn cầu, Trung tâm Hóa học tiên tiến, Trung tâm Sinh học phân tử; và xây dựng các phòng học, thực hành cho các chuyên ngành đặc thù như: Phòng thực hành STEM, phòng mô phỏng nha khoa, phòng thực hành kỹ năng nha khoa, xưởng cơ khí,...với nhiều trang thiết bị hiện đại.

- Nâng cấp 85 bức giảng thông minh phục vụ dạy và học (bức giảng tích hợp gồm ổ cắm điện, cáp VGA, HDMI, cáp Camera, cáp mạng, hệ thống âm thanh) sắm camera góc quay rộng phục vụ dạy online, nâng cấp server và đường truyền phục vụ giảng dạy,... [H7.07.02.06].

Nhờ vào những đầu tư mạnh mẽ và hiệu quả trong những năm qua đã góp phần vào việc tăng các công trình công bố quốc tế của cán bộ, giảng viên, thêm nhiều đề tài của cán bộ giảng viên, sinh viên có thể triển khai ứng dụng vào thực tiễn, góp phần chung vào việc nâng cao chất lượng và thương hiệu của nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Trung tâm phát triển công nghệ thông tin (tên viết tắt CIT) được thành lập vào ngày 27 tháng 03 năm 2006, với chức năng - nhiệm vụ chính là xây dựng và quản trị cơ sở hạ tầng mạng, truyền thông của trường. Bên cạnh đó nhà trường còn thành lập các Trung tâm khác như: Trung Tâm Công nghệ phần mềm (tên viết tắt CSE) cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phần mềm phục vụ quản lý và đào tạo của nhà trường, Trung Tâm Thực hành có nhiệm vụ bảo trì và sửa chữa các phòng máy tính phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu của trường [H7.07.02.01].

Căn cứ vào Kế hoạch dự kiến đầu tư nâng cấp hạ tầng mạng giai đoạn 2017-2021 (thiết bị công nghệ thông tin, nội dung: mua đầu tư, nâng cấp server, băng tần, lưu trữ...) các Trung tâm CIT, CSE, Thực hành, Thí nghiệm tham mưu BGH các kế hoạch trong việc đầu tư cho trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, truyền thông để phục vụ các hoạt động đào tạo, quản lý và NCKH. Nội dung các kế hoạch tập trung vào nâng cấp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, mua bản quyền, mua thêm các server chuyên dụng, thiết bị lưu trữ, thiết lập hệ thống wifi miễn phí rộng khắp để phục vụ việc đào tạo, nghiên cứu cho cán bộ, giảng viên, người học. Nhiều hạng mục có giá trị lên đến hàng tỉ đồng như: Thiết bị mạng, nâng cấp băng thông, hệ thống Firewall, bản quyền phần mềm cho phòng Datacenter và phòng thực hành máy tính [H7.07.03.01], [H7.07.02.02].

Thời gian qua, nhà trường đầu tư nâng cấp và sắm mới các thiết bị công nghệ thông tin [H7.07.03.02] cụ thể như sau:

- Hệ thống Mạng của nhà trường được kết nối trên các kênh Internet Leased line với hầu hết các nhà cung cấp dịch vụ Internet hiện nay tại Việt Nam như (Vietel, CMC, FPT và SCTV). Tổng băng thông Internet hiện nay tại trường gồm: Băng thông Internet quốc tế: 300Mbps, Băng thông Internet trong nước: 13Gbps, ngoài ra nhà trường còn thuê và kết nối với Trung Tâm Internet Việt Nam – VNNIC kênh trong nước tốc độ

10Gbps. Hệ thống Mạng không dây Wifi được phủ sóng toàn bộ các văn phòng Khoa, phòng học, phòng làm việc được đầu tư các thiết bị mới và tối ưu nhất (Cisco Meraki WIFI 6).

- Hệ thống máy chủ được trang bị nhiều máy có cấu hình mạnh của hãng Dell, với 62 server, 6 thiết bị lưu trữ có khả năng lưu trữ hơn 110 TB và băng thông 3.6 Gbit.

- Hệ thống bảo mật được xây dựng trên nền tảng hệ thống tường lửa thế hệ mới của hãng an ninh mạng toàn cầu Palo Alto Networks và các chính sách quản trị mạng hợp lý như: Threat Prevention, URL Filtering, DNS Security, IoT Security.

- Hệ thống dự phòng được thiết lập tại phòng Datacenter khu vực Quang Trung và hệ thống sao lưu đặt tại Hòa Khánh Nam.

- Về hệ thống cấp quyền truy cập: Nhà trường cấp tài khoản thư điện tử @duytan.edu.vn, @dtu.edu.vn và tài khoản truy cập hệ thống quản lý đào tạo AMS, thư viện số phục vụ hiệu quả cho công tác đào tạo, quản lý, nghiên cứu cho cán bộ, giảng viên và học tập cho người học trong toàn trường kể cả việc dạy học, thi online trong thời gian dịch Covid-19 diễn ra tại thành phố Đà Nẵng.

- Hệ thống quản lý dịch vụ tại Datacenter giúp đảm bảo các trang thiết bị công nghệ, dịch vụ mạng hoạt động ổn định với nhiều chức năng: Giám sát các server đào tạo, nghiên cứu, backup dữ liệu, quản lý nhật ký ra vào phòng Datacenter, nhật ký kiểm tra bảo mật Datacenter.

- Hệ thống phòng thực hành máy tính gồm 17 phòng máy với cấu hình mạnh, được kết nối vào hệ thống mạng của toàn trường.

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả của hệ thống mạng, máy tính và các hệ thống bảo mật dự phòng được thực hiện thường xuyên thông qua hệ thống giám sát trên server hoặc thông qua các hoạt động khảo sát, đánh giá hàng năm [H7.07.03.03]. Cụ thể:

- Việc sao lưu và giám sát lưu lượng, bảo mật thực hiện hàng ngày để nhanh chóng có các giải pháp xử lý kịp thời nhằm đảm bảo hệ thống các server ổn định, đảm bảo các hoạt động của trường, đặc biệt các hoạt động dạy học trực tuyến và thi trực tuyến.

- Kiểm kê tài sản toàn trường được thực hiện hàng năm nhằm thay thế các thiết bị

hư hỏng hoặc đã cũ.

- Thu thập ý kiến người học và các đề xuất từ các đơn vị đào tạo, nghiên cứu trong trường thực hiện định kỳ qua các cuộc họp giao ban tháng hoặc sơ kết học kỳ, tổng kết năm học nhằm đánh giá tình trạng đáp ứng của cơ sở hạ tầng như máy tính, mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật để có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.

Trường có các dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, [H7.07.03.04] cụ thể:

- Hằng năm, BGH tổ chức đánh giá tổng kết các nội dung về đầu tư nâng cấp trang thiết bị cho cơ sở hạ tầng đáp ứng phục vụ đào tạo và NCKH.

- Các dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được thực hiện bằng các phần mềm, công cụ có sẵn trên hệ thống. Cán bộ chuyên trách sẽ phân tích, tổng hợp các số liệu phục vụ cho các hoạt động rà soát, đánh giá trong các đợt báo cáo tháng, học kỳ, năm học và các chuyên đề riêng khi cần.

- Hệ thống sao lưu dự phòng được Tổ Mạng và Server thực hiện hằng ngày nên luôn sẵn sàng trong công tác khôi phục khi hệ thống xảy ra sự cố.

- Trong phiếu ý kiến đánh giá sinh viên có đánh giá về mức độ hài lòng các hệ thống dịch vụ, phục vụ người học, đa số ý kiến tham gia đánh giá tốt và hài lòng. Hệ thống mạng, các server phục vụ đào tạo, thi cử vẫn đáp ứng tốt cho các hoạt động dạy, học và thi online nên không nhận được phản nản nào từ đội ngũ giảng viên, chỉ có vài ý kiến sinh viên phản ánh tín hiệu wifi ở một số khu vực trong khuôn viên trường tại cơ sở 120 Hoàng Minh Thảo yếu, cụ thể là khu vực học thể dục và sân chơi thể thao của sinh viên, đang được cán bộ, chuyên viên trung tâm CIT tiến hành rà soát và đề xuất giải pháp khắc phục [H9.09.01.06].

Trường Đại học Duy Tân đã sớm xem “Tin học hoá” là 1 trong những tiêu chí ưu tiên của Nhà trường, nhờ đó việc ứng dụng công nghệ thông tin vào đào tạo, nghiên cứu, quản lý được lãnh đạo nhà trường quan tâm đầu tư và áp dụng. Giai đoạn 2016-2021 này, dựa vào rà soát và đánh giá thực trạng và các nhu cầu thực tiễn của các đơn

vị chuyên trách, nhà trường đã đầu tư lớn vào các hệ thống này [H7.07.03.05], cụ thể như: năm 2017 mua Thiết bị phát sóng wifi Meraki MR33 Enterprise: 50 cái, Thiết bị chuyển mạch switch 2960: 11 cái, Module M620 Blade Serve: 01 cái, SAN Power Vault MD 3820f: 01 cái; năm 2018 mua Server Dell 630 và 620: 10 cái, Server Dell PowerEdge R730XD: 01 cái; năm 2019 mua Firewall Palo Alto Networks PA-5220: 01 cái; năm 2020 mua Máy chủ Dell M630: 03 cái, Server Dell 740: 04 cái, SAN Dell EMC NX3240: 02 cái; năm 2021 mua Thiết bị chuyển mạch Cisco 9200L C9200L-24P-4X-E, chuyển mạch Cisco 9200L C9200L-24P-4X-E,... Ngoài ra nhà trường còn mua license phần mềm phục vụ phòng server và công tác đào tạo của Trường: Phần mềm My SQL Enterprise Edition Subscription, Eclipse, Cisco Packet Tracer, Circuit Maker 2000, MISA SME.NET 2017 Enterprise, Vmware, Fast accounting online-edu, Zoom bản quyền để dạy học trực tuyến; trang bị các thiết bị công nghệ thông tin như máy chiếu, hệ thống âm thanh “Micro và Loa”, Hệ thống mạng không dây Wifi phủ sóng đến các phòng học và camera góc rộng; Để đảm bảo việc truy cập vào hệ thống được thuận tiện thực hiện giải pháp SSO (Single Sign On) cho đăng nhập 1 lần trong hệ thống email và đào tạo của trường vừa thuận tiện cho người dùng mà vẫn đảm bảo tính bảo mật.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Để tăng cường các nguồn lực học tập phục vụ công tác dạy và học, công tác đào tạo, NCKH, Trường Đại học Duy Tân đã thành lập 03 cơ sở Thư viện chuyên ngành và Trung tâm Học liệu để quản lý các nguồn học liệu chính. Hoạt động của Thư viện được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của thư viện đại học, có hệ thống quy trình và sổ tay chất lượng [H7.07.04.01]. Ngoài ra, còn có các đơn vị chuyên trách: Trung tâm CIT quản lý hạ tầng mạng, Trung tâm CSE, MIC, CEE phát triển phần mềm, Trung tâm Thực hành quản lý các phòng máy tính, Phòng Cơ sở vật chất – Kỹ thuật và Văn phòng trường quản lý và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Trong Kế hoạch chiến lược 2016-2020, nhà trường xác định đầu tư xây dựng thêm các khu đào tạo ở địa chỉ 120 Hoàng Minh Thảo, khu nhà 20 tầng ở số 03 Quang Trung để phát triển các viện nghiên cứu, thực hành. Xây dựng hệ thống phòng Lab cho khối Y – Sinh – Dược và khối Kỹ thuật – Công nghệ. Nâng cấp, mua sắm các trang thiết bị, phục vụ đào tạo và NCKH, phục vụ cộng đồng. Thư viện tập trung phát triển nguồn tài liệu điện tử và tài nguyên số nội sinh, ứng dụng hệ thống quản lý thư viện tích hợp để quản lý tài nguyên và phục vụ hình thức đào tạo từ xa, trực tuyến. Ngoài ra, căn cứ vào kế hoạch chiến lược và nhu cầu thực tế của đơn vị, hàng năm Thư viện sẽ xây dựng bảng dự trù kinh phí cụ thể cho các khoản mục cần đầu tư và trình BGH phê duyệt [H7.07.04.02].

Đối với sách, giáo trình và tài liệu tham khảo, Thư viện căn cứ trên đề xuất của các khoa, tổ bộ môn, cán bộ giảng viên và sinh viên để lập kế hoạch bổ sung phù hợp với yêu cầu [H7.07.04.03].

Thực hiện các kế hoạch đã đề xuất, trong 05 năm qua, nhà trường đã đầu tư số tiền trên 12 tỉ đồng để mua sắm các trang thiết bị, các nguồn học liệu và các CSDL trực tuyến để đáp ứng về nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, cụ thể như bảng sau:

Bảng 7. 3. Số tiền đầu tư mua sắm thiết bị và học liệu.

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số tiền	2.556.644.796	3.618.21.07	2.786.221.822	2.672.505.67	2.413.45.200

Học liệu được cập nhật trong 5 năm qua, cụ thể như bảng sau:

Bảng 7. 4. Số học liệu sắm mới

STT	Loại hình tài liệu	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Sách in	1658 cuốn (566 tựa)	1696 cuốn (1625 tựa)	1181 cuốn (800 tựa)	4637 cuốn (2800 tựa)	919 cuốn (326 tựa)
2	Sách điện tử	19.559	13.900	36.295	24.198	17.643

Với tổng diện tích cho 03 cơ sở hoạt động là 2026m², Thư viện mỗi cơ sở đều được bố trí đầy đủ các phòng chức năng như phòng đọc tổng hợp, phòng đọc chuyên

ngành, phòng học nhóm, phòng học đa phương tiện, phòng xử lý nghiệp vụ, phòng phục vụ, phòng lưu trữ tài liệu,... Tính đến thời điểm hiện tại, Thư viện có khoảng 18.072 đầu sách in và 98.037 đầu sách điện tử các loại. Có 61 đầu báo – tạp chí các chuyên ngành. Số lượng đầu sách trung bình cho mỗi ngành đào tạo là 2191 đầu. Số tài liệu dạng in có 48.450 bản sách, trong đó giáo trình, sách chuyên ngành chiếm 32.499 bản, sách tham khảo chiếm 15.951 bản; luận văn, luận án có khoảng 10.371 cuốn [H7.07.04.04].

Ngoài ra, Thư viện được trang bị 88 máy tính nối mạng internet tốc độ cao để phục vụ miễn phí việc học tập, tra cứu; Chi khoảng 200 triệu đồng mỗi năm cho việc mua quyền truy cập các CSDL trực tuyến gồm: ProQuest Central, Springer, IEEE, Tailieu.vn, ebook Nhà xuất bản Xây dựng. Quản lý an ninh bằng camera an ninh, cổng từ an ninh dạng chip RFID; máy scan, máy photocopy để số hóa tài liệu; phần mềm quản trị thư viện điện tử tích hợp ELIB giúp công tác biên mục, quản lý kho sách, quản lý tình trạng lưu thông sách, quản lý người sử dụng, tra cứu, mượn online, gia hạn sách tự động, bảo mật, phân quyền, báo cáo thống kê; Thư viện số được xây dựng và phát triển trên phần mềm Dspace 6.2 giúp quản lý bộ sưu tập số, bảo quản số, báo cáo, thống kê..., phần mềm chống đạo văn AntiPLG hỗ trợ việc kiểm tra trùng lặp văn bản và xác định nguồn dữ liệu trùng lặp, phân tích bút pháp của tác giả; phần mềm quản lý hoạt động phát hành và lưu hành sách DTU xuất bản LIB Rental. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động của thư viện giúp cho công tác quản lý, phân tích và đánh giá chất lượng công tác phục vụ bạn đọc, đánh giá tình trạng sử dụng tài liệu và lưu thông tài liệu được cập nhật và cải tiến kịp thời [H7.07.04.05].

Các nội quy, quy định về việc sử dụng thư viện, tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện, sử dụng các CSDL trực tuyến, giờ giấc hoạt động được cập nhật trên website, các kênh truyền thông và được in dán bên ngoài thư viện [H7.07.04.06].

Hàng năm, để rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập, học liệu, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, nhà trường thực hiện các kênh sau: Lấy ý kiến sinh viên về giảng viên và các đơn vị hỗ trợ nguồn lực học tập do Trung tâm ĐBCL thực hiện, khảo sát bạn đọc đến Thư viện (sinh viên và giảng viên) bằng hai hình thức trực tuyến và trực tiếp, kiểm kê tài sản, bảo trì bảo dưỡng các thiết bị hỗ trợ giảng

dạy do Phòng Cơ sở vật chất và các đơn vị chuyên trách thực hiện. Đối với Trung tâm Học liệu, đầu mỗi học kỳ tổ chức tiếp nhận và kiểm tra, rà soát hồ sơ chuyên môn của giảng viên đảm bảo theo các quy định của nhà trường; tổ chức biên dịch các tài liệu nước ngoài, xây dựng và quản lý các ngân hàng câu hỏi đề thi trong các hồ sơ môn học [H7.07.04.07].

Các kết quả đánh giá, khảo sát được tổng hợp và lưu trữ bằng bản in tại đơn vị chuyên trách và bản điện tử được lưu trên Google drive và Microsoft office 365 để truy xuất dữ liệu nhanh chóng [H7.07.04.08]. Thông qua các kênh trên, các đơn vị tổ chức họp đánh giá, tổng hợp và báo cáo BGH từ đó đề xuất các giải pháp mua sắm, thay thế, nâng cấp nhằm đáp ứng kịp thời công tác dạy và học.

Đối với nguồn học liệu của Thư viện, mỗi năm sẽ cập nhật mới khoảng 2018 cuốn sách in và hơn 12.000 sách điện tử. Các hệ thống phần mềm quản lý các hoạt động của thư viện được Thư viện trường đề xuất Trung tâm Phần mềm hỗ trợ nâng cấp và cải tiến thường xuyên. Thư viện cũng tổng hợp và đánh giá các hoạt động của đơn vị theo định kỳ tháng, học kỳ và năm học nhằm đo các chỉ số: tỷ lệ sinh viên, giảng viên đến thư viện; tỷ lệ bạn đọc mượn sách; tỷ lệ bạn đọc sử dụng dịch vụ thư viện; tỷ lệ bạn đọc truy cập thư viện số, truy cập các CSDL trực tuyến [H7.07.04.09]. Trong 5 năm qua, có khoảng 74.670 lượt bạn đọc mượn – trả sách về nhà; 1.707.389 lượt bạn đọc truy cập thư viện điện tử. Có khoảng 935.453 lượt bạn đọc sử dụng thư viện, cụ thể:

Bảng 7. 5. Lượt bạn đọc

Năm học	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Lượt	205.791	180.377	204.337	199.451	145.496

Trong 05 năm qua, tỷ lệ bình quân sinh viên đến thư viện là 71.2%, cụ thể:

Bảng 7. 6. Tỷ lệ sinh viên đến thư viện

TT	Đối tượng bạn đọc	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
01	Sinh viên	11.996	12.106	14.64	16.390	14.147
02	Tỷ lệ	73,40%	81,60%	78,50%	65,57%	57,4%

Thư viện cũng đã tham mưu và đề xuất với BGH cho mở cửa phục vụ bạn đọc từ 7h đến 21h từ thứ Hai đến Chủ nhật hàng tuần, quy hoạch các phòng học nhóm và mở

rộng diện tích, tăng thêm chỗ ngồi cho bạn đọc trong mùa thi cao điểm, thêm các kênh hỗ trợ bạn đọc bằng hướng dẫn: tìm kiếm và khai thác tài liệu, hướng dẫn sử dụng CSDL trực tuyến, thư viện số [H7.07.04.10]. Thực hiện số hoá chuyển đổi học liệu từ bản giấy thành bản mềm phục vụ cho công tác giảng dạy và học trực tuyến. 100% các ngành đào tạo của nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ dạy học và nghiên cứu. Hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp, mua mới và được bảo trì bảo dưỡng hàng ngày.

Trong thời gian thực hiện đào tạo trực tuyến do dịch Covid-19, để đảm bảo cung cấp đầy đủ hồ sơ chuyên môn cho người học trước khi khoá học bắt đầu, Trung tâm Học liệu đã kiểm tra việc nhập hồ sơ chuyên môn lên hệ thống WinSCP của các giảng viên trong trường. Ngoài Thư viện và Trung tâm Học liệu, các đơn vị CIT, CSE, MIC, CEE, Phòng CSVN và Văn phòng trường cũng đã tham mưu BGH và đề xuất mua sắm các trang thiết bị hiện đại cho các phòng lab, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học. Trang bị hệ thống webcam độ phân giải cao, mạng không dây tốc độ cao được bảo mật tốt để phục vụ cho cả việc học online và offline của trường. Ngoài ra, nhà trường cũng tự xây dựng và triển khai hệ thống phần mềm quản lý đào tạo AMS, Sakai và các phần mềm quản lý tài sản, quản lý thư viện. Nâng cấp phần mềm đào tạo, thi trực tuyến, tích hợp việc quản lý ngân hàng câu hỏi vào hệ thống quản lý đào tạo,...nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ công tác kiểm định, nâng cấp vị thế của trường.

Cũng nhờ sự quan tâm đầu tư của lãnh đạo nhà trường trong những năm qua, các nguồn lực học tập của nhà trường ngày càng mang lại hiệu quả cao, đảm bảo các hoạt động đào tạo, thi cử theo đúng tiến độ (dù 02 năm qua dịch Covid-19 diễn biến phức tạp khiến thành phố Đà Nẵng nhiều lần phong tỏa), góp phần nâng cấp vị thế của Trường Đại học Duy Tân trong các bảng xếp hạng quốc tế uy tín.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược về CSVN, nhà trường đã xây dựng các giải pháp tổng thể để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng của nhà

trường theo từng giai đoạn. Trường Đại học Duy Tân trước khi xây dựng CSVC đều được quy hoạch tổng thể mặt bằng sử dụng và có đề án đánh giá tác động được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước phê duyệt, được Ban dự án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Giao cho Văn phòng trường cụ thể là Tổ Phục vụ đảm bảo công tác vệ sinh chung, Tổ Bảo vệ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và thường trực công tác phòng cháy chữa cháy. Tại các cơ sở đào tạo đều có các thiết bị phòng cháy chữa cháy với đầy đủ bảng chỉ dẫn phổ biến tại các khu vực công cộng, có phòng Y tế thường trực để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho cán bộ giảng viên, sinh viên và tư vấn, khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho các loại bệnh nhẹ hoặc sơ cấp cứu ban đầu [H7.07.05.01].

Hàng năm Tổ Bảo vệ, Tổ Phục vụ có kế hoạch tổng thể về bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, phát triển xây dựng đội ngũ. Trong đó có những đề nghị về tập huấn công tác nghiệp vụ bảo vệ, rà soát bổ sung các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và kế hoạch diễn tập phòng cháy chữa cháy cho đội ngũ bảo vệ. Phòng Y tế cũng có kế hoạch mua sắm trang thiết bị y tế và thuốc phục vụ sinh viên và cán bộ công nhân viên giảng viên, trong năm qua để phòng chống dịch Covid Phòng Y tế còn cho kế hoạch phòng chống dịch Covid-19 theo quy định [H7.07.05.02].

Để thực hiện kế hoạch trên, nhà trường đã xây dựng lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp với khoảng 70 người làm việc 24/24h tại tất cả các cơ sở. Lực lượng này được tập huấn nghiệp vụ, được trang bị dụng cụ đầy đủ như hệ thống camera giám sát, bộ đàm, gậy, đèn pin, các vật dụng hỗ trợ khác và thực hiện nhiệm vụ theo quy trình nghiêm ngặt [H7.07.05.03]. Tại các cơ sở đào tạo, đội ngũ bảo vệ được chia làm 02 ca dưới sự giám sát của ca trưởng và tổ phó phụ trách. Kết quả công việc sau mỗi ca trực đều được bàn giao và ghi nhận vào nhật ký. Trường hợp phát sinh sự cố, lực lượng bảo vệ báo cáo Tổ trưởng và Chánh Văn phòng để giải quyết kịp thời [H7.07.05.04]. Nhà trường đã phối hợp với công an và chính quyền địa phương nhằm nắm bắt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn để kịp thời có phương án giải quyết các vấn đề có liên quan. Nhà trường đã phối hợp với Công an Thành phố Đà Nẵng tổ chức Hội nghị sơ kết ANTT [H7.07.05.05]. Đặc biệt, trong các đợt tổ chức thi tuyển sinh, tốt nghiệp và các sự kiện quan trọng, nhà trường đều mời công an địa phương tham gia trực tiếp công tác

đảm bảo an ninh trật tự trong suốt quá trình diễn ra sự kiện [H7.07.05.06]. Hàng quý, Ban Phòng cháy chữa cháy thường xuyên tập huấn, vận hành kiểm tra hệ thống máy nổ bơm nước phòng cháy chữa cháy, định kỳ đèn sự cố được kiểm tra thay thế, hệ thống thang máy được thường xuyên bảo trì, kiểm định đúng quy định đảm bảo an toàn khi sử dụng. Bình chữa cháy bằng khí và bột được kiểm tra nạp định kỳ giúp công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo thường xuyên liên tục. Ban phòng cháy chữa cháy của nhà trường phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ 2 tiến hành tập huấn các quy định về an toàn và thực tập phòng cháy chữa cháy trong trường, có trên 250 lượt nhân viên tham gia tập huấn ngắn hạn về phòng cháy chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ [H7.07.05.07]. Bên cạnh đó 100% phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy, có nội quy hướng dẫn an toàn trong phòng thí nghiệm, có cán bộ phụ trách trực tiếp trong quá trình vận hành và hệ thống camera giám sát 24/24 [H7.07.05.08]. Các quy định và hướng dẫn phòng cháy chữa cháy được phòng niêm yết công khai tại vị trí dễ nhìn, dễ hiểu đối với mọi cán bộ, giảng viên, sinh viên [H7.07.05.09]. Phòng Y tế được bố trí phòng tại mỗi cơ sở, luôn có cán bộ y tế trực với đầy đủ trang thiết bị, thuốc men phục vụ việc sơ cấp cứu ban đầu nhằm đảm bảo an toàn tính mạng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Hàng quý, Phòng Y tế bổ sung thuốc mới và loại bỏ thuốc hết hạn sử dụng. Đầu khóa học, nhà trường ký hợp đồng với Trung tâm Y tế Quận để triển khai khám sức khỏe đầu khóa cho sinh viên theo đúng quy định của Bộ Y tế [H7.07.05.09]. Công tác vệ sinh môi trường được Tổ phục vụ vệ sinh, dọn dẹp lau chùi hàng ngày. Rác thải được công ty môi trường đô thị thu gom và dọn dẹp hàng ngày theo quy định. Ngoài ra, nhà trường còn liên kết với đơn vị bên ngoài đảm bảo vệ sinh cho những khu đào tạo chuyên biệt. Rác thải của các phòng thí nghiệm, thực hành được phân loại xử lý đúng quy định [H7.07.05.10].

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện đánh giá lại chất lượng mẫu nước ở các cơ sở đào tạo của trường nhằm đảm bảo các chỉ số trong ngưỡng cho phép [H7.07.05.11]. Thực hiện tốt về việc đóng BHXH, BHYT theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, nhà trường còn có chính sách hỗ trợ, tổ chức thăm hỏi ốm đau cho người lao động [H7.07.05.12]. Định kỳ trường phối hợp với Công đoàn tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, tổ chức sự kiện giao lưu văn hóa được thường xuyên duy trì nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, nhân viên và giảng viên [H7.07.05.13]. Công tác đảm

bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy của trường được thực hiện nghiêm theo quy định, được kiểm tra thường xuyên. Bên cạnh đó hàng quý, cơ quan phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường của thành phố về trường kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường đều đánh giá các công tác này của nhà trường đều đạt yêu cầu [H7.07.05.14]. Công tác ANTT của nhà trường được đảm bảo, vì thế trong 5 năm qua không xảy ra các vi phạm về an ninh trật tự, mất trộm tài sản của sinh viên và cán bộ giảng viên [H7.07.05.15].

Các dữ liệu về trang thiết bị an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy được lực lượng bảo vệ quản lý, kiểm tra vận hành, bảo dưỡng thường xuyên. Dữ liệu về dụng cụ trang thiết bị y tế, thuốc men được Phòng Y tế quản lý, bên cạnh đó Phòng Y tế còn có sổ theo dõi khám chữa bệnh và cấp phát thuốc cho cán bộ giảng viên sinh viên. Ngoài ra, Văn phòng trường và các đơn vị liên quan cũng nhận phản hồi ý kiến của người học và cán bộ giảng viên sau mỗi đợt tổng kết ý kiến sinh viên, giảng viên để làm cơ sở xem xét, đánh giá tình hình các hoạt động liên quan môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự [H7.07.05.16]. Qua thu thập ý kiến, nhận thấy vấn đề trường rộng, nhiều cơ sở cần gắn các camera để hỗ trợ bảo vệ có thể quan sát được nhiều khu vực tại phòng trực bảo vệ, ban hành quy trình tiếp nhận và trả lại tài sản bỏ quên hoặc đánh rơi trong khuôn viên trường, chuyên nghiệp hóa công tác phục vụ và vệ sinh, cần nâng cấp phòng y tế về chức năng để có thể phục vụ cán bộ, giảng viên và người học được tốt hơn,... [H7.07.05.17].

Trong suốt quá trình hoạt động, nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo và tổ chức các lực lượng nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tài sản và tính mạng của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên toàn trường. Thông qua các hoạt động rà soát đánh giá công tác ANTT, phòng cháy chữa cháy, y tế và vệ sinh môi trường kết hợp với các ý kiến góp ý từ sinh viên, cán bộ giảng viên. Nhà trường đã có những cải tiến về công tác này như sau:

- Đối với công tác bảo vệ an ninh trật tự, ban đầu phải cử bảo vệ đi giám sát theo ca thường xuyên. Hiện tại, nhà trường đã trang bị hệ thống camera giám sát tập trung với hàng trăm camera theo dõi an ninh trật tự giúp công tác an ninh được kiểm soát chặt chẽ và đảm bảo sức khỏe cho lực lượng bảo vệ. Hằng năm đều có tổ chức họp sơ kết

đánh giá và gặp gỡ trao đổi kinh nghiệm trong công tác đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội với các đơn vị, chính quyền nơi trường đặt cơ sở đào tạo. Nhờ vậy, trong 5 năm qua nhà trường không có nạn trộm cắp, không có sinh viên, giảng viên, cán bộ bị truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến tính mạng và tài sản của cá nhân, tập thể, công tác vệ sinh môi trường được đảm bảo. Những trường hợp sinh viên, giảng viên, nhân viên để quên tài sản đều được lực lượng phục vụ và bảo vệ trường phối hợp với Phòng Công tác sinh viên thực hiện hoàn trả lại cho người bị mất hoặc bỏ quên trong trường.

- Sát nhập Phòng Y tế về Ban Dự án Phòng khám đa khoa nâng cấp lên thành trạm y tế đáp ứng xử lý ngay tại chỗ sớm nhất các tai nạn, các biến chứng do tai nạn gây ra như: chảy máu, gãy xương, bong gân, sai khớp, ngừng tim, dị vật rơi vào mắt, dị ứng, động kinh... ngoài ra, còn cấp thuốc chữa một số bệnh thông thường [H7.07.05.18].

- Từ những trang thiết bị vệ sinh cơ bản ban đầu như chổi, cây lau sàn nhà, sọt rác, bao nilon. Đến nay, nhà trường đã chuyên nghiệp hóa, trang bị cho bộ phận phục vụ quần áo, đồ bảo hộ, 37 xe đẩy đa năng (làm vệ sinh tổng hợp) với đầy đủ dụng cụ vệ sinh, 21 máy sấy làm khô sàn... nên công tác vệ sinh những năm qua luôn đảm bảo [H7.07.05.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định liên quan đến giáo dục đào tạo và công tác quản lý tài chính, công khai, minh bạch được các cơ quan chức năng Nhà nước xác nhận phù hợp theo các quy định hiện hành.

- Nhà trường có hạ tầng công nghệ thông tin, mạng đảm bảo việc đào tạo và thi online thông suốt trong mùa dịch

- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng của trường bám sát các nhu cầu sử dụng và mang lại hiệu quả cao trong đào tạo, nghiên cứu.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nguồn thu từ học phí vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong nguồn tài chính của trường

trong các năm qua.

- Chưa khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ cho mục đích dịch vụ.

- Hệ thống wifi tại một số khu vực tại cơ sở Hòa Khánh Nam ở các vị trí là sân tập thể dục, sân bóng đá, sân bóng rổ chưa được đảm bảo do khuôn viên trường quá rộng, sóng wifi chưa thể phủ hết.

3. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường công tác tuyển sinh, đơn đốc nhắc nhở sinh viên, cố vấn học tập cho sinh viên theo học tại trường nhằm giảm tối đa lượng sinh viên bỏ học để ổn định nguồn thu của trường	Các đơn vị đào tạo	Từ tháng 9/2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức rà soát và đưa vào khai thác các thiết bị thí nghiệm hiện đại theo hướng dịch vụ	Trung tâm thí nghiệm, thực hành	Từ tháng 9/2022
3	Khắc phục tồn tại 3	Tiến hành khảo sát thực tế, đánh giá lại hệ thống wifi tại các cơ sở của trường	Trung tâm CIT	Từ tháng 9/2022
4	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư CSVC, phòng thí nghiệm, thực hành, hạ tầng mạng, ứng dụng công nghệ thông tin để công tác quản lý, đào tạo của trường ngày càng tốt hơn nữa	BGH	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	5,4
Tiêu chí 7.1	6
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	6
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Để thực hiện các nhiệm vụ quan hệ đối ngoại và quản lý các mạng lưới hợp tác quốc tế, Phòng Quan hệ quốc tế đã được thành lập theo quyết định số 353/QĐ-ĐHDT ngày 03/06/2010. Phòng Quan hệ quốc tế có chức năng chính trong việc chịu trách nhiệm tham mưu về công tác hợp tác quốc tế theo đúng chủ chương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước và Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Duy Tân. Đặc biệt, trước sự phát triển lớn mạnh về hoạt động trao đổi sinh viên, nhà trường đã quyết định thành lập thêm Phòng Trao đổi sinh viên toàn cầu theo quyết định số 3131/QĐ-ĐHDT ngày 26/10/2016 với chức năng phụ trách chính về các công tác trao đổi sinh viên. Đối với đối ngoại trong nước, Phòng Hợp tác doanh nghiệp & Chuyển giao Công nghệ được đổi tên từ Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp & Xúc tiến việc làm theo quyết định số 1965/QĐ-ĐHDT ngày 05/07/2017, với chức năng phát triển mạng lưới các doanh nghiệp đối tác trong nước, tham mưu cho BGH về hoạt động hợp tác giữa nhà trường với các đơn vị, doanh nghiệp; xúc tiến các hoạt động chuyển giao công nghệ; tổ chức các hoạt động liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Chức năng – nhiệm vụ của các đơn vị nói trên được quy định tại bản chức năng – nhiệm vụ ban hành kèm theo Quyết định số 4775/QĐ-ĐHDT ngày 30/12/2017. Trên cơ sở tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của Nhà trường, phòng Quan hệ quốc tế có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới quan hệ phù hợp với các định hướng chiến lược đã đề ra, mở rộng và phát triển các đối tác và mạng lưới giáo dục, đa dạng hóa cơ hội học tập và trải nghiệm trao đổi sinh viên.

Để triển khai các hoạt động đối ngoại trong và ngoài nước, Trường Đại học Duy Tân đã ban hành các văn bản quy định về việc thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế như: quy định về hướng dẫn thực hiện và quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế, quy định về quản lý sinh viên nước ngoài học tập tại trường. Các quy định này giúp nhà trường có thể quản lý, kiểm tra và phân cấp giữa các đơn vị trong việc phối hợp thực hiện hoạt động đối ngoại. Ngoài ra, nhà trường cũng ban hành các quy định về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như: Quy định đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; Quy định hướng

dẫn cán bộ, giảng viên đi công tác, học tập trong và ngoài nước. Thêm vào đó, còn có các quy định cụ thể về trình độ ngoại ngữ cho các giảng viên, cán bộ ở từng chức danh, chức vụ khác nhau nhằm đảm bảo tiêu chuẩn yêu cầu của công việc. Việc thực hiện đón tiếp các cá nhân, đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với nhà trường được triển khai theo đúng quy trình đã ban hành [H8.08.01.01]. Trong những năm gần đây, số lượng hội nghị, hội thảo quốc tế do nhà trường liên kết với các đối tác nước ngoài đồng tổ chức ngày càng tăng và quy mô ngày càng lớn, công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong trường ở một số khâu tổ chức còn lúng túng do chưa có quy trình chuẩn cho việc phối hợp tổ chức. Để khắc phục vấn đề này, Phòng Quan hệ quốc tế chịu trách nhiệm xây dựng quy trình chung về tổ chức sự kiện quốc tế cho trường kể từ năm 2022. Đối với công tác đón tiếp và làm việc với khách nước ngoài, nhà trường luôn thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục về xuất nhập cảnh và các quy định của chính quyền địa phương. Đối với những lịch làm việc ngắn hạn, mỗi lượt đón tiếp nhà trường đều có văn bản báo cáo cho các cơ quan quản lý như Sở Ngoại Vụ thành phố Đà Nẵng, Phòng An ninh chính trị nội bộ và Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Công an thành phố Đà Nẵng. Đối với những trường hợp giảng viên thỉnh giảng hoặc cơ hữu, sinh viên theo học các chương trình đại học, nhà trường luôn đảm bảo thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép lao động, visa sinh viên và báo cáo định kỳ cho đơn vị cơ quan chức năng quản lý có thẩm quyền tại địa phương [H8.08.01.02]. Bên cạnh việc đón tiếp các chuyên gia và các đối tác đến làm việc, nhà trường cũng thường xuyên cử các đoàn giảng viên và sinh viên đi công tác, làm việc và học tập tại nước ngoài. Các đoàn đi công tác nước ngoài đều có quyết định được phê duyệt bởi hiệu trưởng, trong trường hợp cán bộ-giảng viên đi học tập, tập huấn thì thực hiện theo quy định đào tạo đội ngũ và hợp đồng ký kết [H8.08.01.03]. Dựa trên kế hoạch chiến lược, các đơn vị chức năng phụ trách đối ngoại có các kế hoạch tương ứng để thực hiện được chủ trương “Hội nhập được với khu vực và quốc tế về đào tạo và NCKH” của Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016 – 2020.

Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới đối ngoại và các văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động đối ngoại sau khi ban hành đều được phổ biến và công khai đến đơn vị liên quan theo các hình thức sau: Mạng quản lý công văn nội bộ (DSNS); Bản tin hoạt động đối ngoại trên website và các kênh mạng xã hội chính thức của trường và các phương tiện báo chí chính thống khác nhau cũng như các brochure,

catalog...; thông qua các cuộc họp giao ban để lãnh đạo các đơn vị nắm thông tin phổ biến lại cho nhân sự của đơn vị mình [H8.08.01.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Trong 05 năm trở lại đây, các hoạt động đối ngoại của nhà trường được triển khai theo đúng kế hoạch đề ra, mở rộng hợp tác quốc tế theo hướng: Hợp tác NCKH; trao đổi sinh viên; công nhận kết quả đào tạo đối với các chương trình hợp tác quốc tế của nhà trường. Các hoạt động đối ngoại trong và ngoài nước được triển khai thực hiện việc một cách đa dạng và có sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Quan hệ quốc tế, Phòng Trao đổi sinh viên toàn cầu, Văn phòng trường, Phòng Hợp tác doanh nghiệp và các đơn vị toàn trường. Các hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, người học theo kế hoạch đã ký kết. Nhà trường tập trung vào việc tiếp tục triển khai các chương trình chuyển giao với các trường đối tác của Mỹ, cụ thể: CTĐT Công nghệ thông tin với Đại học Carnegie Mellon (Mỹ); CTĐT ngành Quản trị Kinh doanh với Đại học Bang Pennsylvania (Mỹ); CTĐT ngành Xây dựng và Kiến trúc với Đại học bang California (Mỹ); chương trình đào tạo ngành Điện – Điện tử/ Cơ Điện tử với Đại học Purdue (Hoa Kỳ); chương trình liên kết đào tạo cấp bằng thạc sĩ Điều dưỡng với Trường Đại học Fooyin (Đài Loan) [H8.08.02.01]. Bên cạnh việc hợp tác đào tạo theo hình thức chuyển giao CTĐT, nhà trường cũng đã triển khai các chương trình liên kết đào tạo với Đại học Troy (Mỹ) & Đại học Keuka (Mỹ) triển khai chương trình Du học tại chỗ (4+0) giúp sinh viên lấy bằng cử nhân đại học Mỹ ngay tại Việt Nam [H8.08.02.02]. Thông qua những hợp tác này, nhà trường đã mời các giảng viên đang công tác tại các trường đại học uy tín trên thế giới đến làm việc, giảng dạy tại trường như từ Đại học Penn State, Đại học Seattle Pacific... cũng như đã gửi giảng viên sang tham gia giảng dạy và tập huấn tại các trường đối tác. Từ ngày 25/02 đến ngày 12/03/2017, giảng viên Hoàng Hà (thuộc Khoa Đào tạo Quốc tế) đã được cử sang trao đổi giảng dạy tại Đại học St. Ambrose ở Davenport, Iowa, Mỹ. Đây là lần thứ 02 nhà trường cử giảng viên sang Đại học St.Amborse để trao đổi giảng dạy. Trước đó, giảng viên Trần Tuấn Đạt (Khoa Đào tạo Quốc tế) cũng đã tham gia giảng dạy tại Đại học St.

Ambrose từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2016. Đoàn cán bộ, giảng viên của trường cũng được cử đi tập huấn giảng dạy tại Đại học Purdue, Mỹ trong khuôn khổ chương trình chuyển giao CTĐT của 2 bên. Và cũng trong khung chương trình đào tạo này, GS. Afshin Zahraee, giảng viên Đại học Purdue đã được cử sang trực tiếp giảng dạy tại trường từ ngày 4/5 đến ngày 18/5/2018, mỗi học kỳ đều có giảng viên của Đại học Purdue sang dạy theo thỏa thuận giữa hai trường [H8.08.02.03]. Bên cạnh các hợp tác về CTĐT, việc trao đổi sinh viên và các hình thức trải nghiệm môi trường giáo dục quốc tế cũng được nhà trường đẩy mạnh thực hiện trong những năm qua. Hằng năm, nhà trường đều đặn trao đổi sinh viên theo học kỳ với các trường đối tác và công nhận kết quả học tập lẫn nhau. Ngoài trao đổi học kỳ, nhà trường cũng tiếp nhận sinh viên trao đổi từ các trường đối tác đến thực tập cũng như gửi sinh viên sang trao đổi học tập, thực tập tại các trường đối tác [H8.08.02.04]. Nhằm giúp sinh viên có những trải nghiệm đa quốc gia, rèn luyện và nâng cao các kỹ năng mềm, kết nối với cộng đồng sinh viên quốc tế nhằm chủ động trong việc hội nhập toàn cầu, nhà trường ký kết biên bản ghi nhớ với các tổ chức, trường đối tác nhằm triển khai các chương trình trải nghiệm cho sinh viên tại nước ngoài, đưa sinh viên đi giao lưu văn hóa tại các trường trong khu vực ASEAN cũng như đón tiếp các đoàn sinh viên từ các trường đối tác đến tham quan Trường Đại học Duy Tân nhằm giúp sinh viên nâng cao hiểu biết về văn hóa các nước ASEAN, cải thiện khả năng ngôn ngữ và nâng cao các kỹ năng xã hội, giúp sinh viên chủ động trong quá trình hội nhập ASEAN sau khi tốt nghiệp. Các đối tác trong mảng này chủ yếu là các tổ chức, các trường trong khối ASEAN [H8.08.02.05]. Với định hướng đào tạo sinh viên trở thành một công dân toàn cầu có ý thức sinh hoạt cộng đồng, nhà trường đã hợp tác với Trường Singapore Polytechnic (Singapore) triển khai chương trình dự án cộng đồng “Learning Express”. Các dự án cộng đồng trong khuôn khổ chương trình được triển khai tại các làng trên địa bàn Quảng Nam từ năm 2014. Mục đích chính của chương trình giúp sinh nâng cao ý thức cộng đồng, rèn luyện các kỹ năng tư duy làm việc nhóm, dự án, giao tiếp,...thông qua các dự án cộng đồng được thực hiện cùng với sinh viên quốc tế [H8.08.02.06]. Đặc biệt, trong giai đoạn 2020-2021, do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhà trường chuyển đổi các hoạt động hợp tác trực tuyến một cách linh hoạt nhằm thích ứng và duy trì các mối quan hệ với các mạng lưới, đối tác hợp tác cũ cũng như có thể tiếp tục phát triển các mối quan hệ

đối tác mới, giúp các hoạt động hợp tác cũng không bị gián đoạn trong giai đoạn dịch bệnh [H8.08.02.07].

Trong giai đoạn 05 năm gần đây, nhà trường đã có những chủ trương, chính sách để phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác trong và ngoài nước. Cụ thể, nhà trường có các quy định về chính sách đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, từ đó tạo điều kiện phát triển các quan hệ hợp tác. Nhà trường đã có những chính sách khuyến khích giảng viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn, trong nước và quốc tế nhằm nâng cao trình độ và hợp tác nghiên cứu [H8.08.01.01]. Từ đó, số lượng giảng viên của trường có bằng cấp ngày càng cao hơn tăng đều theo từng năm, trong đó có nhiều giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tốt nghiệp từ nước ngoài [H8.08.02.08]. Rõ ràng, việc đội ngũ giảng viên này sau khi hoàn thành các khóa học này trở lại công tác tại trường sẽ tạo ra được một lợi thế lớn trong việc tận dụng các mối quan hệ cũ sẵn có với các đối tác tào đạo cũ, giáo sư hướng dẫn cũ hoặc các mối quan hệ hợp tác nghiên cứu khác trong quá trình học tập để tạo dựng và phát triển thành các mối quan hệ hợp tác NCKH. Trong giai đoạn vừa qua, nhà trường cũng đã tăng cường tuyển dụng đội ngũ giảng viên nước ngoài tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu tại trường. Đến nay, nhà trường đã có 35 cán bộ, giảng viên cơ hữu nước ngoài tham gia công tác. Đây cũng là một kênh kết nối hiệu quả giữa nhà trường và các mối quan hệ hợp tác [H8.08.02.09].

Bảng 8. 1. Thống kê đoàn khách quốc tế

Số TT	Quốc tịch	Tổng số
1	Anh	1
2	Ấn Độ	7
3	Bỉ	1
4	Brazil	1
5	Cộng hòa Síp	1
6	Đài Loan-Trung Quốc	3
7	Hà Lan	1
8	Hàn Quốc	5
9	Hoa Kỳ	6
10	Nga	1
11	Nhật Bản	1
12	Pháp	1
13	Philippines	5

14	Thổ Nhĩ Kỳ	1
Tổng		35

Ngoài ra, nhằm tăng cường việc tìm kiếm và tạo dựng các cơ hội hợp tác mới có chất lượng, nhà trường cũng đã cử nhiều đoàn cán bộ, giảng viên đến nhiều quốc gia khác nhau để tham gia nhiều hoạt động đối ngoại đa dạng như hội nghị, hội thảo về khoa học, kiểm định chất lượng, tìm hiểu phương pháp giảng dạy,... Đặc biệt, nhờ có chính sách khuyến khích, đầu tư, thu hút phát triển mạng lưới quan hệ đối tác quốc tế kể trên nên số lượng các mạng lưới và mối quan hệ đối với các tổ chức, hiệp hội quốc tế trong 05 năm qua đã tăng lên đáng kể giúp nâng cao vị thế của nhà trường [H8.08.02.10], cụ thể:

+ Đăng ký xếp hạng quốc tế với các tổ chức xếp hạng quốc tế như: QS Rankings, Times Higher Education (THE), Shanghai Rankings,...

+ Đăng ký kiểm định các CTĐT với tổ chức kiểm định quốc tế ABET

+ Trở thành thành viên của hiệp hội CDIO năm 2012, thành viên của tổ chức PBL năm 2015

+ Tham gia các tổ chức kiểm định quốc tế (ABET, ACBSP, TedQual, AACSB, KAAB)

+ Trở thành thành viên của Mạng lưới SEAMEO năm 2019

+ Trở thành thành viên của tổ chức PATA năm 2019

+ Trở thành thành viên của tổ chức UNWTO năm 2020

+ Đặc biệt, cùng với Đại học Rangsit (Thái Lan), Trường Đại học Duy Tân đã đồng sáng lập nên tổ chức Hành trình ASEAN (Passage To ASEAN – P2A) nhằm kết nối các trường đại học, cao đẳng, học viện trong khối ASEAN tạo thành mạng lưới hỗ trợ các hoạt động trao đổi sinh viên trong khu vực. Từ năm 2021, Văn phòng Ban thư ký P2A đã được chuyển từ Thái Lan về Việt Nam và đặt trụ sở tại Trường Đại học Duy Tân. Hiện tại, nhà trường đang hoàn tất các thủ tục đăng ký văn phòng P2A theo đúng quy định của pháp luật.

Hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH cũng mang lại nhiều thành tích đáng kể cho

trường. Điều này thể hiện qua việc nhà trường có những chủ trương, chính sách thúc đẩy hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu. Nhà trường đã hình thành hệ thống các viện nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu phát triển ứng dụng và các nhóm hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế. Điển hình như, từ mô hình thành công của Viện Nghiên cứu công nghệ cao trực thuộc Trường Đại học Duy Tân được thành lập năm 2014, nhà trường đã tiếp tục thành lập thêm 02 viện nghiên cứu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Viện NCKH Cơ bản và Ứng dụng trực thuộc Trường Đại học Duy Tân tại Thành phố Hồ Chí Minh (IFAS) thành lập năm 2017 và Viện nghiên cứu Lý thuyết và Ứng dụng trực thuộc Trường Đại học Duy Tân tại Hà Nội (ITAR) Thành lập năm 2018 [H8.08.02.11]. Với sự đa dạng về hình thức hợp tác, cùng với sự đầu tư thích hợp các nguồn lực, hoạt động hợp tác nghiên cứu đã đem lại hiệu quả về NCKH cho trường. Số lượng các đề tài NCKH, các công bố khoa học tăng nhanh trong những năm qua. Đặc biệt số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus tăng cao trong những năm gần đây, cùng với các chỉ số đánh giá liên quan đến kết quả NCKH và uy tín học thuật của nhà trường trên các bảng xếp hạng thế giới cũng liên tục được cải thiện trong giai đoạn này.

Từ việc tham gia vào các tổ chức, hiệp hội quốc tế và hợp tác với các đối tác NCKH này, nhà trường đã đồng tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế nhằm nâng cao vai trò và vị thế của trường.

Bảng 8. 2. Thống kê hội thảo 5 năm qua

Năm	Cấp trường	Trong nước	Quốc tế
2017	77	34	60
2018	1	45	82
2019	22	39	91
2020	8	8	58
2021	0	1	10

Ngoài ra, nhà trường cũng đã ký kết hợp tác với hàng trăm doanh nghiệp để sinh viên kiến tập, thực tập và làm việc khi ra trường [H8.08.02.12]. Hội chợ việc làm hằng năm được tổ chức liên tiếp từ năm 2006 đến nay với sự phối hợp giữa nhà trường và Báo Người Lao động [H8.08.02.13]. Bên cạnh đó, giảng viên mỗi năm phải dành 10 ngày đi doanh nghiệp để nghiên cứu thực tế, hợp tác và xin việc làm cho sinh viên. Chế độ 10 ngày doanh nghiệp được quy giờ chuẩn và tùy theo số lượng xin việc làm cho

sinh viên được nhà trường chi trả vào phụ cấp lương hàng tháng [H8.08.02.14]. Chương trình hợp tác doanh nghiệp, hỗ trợ việc làm và thường xuyên tổ chức các phiên chợ việc làm ngay trong trường đã tác động lớn đến tỷ lệ có việc làm của sinh viên Trường Đại học Duy Tân ngày càng tăng (bình quân 95%).

Mặc dù đã rất nỗ lực để có thể triển khai thực hiện tất cả các ký kết của nhà trường trong giai đoạn 05 năm vừa qua, nhưng vẫn không tránh khỏi việc một số ít các biên bản ghi nhớ và ký kết hợp tác chưa thật sự triển khai hiệu quả do chưa có đủ nguồn lực và thời gian để thực hiện. Để khắc phục việc này, trong thời gian đến nhà trường sẽ tăng cường bổ sung đội ngũ cho các đơn vị phụ trách đối ngoại, đặc biệt là Phòng Quan hệ quốc tế để có thể triển khai nhiều nhất và tốt nhất các quan hệ hợp tác đối ngoại.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Theo quy định của nhà trường, công tác tổng kết, đánh giá về hoạt động đối ngoại, hợp tác trong và ngoài nước sẽ được thực hiện định kỳ vào cuối mỗi học kỳ và cuối năm học. Để đảm bảo cho công tác kiểm tra, rà soát được hiệu quả, các cuộc họp sơ kết, tổng kết được tổ chức theo từng đơn vị phụ trách cụ thể. Trên cơ sở đó, nhà trường tổ chức các cuộc họp sơ kết học kỳ và tổng kết năm học toàn trường theo chuyên đề về hoạt động đối ngoại để rà soát, đánh giá công tác đối ngoại của trường. Từ những hoạt động tổng kết hàng năm này, nhà trường theo dõi và rà soát kế hoạch chiến lược so với thực tế các hoạt động hợp tác đang triển khai để có các kế hoạch điều chỉnh hoặc cải tiến cho phù hợp [H8.08.03.01]. Việc theo dõi và duy trì hợp tác với các đối tác đều được Phòng Quan hệ quốc tế phối hợp các đơn vị chức năng liên quan định kỳ rà soát báo cáo giúp nhà trường có cái nhìn tổng thể hơn trong việc đánh giá, lựa chọn và thực hiện việc duy trì các mối quan hệ đối tác, đặc biệt đối với các đối tác chiến lược lâu dài. Chẳng hạn như các chương trình liên kết đào tạo với Đại học Carnegie Mellon (Mỹ); Đại học Bang Pennsylvania (Mỹ); Đại học bang California (Mỹ) vẫn tiếp tục được triển khai sau khi rà soát, hay như chương trình Learning Express sau khi được rà soát, đánh giá là một chương trình hay, mang lại nhiều trải nghiệm bổ ích cho sinh viên, nhà trường đã tiếp tục duy trì quan hệ đối tác với Trường Singapore Polytechnic để tiếp tục triển khai thực hiện chương trình này [H8.08.03.02], [H8.08.02.01], [H8.08.02.06]. Nhà

trường cũng thường xuyên thực hiện rà soát kết quả của các chương trình ngoại khóa về trao đổi sinh viên thông qua việc thực hiện khảo sát đối với người học và các ý kiến phản hồi của sinh viên khi tham gia các chương trình ngoại khóa trao đổi này. Chẳng hạn như các chương trình trao đổi sinh viên ASEAN trực tuyến theo ngành học đều luôn được thiết kế có phần phản hồi của sinh viên về chương trình bên cạnh các dự án nhóm nhằm giúp có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp cho các chương trình tổ chức tiếp theo để mang lại những trải nghiệm và phát triển kỹ năng mềm tốt nhất cho sinh viên khi tham gia [H8.08.03.03]. Đối với các hợp tác NCKH, việc rà soát, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được tiến hành định kỳ hoặc hàng năm tùy theo loại hình hợp tác. Đây là quy định bắt buộc được tiến hành hàng năm theo quy trình: các đơn vị trực thuộc tiến hành đánh giá, báo cáo hoạt động này trong báo cáo tổng kết năm học, Phòng KHCN và các đơn vị liên quan tổng hợp, đánh giá, trình hiệu trưởng phê duyệt trong các báo cáo tổng kết năm học của Trường [H8.08.03.04]. Ở cấp độ tổng quát hơn, nhà trường thường xuyên đánh giá tính hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu thông qua các chỉ số kiểm định, đánh giá, xếp hạng quốc tế như các chỉ số: mạng lưới hợp tác nghiên cứu quốc tế, uy tín học thuật [H8.08.03.05].

Tuy việc rà soát các mạng lưới, mối quan hệ hợp tác được triển khai thường xuyên, định kỳ nhưng một số rà soát còn mang tính rời rạc, chưa tập trung dẫn đến hiệu quả rà soát một số đối tác vẫn chưa được như mong đợi. Để công tác rà soát được hiệu quả hơn, trong thời gian đến nhà trường sẽ phân công Văn Phòng trường và Phòng Quan hệ quốc tế là đầu mối chính trong việc kiểm tra và rà soát đối tác, mạng lưới & quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước định kỳ, từ đó tham mưu lãnh đạo trường nhằm tăng tính hiệu quả trong quan hệ đối ngoại.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Trong 05 năm qua, số biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) giữa Trường Đại học Duy Tân với các đối tác trong và ngoài nước ngày càng tăng, trong đó có nhiều biên bản ghi nhớ đã được thực hiện thành biên bản thỏa thuận (MOA) mang lại những hiệu quả thiết thực cho nhà trường [H8.08.04.01]. Số liệu các MOU/MOA được trong 05 năm thể

hiện qua bảng bên dưới:

Bảng 8. 3. Số lượt ký MOU/ MOA theo năm

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Trong nước	35	55	48	28	19
Ngoài nước	22	20	13	09	07
Tổng cộng	57	75	61	27	26

Khác với giai đoạn trước, Trường Đại học Duy Tân chủ động ký kết đại trà với hầu hết các đối tác có mong muốn hợp tác với nhà trường, thì trong giai đoạn này nhà trường có những tiêu chuẩn nhất định trong việc lựa chọn ký kết với các đối tác. Bên cạnh việc duy trì hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại chiến lược truyền thống, nhà trường sẽ chủ động tìm kiếm và mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế mới có chọn lọc, đáp ứng những tiêu chuẩn nhất định phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược đề ra của nhà trường. Điều này thể hiện qua việc số lượng ký kết MOU/MOA không nhiều về số lượng như trong giai đoạn trước mà đi vào chất lượng của từng mối quan hệ hợp tác ký kết. Bên cạnh đó, một yếu tố khách quan khiến cho số lượng ký kết trong giai đoạn 2020-2021 giảm là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Bên cạnh việc duy trì hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại chiến lược truyền thống, nhà trường không ngừng chủ động tìm kiếm và mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế mới có chọn lọc, đáp ứng những tiêu chuẩn nhất định phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược đề ra của trường. Đối với các hợp tác đào tạo với Mỹ, bên cạnh những chương trình chuyển giao trước đây, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc liên kết với các đối tác uy tín khác của Mỹ để triển khai chương trình “Du học tại chỗ” nhằm giúp sinh viên có cơ hội học tập ngay tại Việt Nam và có thể được cấp bằng Mỹ [H8.08.02.02]. Cùng với việc tiếp tục duy trì triển khai các chương trình liên kết đào tạo sẵn có, nhà trường tiếp tục triển khai các chương trình chuyển giao và đào tạo liên kết, tiêu biểu là chương trình thạc sĩ Điều dưỡng liên kết với Đại học Fooyin (Đài Loan) [H8.08.02.01]. Nhằm đẩy mạnh các chương trình trao đổi giảng viên trong công tác giảng dạy, tập huấn và đào tạo đội ngũ; trao đổi sinh viên học kỳ, thực tập hoặc trải nghiệm môi trường học tập quốc tế, bên cạnh các trường đối tác truyền thống tại ASEAN, nhà trường tiếp tục mở rộng phát triển các hợp tác với các trường đối

tác mới trong khu vực ASEAN+3: Đài Loan – Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản [H8.08.02.04]. Trong 5 năm qua, nhà trường cũng đẩy mạnh việc liên kết với các tổ chức mạng lưới sinh viên như: Tổ chức Hành trình ASEAN (Mạng lưới trao đổi sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện trong khu vực ASEAN), Tổ chức SEAMEO (Mạng lưới trao đổi thực tập sinh Đông Nam Á), Tổ Chức APTA (Tổ chức Du lịch Châu Á – Thái Bình Dương), Hiệp Hội APSSA (Hiệp hội Hỗ trợ Sinh viên Châu Á – Thái Bình Dương) nhằm đa dạng hóa các hoạt động trao đổi sinh viên giúp sinh viên nâng cao các kỹ năng mềm trong quá trình học tập chính quy tại trường. Đặc biệt, với vai trò đồng sáng lập tổ chức Passage To ASEAN (P2A) cùng những đóng góp to lớn của nhà trường cho phong trào trao đổi sinh viên trong khu vực ASEAN, Văn phòng Ban Thư ký P2A chính thức được chuyển từ Thái Lan về Việt Nam và đặt trụ sở tại Trường Đại học Duy Tân. Đây là minh chứng rõ nhất cho những thành quả trong hoạt động đối ngoại của nhà trường trong thời gian qua. Ngoài ra, nhà trường tăng cường liên kết với các tổ chức kiểm định nhằm đăng ký thực hiện nhiệm vụ kiểm định các CTĐT và xếp hạng [H8.08.02.10]. Bên cạnh những cải thiện về CTĐT, nhà trường đã mở rộng mạng lưới với các tổ chức nước ngoài đóng tại Việt Nam và nhận được những hỗ trợ về CSVC và học liệu. Nhà trường được Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức - DAAD (CHLB Đức) trao tặng gần 100 bộ sách chuyên ngành cho các trường/viện đào tạo trực thuộc. Vào tháng 12/2020, trong khuôn khổ hợp tác về đào tạo kỹ năng điều dưỡng cho sinh viên trường Y Dược trực thuộc Trường Đại học Duy Tân, Tập đoàn Glome Management đã trao tặng các trang thiết bị Điều dưỡng và dự lễ khánh thành các phòng thực hành kỹ năng phục vụ CTĐT và thực hành của sinh viên theo chuẩn Nhật Bản. Trong năm 2021, các tình nguyện viên đến từ Mỹ và Canada trực thuộc Tổ chức Quản lý tình nguyện viên quốc tế ELIC cũng đã tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa và xây dựng giáo trình cho sinh viên khoa tiếng Anh [H8.08.04.02].

Qua từng giai đoạn phát triển, nhà trường không ngừng có những biện pháp thích ứng và cải thiện phù hợp nhằm duy trì các mối quan hệ với các đối tác, mạng lưới trong và ngoài nước mà còn giúp tăng cường việc mở rộng các mối quan hệ đối với các mạng lưới đối ngoại phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của trường. Từ năm 2017, nhằm đẩy mạnh mảng trao đổi sinh viên quốc tế phù hợp với xu hướng hội nhập toàn cầu chung, nhà trường đã thành lập thêm Phòng Trao đổi sinh viên toàn cầu để chuyên trách các

hoạt động trao đổi sinh viên bên cạnh những đơn vị chuyên trách đối ngoại như Phòng Quan hệ quốc tế, Phòng Hợp tác doanh nghiệp [H8.08.01.01]. Nhà trường đã xây dựng các chính sách mới hỗ trợ các khoa/ viện trong việc đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm, thực hành trọng điểm; các chính sách dành cho cán bộ - giảng viên – nhân viên có các công trình NCKH hay các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế [H8.08.04.03]. Nhà trường cũng đầu tư xây dựng, nâng cấp CSVN hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của đối tác, đặc biệt đối với các chương trình liên kết đào tạo đối với các đối tác quốc tế [H8.08.04.04]. Ngoài ra, ở phạm vi trong nước, nhà trường không ngừng cải tiến, mở rộng hợp tác với các viện/trường, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực KH-CN. Điển hình như, từ mô hình thành công của Viện Nghiên cứu phát triển công nghệ cao trực thuộc Trường Đại học Duy Tân được thành lập năm 2014, nhà trường đã tiếp tục thành lập thêm 02 viện nghiên cứu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Viện NCKH Cơ bản và Ứng dụng trực thuộc Trường Đại học Duy Tân tại Thành phố Hồ Chí Minh (IFAS) thành lập năm 2017 và Viện nghiên cứu Lý thuyết và Ứng dụng trực thuộc Trường Đại học Duy Tân tại Hà Nội (ITAR) thành lập năm 2018 [H8.08.02.11]. Các mối quan hệ với các đối tác doanh nghiệp, nhà tuyển dụng ngày càng mở rộng để tìm kiếm cơ hội thực tập và việc làm cho sinh viên cũng như phối hợp tổ chức các chương trình ngắn hạn (Talkshow, seminar, ...) giúp sinh viên có cơ hội cọ xát thực tế và nâng cao các kỹ năng mềm. Đặc biệt, nhà trường định kỳ hàng năm phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức “Ngày Hội việc làm” cho sinh viên [H8.08.02.13]. Nhà trường còn các giải pháp thúc đẩy và tăng cường các mối quan hệ hợp tác với các nước thông qua việc cấp học bổng toàn phần cho sinh viên nước ngoài đăng ký học các chương trình chính quy tại trường [H8.08.04.05]. Chính sách này góp phần tăng tình đoàn kết, giao lưu giữa sinh viên quốc tế và sinh viên Việt Nam nói riêng và tình hữu nghị giữa các nước nói chung. Bên cạnh đó, nhà trường còn tập trung công tác kiểm định quốc tế đối với các CTĐT nhằm khẳng định chất lượng đào tạo và từng bước nâng cao vị thế của nhà trường trong khu vực và quốc tế để thu hút và cải thiện chất lượng của các mối quan hệ đối tác. Cụ thể, các ngành Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật mạng và Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử được chứng nhận chuẩn kiểm định ABET [H8.08.04.06] và các chuẩn kiểm định uy tín khác.

Với sự nỗ lực không ngừng của nhà trường, các đối tác, mạng lưới và mối quan hệ đã được phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Điều này được minh chứng rõ ràng qua việc Trường Đại học Duy Tân liên tục được vinh danh trên các bảng xếp hạng quốc tế ở những vị trí cao [H8.08.04.07]. Đây là thành quả trong công tác phát triển mở rộng mạng lưới hợp tác cũng như cải thiện các mối quan hệ với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

-Nhà trường có kế hoạch chiến lược và chính sách đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn.

-Nhờ vào chính sách, chủ trương đúng đắn về hoạt động đối ngoại, các đối tác và mạng lưới, quan hệ đối ngoại của nhà trường ngày càng đa dạng và đi vào chiều sâu mang lại những lợi ích, thành công lớn, góp phần khẳng định vị thế của nhà trường trong và ngoài nước.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nhà trường chưa có quy trình phối hợp chung giữa các đơn vị liên quan đến các sự kiện mang tính quốc tế.

- Một số biên bản ghi nhớ và ký kết hợp tác chưa thật sự triển khai hiệu quả do chưa có đủ nguồn lực và thời gian để thực hiện.

3.Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng và hoàn thiện quy trình tổ chức sự kiện quốc tế chung toàn Trường	Văn Phòng Trường, Phòng Quan hệ quốc tế	Năm học 2022-2023
	Khắc phục	Giao cho Phòng Quan hệ quốc tế tham	Phòng	Năm học

2	tồn tại 2	mưu BGH bổ sung đội ngũ cho các đơn vị phụ trách đối ngoại; Rà soát và tìm hiểu kỹ đối tác trước khi thực hiện ký kết hợp tác; Thường xuyên phối hợp với đối tác để kịp thời tháo gỡ các khó khăn nhằm đảm bảo các ký kết được triển khai hiệu quả hơn.	Quan hệ quốc tế	2022-2023
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các chính sách về hợp tác đối ngoại trong và ngoài nước trong việc NCKH, chuyển giao công nghệ và trao đổi giảng viên, sinh viên trong giai đoạn tiếp theo	BGH	Giai đoạn 2022-2027

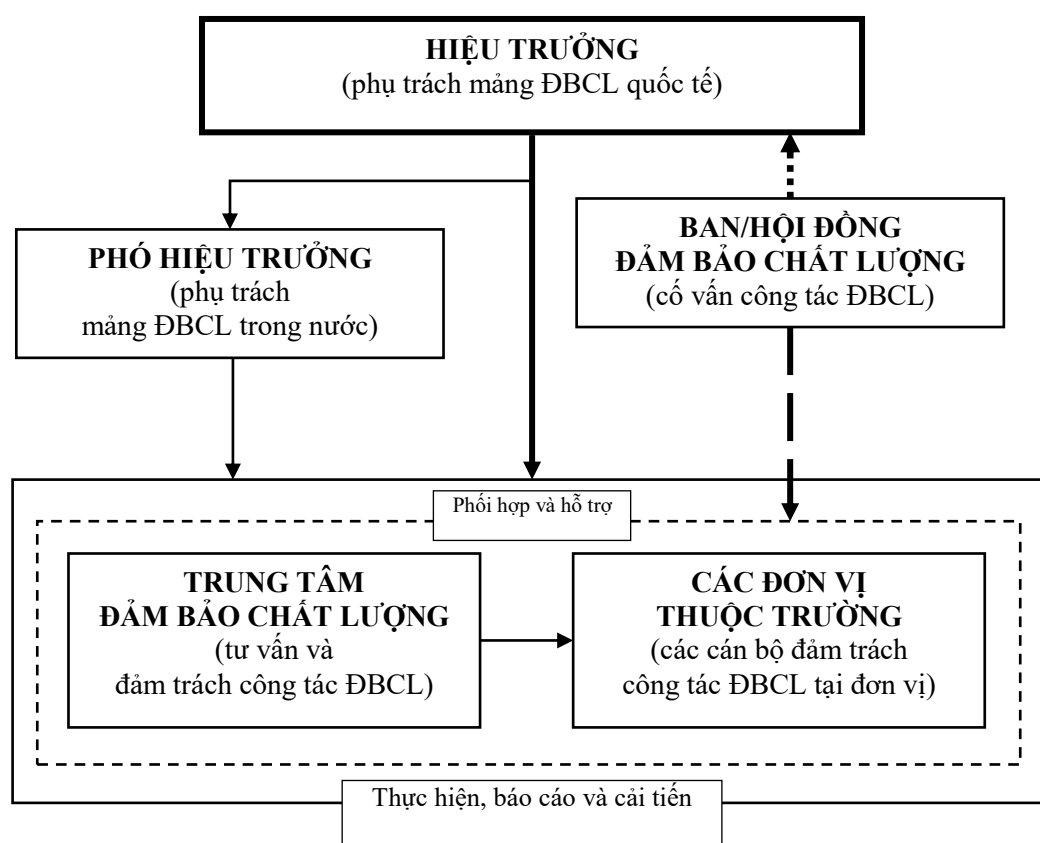
4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	4,75
Tiêu chí 8.1	4
Tiêu chí 8.2	6
Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 8.4	5

Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Hệ thống ĐBCL bên trong của nhà trường được thiết lập gồm phó hiệu trưởng phụ trách trực tiếp công tác ĐBCL, tham mưu có Ban ĐBCL (thành lập từ năm 2011) và đơn vị chuyên trách là Trung tâm ĐBCL (thành lập năm 2007) và quy định tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường có trách nhiệm tham gia các hoạt động ĐBCL, mỗi đơn vị cử 01 lãnh đạo phụ trách công tác ĐBCL và ISO để thực hiện công tác ĐBCL hàng tháng. Sơ đồ tổ chức hệ thống ĐBCL bên trong của trường theo Quyết định 4538/QĐ-ĐHDT ngày 27/8/2018 về việc phân công nhiệm vụ quản lý và phụ trách mảng công tác [H2.02.01.20]:



Trung tâm ĐBCL có 04 thành viên đảm trách mảng ĐBCL, thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng về công tác ĐBCL, riêng giám đốc Trung tâm đã có chứng chỉ kiểm định viên và từng tham gia đánh giá ngoài các trường trong nước [H9.09.01.01]. Bên cạnh đó, nhà trường cử thêm cán bộ, giảng viên tham gia các khóa tập huấn về

KĐCL và được cấp thẻ kiểm định viên, đến nay trường có 07 cán bộ quản lý, giảng viên có thẻ kiểm định viên, giúp tăng sự hiểu biết về công tác ĐBCL, góp phần chung vào công tác ĐBCL của trường, khoa [H9.09.01.02]. Chức năng – nhiệm vụ của Trung tâm ĐBCL là tham mưu và phối hợp giám sát các hoạt động ĐBCL bên trong của trường và phối hợp với các khoa, phòng, ban thực hiện công tác tự đánh giá cấp CSGD và CTĐT theo các chuẩn trong nước và quốc tế. Ngoài ra, Trung tâm ĐBCL còn thực hiện kiểm tra nội bộ các hoạt động liên quan đến công tác ĐBCL các đơn vị thuộc trường từ 01 đến 02 lần/năm [H9.09.01.03]. Đối với các khoa, phòng, ban thì trưởng đơn vị là người chịu trách nhiệm trước BGH về chất lượng của đơn vị cũng như công tác ĐBCL của đơn vị mình quản lý. Hàng tháng Trung tâm ĐBCL đánh giá các đơn vị toàn trường thông qua minh chứng liên quan đến công tác ĐBCL của đơn vị và quy ra điểm thi đua tháng mảng ĐBCL của trưởng đơn vị, tổ trưởng bộ môn [H9.09.01.04]. Cùng với các hoạt động kiểm tra nội bộ, việc đánh giá thi đua mỗi tháng hình thành nên mạng lưới ĐBCL bên trong của trường với các hoạt động vừa thường xuyên mỗi tháng vừa theo các chuyên đề riêng góp phần vào việc đảm bảo các điều kiện và nâng cao chất lượng trường trong những năm qua [H9.09.01.05].

Trung tâm ĐBCL phối hợp các đơn vị chức năng tham mưu nhà trường ban hành sổ tay chất lượng, các quy trình về tự đánh giá, kiểm tra nội bộ và các quy định về hoạt động ĐBCL, lấy ý kiến các bên liên quan, đối sánh, cung cấp biểu mẫu và hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo CDIO, ABET [H9.01.01.06]. Ngoài ra, Trung tâm ĐBCL hỗ trợ các đơn vị xây dựng các quy trình liên quan đến công tác đào tạo, thi cử, đội ngũ, NCKH, quản lý CSVC, hợp tác quốc tế, phục vụ cộng đồng,...[H9.09.01.07]. Nhà trường cũng xây dựng hệ thống tiêu chí thi đua cho 09 nhóm đối tượng: Trưởng khoa, phó khoa, giảng viên, trưởng đơn vị hành chính- phục vụ, nhân viên để chấm điểm hàng tháng, mỗi bộ tiêu chí đều có mục đánh giá công tác ĐBCL hàng tháng. Cuối mỗi năm điểm này tổng hợp thành điểm thi đua năm làm cơ sở xét lương thưởng cho mỗi cá nhân [H9.09.01.08]. Điều này góp phần hỗ trợ công tác quản lý của trường thêm hiệu quả, tạo động lực cho cán bộ nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Toàn trường có 07 cán bộ, giảng viên có thẻ kiểm định viên, ngoài ra các thành viên Trung tâm ĐBCL còn được tham dự nhiều khóa tập huấn của Bộ GD&ĐT, Cục

Quản lý chất lượng và các tổ chức khác về KĐCL cơ sở giáo dục, kiểm định CTĐT như: ABET, TedQual, xếp hạng với QS Ranking, THE,...[H9.09.01.09], [H9.09.03.04]. Tuy nhiên phần lớn cán bộ, giảng viên có thể kiểm định viên này vẫn chưa tham gia đánh giá ngoài để thêm kinh nghiệm thực tiễn, góp phần thúc đẩy công tác ĐBCL của nhà trường.

Bảng 9. 1. Danh sách thành viên có thể kiểm định viên

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ	NGÀY CÔNG NHẬN, SỐ QUYẾT ĐỊNH
1	PGS.TS. Nguyễn Gia Như	Trường Khoa học máy tính	81/QĐ-KTKĐCLGD ngày 20/10/2014
2	TS. Trần Nhật Tân	Trung tâm ĐBCL	81/QĐ-KTKĐCLGD ngày 20/10/2014
3	ThS. Nguyễn Thôi	Phòng Công tác sinh viên	24/QĐ-KTKĐCLGD ngày 14/07/2015
4	TS. Trương Tiến Vũ	Phòng KHCN	03/TB-HĐTCKĐV ngày 01/09/2016
5	ThS. Dương Minh Châu	Trường Công nghệ	03/TB-HĐTCKĐV ngày 01/09/2016
6	ThS. Ngô Lê Minh Tâm	Trường Công nghệ	03/TB-HĐTCKĐV ngày 01/09/2016
7	ThS. Nguyễn Lê Giang Thiên	Viện Đào tạo quốc tế	03/TB-HĐTCKĐV ngày 01/09/2016

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.

Trong văn bản Kế hoạch chiến lược 2016-2020, tầm nhìn đến 2030, nhà trường đã xác định các mục tiêu dài hạn liên quan đến ĐBCL như: “Đạt chuẩn quốc tế một số ngành đào tạo”, “Hội nhập được với khu vực và Quốc tế về đào tạo và NCKH”. Dựa vào đó, Trung tâm ĐBCL xây dựng các kế hoạch dài hạn cùng với các KPIs cho từng mảng tương ứng để thực hiện các mục tiêu nhà trường đã đề ra. Trong đó, xác định mục tiêu cho từng mảng công tác có kèm giải pháp thực hiện cụ thể như: xây dựng văn hóa chất lượng gắn với Văn hóa Duy Tân, kiểm định trường cho giai đoạn 2016-2021, kiểm định CTĐT theo chuẩn trong nước và quốc tế, phát triển đội ngũ chuyên sâu về công tác KĐCL và ĐBCL,... [H1.01.01.02], [H9.09.02.01].

Trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược, nhà trường không thể đầu tư dàn trải mà có sự ưu tiên và tập trung. Dựa vào mục tiêu chung và 09 giải pháp từ Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020, BGH ưu tiên đầu tư về phát triển đội ngũ, trong đó đẩy mạnh công tác NCKH, công bố quốc tế và tăng uy tín quốc tế thông qua hợp tác nghiên cứu, tăng lượng sinh viên quốc tế. Kết quả của những ưu tiên đầu tư này là 05 năm qua nhà trường đã có 04 chương trình đạt chuẩn ABET, tăng xếp hạng QS Ranking lên Top 361 năm 2021, Top 210 năm 2022 và thăng tiến trong nhiều bảng xếp hạng khác như của Thượng Hải, URAP,... [H9.09.02.02], [H9.09.02.03].

Trong quá trình thực hiện các hoạt động ĐBCL như xây dựng và cải tiến CTĐT, đánh giá về công tác tuyển sinh, đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng nhà trường đều mời các bên liên quan tham gia góp ý, đánh giá và tham khảo các báo cáo tổng hợp từ việc lấy ý kiến các bên liên quan (sinh viên, doanh nghiệp, cựu sinh viên, chuyên gia tư vấn, giảng viên,...) [H9.09.02.04]. Với những ý kiến gián tiếp thông qua các đợt khảo sát và trực tiếp từ các bên liên quan trong các cuộc họp đã giúp nhà trường hiểu được nhu cầu của các bên liên quan được đầy đủ hơn, biết được mức độ hài lòng của họ để có giải pháp thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, nâng cao sự hài lòng của người học, nhà tuyển dụng và cộng đồng. Trong quá trình đánh giá kết quả công tác đảm bảo chất lượng giai đoạn 2015-2020, lãnh đạo nhà trường cùng lãnh đạo các phòng ban thống nhất kết luận đã kiểm định được một số ngành theo chuẩn quốc tế, lọt vào các bảng xếp hạng quốc tế và khu vực,... cũng như xác định một số tồn tại như: vẫn còn nhiều ngành chưa được kiểm định, đội ngũ chuyên trách về ĐBCL tại các trường đào tạo vẫn chưa đủ (trích Kế hoạch chiến lược 2021-2025). Những đánh giá đó là cơ sở để nhà trường xây dựng các mục tiêu và giải pháp cụ thể cho giai đoạn phát triển mới được hợp lý, hiệu quả và bám sát tình hình thực tế trong giai đoạn 2021-2025.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Dựa trên văn bản Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020, các kế hoạch hàng năm của nhà trường đều bám sát các mục tiêu và các chỉ số đã đề ra, trong đó có các mục tiêu ĐBCL. Theo đó, Trung tâm ĐBCL, các đơn vị chức năng và các khoa cũng

xây dựng các kế hoạch dài hạn và trung hạn, ngắn hạn hàng năm tương ứng, chẳng hạn các kế hoạch tuyển dụng đội ngũ để đảm bảo tỉ lệ tiến sĩ đạt 25%, xây dựng CSVC đảm bảo hơn 3.0m²/sinh viên, các kế hoạch kiểm định ABET, TedQual, kế hoạch nâng cao thứ hạng trên bảng xếp hạng quốc tế và khu vực,... [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H9.09.02.01], [H9.09.03.01].

Để phổ biến, triển khai các mục tiêu chiến lược về ĐBCL, nhà trường công bố và phổ biến trong các cuộc họp sơ kết, tổng kết toàn trường, triển khai kế hoạch năm học và các buổi họp giao ban hàng tháng [H9.09.03.02], [H9.09.03.03]. Việc tổ chức tập huấn về ĐBCL thông qua các buổi giới thiệu các tiêu chuẩn KĐCL, các yêu cầu của tiêu chuẩn KĐCL gắn với các mảng công tác của trường, đơn vị và các hoạt động phòng văn kiến thức về KĐCL do Trung tâm ĐBCL thực hiện định kỳ hằng năm [H9.09.01.05], [H9.09.03.04].

Việc triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL được đưa vào kế hoạch năm học của nhà trường và Trung tâm ĐBCL. Nội dung kế hoạch được đưa lên mạng nội bộ và công bố tại các Hội nghị triển khai kế hoạch năm học, học kỳ. Kết quả triển khai thể hiện ở các hoạt động kiểm định chương trình ABET, TedQual và xếp hạng trường đại học theo QS Ranking, THE trong 05 năm qua. Ngoài ra các hoạt động ĐBCL bên trong cũng được triển khai đồng bộ như: tổ chức đợt thao giảng cho giảng viên, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, kiểm tra chuyên đề về hiểu biết công tác ĐBCL trong mỗi đơn vị và các hoạt động mang tính bắt buộc như báo cáo công tác ĐBCL hàng tháng của các khoa, kiểm tra nội bộ các đơn vị trong toàn trường hàng năm [H9.09.01.04], [H9.09.01.05], [H9.09.05.01].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.

Nhà trường phân công việc lưu trữ, quản lý văn bản cho các đơn vị theo chức năng theo nhiệm vụ của từng đơn vị phụ trách. Đối với công tác về tổ chức, đội ngũ do Phòng Tổ chức quản lý, các văn bản về đào tạo do các đơn vị Phòng Đào tạo, tài chính thì do Phòng Kế hoạch - Tài chính, NCKH do Phòng KHCN, công tác ĐBCL do Trung tâm ĐBCL quản lý và Văn phòng trường quản lý công văn đi, đến trong và ngoài

trường.

Việc tổ chức lưu trữ văn bản được thực hiện theo các quy trình quản lý công văn đi, đến do trường biên soạn, các văn bản được phân loại, sắp xếp và lập danh mục để dễ tìm kiếm và quản lý [H9.09.04.01]. Các CSDL về đào tạo, NCKH, đội ngũ, ý kiến sinh viên, việc làm sau tốt nghiệp, các số liệu về điều kiện ĐBCL và số liệu báo cáo 3 công khai đều được lưu trữ, phục vụ công tác phân tích, đánh giá cải tiến chất lượng trong trường. Các hoạt động mang tính nghiệp vụ đều được quy trình hóa, như quy trình đào tạo, quy trình thi, thanh tra, các quy trình lấy ý kiến sinh viên và các quy trình liên quan đến tự đánh giá đều được lập và đưa vào sử dụng.

Thông qua các buổi họp giao ban, sơ kết và tổng kết hằng năm, BGH chỉ đạo các đơn vị chức năng định kỳ rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục để tham mưu ban hành văn bản quy định, quy trình mới cho phù hợp với quy định Nhà nước và tình hình thực tiễn của nhà trường, cụ thể là trong kế hoạch số 45/KH-ĐHDT ngày 20/7/2021 [H9.09.04.02]. Các chính sách, các quy định, quy trình, biểu mẫu được công bố lên Website nội bộ của mỗi đơn vị, đặc biệt qua mạng công văn nội bộ DSNS được nhanh chóng, an toàn và thuận tiện [H9.09.04.03].

Để phổ biến các văn bản, chính sách Nhà trường dùng các công cụ như: Website, mạng công văn nội bộ DSNS, thông qua họp giao ban, qua email và mạng Zalo nội bộ khi tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp ở thành phố Đà Nẵng [H9.09.03.03], [H9.09.04.03]. Để đánh giá việc nắm bắt và vận dụng các văn bản chính sách, quy định của Nhà nước, nội quy và quy định của nhà trường vào công việc, nhà trường tổ chức phỏng vấn sự hiểu biết các văn bản quy định và tuân thủ đúng các quy định, quy trình thông qua các đợt kiểm tra nội bộ [H9.09.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.

Các chỉ tiêu phấn đấu chính của nhà trường thể hiện trong phần xác định mục tiêu và giải pháp của các văn bản kế hoạch chiến lược, được BGH và các đơn vị chức năng đưa vào các kế hoạch năm học hoặc các kế hoạch chiến lược cho từng mảng công tác như: Tuyển sinh, đào tạo, ĐBCL, NCKH, hợp tác quốc tế, phục vụ cộng đồng để triển

khai thực hiện. Các chỉ số được xác định như phát triển đội ngũ tiến sĩ đạt 25%, kiểm định đạt chuẩn ABET cho 04 CTĐT, vào Top 500 khu vực Châu Á của QS Ranking, vào Top 1000 của xếp hạng THE... [H9.09.02.01]. Riêng Kế hoạch chiến lược 2021-2025 xác lập các chỉ tiêu phần đầu chính có các chỉ tiêu và thời điểm hoàn thành cụ thể theo năm 2022, 2023 và 2025 cho các theo từng mảng: Công tác tổ chức, đội ngũ, đào tạo, NCKH, khởi nghiệp, ĐBCL,...

Để đánh giá công tác ĐBCL các đơn vị trực thuộc, nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL phối hợp Phòng Thanh tra, Phòng Đào tạo, Phòng Tổ chức tiến hành kiểm tra nội bộ các chuyên đề về hồ sơ chuyên môn, công tác ISO, công tác ĐBCL gồm xây dựng đội ngũ, NCKH, hỗ trợ người học của các đơn vị đào tạo và phòng ban chức năng trong trường từ năm 2016 đến 2020 (năm 2021 do dịch kéo dài nên không thực hiện kiểm tra nội bộ được) [H9.09.01.05], [H9.09.05.01]. Ở quy mô toàn trường, BGH thường xuyên tổ chức họp giao ban hàng tháng, họp sơ kết, tổng kết để đánh giá quá trình triển khai cũng như kết quả các chỉ số của các mảng như: công tác đào tạo (đánh giá việc triển khai kế hoạch, hoạt động thi, sinh viên bỏ học hoặc chậm tiến độ,...), công tác NCKH (số lượng, chất lượng của các công bố trên tạp chí chuyên ngành, các giải pháp nâng cao năng lực NCKH,...), công tác ĐBCL (các điều kiện ĐBCL, ý kiến sinh viên, kiểm định CTĐT, xếp hạng,...) [H1.01.03.02], [H9.09.05.02]. Những hoạt động này góp phần vào việc triển khai các nhiệm vụ đảm bảo theo các lộ trình và mục tiêu đã đề ra trong các văn bản kế hoạch chiến lược của nhà trường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL từ các đơn vị trực thuộc trong trường, góp phần việc nâng cao hiệu quả công việc cá nhân, đơn vị góp phần vào việc không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng trường nói chung và công tác ĐBCL nói riêng. Chính vì thế mà các mục tiêu về xây dựng đội ngũ tiến sĩ, công bố quốc tế, xếp hạng trường đại học, kiểm định CTĐT của Trường Đại học Duy Tân trong giai đoạn vừa qua đạt và vượt so với chỉ tiêu ban đầu (trích từ phần đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2015-2020 trong Kế hoạch chiến lược 2021-2025).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của

CSGD.

Trước đây, mỗi đơn vị trong trường tự lập kế hoạch năm học riêng lẻ dẫn đến các kế hoạch tài chính, kế hoạch phát triển đội ngũ không phù hợp với nhu cầu thực tế của các đơn vị gây ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu chiến lược chung của trường. Từ năm 2018 trở lại đây, sau khi rà soát và đánh giá lại quy trình chung, nhà trường đã cải tiến một phần lập kế hoạch các hoạt động trong đó quy định các đơn vị toàn trường gửi các kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính trước để các phòng ban chức năng như Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Tổ chức dựa vào đó để xây dựng các kế hoạch tài chính và nhân sự cho toàn trường [H9.09.06.01].

Năm học 2017-2018, sau khi tiếp nhận ý kiến của các đơn vị trong trường việc cần phải thống nhất các biểu mẫu, trình tự lập kế hoạch năm học và các kế hoạch dài hạn của các đơn vị trong toàn trường. Trung tâm ĐBCL phối hợp với Văn phòng trường tham mưu BGH ban hành quy trình lập kế hoạch và triển khai nhiệm vụ để thống nhất thực hiện trong toàn trường với các biểu mẫu riêng cho khối đào tạo và khối hành chính-phục vụ. Mỗi mẫu lập kế hoạch đều có các KPI riêng cho mỗi khối và KPI riêng theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, đối với đơn vị đào tạo dùng bộ KPI với 38 tiêu chí rất cụ thể, dễ định lượng và đánh giá khi thực hiện báo cáo tổng kết [H9.09.06.02]. Riêng với việc đánh giá hiệu quả công việc cá nhân được thông qua các chỉ số thi đua, ban thi đua cũng tiếp nhận các ý kiến đóng góp từ cán bộ, giảng viên trong trường, tổ chức họp rà soát và điều chỉnh các tiêu chí bám sát các mục tiêu chiến lược của trường. Tháng 2/2021, BGH cùng Ban Thi đua thống nhất ban hành bộ tiêu chí thi đua mới với các điều chỉnh chú trọng hơn vào hoạt động NCKH, công bố quốc tế, hỗ trợ người học, nâng cao trình độ tiếng Anh và tăng trọng số điểm về kết nối cộng đồng thông qua các trang mạng,... [H9.09.01.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Công tác ĐBCL được nhà trường quan tâm với việc thành lập sớm chuyên trách về ĐBCL và có nhiều cán bộ, giảng viên được tập huấn về ĐBCL và được cấp thẻ kiểm

định viên.

- Các mục tiêu về xếp hạng, kiểm định quốc tế các CTĐT của trường sớm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Phần lớn số cán bộ, giảng viên có thể kiểm định viên chưa có kinh nghiệm thực tiễn về đánh giá ngoài.

- Năm học 2020-2021, do dịch bệnh nên chưa tổ chức đợt phỏng vấn kiến thức ĐBCL cho cán bộ, giảng viên mới và chưa phỏng vấn kiến thức về quy định, chính sách cho cán bộ, nhân viên hành chính.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Liên hệ với các Trung tâm KĐCL độc lập trong nước để cử cán bộ làm quan sát viên, tham gia đánh giá ngoài nhằm tích lũy kinh nghiệm	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Quý III/2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức cho cán bộ giảng viên mới tìm hiểu về các yêu cầu ĐBCL, các tiêu chí KĐCL, chính sách của nhà trường và tổ chức phỏng vấn	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Quý III/2022
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các hoạt động xếp hạng nhằm làm động lực phấn đấu tăng các chỉ số xếp hạng như công bố quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và vị thế của trường	BGH	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	4,16
Tiêu chí 9.1	4
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	4
Tiêu chí 9.4	4
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	4

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

Trường Đại học Duy Tân được chứng nhận đạt chuẩn chất lượng CSGD vào tháng 2 năm 2017, thời hạn đến ngày 20/2/2022. Trong kế hoạch 05 năm về ĐBCL cũng xác định kế hoạch kiểm định cấp CSGD vào năm 2021. Đầu năm 2021, Trung tâm ĐBCL đã tham mưu hiệu trưởng ban hành kế hoạch kiểm định giai đoạn tiếp theo cho nhà trường [H10.10.01.01]. Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Duy Tân được thành lập theo quyết định số 1144/QĐ-ĐHDT, kế hoạch tự đánh giá ban hành theo văn bản Kế hoạch số 23/KH-ĐHDT ngày 12/4/2021 [H10.10.01.02]. Kế hoạch kiểm định tổng thể và kế hoạch tự đánh giá đều xác định rõ lộ trình tự đánh giá, đánh giá ngoài với nguồn nhân lực, vật lực được xác định cụ thể đã được hiệu trưởng phê duyệt [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Theo kế hoạch ban đầu, năm 2021 Trường Đại học Duy Tân phải hoàn tất thủ tục và đăng ký đánh giá ngoài nhưng do ảnh hưởng dịch Covid-19 kéo dài và phức tạp nên bị chậm trễ. Nhà trường cũng từng bước thực hiện khắc phục khó khăn để hoàn thành hồ sơ báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho công tác đánh giá ngoài kiểm định chất lượng CSGD vào năm 2022. Riêng đối với kiểm định chất lượng CTĐT theo chuẩn kiểm định trong nước, nhà trường đã khởi động vào năm 2019, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và tiến độ kiểm định CSGD năm 2021 nên nhà trường lùi kế hoạch kiểm định cấp CTĐT sau khi đã hoàn thành công tác kiểm định chất lượng CSGD.

Thực hiện kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị đánh giá ngoài, Trung tâm ĐBCL tổ chức tập huấn, cung cấp tài liệu, biểu mẫu cho các bên liên quan trong trường tuân theo các quy định của Thông tư 12 và các hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng như Công văn 766, 767, 1668 [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.03.01]. Ngoài ra, Trung tâm ĐBCL cũng xây dựng các quy trình, thủ tục để hướng dẫn hoạt động tự đánh giá KĐCL CSGD được thống nhất [H10.10.01.05]. Nhà trường cũng tổ chức nhiều buổi tập huấn và thảo luận chia sẻ kinh nghiệm về công tác tự đánh giá cho thành viên Hội đồng tự đánh giá, ban chuyên trách, ban thư ký cả trực tiếp lẫn online khi không thể tập trung đông người [H10.10.01.04].

Hội đồng tự đánh giá của Trường Đại học Duy Tân gồm 23 thành viên, phân bổ về 7 nhóm chuyên trách cùng với ban thư ký 11 người được phân công trách nhiệm cụ thể trong kế hoạch và danh sách nhóm chuyên trách kèm theo Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá [H10.10.01.02]. Đối với những người không có tên trong hội đồng, ban thư ký, nhóm chuyên trách cũng phải sẵn sàng được điều động để phục vụ việc cung cấp minh chứng, số liệu cho các nhóm chuyên trách, phục vụ việc phỏng vấn khi đánh giá ngoài,...

Hội đồng tự đánh giá tổ chức họp để xây dựng kế hoạch tự đánh giá, phân công các nhóm chuyên trách tiến hành nghiên cứu tiêu chí, thu thập minh chứng, số liệu kể cả phỏng vấn một số cá nhân đơn vị để có thông tin chính xác viết báo cáo. Tuy nhiên, thời gian qua cả nước và thành phố Đà Nẵng đã trải qua các đợt dịch Covid-19, nhiều cán bộ, giảng viên phải nghỉ do bị nhiễm và bị giãn cách xã hội gây gián đoạn công việc tự đánh giá làm chậm tiến độ khoảng 3-4 tháng. Trong thời gian đó lãnh đạo nhà trường cũng động viên các nhóm chuyên trách ứng dụng công nghệ thông tin như Zoom, Meeting để họp nhóm, hỗ trợ và chia sẻ thông tin và kinh nghiệm nhằm vượt qua những khó khăn do dịch bệnh để hoàn thành báo cáo vào quý I năm 2022, kịp đăng ký và hoàn thành kiểm định trong quý II năm 2022 [H10.10.01.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Việc triển khai tự đánh giá CSGD của nhà trường thực hiện theo đúng quy định của Thông tư 12 và văn bản 766, 1668 về trình tự các thủ tục, thành phần tham gia có đầy đủ các quyết định đi kèm [H10.10.01.01], [H10.10.01.02]. Đây là chu kỳ thứ 03 Trường Đại học Duy Tân triển khai tự đánh giá để phục vụ KĐCL và cải tiến chất lượng, lần 01 vào năm 2009: đã được đánh giá ngoài và đạt chuẩn cấp độ I, lần 02 năm 2016: được đánh giá ngoài và công nhận đạt chuẩn vào tháng 2/2017 và lần 03 năm 2022, nhà trường cũng đang thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn về viết báo cáo tự đánh giá, đăng ký kiểm định và đánh giá ngoài. Có thể nói công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài của Trường Đại học Duy Tân đều tuân thủ đúng các quy định, quy trình của Bộ GD&ĐT và Cục Quản lý chất lượng.

Nhà trường đã cử nhiều đợt cán bộ, giảng viên đi tập huấn các khóa về ĐBCL, xây dựng văn hóa chất lượng, các khóa kiểm định viên,... đến nay có 07 thành viên có thẻ kiểm định viên [H9.09.01.02]. Tất cả cán bộ tham gia Hội đồng Tự đánh giá của nhà trường từng tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCL hoặc dự các buổi tập huấn nội bộ về công tác ĐBCL, công tác tự đánh giá [H9.09.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Công tác tự đánh giá được phân công về các nhóm chuyên trách, gồm những thành viên được tập huấn kỹ và có người đã trải qua 3 chu kỳ tự đánh giá cấp CSGD nên mỗi tiêu chuẩn được mô tả gọn gàng, bám sát yêu cầu tiêu chí, tiêu chuẩn. Mỗi tiêu chí được bám sát với mốc chuẩn để xác định những điểm mạnh, tồn tại của mình và được Hội đồng tự đánh giá thảo luận, góp ý cho rõ ràng, sát với tình hình thực tế của nhà trường và yêu cầu của tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL [H10.10.03.01].

Trong đợt tự đánh giá cho chu kỳ kiểm định trước và chu kỳ này với mỗi tiêu chí, các nhóm đều thảo luận kỹ về nội hàm, mô tả những việc đã làm được và chưa làm được để phân tích tìm ra điểm mạnh, tồn tại của tiêu chí. Cuối tiêu chuẩn cả nhóm thảo luận để tìm ra những điểm mạnh và tồn tại cốt lõi của tiêu chuẩn và đề xuất kế hoạch hành động nhằm khắc phục tồn tại và phát huy điểm mạnh trước khi nộp về Hội đồng tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá tiếp tục thảo luận với các nhóm chuyên trách về điểm mạnh, tồn tại từng tiêu chuẩn cũng như đánh giá những kế hoạch khắc phục có giải quyết được những vấn đề nêu ra ở phần tồn tại, đơn vị nào chịu trách khắc phục, thời gian và tính khả thi của giải pháp,... Nhờ thảo luận kỹ giữa các thành viên trong từng tiêu chí, tiêu chuẩn và giữa nhóm chuyên trách với Hội đồng tự đánh giá nên các kế hoạch hành động đều hợp lý, khả thi. Trong chu kỳ kiểm định trước kế hoạch hành động của nhà trường đa phần được chuyên gia đánh giá ngoài đồng tình và đến nay trường cơ bản khắc phục các tồn tại và phát huy tốt các điểm mạnh. Trong chu kỳ này, cũng với quy trình tương tự, các điểm mạnh, tồn tại được thảo luận kỹ, kế hoạch hành động cũng rõ ràng, giao nhiệm vụ đúng người rất khả thi và phù hợp tình hình thực tế của nhà trường trong thời điểm hiện tại và các năm tới [H10.10.03.01].

Báo cáo tự đánh giá sau khi được hiệu trưởng thông qua đều công bố công khai toàn trường, những kế hoạch khắc phục tồn tại được giao trách nhiệm cụ thể, những tồn tại nào có thể xử lý ngay thì Hội đồng giao thời hạn hoàn thành ngắn có thể triển khai ngay các tồn tại lớn cần nhiều thời gian thì nhà trường đã xác định rõ nhiệm vụ trong các kế hoạch năm học 2017, 2018, 2019 là: “khắc phục các tồn tại và thực hiện 10 khuyến nghị của đánh giá ngoài” đưa vào kế hoạch tổng thể của trường theo từng mảng đội ngũ, đào tạo, NCKH, tài chính, CSVC,... để triển khai thực hiện [H1.01.01.10]. Việc thực hiện kế hoạch cải tiến và khắc phục tồn tại được báo cáo trong các cuộc họp giao ban trường, báo cáo học kỳ, báo cáo năm học và các cuộc họp chuyên đề về ĐBCL của trường. Kết quả báo cáo khắc phục tồn tại theo 10 khuyến nghị của Hội đồng KĐCL đưa ra, nhà trường báo cáo cụ thể trong báo cáo giữa kỳ và trong các đợt tổng kết của trường [H1.01.03.02], [H9.09.05.01], [H9.09.05.02], [H10.10.03.03].

Trong chu kỳ kiểm định trước, đoàn đánh giá ngoài xác định các điểm mạnh của trường và đưa ra 10 khuyến nghị cho 10 lĩnh vực cần phải khắc phục, chẳng hạn: *Nhà trường cần định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và định kỳ đánh giá các nhiệm vụ, kế hoạch để có giải pháp phù hợp;.. Nhà trường cần xây dựng quy trình rà soát và xây dựng lại các hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý các hoạt động của các đơn vị; đồng thời nhà trường cần xây dựng kế hoạch đánh giá và giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ và có tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh cho phù hợp. Nhà trường cần sớm xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng trong cho kế hoạch 2016-2020; nhà trường cần xem xét ban hành lại chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đối với các ngành học phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Nhà trường nên mở thêm các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh; tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, các địa phương để đào tạo, tư vấn và chuyển giao công nghệ;... Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm phát triển nguồn nhân lực cho giai đoạn từ 2017 trở đi; quy hoạch sớm đội ngũ cán bộ quản lý để có kế hoạch bồi dưỡng năng lực;... Nhà trường cần trích 2% từ quỹ học phí để hỗ trợ học bổng theo quy định của nhà nước. Nhà trường cần có đa dạng các loại hình thể dục thể thao; tạo thêm sân chơi cho người học; đồng thời định kỳ đánh giá các hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học....”. BGH dựa vào đó để giao nhiệm vụ cho các cá nhân, đơn vị liên quan lên kế hoạch và từng bước khắc phục. Đến nay cho thấy 8/10 khuyến nghị đã*

được khắc phục, chỉ còn các tồn tại “tăng các nguồn thu khác ngoài học phí...” và “chưa có ký túc xá riêng” thì đã được cải thiện nhưng chưa hoàn toàn khắc phục vì để khắc phục tồn tại này nhà trường phải thực hiện từng bước với thời gian đủ lớn mới khắc phục hoàn toàn được [H1.01.01.02], [H10.10.03.02]

Năm 2019, thực hiện việc báo cáo giữa chu kì kiểm định chất lượng, nhà trường đã đánh giá kết quả thực hiện 10 khuyến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục (trong đợt kiểm định năm 2016). Nội dung báo cáo nêu rõ kết quả thực hiện 10 khuyến nghị và việc khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh để báo cáo cho Cục Quản lý chất lượng và Trung tâm KĐCL giáo dục [H10.10.03.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD.

Năm 2016, nhà trường thực hiện tự đánh giá CSGD theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT và Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT. Tài liệu hướng dẫn từ 02 công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH về “Hướng dẫn tự đánh giá trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp” và 527/KTKĐCLGD-KĐĐH về “Hướng dẫn sử dụng tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học của Cục Khảo thí & Kiểm định chất lượng”. Khi triển khai tự đánh giá cho chu kỳ này, Trung tâm ĐBCL tổ chức rà soát quy trình, thủ tục, biểu mẫu cũng như tham mưu BGH lập Hội đồng tự đánh giá và các nhóm chuyên trách đều dựa trên Thông tư 12 và các văn bản mốc chuẩn theo Công văn 1668 và văn bản hướng dẫn theo Công văn 766 thực hiện một số thay đổi liên quan đến nhân sự hội đồng, ban thư ký, nhóm chuyên trách và các biểu mẫu liên quan hoạt động tự đánh giá. Kết quả rà soát cho thấy cần lập lại Hội đồng tự đánh giá mới, các nhóm chuyên trách cũng cần điều chỉnh cho phù hợp với bộ tiêu chuẩn mới.

Các cải tiến của hoạt động tự đánh giá CSGD chủ yếu điều chỉnh nhân sự, biểu mẫu, gồm: Hội đồng tự đánh giá mới, nhóm chuyên trách được điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn hiện hành này. Theo phân công hiện tại có 07 nhóm chuyên trách, là thành viên các đơn vị có chức năng nhiệm vụ liên quan với nhau như: Trung tâm Tuyển sinh, Phòng Đào tạo, Trung tâm Khảo thí chung nhóm (phụ trách các

tiêu chuẩn 13,14,15,16,22); Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng KHCN chung nhóm (phụ trách tiêu chuẩn 8,18,19,20,21),... cách phân công này tạo thuận tiện trong thảo luận, phân tích và chia sẻ thông tin và minh chứng trong cùng nhóm. Thêm một cải tiến mang tính kỹ thuật để thích ứng với thực tiễn là thời gian qua khi không thể tập trung các nhóm để họp và triển khai viết báo cáo tự đánh giá (do dịch bệnh Covid-19) các nhóm tổ chức họp trực tuyến và tận dụng nhiều hơn các ứng dụng công nghệ thông tin để họp, thảo luận trong quá trình thực hiện báo cáo này [H10.10.01.04], [H10.10.03.01].

Đối với chu kỳ đánh giá ngoài lần 3 (năm 2022), nhà trường đã thực hiện theo đúng trình tự các bước quy trình của Công văn 767 về đánh giá ngoài. Việc rà soát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện của nhà trường bao gồm từ việc xây dựng kế hoạch tổng thể từ tháng 3/2021 chuẩn bị cho công tác báo cáo tự đánh giá đến dự trù thời gian, kinh phí cho công tác giá ngoài, từ việc lựa chọn trung tâm kiểm định độc lập, đủ năng lực và đúng quy định cho đánh giá ngoài đến các trình tự tiếp theo đúng thủ tục quy định như lấy ý kiến nội bộ về báo cáo tự đánh giá, công bố công khai, báo cáo về Cục Quản lý chất lượng, đăng ký với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục [H10.10.01.01]. Tuy nhiên tiến trình đánh giá ngoài như kế hoạch ban đầu của nhà trường đã chậm lại, phải chuyển sang năm 2022 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Đối với công tác chuẩn bị cho đánh giá ngoài đợt này nhà trường thực hiện theo đúng quy định, chưa có cải tiến lớn nào. Với định hướng chiến lược mới của nhà trường thì chu kỳ kiểm định tiếp theo (2022- 2027) Trung tâm ĐBCL đóng vai trò tư vấn, giám sát chất lượng các trường đào tạo thuộc Đại học Duy Tân - vai trò tương tự đánh giá ngoài và tổ chức cho các đơn vị đào tạo đánh giá đồng cấp lẫn nhau, điều này giúp cho việc đánh giá khách quan hơn và giúp dễ dàng trao đổi, chia sẻ các thực hành tốt về công tác ĐBCL góp phần nâng cao chất lượng chung cho toàn trường.

Để họp rút kinh nghiệm, chia sẻ thực hành tốt trong công tác KĐCL và công tác ĐBCL thì sau mỗi đợt đánh giá ngoài nhà trường tổ chức họp rút kinh nghiệm và triển khai kế hoạch thực hiện các khuyến nghị của Hội đồng KĐCL. Đối với các đợt tập huấn về KĐCL và ĐBCL của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng,... Nhà trường đều cử cán bộ tham dự để học hỏi hoặc chia sẻ kinh nghiệm về triển khai hệ thống ĐBCL bên trong hoặc về công tác viết báo cáo tự đánh giá. Điều đó giúp ích nhiều cho công tác

ĐBCL của trường cũng như nâng cao kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường. Khi kiểm định thành công 02 CTĐT theo chuẩn ABET năm 2019, Khoa Công nghệ thông tin và Đào tạo quốc tế đã chia sẻ kinh nghiệm, quy trình cho các khoa khác trong trường. Nhờ đó, năm 2020 khoa Điện –Điện tử tiếp tục đăng ký và kiểm định thành công chuẩn ABET cho ngành Công nghệ Kỹ thuật điện tử [H9.09.02.02]. Đến nay, nhiều khoa mạnh dạn đăng ký KĐCL CTĐT theo các chuẩn quốc tế ngày càng nhiều hơn, rút ngắn thời gian chuẩn bị cũng như khả năng thành công cao hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường Đại học Duy Tân là một trong số ít trường trong cả nước đã thực hiện tự đánh giá CSGD ở chu kỳ thứ 03, qua mỗi đợt giúp nhà trường rà soát lại tổng thể các điều kiện ĐBCL, phát hiện những tồn tại chính để từng bước khắc phục và phát triển ngày càng tốt hơn.

- Hoạt động tự đánh giá các chuyên đề được giao cho các đơn vị chức năng phối hợp tổ chức hàng năm giúp nhà trường nhanh chóng phát hiện tồn tại để kịp thời khắc phục.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Còn 2/10 khuyến nghị do Hội đồng KĐCL năm 2107 đưa ra nhưng nhà trường chưa được thực hiện hoàn tất (nguồn thu chính vẫn từ học phí và chưa có ký túc xá riêng).

- Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài của trường trong chu kỳ này bị chậm so với dự kiến ban đầu do không lường hết những khó khăn khi dịch Covid-19 phức tạp và kéo dài.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Tiếp tục mở thêm các loại hình dịch vụ và các hoạt động NCKH, CGCN để tăng các nguồn thu ngoài học phí cho trường; nhanh chóng hoàn tất các thủ tục nhận đất của thành phố Đà Nẵng để có thể xây dựng khu ký túc xá riêng cho trường	BGH	Giai đoạn 2022-2027
2	Khắc phục tồn tại 2	Đẩy nhanh việc hoàn thiện các thủ tục báo cáo, đăng ký, hợp đồng với trung tâm KĐCL độc lập để kịp đánh giá ngoài trong quý II năm 2022.	Hội đồng Tự đánh giá và các nhóm chuyên trách	Năm 2022
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các hoạt động đánh giá nội bộ, báo cáo theo các chuyên đề bám sát các yêu cầu của các tiêu chuẩn kiểm định nhằm sớm phát hiện các tồn tại để đề ra các giải pháp khắc phục nhanh chóng và kịp thời trong năm học	Trung tâm ĐBCL và các đơn vị chức năng trong trường	Năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	4,0
Tiêu chí 10.1	4
Tiêu chí 10.2	4
Tiêu chí 10.3	4
Tiêu chí 10.4	4

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của nhà trường là hệ thống dữ liệu được thu thập từ công tác tuyển sinh, đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và hoạt động khảo sát các bên liên quan hàng năm của trường. Kế hoạch thu thập, xử lý, báo cáo và cung cấp thông tin được các đơn vị chức năng đưa vào kế hoạch năm học và thực hiện định kỳ theo năm của các đơn vị: Phòng Đào tạo, Phòng KHCN, Phòng Tổ chức, Phòng Cơ sở vật chất; đối với hoạt động lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, khảo sát doanh nghiệp do Phòng Công tác sinh viên, Trung tâm ĐBCL, Phòng Hợp tác doanh nghiệp và Đoàn thanh niên thực hiện theo quy định của nhà trường [H11.11.01.01], [H11.11.01.02], [H22.22.03.06], [H24.24.01.14].

Việc thu thập và quản lý các thông tin ĐBCL của nhà trường được các đơn vị chức năng thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã được giao. Cụ thể các dữ liệu về CTĐT, tuyển sinh, hoạt động đào tạo, ngân hàng đề thi, kết quả học tập, sinh viên tốt nghiệp do Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm; dữ liệu về hồ sơ sinh viên, kết quả rèn luyện của sinh viên được Phòng Công tác sinh viên phụ trách; các dữ liệu về NCKH, công bố quốc tế, sở hữu trí tuệ do Phòng KHCN quản lý; các dữ liệu về nhân sự, đội ngũ do Phòng Tổ chức quản lý trên phần mềm Quản lý nhân sự; dữ liệu về tài chính do Phòng Kế hoạch – Tài chính quản lý theo phần mềm Quản lý tài chính; dữ liệu CSVC do Phòng Cơ sở vật chất quản lý bằng phần mềm [H11.11.02.01], [H11.11.02.02]. Nhiệm vụ lấy ý kiến sinh viên về giảng viên, về phục vụ của nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL tổ chức thu thập và quản lý; khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, doanh nghiệp do Phòng Hợp tác doanh nghiệp chịu trách nhiệm chính, các nhiệm vụ này cùng được ban hành trong Quy định Khảo sát ý kiến các bên liên quan; Khảo sát về các hoạt động phục vụ cộng đồng do Đoàn thanh niên chịu trách nhiệm chính [H9.09.01.06], [H11.11.01.03], [H17.17.02.17], [H24.24.01.14]. Đến năm 2020, để thống nhất việc phân công nhiệm vụ giữa các đơn vị, nhà trường đã ban hành Quy định hoạt động ĐBCL theo Quyết định số 1026/QĐ-ĐHDT gồm nhiều hoạt động liên quan công tác ĐBCL trong đó có các quy định về lấy ý kiến các bên liên quan, đối sánh, tự

đánh giá, quản lý các CSDL về đào tạo, đội ngũ, NCKH một cách thống nhất và cụ thể [H11.11.01.04].

“Tin học hóa” là một trong 05 định hướng quan trọng của nhà trường trong văn bản Kế hoạch chiến lược 2016-2020 và Kế hoạch chiến lược 2021-2025 [H1.01.01.02]. Với chủ trương này nhà trường đã sớm xây dựng và mua phần mềm phục vụ cho các hoạt động quản lý, đào tạo, cũng như khai thác CSDL để phục vụ đào tạo trong suốt quá trình phát triển của trường. Các CSDL về CTĐT, hoạt động đào tạo, thi cử, hồ sơ sinh viên, kết quả rèn luyện dùng chung trên hệ thống phần mềm myDTU có kết nối với dữ liệu các khoa để phối hợp quản lý và sử dụng; các CSDL về nhân sự, tài chính, CSVC, thư viện được quản lý và khai thác bằng các phần mềm chuyên dụng như: Phần mềm Quản lý nhân sự, phần mềm Quản lý tài chính, phần mềm Quản lý CSVC, phần mềm Quản lý thư viện,... [H7.07.04.03], [H11.11.02.01]. Các CSDL còn lại được sử dụng Google Docs, MS Excel để thu thập và xử lý, quản lý. Dù sử dụng phần mềm hoặc sử dụng công cụ thủ công để thu thập thông tin, nhà trường đều quy định rõ trách nhiệm trong việc khai thác, quản lý đúng mục đích, phải khách quan và cung cấp thông tin đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng nhằm bảo vệ người cung cấp thông tin cũng như phục vụ hiệu quả trong đánh giá, cải tiến của nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Hạ tầng công nghệ thông tin của trường được phát triển đồng bộ từ hệ thống mạng, hệ thống phần mềm và con người để sử dụng. Nhà trường đầu tư xây dựng các server chuyên dụng, đội ngũ quản trị mạng có chuyên môn và đội ngũ xây dựng, phát triển phần mềm chuyên nghiệp [H11.11.03.01], [H9.09.01.03]. Các phần mềm phục vụ công tác quản lý, đào tạo, các CSDL về ĐBCL được kết nối toàn trường với tốc độ cao, an toàn giúp cho việc luân chuyển thông tin trong nội bộ được nhanh chóng, mọi trực trực (nếu có) đều được xử lý kịp thời không gây ảnh hưởng đến công việc chung của toàn trường. Cho nên có thể nói hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của nhà

trường đều ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ ra quyết định.

Với các CSDL hiện có đủ để nhà trường khai thác phục vụ công tác quản lý và nâng cao chất lượng của trường. Với hệ thống phần mềm quản lý đào tạo myDTU, nhà trường có thể nhanh chóng trích lọc, tổng hợp và phân tích dữ liệu về kết quả học tập, tiến độ học tập, hoặc thống kê điểm theo các tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng đào tạo từng ngành hoặc cả trường; nhà trường đã từng bước đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của môn học thông qua phân tích điểm số đạt được qua từng câu hỏi trong đề thi của các môn học thuộc các CTĐT đã kiểm định ABET của trường... [H11.11.02.01]. Các dữ liệu về tài chính, CSVC, thư viện, đội ngũ được quản lý bởi các phần mềm chuyên dụng và các CSDL về ý kiến các bên liên quan, kết quả khảo sát về phục vụ cộng đồng được lưu trên MS Excel hoặc Google Docs đều được trích xuất dữ liệu, thống kê dữ liệu phục vụ cho báo cáo, đánh giá trong họp giao ban trường hoặc cuộc họp chuyên đề về tài chính, nhân sự, rà soát CTĐT,... [H11.11.02.02].

Các CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong đều được nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và lưu trữ trên server chuyên dụng nên luôn sẵn sàng trích xuất khi cần, thậm chí dữ liệu về đào tạo có thể trích xuất từ xa qua hệ thống mạng với những tài khoản đã được cấp phát bởi nhà trường [H11.11.02.01], [H11.11.02.02]. Nhờ dùng phần mềm chuyên dụng để quản lý CSDL về tuyển sinh, điểm sinh viên, tốt nghiệp, việc làm, kết quả sinh viên đánh giá về giảng viên, công bố quốc tế nên các luôn sẵn có để trích xuất nhanh chóng, thuận tiện cho việc thống kê, phân tích, báo cáo lãnh đạo trường, báo cáo Bộ GD&ĐT cũng như cung cấp dữ liệu cần thiết cho việc phân tích, đánh giá các điều kiện ĐBCL và đối sánh để nâng cao chất lượng của nhà trường trong các năm qua [H9.09.02.03].

Các CSDL này được bảo mật cao, đối với dữ liệu phải công khai thì được công khai theo quy định, những dữ liệu như ý kiến sinh viên về giảng viên, điểm học tập của từng sinh viên chỉ được báo cáo cho người có thẩm quyền và chính sinh viên đó biết. Các dữ liệu khảo sát cũng được đảm bảo tính bảo mật, khách quan chỉ cung cấp cho những người theo quy định. Tất cả dữ liệu đào tạo được lưu trữ an toàn trên các server chuyên dụng, chỉ phân quyền cho người có thẩm quyền truy cập theo các chính sách bảo mật của trường, được bộ phận quản trị mạng sao lưu định kỳ vào lúc 23h00 hàng

ngày để dự phòng các sự cố [H9.09.04.01], [H11.11.02.01], [H11.11.03.02].

Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin ĐBCL được quy định rõ ràng và công khai trên myDTU, chẳng hạn: “*Nghiêm cấm mọi hành vi phá hoại hệ thống MyDuyTan dưới mọi hình thức, khiến hệ thống không tiếp tục hoạt động, bằng các tiểu xảo kỹ thuật hay bằng những thông tin sai lệch; Mỗi Cán bộ/Giảng viên có trách nhiệm quản lý thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập và Mã số Cán bộ/Giảng viên của mình. Không được tiết lộ thông tin tài khoản cá nhân của mình cho bất kỳ một cá nhân hay tổ chức nào khác; Cán bộ/Giảng viên chịu hoàn toàn trách nhiệm về các hành vi thực hiện thông qua tài khoản của mình nếu để lộ thông tin (đăng nhập) tài khoản cá nhân; Nghiêm cấm hành vi dùng Email trường cấp (...@dtu.edu.vn) cho các mục đích spam hay phát tán thông tin sai lệch, đồi trụy hoặc phản động;*”;... và trong các quy định về công tác ĐBCL của trường đã được công bố trên mạng công văn nội bộ, website của Trung tâm ĐBCL [H11.11.02.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Các hệ thống phần mềm của nhà trường đa phần là tự phát triển để đưa vào sử dụng, hệ thống quản lý đào tạo myDTU ban đầu chỉ có một số chức năng quản lý sinh viên, CTĐT, lịch học,... Sau quá trình vận hành và tiếp nhận ý kiến sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý đã được Trung tâm CSE (là trung tâm phát triển phần mềm của trường) dần hoàn thiện thành hệ thống hoàn chỉnh. Năm 2018 sau khi nhận các ý kiến từ Phòng Đào tạo, các khoa, giảng viên, sinh viên,... Trung tâm CSE đã lên kế hoạch điều chỉnh hệ thống phần mềm myDTU và tiến hành bổ sung các mô đun từ năm 2018 đến nay [H11.11.03.01]. Liên quan công tác ĐBCL, năm 2015 nhà trường ban hành Quy định 2531/QĐ-ĐHDT Quy định về lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, năm 2016 ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó quy định đầy đủ hơn việc lấy ý kiến và sử dụng thông tin từ dữ liệu lấy ý kiến, năm 2020 nhà trường hoàn thiện Quy định về công tác ĐBCL trong đó quy định đầy đủ hơn các dữ liệu phục vụ công tác ĐBCL, phân công trách nhiệm thu thập, quản lý và sử dụng các CSDL này được đầy đủ và hợp lý hơn [H11.11.01.04].

CSDL về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của trường được cập nhật định kỳ theo thời điểm nhất định tùy theo lĩnh vực. Đối với thông tin tuyển sinh, tốt nghiệp, việc làm, ý kiến sinh viên thì cập nhật theo thời gian sau khi kết thúc đợt tuyển sinh, kết thúc năm học, sau tốt nghiệp 6 tháng đến 12 tháng, riêng các dữ liệu về công bố quốc tế, đội ngũ, thì cập nhập vào CSDL một cách thường xuyên và liên tục [H11.11.02.01], [H11.11.02.02]. Việc định kỳ cập nhật này được giao cho các đơn vị chức năng, được giám sát và đảm bảo an toàn về thông tin, đồng thời những dữ liệu quan trọng cũng được sao lưu dự phòng và bảo mật bởi các hệ thống server chuyên dụng của trường [H11.11.03.02]. Trong quá trình xây dựng và khai thác các CSDL về hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, nhà trường chú trọng vào các tiêu chí an toàn, chính xác, cập nhật kịp thời và thông tin lưu chuyển đến đúng người, đúng việc và kịp thời bổ sung các phần mềm mới hoặc các chức năng mới nhằm phục vụ công tác đào tạo và quản lý của trường, cụ thể trong 05 năm qua nhà trường đã bổ sung các phần mềm Tuyển sinh online, Nhập học online, và bổ sung các chức năng mới trên hệ thống myDTU như: quản lý học liệu, quản lý ngân hàng đề thi, thi online, xác nhận sinh viên online,...

Trong thời gian vận hành hệ thống thông tin ĐBCL, nhà trường luôn tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan thông qua: ý kiến sinh viên, góp ý của cán bộ, giảng viên qua các buổi họp giao ban trường,... Đa phần các ý kiến đề xuất là nên tích hợp dữ liệu của sinh viên cho đồng bộ giữa khoa, phòng đào tạo, phòng công tác sinh viên, giảng viên cố vấn học tập; chia sẻ dữ liệu về đào tạo và thi cử giữa các khoa với Phòng Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và Trung tâm Học liệu. Những ý trên đã được Trung tâm CSE tiếp nhận và lên kế hoạch khắc phục. Vì thế hệ thống quản lý đào tạo myDTU của trường từ 2018 đến nay đã thêm nhiều chức năng/ mô đun mới, cụ thể: Mô đun quản lý chuẩn đầu ra của môn học, tích hợp mô đun quản lý ngân hàng đề thi, quản lý hồ sơ học liệu, mô đun hỗ trợ công tác cố vấn học tập,... trong năm 2021 Trung tâm CSE tiếp tục bổ sung mô đun thi trực tuyến trên hệ thống myDTU với việc tích hợp các hồ sơ sinh viên, điểm quá trình, ngân hàng đề thi và thi trực tuyến thành hệ thống khá hoàn chỉnh cho công tác đào tạo, giúp quản lý đồng bộ giữa khoa, Phòng đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, giảng viên và cố vấn học tập [H11.11.03.03]. Tuy nhiên, vẫn chưa tích hợp các chức năng kiểm tra sinh viên đóng học phí từ phần mềm quản lý tài

chính, quản lý đội ngũ từ phần mềm quản lý nhân sự chung với hệ thống myDTU nên đôi lúc gây khó khăn cho việc quản lý, đồng bộ dữ liệu. Nhà trường cũng ít dùng công cụ phân tích chuyên sâu như SPSS trong thống kê, hỗ trợ ra quyết định trong đánh giá các chỉ số về điểm sinh viên qua các năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Dựa vào các ý kiến đề xuất, nhà trường từng bước tích hợp dữ liệu và xây dựng thêm các mô đun để tích hợp vào hệ thống quản lý đào tạo myDTU của trường. Điều này giúp cho việc quản lý thông suốt trong công tác đào tạo giữa các khoa - Phòng Đào tạo, giữa Trung tâm Tuyển sinh – Phòng Đào tạo, Công tác sinh viên – các khoa, giảng viên và cố vấn học tập chỉ cần truy cập vào hệ thống myDTU là có thể có đầy đủ thông tin sinh viên, chương trình đào tạo, quá trình học tập của sinh viên. Phòng Thanh tra, Trung tâm Khảo thí, Trung tâm Học liệu có được các thông tin liên quan đến kỳ thi để duyệt đề, quản lý đề cương, học liệu theo tiến độ giảng dạy của từng giảng viên. Hệ thống quản lý đào tạo được tích hợp giúp trường duy trì tiến độ đào tạo, thi cử, thậm chí thi online, bảo vệ khóa luận online trong thời gian giãn cách xã hội do dịch Covid-19. Có thể nói cải tiến lớn nhất của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của nhà trường là tích hợp và liên thông các thông tin về đào tạo giúp cho công tác quản lý và đào tạo được thông suốt từ khi sinh viên đăng ký tuyển sinh, nhập học đến khi tốt nghiệp [H13.13.03.02], [H11.11.02.01].

Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của trường được quy trình hóa, được cải tiến liên tục nhằm tăng tính hiệu quả và phù hợp với thực tế, cụ thể trong thời gian giãn cách do Covid-19, trường đã kịp thời ban hành các quy trình, thủ tục thi, duyệt đề, chấm thi online đảm bảo an toàn, khách quan cũng như đảm bảo tiến độ đào tạo [H16.16.01.05]. Cho phép lấy ý kiến các bên liên quan bằng hình thức trực tuyến thay vì trực tiếp đến lớp như trước đây [H11.11.04.01]. Đến công tác tuyển sinh: tư vấn trực tuyến, đăng ký xét tuyển, làm thủ tục nhập học cũng được điều chỉnh sang hình thức online và tích hợp dữ liệu tuyển sinh vào hệ thống myDTU cũng giúp nhà trường tiết kiệm được nhiều

thời gian và công sức trong công tác quản lý, đạt chỉ tiêu tuyển sinh đề ra [H13.13.03.02]. Các chính sách, các cải tiến nêu trên dù chỉ mang tính thích ứng với điều kiện thực tế nhưng cũng cho thấy sự linh hoạt, khả năng thích ứng tốt và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đào tạo góp phần nâng cao chất lượng, đảm bảo hoạt động đào tạo được thông suốt trong thời gian dịch bệnh kéo dài trên cả nước.

Các CSDL về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong luôn được trường khai thác và sử dụng hiệu quả, chẳng hạn như: trích xuất dữ liệu về kết quả học tập của người học để phân tích, đánh giá công tác đào tạo của trường làm cơ sở cho việc điều chỉnh chuẩn đầu ra môn học, điều chỉnh CTĐT và cập nhập nội dung môn học [H11.11.04.02]. Các dữ liệu về đề tài NCKH, công bố quốc tế được Phòng KHCN cập nhật thường xuyên trên các báo cáo, website, để phục vụ các mục tiêu đánh giá giảng viên, phát triển đội ngũ và xếp hạng đại học. Các hoạt động phong trào, tình nguyện, thiện nguyện, các dự án khởi nghiệp, đề tài NCKH phục vụ cộng đồng được cập nhật dữ liệu thường xuyên, kể cả cập nhật lên website để tăng tính động viên, khích lệ sinh viên tham gia nhiều hơn các hoạt động phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội...qua đó giúp lãnh đạo nhà trường kênh thông tin nhanh chóng, chính xác trong việc đề ra các chính sách kịp thời trong việc quản lý và phát triển trường [H11.11.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý và đào tạo gồm cả các hoạt động thống kê và phân tích số liệu.
- Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của trường được bảo mật tốt dựa trên quy trình đã được phần mềm hóa, được sao lưu dự phòng để tránh mất mát dữ liệu quan trọng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa tích hợp các dữ liệu đào tạo, nhân sự, và tài chính thành hệ thống nhất mà còn riêng lẻ bởi các phần mềm khác nhau.

- Chưa dùng công cụ phân tích chuyên sâu như SPSS trong thống kê, hỗ trợ ra quyết định trong đánh giá các chỉ số về điểm sinh viên qua các năm.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Tích hợp và đồng bộ các CSDL từ các hoạt động đào tạo, quản lý đội ngũ và tài chính của trường	Trung tâm CSE	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng các mô hình thống kê chuẩn có thể áp dụng các công cụ phân tích chuyên sâu như SPSS trong thống kê, hỗ trợ ra quyết định trong đánh giá các chỉ số về điểm sinh viên qua các năm	Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL	Năm học 2022 - 2023
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục áp dụng việc đăng ký các tiêu chí thi đua bám sát các tiêu chuẩn KĐCL, định hướng của trường trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường	Các đơn vị đào tạo trong toàn trường	Năm học 2022 - 2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	<i>4,5</i>
Tiêu chí 11.1	4
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	5

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các kế hoạch về nâng cao chất lượng của nhà trường xuất phát từ các kế hoạch chiến lược, sau đó là các chính sách, quy định, hướng dẫn và các quy trình để thực hiện các mục tiêu chiến lược đó. Trong kế hoạch chiến lược 2016-2020, nhà trường tiến hành đánh giá, phân tích thực trạng, xu thế và đề ra các mục tiêu và giải pháp phát triển cho giai đoạn này [H1.01.01.02]. Về mục tiêu nhà trường xác định phải đạt chuẩn quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế, hội nhập được với khu vực và quốc tế về đào tạo và NCKH. Để hướng dẫn thực hiện mục tiêu đề ra, kế hoạch đã nêu rõ 09 giải pháp, trong đó về đào tạo yêu cầu phải bổ sung kiến thức mới từ các đại học tiên tiến, gắn đào tạo với thực tế và thống nhất mục tiêu - phương pháp - đánh giá chất lượng; đẩy mạnh nghiên cứu, lấy nghiên cứu để phục vụ đào tạo, phấn đấu có nhiều sinh viên và giảng viên tham gia để hình thành các nhóm khởi nghiệp trong trường; tập trung phát triển đội ngũ đạt chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh tham gia kiểm định trong nước thì việc tham gia xếp hạng và kiểm định quốc tế cũng là kênh giúp nhà trường có thể so sánh chất lượng nhà trường với các trường trong và ngoài nước, qua đó làm động lực thúc đẩy các hoạt động ĐBCL toàn diện từ CTĐT đến, đội ngũ, NCKH, phục vụ cộng đồng. Để thực hiện các mục tiêu trên, nhà trường đã có nhiều chính sách và hành động cụ thể như: Ban hành quy định về công tác phụ vụ cộng đồng; ban hành chính sách về tuyển dụng và khen thưởng trong NCKH (nâng cao tiêu chuẩn bài báo, nâng cao chất lượng tạp chí chuyên ngành - Tạp chí chuyên ngành của trường và được đưa vào danh sách tạp chí có chỉ số Scopus; Thành lập thêm các trung tâm dịch vụ nhằm tăng nguồn thu [H12.12.01.01]; Xây dựng CSVC khang trang với các phòng thí nghiệm, phòng LAB hiện đại đáp ứng các nhu cầu nghiên cứu, đào tạo, thêm các sân chơi phục vụ các hoạt động văn hóa tinh thần cho cán bộ, giảng viên, người học và phục vụ cộng đồng; Bên cạnh các chính sách, quy định thì nhà trường cũng đã ban hành mới và hoàn thiện nhiều quy trình liên quan đến công tác đào tạo, công tác tổ chức, công tác khảo thí, đảm bảo chất lượng và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.05], [H6.06.02.01], [H7.07.03.01], [H10.10.01.05], [H13.13.02.02], [H14.14.05.01].

Để nâng cao chất lượng trên các mặt hoạt động, nhà trường thường xuyên rà soát và cập nhật bổ sung các quy định, hướng dẫn trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cho phù hợp với sự thay đổi các quy định Nhà nước và tình hình thực tế của trường (chẳng hạn khi Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Luật giáo dục đại học ban hành năm 2018 thì năm 2019, nhà trường có điều chỉnh một số nội dung trong Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020). Dù có một số thay đổi cho phù hợp yêu cầu thực tế nhưng những mục tiêu chiến lược của nhà trường có tính xuyên suốt và kế thừa, kết hợp với những cập nhật cho hợp với xu thế và quy định hiện hành. Cuối mỗi năm học, cuối giai đoạn trường tổ chức rà soát đánh giá để có những giải pháp phù hợp nhằm đạt mục tiêu đã đề ra [H12.12.01.02]. Kết quả khi đánh giá giai đoạn 2016-2020 này (Phần thứ nhất của kế hoạch chiến lược 2021-2025) trường đã đạt những kết quả cụ thể như: phát triển đội ngũ lên đến 1265 người, có 29,18 % tiến sĩ, có 05 ngành đào tạo tiến sĩ, 08 ngành thạc sĩ, 40 ngành đào tạo đại học, công bố quốc tế tăng, riêng công bố ISI từ 2017 đến 2021 lên đến 5.633 bài, kiểm định 04 ngành theo chuẩn ABET và vào xếp hạng THE, QS Rangking Asia với thứ hạng cao (kiểm định thành công ABET cho 04 CTĐT, vào Top 400 QS Ranking,... Ngoài việc đánh giá kết quả đạt được, nhà trường cũng xác định những tồn tại của giai đoạn 2016-2020 để đề ra các nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược cho giai đoạn 2021-2025. Theo đó, Kế hoạch chiến lược 2021-2025 xác định cụ thể các mục tiêu của từng mảng với các chỉ số KPI và mốc thời gian cụ thể, ví dụ: Mục tiêu đội ngũ, đến năm 2025 đạt 1500 người, có 400 tiến sĩ, 100 nghiên cứu sinh, 30% giảng viên dạy bằng tiếng Anh; với đào tạo thì đến năm 2025 quy mô lên đến 30.000 sinh viên, có 70 ngành đào tạo bậc đại học, 20 ngành đào tạo tiến sĩ,... [H1.01.01.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Trường xác định rõ việc so chuẩn, đối sánh trước hết phải đối sánh với các tiêu chuẩn, các quy định của Nhà nước, thứ đến là chọn các trường các ngành có cùng quy mô, cùng loại hình hoặc các trường có xếp hạng cao trong nước, uy tín đã kiểm định trên thế giới. Cụ thể tiêu chí phân chia theo nhóm:

- Các đối tác trong nước là các trường đại học trong Top 20 của Việt Nam, tại khu vực thành phố Đà Nẵng thì đối sánh với các trường thành viên thuộc Đại học Đà Nẵng, đối với trường ngoài công thì chọn các trường có tuổi đời trên 20 năm và có quy mô tương đồng như Trường Đại học Văn Lang, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội...và so với tiêu chuẩn kiểm định CSGD (hiện tại theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT).

- Đối sánh CTĐT thì chọn các trường có các CTĐT cùng khối ngành, có uy tín hoặc các CTĐT tiên tiến và đối sánh với các tiêu chuẩn kiểm định CTĐT như: ABET, ACBSP, TedQual còn lại theo chuẩn trong nước, hiện tại là theo Thông tư 04.

- Đối tác nước ngoài: Là các CSGD đại học uy tín, đã được kiểm định, có quan hệ hợp tác với nhà trường.

- Để chọn các tổ chức xếp hạng, Trường Đại học Duy Tân chọn những tổ chức có uy tín trên thế giới và khu vực từng được Bộ GD&ĐT đề cập đến trong các hội thảo về ĐBCL. Các tổ chức xếp hạng trường lựa chọn là: xếp hạng QS Ranking, THE, Thượng Hải,... Các thông tin để đối sánh tùy vào từng tổ chức xếp hạng nhưng tập trung vào các nội dung: Giảng dạy, học thuật, NCKH, đội ngũ, việc làm sinh viên,... đây là những tiêu chí được nhà trường quan tâm và thường xuyên đối sánh nhằm cải tiến nâng cao chất lượng và vị thế trong những năm qua [H9.09.03.04].

Về nội dung so chuẩn đối sánh chất lượng được ban hành theo Quy định số 1026 quy định về hoạt động ĐBCL có nêu rõ: về CTĐT (số CTĐT đã kiểm định, chất lượng cao, tỉ lệ việc làm và so sánh CDR và nội dung đào tạo khi đối sánh để mở mới CTĐT hoặc cải tiến chất lượng), về đội ngũ (tỉ lệ giảng viên /sinh viên, tỉ lệ tiến sĩ,..), NCKH (số công bố trên tạp chí uy tín ISI, Scopus/ giảng viên, số công trình NCKH các cấp,...). Những nội dung này giúp nhà trường tập trung vào các nội dung cụ thể để dễ cho việc thực hiện đối sánh [H11.11.01.04].

Bên cạnh xác định các nội dung đối sánh, nhà trường cũng có quy trình hướng dẫn thực hiện gồm 07 bước từ việc lựa chọn đối tác, thu thập số liệu đến việc đánh giá và đề xuất các giải pháp cải tiến, cuối cùng là báo cáo lãnh đạo nhà trường để phê duyệt và triển khai kế hoạch hành động. Qua các quy định, hướng dẫn giúp nhà trường và các đơn vị trong trường từng bước hoàn thiện các hoạt động đối sánh, góp phần vào việc cải

tiến và nâng cao chất lượng CSGD và các CTĐT trong những năm qua.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Thực hiện quy định về đối sánh, nhà trường đã thực hiện theo 03 loại hình cụ thể như sau:

- Đối sánh với các tiêu chuẩn KĐCL CSGD thì dựa vào yêu cầu các tiêu chí kiểm định cấp CSGD theo Thông tư 12 để các đơn vị chức năng triển khai hoạt động hàng năm và Trung tâm ĐBCL tổ chức đánh giá nội bộ nhằm nâng cao các điều kiện ĐBCL như: đội ngũ, công bố quốc tế, CSVC, thư viện, phòng Lab,... và nâng cao chất lượng đội ngũ, đổi mới phương pháp giảng dạy, thi cử và chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H9.09.03.01].

-Đối sánh CTĐT thì giao các khoa đào tạo thực hiện trong quá trình xây dựng CTĐT, mở ngành hoặc đánh giá để cải tiến CTĐT 2 năm/1 lần. Việc chọn CTĐT thì do các khoa xác định và tuân theo yêu cầu chung của nhà trường là các CTĐT trong cùng khối ngành, thuộc các trường có uy tín trong và ngoài nước, đã được kiểm định,...[H11.11.04.02]. Về nội dung đối sánh chủ yếu là CĐR, chương trình khung, nội dung từng môn học, phương pháp kiểm tra đánh giá,...

- Đối sánh trong việc xếp hạng CSGD, CTĐT tùy thuộc vào tổ chức xếp hạng, nhà trường chọn đối tác và nội dung riêng. Ví dụ với xếp hạng QS Ranking Asia, đối sánh với các Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. HCM, Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Tôn Đức Thắng,.. nội dung đối sánh là điểm xếp hạng năm trước và các điểm thành phần cho từng mảng: Danh tiếng về học thuật, danh tiếng đối với doanh nghiệp, công bố quốc tế, trích dẫn, đội ngũ giảng viên, sinh viên và giảng viên quốc tế, việc làm của sinh viên,... [H9.09.02.03]. Từ năm 2020 đến nay, sau khi có quy định mới về đối sánh, nhà trường thực hiện đối sánh với các trường trong nước có những điều kiện tương đồng về các chỉ số liên quan đào tạo, đội ngũ, việc làm, NCKH,... [H12.12.03.01].

Thông qua các hoạt động đối sánh CSGD trong và ngoài nước, đối sánh cấp

CTĐT, nhà trường đã thực hiện nhiều hoạt động để tăng cường công tác ĐBCL, cải thiện thêm các chỉ số để nâng cao chất lượng và xếp hạng trường. Trong hoạt động phân tích lộ trình vào Top 400 QS Ranking Asia, năm 2020 Trung tâm ĐBCL đã đối sánh với các trường bạn trong Top 400 QS Ranking Asia, chỉ ra những nội dung cần ưu tiên cải thiện như: Danh tiếng về học thuật, danh tiếng với doanh nghiệp, trích dẫn/bài báo, mạng lưới nghiên cứu quốc tế, tiếp đến là tỉ lệ giảng viên/ sinh viên, giảng viên có trình độ tiến sĩ, có NCKH,...điều này đã được lãnh đạo nhà trường thực hiện bằng các giải pháp và chính sách cụ thể để tăng cường các hoạt động ĐBCL này kết quả cho thấy năm 2016 trường có khoảng 675 công bố trên các tạp chí uy tín (ISI, Scopus,...) đến năm 2021 có khoảng 2032 công bố, từ năm 2020 trường tuyển thêm sinh viên quốc tế đến từ Lào,... [H8.08.02.04], [H9.09.02.03], [H18.18.02.05]. Đối với CTĐT, nhà trường đã tổ chức điều chỉnh CDR và đề cương chi tiết của khối ngành công nghệ, kỹ thuật theo chuẩn ABET [H14.14.02.06], [H14.14.02.07]. Đối với công tác phục vụ cộng đồng thì mở rộng các hình thức, quy mô của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tăng cường các hoạt động hỗ trợ khoa học kỹ thuật cho các Sở GD&ĐT khu vực miền Trung và Tây nguyên bằng cách cử đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm NCKH đến các tỉnh chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ công cụ nghiên cứu cho các trường phổ thông [H21.21.02.01], [H21.21.02.02], [H21.21.02.03].

Cũng thông qua việc so chuẩn đối sánh này, lãnh đạo nhà trường thấy rằng cần phải luôn đổi mới sáng tạo nên đã phát động các hoạt động đổi mới trong quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào đào tạo nhằm nâng cao chất lượng quản lý và đào tạo của trường,... Nhà trường tiếp tục đưa tiêu chí đổi mới, sáng tạo vào bộ tiêu chí thi đua hàng năm; đầu tư cho cán bộ, giảng viên, sinh viên nhiều phòng Lab, phòng thực hành mới như mạng máy tính, Lab STEM; tiếp tục đầu tư và phát triển các viện nghiên cứu, lập Trung tâm Khởi nghiệp, Trung tâm Mô phỏng mô hình hóa (CVS), Trung tâm Sáng tạo Microsoft (MIC); hỗ trợ đăng ký các phát minh sáng chế của đội ngũ cán bộ, giảng viên góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng cũng như mang lại uy tín, danh tiếng của nhà trường trong và ngoài nước [H19.19.02.04], [H19.19.04.01]; tiếp tục hợp tác chuyển giao công nghệ với Carnegie Mellon University, Pennsylvania State (Mỹ), Counventry (Anh) để CTĐT trường từng bước tiệm cận với CTĐT các nước phát triển [H8.08.02.01], [H8.08.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Việc rà soát hệ thống văn bản của nhà trường thực hiện định kỳ theo năm học, tuy nhiên nhiều văn bản quy định, quy trình được thực hiện khi có những quy định mới của Nhà nước hoặc thực hiện các chủ trương mới của nhà trường. Đối với hoạt động đối sánh thì trước năm 2018 chủ yếu đối sánh với các tiêu chuẩn KĐCL ở cấp CSGD và đối sánh để cải tiến CTĐT, từ năm 2018 đến 2020 bắt đầu có quy trình đối sánh với những hướng dẫn trình tự và quy định nguồn để đối sánh. Quy trình đối sánh chỉ là hướng dẫn chung với các nội dung và trình tự như sau: Thứ nhất phải tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; Thứ hai: so với các tiêu chuẩn KĐCL CSGD và kiểm định CTĐT; Thứ ba: Dựa vào các định hướng chiến lược của trường, đặc biệt các định hướng về hội nhập, hợp tác quốc tế về đào tạo; Thứ tư: đề xuất các giải pháp sau khi đối sánh và báo cáo BGH [H12.12.04.01]. Đến năm 2020, nhà trường đã tiến hành rà soát và cải tiến quy trình đối sánh và đưa vào Quy định 1026 về công tác ĐBCL, quy trình mới gồm 07 bước thực hiện, đối tượng đối sánh cũng cập nhật thêm là các trường cùng nhóm xếp hạng và những trường tư thục có những điều kiện và quy mô tương đồng, các chỉ số để đối sánh được xác định cụ thể hơn, nguồn đối sánh cũng đưa thêm vào là dữ liệu từ xếp hạng trường và dữ liệu từ báo cáo tự đánh giá của các trường bạn đã công khai trên website và làm cho công tác này từng bước trở thành hoạt động định kỳ của nhà trường [H11.11.01.04].

Năm 2020, thực hiện rà soát tổng thể các quy trình liên quan công tác ĐBCL, nhà trường nhận thấy các quy trình đối sánh còn chung chung, khó đánh giá hoặc không đủ thông tin để đối sánh một cách hiệu quả. Trong quá trình rà soát, nhà trường tham khảo thêm cách làm của các trường bạn, đặc biệt thông qua các báo cáo tự đánh giá các trường như: Trường Đại học FPT, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, đặc biệt tiêu chuẩn đối sánh của Trường Đại học Tân Trào,... qua các tham khảo này giúp nhà trường có thêm thông tin cải tiến quy trình so chuẩn đối sánh của mình. Quy trình đối sánh mới đưa ra các tiêu chí cụ thể hơn, bổ sung các tiêu chí đối sánh phục vụ cộng đồng, tổ chức các tiêu chí đối sánh dưới dạng bảng để dễ đối chiếu và xác định

nguồn dữ liệu để đối sánh cụ thể từ các nguồn dữ liệu chính thức của Bộ GD&ĐT, các trường bạn chia sẻ, các trường có điều kiện tương đồng, tham khảo từ các báo cáo tự đánh giá của các trường công khai trên website và các dữ liệu từ các tổ chức xếp hạng [H11.11.01.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh của nhà trường từng bước hoàn thiện trong 05 năm qua. Từ quy trình hướng dẫn mang tính chung chung vào năm 2018, đến năm 2020 ban hành quy trình mới cụ thể hơn, ngoài việc đối sánh để xếp hạng và xây dựng CTĐT thì thêm vào đối sánh các chỉ số quan trọng của nhà trường với các trường trong và ngoài nước (các trường tư thục cùng quy mô, các trường cùng nhóm xếp hạng, các trường hàng đầu ở Việt Nam). Nguồn dữ liệu đối sánh đầy đủ hơn giúp cho nhà trường có thể so sánh các chỉ số liên quan đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng với các trường bạn. Điều đó giúp nhà trường dễ xác định mục tiêu cải tiến thông qua chỉ số KPI nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng, thể hiện rõ nét là trong Kế hoạch chiến lược 2021-2025, nhà trường đã đưa vào các KPI cụ thể cho từng mảng so với chiến lược giai đoạn trước đó [H1.01.01.02]. Kết quả, của quá trình phấn đấu liên tục không ngừng nghỉ trong việc nâng cao chất lượng, đã giúp nhà trường kiểm định thành công 04 CTĐT theo chuẩn ABET, nâng xếp hạng trường từ Top 500 QS Ranking lên Top 400, Top 300 và THE... [H9.09.02.02], [H9.09.02.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Việc đối sánh của trường được thực hiện không chỉ với các CTĐT các trường cùng ngành mà còn đối sánh các chỉ số xếp hạng ngành, xếp hạng trường theo các chuẩn trong nước, quốc tế và khu vực.

- Hoạt động đối sánh, so chuẩn giúp nhà trường ra các quyết định kịp thời để nâng

cao các điều kiện ĐBCL và chỉ số xếp hạng giúp trường đạt và vượt các mục tiêu xếp hạng đã đề ra.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Còn một số CTĐT khi đối sánh còn khó khăn khi không có được dữ liệu của các CTĐT của các trường bạn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường hợp tác với các trường trong nước để cùng thực hiện đối sánh một cách toàn diện với các CTĐT của các trường bạn trong và ngoài nước	Trung tâm ĐBCL, Phòng Hợp tác quốc tế, các đơn vị đào tạo	Năm học 2022-2023
2	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục tham gia các hoạt động xếp hạng đại học và thực hiện đối sánh với các chỉ số xếp hạng làm cơ sở cho các hoạt động cải tiến của trường	Trung tâm ĐBCL	Năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 12	4,2
Tiêu chí 12.1	4
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	5
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của cơ sở giáo dục.

Hàng năm, sau khi kết thúc công tác tuyển sinh của năm học, nhà trường tổ chức họp tổng kết với các khoa, Phòng Đào tạo, Trung tâm Tuyển sinh, Trung tâm Truyền thông và các đơn vị hỗ trợ tuyển sinh để đánh giá rút ra các bài học kinh nghiệm và đề xuất kế hoạch tổng thể cho mùa tuyển sinh năm đến. Bên cạnh đó, Hội đồng tuyển sinh dựa vào điều kiện ĐBCL đầu vào của mỗi khối ngành, định hướng phát triển của nhà trường tiến hành xây dựng đề án tuyển sinh. Sau khi đề án tuyển sinh được Bộ GD&ĐT phê duyệt, Hội đồng tuyển sinh họp xây dựng kế hoạch chi tiết gồm các quy định, chính sách và kế hoạch truyền thông về tuyển sinh trình hiệu trưởng phê duyệt và ban hành áp dụng [H13.13.01.01], [H13.13.01.02], [H13.13.01.03].

Việc phân công trách nhiệm, Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm chính, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh là người biên soạn chính đề án tuyển sinh và giám sát tất cả các hoạt động tuyển sinh, trưởng Phòng Đào tạo là thư ký cho Hội đồng tuyển sinh, Trung tâm Tuyển sinh được giao nhiệm vụ phối hợp với các đơn vị trong trường thực hiện công tác truyền thông về tuyển sinh được thực hiện cụ thể từ tháng 1 đến tháng 8 hàng năm. Các khoa, tổ bộ môn phối hợp với Trung tâm Tuyển sinh làm công tác truyền thông, hướng nghiệp, cử cán bộ, giảng viên tham tư vấn,... Trong kế hoạch tuyển sinh có xác định rõ một số mốc thời gian cho từng hoạt động cụ thể, ví dụ như đợt cuối tháng 2 đầu tháng 3 hàng năm, nhà trường thành lập các đoàn tư vấn tuyển sinh về các tỉnh, thành để tư vấn và hướng nghiệp trực tiếp cho học sinh các trường THPT, cung cấp đầy đủ các thông tin về trường, về ngành, phương thức xét tuyển, cũng như các chính sách học bổng,...[H13.13.01.01]

Ngoài việc tổ chức tư vấn và hướng nghiệp tuyển sinh, trường còn thành lập Trung tâm Truyền thông hỗ trợ tuyên truyền đưa tin trên các trang web trong và ngoài trường (báo Thanh Niên, báo Tuổi trẻ, báo Tiền Phong,...), cũng như đăng tin trên các trang mạng xã hội (fanpage Duy.Tan.University; tuyensinhDTU, dtuTV),... xây dựng các video clip nhằm giới thiệu quảng bá hình ảnh trường trên kênh Youtube dtuTV, các hoạt động đào tạo, môi trường học tập, việc làm để thí sinh và phụ huynh có thêm kênh thông tin trước khi lựa chọn [H13.13.01.04].

Nhờ công tác xây dựng kế hoạch chi tiết và sự phối hợp đồng bộ của các đơn vị trong trường về công tác tuyển sinh nên 05 năm qua công tác tuyển sinh đạt chỉ tiêu đề ra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.

Nhà trường có tiêu chí tuyển sinh rõ ràng được xác định trong đề án tuyển sinh hàng năm, trình Bộ GD&ĐT trước khi công bố. Các thông tin tuyển sinh được công bố rộng rãi trên website của trường cũng như trên các trang báo mạng. Cụ thể, nhà trường tổ chức đồng thời 4 phương thức tuyển sinh đảm bảo ngưỡng ĐBCL đầu vào như sau:

1) Phương thức 1: Xét tuyển thẳng thí sinh theo qui chế của Bộ GD&ĐT và ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của nhà trường. Ngưỡng ĐBCL đầu vào đúng qui chế của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh riêng của nhà trường.

2) Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT; Ngưỡng ĐBCL đầu vào sẽ được công bố sau khi có điểm thi tốt nghiệp THPT.

3) Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Xét học bạ):

- Xét kết quả học tập năm lớp 12; hoặc
- Xét điểm trung bình kết quả học tập năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12.

Ngưỡng ĐBCL đầu vào quy định thí sinh có kết quả tổng điểm 03 môn học năm lớp 12 hoặc tổng điểm trung bình kết quả học tập năm lớp 11 cộng học kỳ I, năm lớp 12 của 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có) đạt từ 18.0 điểm cho tất cả các ngành. Ngoại trừ, ngành Kiến trúc đạt 12 điểm/2 môn học bạ và khối ngành Khoa học sức khỏe đạt từ ngưỡng ĐBCL đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định, cụ thể: Ngành Điều dưỡng 19.5 điểm (Thí sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại Khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6.5 điểm trở lên), ngành Dược, ngành Y khoa, ngành Răng - Hàm - Mặt 24 điểm (thí sinh tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8.0 điểm trở lên).

4) Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức hàng năm. Thí sinh đạt mức điểm từ 600 điểm trở

lên cho tất cả các ngành. Ngoại trừ, khối ngành Khoa học sức khỏe thí sinh đạt mức 600 điểm trở lên và đạt ngưỡng ĐBCL đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định.

Ngoài ra, nhà trường tổ chức thi tuyển môn Năng khiếu (Vẽ mỹ thuật) và xét điểm môn Vẽ mỹ thuật khi thí sinh thi từ các trường khác để xét tuyển ngành Kiến trúc và các ngành có sử dụng môn Vẽ mỹ thuật theo đúng qui chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, một số thí sinh có nguyện vọng được xét vào Trường Đại học Duy Tân bằng điểm Vẽ mỹ thuật thi ở trường khác nhưng không được các trường cung cấp điểm môn này gây khó khăn cho việc xét tuyển các em. Đối với chương trình du học tại chỗ lấy bằng Mỹ (Đại học Troy, Đại học Keuka), sau năm học đầu tiên, sinh viên phải đạt IELTS 5.5 trở lên. Đối với chương trình tiên tiến và quốc tế, thí sinh muốn đăng ký vào học chương trình này cần đăng ký tham gia bài thi sơ tuyển môn tiếng Anh và tư duy logic để làm cơ sở cho việc xét học bổng đầu vào cũng như xếp lớp nếu trúng tuyển.

Bảng 13. 1.Cấu trúc bài thi Sơ tuyển môn Tiếng Anh và tư duy logic

TT	LOẠI ĐỀ THI	THỜI GIAN	SỐ CÂU
1	Đề thi Sơ tuyển môn tiếng Anh	60 phút	60 câu
2	Đề thi tư duy logic	60 phút	25 câu

Nhà trường còn đưa ra các tiêu chí về điểm cao đầu vào để cấp các suất học bổng toàn phần, bán phần,... cho thí sinh nhằm thu hút các thí sinh có tiềm năng, học giỏi để nâng cao chất lượng cho các CTĐT [H13.13.02.01], [H13.13.02.02], [H13.13.02.03].

Với tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các tiêu chí lựa chọn học viên của nhà trường tuân thủ đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ ngày 15/05/2014. Tất cả các hình sơ tuyển/ xét tuyển của trường tuân thủ theo qui chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh riêng của Trường Đại học Duy Tân.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 13.3. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện.

Trung tâm Tuyển sinh phối hợp với Trung tâm Công nghệ phần mềm (CSE), Phòng Đào tạo và Phòng Kế hoạch tài chính giám sát hoạt động tuyển sinh và nhập học

của nhà trường. Các hệ thống phần mềm xét tuyển & nhập học trực tuyến, có các ràng buộc về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào một cách tự động, đảm bảo sự chính xác và có trả lời tự động, kịp thời cho thí sinh đủ điều kiện được xét tuyển hay không.

Các hoạt động giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện theo Quy trình Xét tuyển và Nhập học.

Cụ thể, ở Quy trình Xét tuyển, thí sinh chọn phương thức xét tuyển, cập nhật các thông tin đăng ký. Hệ thống sẽ kiểm tra và trả về kết quả ngay tức thì cho thí sinh. Song song với công việc đó, các nhân sự Trung tâm Tuyển sinh kiểm tra đối chiếu lại kết quả nhập vào của thí sinh để kiểm tra tính chính xác kết quả học tập. Căn cứ các mốc về thời gian công bố kết quả, nhà trường công bố kết quả trúng tuyển và gửi giấy báo trúng tuyển cho thí sinh. Về quy trình nhập học, nhà trường có hai hình thức nhập học trực tiếp và trực tuyến. Với hình thức nhập học trực tuyến, thí sinh dựa vào hướng dẫn trên giấy báo trúng tuyển để làm thủ tục nhập học trực tuyến, cụ thể: thí sinh đăng nhập bằng mã hồ sơ và ngày tháng năm sinh, sau đó kiểm tra các thông tin cá nhân và ngành đăng ký, tiếp theo cập nhật các thông tin lý lịch sinh viên, tiếp theo là thực hiện quá trình nộp học phí bằng cách chuyển khoản hoặc nộp học phí qua ngân hàng và upload chứng từ nộp tiền học phí lên. Bộ phận tài chính của trường sẽ đối soát với ngân hàng và xác nhận sinh viên nộp học phí thành công, tiếp theo bộ phận đào tạo sẽ cấp tài khoản đăng nhập vào hệ thống đào tạo của trường và thời khóa biểu cho thí sinh.

Tất cả các công việc xét tuyển và nhập học đều được ứng dụng công nghệ thông tin nên xử lý rất nhanh và đặc biệt tránh việc đi lại, di chuyển cho phụ huynh và thí sinh. Trong thời gian hoạt động tuyển sinh diễn ra, Hội đồng Tuyển sinh giám sát, theo dõi nhằm tránh các sai sót cũng như đưa ra những quyết định chỉ đạo kịp thời để công tác tuyển sinh của trường đảm bảo đúng quy định và nâng cao chất lượng đầu vào cho nhà trường. Kết thúc công tác tuyển sinh, nhà trường thành lập ban chức năng thực hiện nhiệm vụ hậu kiểm hồ sơ nhập học trong đó đối chiếu học bạ, bảng điểm, bằng gốc và hồ sơ sinh viên và các thông tin liên quan [H13.13.03.01], [H13.13.03.02], [H13.13.03.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Trường Đại học Duy Tân thực hiện các biện pháp giám sát tuyển sinh và nhập học thông qua các công cụ đo lường hoạt động hàng ngày, cụ thể: số thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, xét tuyển bằng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, xét tuyển bằng học bạ THPT đều thực hiện thông qua cổng thông tin tuyển sinh điện tử của nhà trường. Tại đây thí sinh cập nhật các thông tin theo yêu cầu, cán bộ tuyển sinh của Trung tâm Tuyển sinh lọc ra danh sách đăng ký hàng ngày, kiểm tra, đối chiếu kết quả nhập liệu của thí sinh để xác định những trường hợp nào đạt yêu cầu và tổng hợp báo cáo lãnh đạo. Về công tác nhập học, ngoài nhập học trực tiếp, thí sinh có thể nhập học trực tuyến thông qua website nhập học của nhà trường với giao diện thân thiện, có hướng dẫn dễ hiểu [H13.13.04.01], [H13.13.04.02].

Công tác giám sát và đánh giá tuyển sinh và nhập học, trường đều sử dụng phần mềm để kiểm tra các hoạt động đăng ký, xét tuyển phần mềm có thể trích xuất dữ liệu theo ngày, theo ngành và các thống kê khác giúp Hội đồng tuyển sinh có thể phân tích và đánh giá tình hình tuyển sinh nhanh chóng và hiệu quả. Kết thúc đợt tuyển sinh hàng năm, nhà trường thành lập tổ hậu kiểm có nhiệm vụ thực hiện công tác hậu kiểm hồ sơ nhập học,... nhằm tránh các sai sót về hồ sơ, điểm xét tuyển [H13.13.04.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Công tác tuyển sinh và nhập học của nhà trường thường xuyên được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả. Chuyển đổi xử lý dữ liệu bằng MS Excel sang hệ thống phần mềm xét tuyển trực tuyến và phần mềm cho phép thí sinh đăng ký dễ dàng hơn và biết kết quả nhanh hơn. Việc tổ chức tư vấn tuyển sinh cho học sinh các trường THPT tại các tỉnh thành trước đây còn hạn chế, chỉ tập trung đi tuyển sinh ở vài tỉnh/thành trọng điểm. Nhà trường đã cải tiến tổ chức thành lập nhiều đoàn công tác tuyển sinh theo từng tỉnh thành để cán bộ tuyển sinh có thể tự chủ và sáng tạo thực hiện công việc, đem lại hiệu quả cao [H13.13.05.01].

Với xu thế phát triển ngày càng mạnh của internet và nền tảng di động, nhà trường chú trọng đẩy mạnh hoạt động tuyển sinh trên các kênh trực tuyến như fanpage, Zalo, website, Google Ads,... Đặc biệt, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhà trường đã

chủ động trong việc cho sinh viên nhập học online. Việc nhập học online giúp thí sinh hạn chế đi lại, thủ tục thực hiện nhanh chóng, góp phần cùng Chính phủ đẩy lùi Covid-19 [H13.13.05.02]. Trong những năm gần đây, trường ban hành các quyết định học bổng toàn phần (giảm 100% học phí suốt khóa học), bán phần (giảm 50% học phí suốt khóa học) cho các thí sinh có điểm cao đăng ký vào học các chương trình tiên tiến & quốc tế, chương trình tài năng và chương trình du học tại chỗ của trường. Bằng chính sách này, trong những năm qua, trường đã thu hút rất nhiều thí sinh có điểm cao, tính đến thời điểm này thủ khoa đầu vào cao nhất của trường là 29.75/30 điểm [H13.13.05.03], [H13.13.05.04]. Với sự cải tiến liên tục về chính sách và công tác tuyển sinh trong 05 năm qua từ ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng nhiều phương thức truyền thông và chính sách thu hút thí sinh tốt giúp cho công tác tuyển sinh của nhà trường luôn đạt được chỉ tiêu đăng ký mặc dù ảnh hưởng rất nhiều về thiên tai và dịch bệnh.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong truyền thông và tuyển sinh.
- Có chính sách học bổng phù hợp giúp tuyển được nhiều thí sinh có điểm đầu vào cao, tăng dần qua các năm; Linh hoạt các phương thức xét tuyển, tăng cơ hội trúng tuyển cho thí sinh.
- Đội ngũ cán bộ, giảng viên đông đảo, đảm bảo nhân sự tham gia tư vấn tuyển sinh tại các tỉnh thành.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc xét tuyển bằng điểm Văn nghệ thuật của các thí sinh thi từ các trường khác còn nhiều khó khăn gây ảnh hưởng đến việc xét tuyển của nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Báo cáo Bộ GD&ĐT, đề nghị các trường tổ chức thi cập nhật điểm thi Văn của thí sinh lên cổng thông tin của Bộ và công khai trên website tuyển sinh của trường.	Phòng Đào tạo	Bắt đầu tháng 7/2022 Kết thúc sau khi các trường tổ chức thi
2	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động tuyên truyền, tuyển sinh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào cho trường	Trung tâm Tuyển sinh	Năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	5,8
Tiêu chí 13.1	6
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	6
Tiêu chí 13.4	6
Tiêu chí 13.5	6

Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Để quản lý, triển khai việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan một cách hiệu quả, chất lượng, trên cơ sở các văn bản pháp qui của Bộ GD&ĐT gồm: Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017; QĐ 1982/2016 Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, nhà trường đã ban hành quy định về tổ chức xây dựng, thẩm định chương trình dạy học, đề cương môn học [H14.14.01.01]. Nhà trường đã giao cho Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường và Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa [H14.14.01.02] thực hiện việc lập kế hoạch và triển khai lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan về chương trình dạy học, đề cương môn học [H14.14.01.03].

Trường phân công một phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động đào tạo đại học, triển khai việc xây dựng, phát triển các CTĐT. Giám sát, đôn đốc và tổ chức rà soát, thẩm định, các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần trước khi hiệu trưởng phê duyệt và ban hành [H14.14.01.04]. Tổ bộ môn trực tiếp triển khai việc tổ chức xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và trình hiệu trưởng ký ban hành đề cương môn học/học phần [H14.14.01.05].

Khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định chương trình dạy học, đề cương môn học/học phần, khoa và tổ bộ môn phối hợp cùng Phòng Hợp tác doanh nghiệp lập kế hoạch và triển khai lấy ý kiến đóng góp, phản hồi từ các doanh nghiệp thông qua các phiếu điều tra hoặc làm việc trực tiếp giữa lãnh đạo khoa, bộ môn và lãnh đạo các doanh nghiệp. Phòng Hợp tác doanh nghiệp hỗ trợ lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên thông qua điện thoại, email [H14.14.01.06]. Từ năm 2016 đến năm 2021 nhà trường đã 02 lần tiến hành rà soát, chỉnh sửa và ban hành các chương trình dạy học vào các năm 2019 và năm 2021.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Nhà trường đã ban hành quy định về tổ chức xây dựng, thẩm định chương trình dạy học, đề cương môn học [H14.14.02.01], trong đó có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR cho CTĐT/môn học/học phần. Với tính chất là một trường đa ngành, đa lĩnh vực nên hệ thống các học phần thuộc các CTĐT cũng đa dạng và thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, để quản lý tốt về chuyên môn nhà trường đã phân công cho từng đơn vị quản lý một nhóm các học phần thuộc lĩnh vực chuyên môn của từng đơn vị [H14.14.02.02]. Nhà trường đã ban hành các quy định về xây dựng CTĐT, xây dựng và quản lý đề cương môn học [H14.14.02.03]. Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập các hội đồng khoa học cấp trường, khoa, viện đào tạo, các hội đồng này chịu trách nhiệm về chuyên môn trong việc xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT, của đề cương môn học/học phần [H14.14.02.04].

Khi xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR cho CTĐT/môn học/học phần, khoa và tổ bộ môn phối hợp cùng Phòng Hợp tác doanh nghiệp lập kế hoạch và triển khai lấy ý kiến đóng góp, phản hồi từ các doanh nghiệp thông qua các phiếu điều tra hoặc làm việc trực tiếp giữa lãnh đạo khoa, bộ môn và lãnh đạo các doanh nghiệp. Việc rà soát và điều chỉnh CDR cho CTĐT/môn học/học phần được thực hiện vào các năm 2019 và 2021 [H14.14.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

Các đề cương môn học/học phần, khung chương trình và kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra thông qua các quyết định của hiệu trưởng theo quy trình về xây dựng CTĐT [H14.14.03.01]. Trước khi học kỳ bắt đầu 3 tháng nhà trường ban hành quyết định về kế hoạch đào tạo học kỳ [H14.14.03.02]. Trong quyết định nêu rõ người học phải học những học phần nào, thời lượng, học phần tiên quyết, giáo trình của từng khóa cho từng ngành. Thông tin về kế hoạch đào tạo của học kỳ của quyết định được phổ biến tới các bộ phận đào tạo và bộ phận hỗ trợ giúp dự trù và chuẩn bị nguồn lực về giảng viên, giáo trình, lớp học và được gửi lên hệ thống mạng công văn toàn trường đến

tất cả các đơn vị liên quan thông qua hệ thống quản lý công văn [H14.14.03.03]. Các khoa sẽ thực hiện gửi kế hoạch giảng dạy và xây dựng CTĐT.

Quyết định về đề cương chi tiết các học phần sẽ được ban hành trước 01 tháng đối với các đề cương cũ, hoặc 15 ngày đối với các đề cương mới so với ngày bắt đầu học kỳ mới theo quy định công nhận đề cương [H14.14.03.04]. Các quyết định về kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết do Phòng Đào tạo và Trung tâm ĐBCL soạn thảo trình BGH ban hành. Các quyết định này được phổ biến tới đến các cá nhân và bộ phận liên quan qua kênh thông tin của Trường, các quyết định được lưu trữ bản cứng và bản mềm tại hệ thống quản lý công văn trang <https://dsns.duytan.edu.vn/> các cá nhân liên quan có thể truy nhập để tìm kiếm lại các quyết định này nhanh chóng [H14.14.03.03]. Công tác soạn thảo, chỉnh sửa đề cương, hồ sơ môn học sẽ được thực hiện tại khoa mỗi năm theo quy định biểu mẫu được Trung tâm ĐBCL và Trung tâm Học liệu hướng dẫn ban hành [H14.14.03.05] và được duyệt qua hội đồng cấp khoa đảm bảo tiêu chuẩn của hồ sơ môn học [H14.14.03.06] sau đó tất cả đề cương sẽ được tổng hợp xét duyệt cấp trường tại phòng KHCN và trình hiệu trưởng ký ban hành [H14.14.03.04]. Đề cương chi tiết cùng học liệu cũng sẽ được upload lên hệ thống WinSCP và myDTU trước khi môn học được bắt đầu, nhà trường cũng đã xây dựng các quy định về duyệt hồ sơ chuyên môn, đề cương và đưa vào hệ thống thi đua để đảm bảo công tác này được thông suốt [H14.14.03.07], [H14.14.03.05].

Người học cũng được tiếp cận các đề cương chi tiết, học liệu của các học phần qua kênh thông tin người học nằm trong hệ thống myDTU tại địa chỉ: <https://mydtu.duytan.edu.vn/> [H14.14.03.03]. Tại thời điểm trước khi bắt đầu lớp học giảng viên cập nhật đề cương và lịch trình học tập, tổ trưởng bộ môn, trưởng khoa xét duyệt chuyên môn của đề cương trên hệ thống MyDTU, Trung tâm Học liệu kiểm tra xét duyệt và mặt hình thức để đảm bảo kịp thời và chính xác đến người học trước thời điểm bắt đầu lớp học, điểm xét duyệt đề cương được chấm theo tiêu chí thi đua [H14.14.03.07], [H14.14.03.05].

Các hoạt động dạy học trong đề cương được triển khai gồm: lịch trình giảng dạy, đề cương bài giảng với thời hạn bắt đầu và thời hạn kết thúc phải nhập điểm lên trên MyDTU, thời khoá biểu của lớp học, kèm theo là bộ phận giám sát của thanh tra sẽ căn cứ vào nội dung lịch trình và lịch đào tạo để đảm bảo mỗi lớp học sẽ thực hiện đúng

theo kế hoạch đào tạo, các chuẩn đầu ra được định rõ trong mỗi đề cương cụ thể ở từng phần nội dung bài học và hướng đến đạt chuẩn đầu ra cụ thể của môn học. Kế hoạch đào tạo (giảng dạy) đôi khi có điều chỉnh nhỏ về tiến độ trong các trường hợp thiên tai, bão lũ, dịch bệnh. Việc theo dõi, cập nhật các thay đổi này đôi khi không kịp thời, làm lịch trình giảng dạy được ban hành khác biệt so với thực tế. Biện pháp khắc phục được thực hiện để cập nhật, đảm bảo tính quy chuẩn và chính thống của thông tin trong quyết định. Các quyết định này được kiểm soát bởi Trung tâm Học liệu ngay sau thời hạn ban hành. Các điểm sai quy trình sẽ được phát hiện kịp thời và biện pháp khắc phục sẽ phải được thực hiện để đảm bảo quy định [H14.14.03.06], [H14.14.03.07]. Mỗi năm có 3 đợt ban hành các quyết định này tương ứng với 3 học kỳ Xuân (Spring), Hè (Summer) và Thu (Fall).

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Quy trình thiết kế, xây dựng chương trình của nhà trường thực hiện theo các văn bản pháp quy của Bộ GD&ĐT và quy định của nhà trường [H14.14.04.01]. Trên cơ sở đó, nhà trường thực hiện điều chỉnh quy trình thiết kế, xây dựng chương trình tại trường [H14.14.04.02], [H14.14.04.03]. Quy trình thiết kế đánh giá chương trình dạy học được rà soát vào năm 2020 đã thực hiện điều chỉnh một số quy trình như việc thẩm định đề cương môn học, học phần chuyển từ Hội đồng cấp trường sang Hội đồng cấp khoa [H14.14.04.04]; quản lý hồ sơ môn học bản cứng lưu tại khoa chuyển sang quản lý bản mềm trên hệ thống WinSCP [H14.14.04.05].

Định kỳ 02 năm một lần, hội đồng khoa học khoa sẽ tổ chức đánh giá, rà soát lại CTĐT, cụ thể nhà trường đã tiến hành rà soát CTĐT vào các năm 2019 và 2021 [H14.14.04.06]. Từ kết quả rà soát, đánh giá CTĐT, các khoa, viện đào tạo phối hợp cùng Phòng Hợp tác doanh nghiệp lập kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Với các doanh nghiệp và các nhà khoa học thì lấy ý kiến thông qua phiếu điều tra hoặc làm việc trực tiếp, đối với người học thì thông qua Email, điện thoại hoặc làm việc trực tiếp [H14.14.04.07]. Song song với việc lấy ý kiến từ các bên có liên quan, hội đồng khoa học khoa, viện đào tạo cũng thực hiện việc đối sánh với các CTĐT tương ứng trong nước, tham khảo các chương trình ở nước ngoài [H14.14.04.08]. Cụ thể các

chương trình khối khoa học sức khỏe tham khảo từ các chương trình của Đại học Y Dược Huế, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Y Dược Hà Nội và các chương trình khác... [H14.14.04.09]. Hướng đến việc hội nhập quốc tế sâu, rộng và mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã thực hiện việc chuyển giao CTĐT từ các đại học có uy tín tại Mỹ [H14.14.04.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Trường đã ban hành quy định về quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá chương trình dạy học [H14.14.05.01]. Nhà trường triển khai lấy ý kiến về chương trình dạy học: Đối với các doanh nghiệp và sinh viên đang học thì lấy ý kiến qua phiếu điều tra hoặc lấy ý kiến trực tiếp, đối với cựu sinh viên thì lấy ý kiến thông qua email hoặc điện thoại [H14.14.05.02], [[H14.14.05.03].

Các chương trình dạy học của nhà trường luôn được cập nhật, chỉnh sửa để phù hợp với thực tiễn, cụ thể: Việc kiểm tra, đánh giá các học phần được điều chỉnh theo từng học kỳ, cấu trúc đề thi được áp dụng cho từng khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành [H14.14.05.04]. Để tạo sự đa dạng trong công tác giảng dạy trường đã triển khai 22 hình thức lớp học khác nhau [H14.14.05.05]. CTĐT được cải tiến theo hướng tăng thời lượng tương tác giữa người dạy và người học, tạo cho người học làm quen với cách tư duy độc lập và tăng khả năng làm việc nhóm bằng việc triển khai nhiều môn học dưới hình thức PBL, CDIO hay Project [H14.14.05.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có đầy đủ các bộ phận chuyên trách cho việc xây dựng, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT.

- Đề cương môn học, học liệu được số hóa và quản lý trên hệ thống phần mềm mang đến cho sinh viên sự linh hoạt, thuận lợi hơn trong việc tiếp cận đề cương, học

liệu của học phần.

- Các CTĐT được rà soát, đánh giá và điều chỉnh hướng theo các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Hệ thống môn học tự chọn lớn, nhiều môn học không được người học lựa chọn hoặc lựa chọn rất ít nên không có đủ thông tin cho việc điều chỉnh chuẩn đầu ra.

- Để đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định quốc tế về tỉ lệ số tín chỉ trong từng khối kiến thức, yêu cầu về kiến thức khoa học tự nhiên trong chương trình làm cho số tín chỉ trong CTĐT tăng nhiều so với số tín chỉ tối thiểu theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

- Trình độ tiếng Anh của sinh viên có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền nên việc triển khai đại trà các chương trình chuyển giao gặp nhiều khó khăn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Chuẩn hóa đề cương môn học, học liệu theo tiêu chuẩn quốc tế	Khoa, tổ bộ môn	2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	- Rà soát lại hệ thống các môn học - Loại bỏ những học phần người học không chọn hoặc ít chọn - Bổ sung các học phần mới mang tính thực tiễn cao.	Phòng Đào tạo, tổ bộ môn	Hàng năm, bắt đầu từ năm học 2022-2023
3	Khắc phục tồn tại 3	Triển khai Việt hóa đề cương, bài giảng 13 chương trình chuyển giao, hướng đến triển khai đại trà trong toàn trường. Đối với các lớp môn học đòi hỏi có mặt bằng tiếng Anh tương đồng sẽ tổ chức lớp căn cứ trên trình độ tiếng Anh của sinh viên. Tổ chức giảng dạy tăng cường tiếng Anh cho những sinh viên chưa đạt	Khoa, tổ bộ môn	2022-2023

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
		chuẩn theo yêu cầu của môn học, của CTĐT		
4	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục phát huy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý CTĐT, hồ sơ chuyên môn cũng như phát huy thế mạnh của các chương trình chuyển giao đến nhiều đối tượng sinh viên hơn trong thời gian tới	Khoa, Phòng Đào tạo	Năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 14	5,0
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	5
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	5
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CDR.

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Duy Tân “Nhân văn, Dân tộc, Dân chủ, Đổi mới sáng tạo” được công bố từ những ngày đầu thành lập và được điều chỉnh theo thời gian cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại [H15.15.01.01]. Triết lý hướng đến giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho thế hệ trẻ trong đó có thanh niên sinh viên là vấn đề cần thiết giúp họ nhận ra giá trị đích thực và sức sống lâu bền của giá trị văn hóa truyền thống dân tộc đồng thời không ngừng tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, phát huy sự sáng tạo tài năng của tuổi trẻ trên tất cả các lĩnh vực, trở thành những con người có tri thức và phẩm chất đạo đức cao đẹp.

Nhà trường đã ban hành lược phát triển trường phù hợp với triết lý giáo dục đã công bố [H15.15.01.02], đồng thời ban hành quy định về tổ chức và quản lý đào tạo, trong đó có quy định việc lựa chọn các hoạt động giảng dạy, học tập phù hợp với triết lý giáo dục và đạt được các chuẩn đầu ra [H15.15.01.03].

Để hoạt động dạy và học đạt được chuẩn đầu ra, nhà trường đã tiến hành cập nhật, chỉnh sửa các CTĐT [H15.15.01.04], đề cương chi tiết học phần cũng được đổi mới, xây dựng theo tiêu chuẩn kiểm định ABET [H15.15.01.05]. Nhà trường xây dựng chiến lược, tổ chức bộ máy, bồi dưỡng đội ngũ và đầu tư trang thiết bị, công nghệ nhằm triển khai các hoạt động giảng dạy, học tập phù hợp với triết lý giáo dục, đạt được các chuẩn đầu ra [H15.15.01.06], và thực hiện đề án xây dựng Trường Đại học Duy Tân thành Đại học Duy Tân [H15.15.01.07].

Để bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ, nhà trường đã ban hành các chế độ đãi ngộ hỗ trợ cho giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, cử giảng viên tham gia học tập, nghiên cứu tại các trường đối tác trong và ngoài nước [H15.15.01.08].

Nhà trường không ngừng đầu tư CSVC, trang thiết bị, công nghệ phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập như đưa vào sử dụng hệ thống thực tế ảo 3D cho giảng dạy Y khoa, các hệ thống phòng Lab đa dạng và hiện đại [H15.15.01.09].

Với triết lý giáo dục là: “Nhân văn, Dân tộc, Dân chủ, Đổi mới sáng tạo” đòi hỏi sinh viên tốt nghiệp ra trường phải tự chủ, có đầy đủ kiến thức kỹ năng để tham gia vào

thị trường lao động, để đạt được điều đó Trường Đại học Duy Tân đã triển khai hệ thống học liệu điện tử [H15.15.01.10], xây dựng môi trường giảng dạy học tập linh hoạt, kết hợp giảng dạy offline và online, thích nghi trong mọi điều kiện, đặc biệt trong tình hình dịch bệnh thời gian qua [H15.15.01.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Trong các văn bản chiến lược, nhà trường luôn chú trọng công tác xây dựng và phát triển đội ngũ, cụ thể chiến lược 2016-2020 xác định rõ 05 định hướng chiến lược về phát triển đội ngũ đó là: Anh ngữ hóa, Tin học hóa, chuyên nghiệp hóa, quốc tế hóa và trẻ hóa đội ngũ [H15.15.02.01].

Về thành phần đội ngũ thì giảng viên là lực lượng đông nhất, hơn 70% đội ngũ toàn trường và cũng là đối tượng được ưu tiên tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển nhiều nhất. Nhà trường giao cho Phòng Tổ chức phối hợp với Phòng Khoa học công nghệ, Phòng Kế hoạch tài chính hình thành một số chính sách nhằm thu hút được đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu giỏi trong và ngoài nước [H15.15.02.02].

Trường Đại học Duy Tân thu hút được đội ngũ nhiều giảng viên giỏi, uy tín từ các thành phố lớn như Hà Nội, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh đến để giảng dạy và nghiên cứu, nhiều giảng viên nước ngoài như Mỹ, Hàn Quốc, Ấn Độ cũng tham gia dạy cho nhà trường ngày càng tăng [H15.15.02.03].

Việc tuyển dụng đội ngũ nhân sự nói chung và giảng viên tuân theo quy trình và thực hiện công khai, minh bạch và đầy đủ các vòng xét hồ sơ, phỏng vấn, đàm phán, thao giảng [H15.15.02.04].

Bên cạnh các chính sách phù hợp để phát triển đội ngũ giảng viên theo các quy định, nhà trường cũng có những quy định đặc thù cho từng trường hợp riêng. Hàng năm Phòng Tổ chức cùng các khoa quy hoạch đội ngũ nghiên cứu sinh, tu nghiệp trong và ngoài nước để phát triển đội ngũ giảng dạy nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển của nhà trường [H15.15.02.05].

Đầu mỗi năm học trường khoa căn cứ vào kết quả điểm thi đua theo từng năm học

của từng cán bộ, giảng viên để phân chia khối lượng giảng dạy nhằm phát huy tốt nhất năng lực mỗi thành viên để góp phần vào việc xây dựng trường ngày càng có chất lượng cả về giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng [H15.15.02.06]. Trường Đại học Duy Tân đã ban hành bộ tiêu chuẩn cho các chức danh quản lý áp dụng cho việc bổ nhiệm các cán bộ quản lý của nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được CDR.

Hoạt động giảng dạy và học tập tại Trường Đại học Duy Tân luôn hướng đến thúc đẩy sinh viên tự học làm nền tảng để thúc đẩy việc học tập suốt đời. Để đạt được mục tiêu này nhà trường luôn đặt quyền lợi học tập của người học lên hàng đầu: “Tất cả vì quyền lợi học tập, việc làm và khởi nghiệp của sinh viên”, tạo sự chủ động cho người học trong quá trình thực hiện CTĐT, tăng cường công tác cố vấn học tập, đầu tư trang thiết bị, công nghệ, học liệu nhằm hỗ trợ người học phát huy tối đa năng lực, sở trường, tạo dựng niềm tin để người học có thể tiếp tục tự học, tự nghiên cứu. Các hoạt động thúc đẩy ý chí học tập của người học. Tuần sinh hoạt đầu khóa: Ngay sau khi nhập học, sinh viên phải tham gia tuần sinh hoạt đầu khóa, thông qua hoạt động này sinh viên được giới thiệu về CTĐT, các quy chế đào tạo theo hệ tín chỉ, quy chế về công tác sinh viên. Sinh viên được tư vấn về phương pháp học tập trong môi trường đại học, được giới thiệu chuẩn đầu ra của các CTĐT và phương pháp, cách thức để hoàn thành CTĐT một cách hiệu quả nhất [H15.15.03.01]. Về CTĐT, bên cạnh các học phần bắt buộc, còn có các học phần tự chọn đa dạng, được thiết kế trải đều trong chương trình, tạo điều kiện để người học chủ động lựa chọn những học phần phù hợp với chuyên môn, năng lực hoặc sở trường yêu thích [H15.15.03.02]. Về học liệu, để người học có môi trường học tập thuận lợi nhất có thể, nhà trường xây dựng 03 thư viện tại 03 cơ sở đào tạo chính cùng với hệ thống thư viện điện tử, học liệu online cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu cho việc giảng dạy và học tập [H15.15.03.03]. Về cố vấn học tập, đội ngũ cố vấn học tập là các giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy, định kỳ hàng tháng làm việc trực tiếp với sinh viên 01 đến 02 lần nhằm nắm bắt tình hình học tập của sinh viên, tư vấn cho sinh viên về quy chế đào tạo, về học vụ và hỗ trợ, giải đáp những vướng mắc mà sinh viên gặp phải trong quá trình học tập. Cố vấn học tập là cầu nối, là kênh giao tiếp

trực tiếp giữa nhà trường với sinh viên [H15.15.03.04]. Hệ thống quản lý đào tạo MyDTU: Mọi hoạt động học tập của sinh viên đều được thực hiện, theo dõi, giám sát trên hệ thống quản lý đào tạo MyDTU. Thông qua hệ thống này sinh viên có thể đăng ký tín chỉ, theo dõi lịch học, kết quả học tập và tiếp nhận các thông tin chính thống từ phía nhà trường [H15.15.03.05]. Sinh viên được khuyến khích và hỗ trợ tham gia các cuộc thi trong nước và quốc tế nhằm trau dồi chuyên môn, kỹ năng làm việc nhóm và giao lưu quốc tế [H15.15.03.06]. Sinh viên được tham gia các chương trình trao đổi sinh viên với các đại học ở nước ngoài nhằm tiếp cận với môi trường đào tạo quốc tế, nắm bắt cơ hội để tiếp tục học lên cao sau khi tốt nghiệp [H15.15.03.07]. Sinh viên được tham gia các chương trình trong các chuỗi hoạt động của tổ chức P2A mà Trường Đại học Duy Tân là thành viên sáng lập, đây là sân chơi, là nơi giao lưu văn hóa, trao đổi học thuật giữa các trường đại học trong khối ASEAN [H15.15.03.08].

Nhà trường triển khai đa dạng các hoạt động học tập với các lớp học dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể có 22 hình thức lớp học [H15.15.03.09]. Đầu mỗi học kì các khoa chuyên môn sẽ đăng ký hình thức lớp học, hình thức kiểm tra đánh giá cho các học phần giảng dạy trong học kì [H15.15.03.10]. Nhiều học phần được triển khai giảng dạy dưới hình thức BPL, CDIO, Project mang đến sự khác biệt và tạo hưng phấn cho người học [H15.15.03.11].

Nhà trường đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động học tập: Sử dụng công nghệ mô phỏng thực tại ảo 3D để giảng dạy cho các học phần trong khối khoa học sức khỏe [H15.15.03.12]. Học online, thi online và bảo vệ đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp online [H15.15.03.13]. Hợp tác với các đại học có uy tín tại Mỹ, Đại học Carnegie Mellon, Đại học PennState, Đại học Perdue để chuyển giao CTĐT [H15.15.03.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Trường Đại học Duy Tân tổ chức bộ máy và xây dựng đầy đủ các văn bản pháp quy cho việc quản lý, giám sát và đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên, giúp cho lãnh đạo nhà trường nắm bắt thông tin

và có giải pháp kịp thời nhằm ĐBCL và cải tiến chất lượng giảng dạy, học tập. Hoạt động giám sát hoạt động dạy và học được triển khai như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động dạy và học: Nhà trường có Phòng Thanh tra pháp chế với chức năng chính là giám sát tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập, thi cử và việc thực hiện các quy chế, quy định trong toàn trường [H15.15.04.01]. Phòng Khảo thí thực hiện triển khai các hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chịu trách nhiệm bảo mật đề thi, nhân đề thi và tổ chức chấm thi tập trung [H15.15.04.02]. Phòng Khảo thí đã tham mưu cho hiệu trưởng ban hành các quy định trong hoạt động tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập [H15.15.04.03].

Thực hiện đánh giá giảng viên, nhà trường đã ban hành bộ quy tắc ứng xử Văn hóa Duy Tân, đây là những chuẩn mực yêu cầu đối với mỗi giảng viên, cán bộ, công nhân viên trong các hoạt động giảng dạy, học tập và giao tiếp nhằm xây dựng một trường đại học văn minh và có bản sắc [H15.15.04.04]. Ban hành quy định về quản lý sinh viên làm cơ sở để giám sát và đánh giá quá trình rèn luyện của sinh viên cả trong hoạt động học tập tại trường và tham gia sinh hoạt ngoài xã hội [H15.15.04.05]. Ban hành các quy định về tổ chức và quản lý đào tạo làm cơ sở để triển khai thực hiện các CTĐT [H15.15.04.06]. Ban hành quy định đặt tên lớp nhằm tổ chức một cách có hệ thống các lớp học theo loại hình đào tạo, khóa học, và chuyên ngành học [H15.15.04.07]. Ban hành quy định về cố vấn học tập: Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của giảng viên trong vai trò cố vấn học tập cho sinh viên [H15.15.04.08]. Nhà trường triển khai chấm điểm thi đua hàng tháng đối với tất cả giảng viên, cán bộ, công nhân viên trong trường, bộ tiêu chí đánh giá thi đua hàng tháng được xây dựng theo từng nhóm đối tượng [H15.15.04.09]. Bên cạnh việc chấm điểm thi đua tại đơn vị thì các phòng chức năng trong trường cũng đánh giá thi đua hàng tháng đối với mảng công tác do mình phụ trách [H15.15.04.10]. Hàng năm nhà trường tổ chức các đoàn kiểm tra nội bộ để rà soát, kiểm tra về hồ sơ chuyên môn, học liệu, hiệu suất sử dụng CSVC, các phòng thực hành, thí nghiệm, rà soát chỉnh sửa các quy trình công việc cấp đơn vị và cấp trường [H15.15.04.11].

Để đánh giá chất lượng người học, nhà trường đã triển khai đánh giá, xử lý kết quả học tập hàng năm [H15.15.04.12]. Thực hiện báo cáo sơ kết, tổng kết theo học kì, năm học, thông qua đó đề ra những giải pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng giảng

dạy, học tập [H15.15.04.13]. Triển khai lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trong quá trình triển khai môn học và sau khi sinh viên đã tốt nghiệp [H15.15.04.14]. Đánh giá điểm học phần của sinh viên gồm 02 phần trong đó điểm quá trình có trọng số 45% do giảng viên đánh giá tại lớp gồm các nội dung (điểm chuyên cần, điểm thái độ thảo luận, điểm bài tập về nhà, điểm kiểm tra thực hành, điểm kiểm tra thường kì, điểm kiểm tra giữa kì, điểm bài tập tiểu luận), điểm kết thúc học phần có trọng số 55% gồm các nội dung (điểm bài tập cá nhân, điểm bài tập nhóm, điểm thi kết thúc học phần).

Thông qua việc giám sát và đánh giá các hoạt động giảng dạy, học tập và ý kiến phản hồi từ sinh viên nhà trường đã tiến hành các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động giảng dạy, học tập, cụ thể: Nhiều học phần được triển khai giảng dạy dưới hình thức BPL, CDIO, Project. Điều chỉnh cấu trúc đề thi theo khối kiến thức đại cương, đại cương ngành và chuyên ngành. Cập nhật, chỉnh sửa CTĐT, cập nhật, chỉnh sửa đề cương môn học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Triết lý giáo dục và sứ mạng của Trường Đại học Duy Tân được hình thành từ những ngày đầu thành lập "Đào tạo gắn liền với nghiên cứu thực nghiệm lấy nhân văn làm nền tảng". Với chủ trương lấy người học làm trọng tâm nhằm đào tạo ra những sinh viên, học viên có năng lực, kỹ năng toàn diện, có phẩm chất đạo đức tốt, nhân văn và mang bản sắc Việt Nam [H15.15.05.01]. Qua quá trình phát triển, triết lý giáo dục của nhà trường đã được điều chỉnh, bổ sung qua các giai đoạn để phù hợp với yêu cầu chất lượng ngày càng cao của thực tiễn. Đến năm 2020, nhà trường đã thực hiện điều chỉnh triết lý giáo dục cho phù hợp với chiến lược phát triển và phù hợp với yêu cầu về chuẩn đầu ra của các CTĐT. Triết lý giáo dục hiện nay của nhà trường là: “Nhân văn, Dân tộc, Dân chủ, Đổi mới sáng tạo” hướng đến đào tạo ra những thế hệ tương lai của đất nước và nhân loại nhằm phục vụ tốt nhất mọi lĩnh vực của cuộc sống [H15.15.05.02].

Để cải tiến chất lượng và đảm bảo cung cấp cho người học những kiến thức mang tính thời sự, CTĐT được định kỳ cập nhật, chỉnh sửa vào các năm 2019 và 2021 và đa dạng hóa các học phần tự chọn [H15.15.05.03]. Nhiều học phần được triển khai giảng

dạy dưới hình thức BPL, CDIO, Project mang đến sự khác biệt và tạo hưng phấn cho người học [H15.15.05.04]. Bên cạnh sử dụng công nghệ mô phỏng thực tại ảo 3D để giảng dạy cho các học phần trong khối khoa học sức khỏe [H15.15.05.05], nhà trường cũng không ngừng đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập [H15.15.05.06].

Công tác lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên được nhà trường thực hiện thường xuyên ở nửa cuối mỗi học kỳ [H15.15.05.07]. Đối với sinh viên đã tốt nghiệp các khoa vẫn giữ liên lạc, kết nối lấy ý kiến đánh giá về mức độ hài lòng về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học với sự phối hợp từ các đơn vị Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường, Hội cựu sinh viên, câu lạc bộ doanh nhân cựu sinh viên và Phòng Hợp tác doanh nghiệp [H15.15.05.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường triển khai nhiều hệ thống phần mềm tốt hỗ trợ cho công tác giảng dạy, học tập, quản lý và chia sẻ học liệu, quản kết quả học tập của người học.
- Nhà trường có các chính sách linh hoạt trong thu hút và tuyển dụng đội ngũ giảng viên giỏi trong và ngoài nước.
- Nhà trường chủ động tham gia và thể hiện được vai trò tại các tổ chức CDIO thế giới và P2A, là cầu nối đưa người học tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, trao đổi học thuật với bạn bè quốc tế.
- Hợp tác với nhiều đại học có uy tín tại Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan nhằm trao đổi học thuật, cải tiến chương trình và trao đổi sinh viên.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc tuyển tiến sĩ đúng ngành còn thiếu do lực lượng tiến sĩ trong nước số lượng còn hạn chế, trong khi chưa thu hút được nhiều tiến sĩ từ nước ngoài.
- Hoạt động giám sát, đánh giá đối với giảng dạy, học tập trực tuyến vẫn đang từng bước hoàn thiện, việc đánh giá người học theo hình thức trực tuyến còn nhiều bất

cập do phụ thuộc vào hệ thống mạng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Giao các đơn vị đào tạo chủ động hơn trong việc đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên có trình độ cao đúng chuyên ngành cả trong và ngoài nước	Trường đào tạo và Phòng Tổ chức	Bắt đầu từ năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp thích hợp trong việc triển khai đào tạo online gồm cả các hoạt động giám sát, đánh giá cho phù hợp tình hình hạ tầng mạng hiện tại ở Việt Nam	BGH chủ trì cùng các đơn vị đào tạo, Phòng Đào tạo, Trung tâm CIT	Bắt đầu từ năm học 2022-2023
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục các chính sách thu hút đội ngũ giảng viên giỏi thông qua hợp tác quốc tế và đào tạo các chương trình chuyển giao để nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế của trường và nâng cao xếp hạng trường	BGH	Giai đoạn 2021-2025

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	5,2
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	6
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Công tác đánh giá kết quả người học là một nhiệm vụ quan trọng của việc nâng cao chất lượng đào tạo. Trường Đại học Duy Tân căn cứ quy chế của Bộ GD&ĐT để xây dựng quy định của trường về tổ chức công tác đánh giá kết quả người học một cách hiệu quả, khách quan, công bằng. Để đảm bảo tất cả các đơn vị phụ trách đào tạo của trường hoạt động theo một chuẩn mực chung hiệu quả nhất, hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng hệ thống quy trình về việc lập kế hoạch tổ chức đào tạo, kế hoạch giảng dạy, kế hoạch hình thức tổ chức thi kết thúc học phần [H16.16.01.01]. Định kỳ đầu mỗi học kỳ của năm học, các đơn vị quản lý chuyên môn như khoa, viện, tổ bộ môn căn cứ đặc điểm từng học phần, mục tiêu, chuẩn đầu ra để lập kế hoạch hình thức đánh giá người học các môn học do khoa, viện, tổ bộ môn quản lý. Các kế hoạch này được Phòng Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và các bộ phận chức năng phục vụ đào tạo của trường triển khai thực hiện [H16.16.01.02]. Giảng viên khi nhận kế hoạch giảng dạy trong kỳ, phải đưa thông tin mô tả môn học, đề cương môn học đã được phê duyệt lên myDTU để người học biết trong thời gian trước khi bắt đầu giảng dạy. Mỗi sinh viên tại Trường Đại học Duy Tân có một tài khoản trên hệ thống quản lý đào tạo của trường. Các thông tin về kế hoạch học tập, lịch trình kiểm tra, đánh giá trong quá trình và kết thúc học phần được gửi đến từng sinh viên. Đặc biệt, sinh viên nắm rõ về hình thức đánh giá kết quả quá trình và kết thúc của mỗi học phần thông qua thông tin đầy đủ ở đề cương môn học trên hệ thống myDTU [H16.16.01.03]. Kế hoạch đào tạo của trường mỗi năm có 3 học kỳ, học kỳ 1, học kỳ 2 và học kỳ hè. Ở học kỳ 1 và 2, mỗi kỳ có 2 đợt thi kết thúc học phần, giữa kỳ và cuối kỳ. Các tuần lễ dành cho thi kết thúc học phần được xác định trên kế hoạch. Đối với thi tốt nghiệp, trường công bố kế hoạch trước từ 3-6 tháng, thi kết thúc học phần trước 2 tuần [H16.16.01.02].

Hiệu trưởng ban hành các quy định về việc ra đề thi kết thúc học phần cho môn học, quy định xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi, quy định về đề thi tốt nghiệp làm hành lang pháp lý đảm bảo cho giảng viên và người học bám sát chuẩn đầu ra của từng môn và ngành học, đồng thời xác định trách nhiệm cụ thể của các đơn vị và cá nhân tham gia vào quy trình đánh giá người học. Trong đó giao cho Phòng Đào tạo chịu trách

nhiệm tham mưu cho hiệu trưởng quyết định thành lập các hội đồng phục vụ tổ chức thi, công bố kế hoạch và lịch thi, danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi, xử lý kết quả đánh giá học phần; Trung tâm Khảo thí chịu trách nhiệm chuẩn bị đề thi bao gồm lựa chọn đề thi, nhân bản và đóng gói đề thi, mời cán bộ coi thi, cán bộ giám sát thi và giám sát chấm thi độc lập, giải quyết đơn thư của sinh viên đề nghị xem xét lại kết quả chấm bài; Trung tâm Học liệu chịu trách nhiệm quản lý ngân hàng đề thi; các khoa, viện chịu trách nhiệm về hình thức đề thi, yêu cầu chuyên môn của đề thi; trưởng bộ môn kiểm tra xét duyệt nội dung đề thi – đáp án, phân công giảng viên chấm thi; các phòng/ban chức năng khác trong trường tham gia hỗ trợ như Trung tâm Thực hành chuẩn bị hệ thống máy tính thực hành, Trung tâm CSE quản lý phần mềm tổ chức thi, quản lý server CSDL;... Ngoài ra trách nhiệm của các thành viên trong hội đồng thi bao gồm chủ trì thi, cán bộ giám sát, cán bộ coi thi, giảng viên chấm thi, sinh viên dự thi được liệt kê cụ thể rõ ràng. Các đợt thi tuyển sinh hoặc tốt nghiệp hằng năm đều có quyết định thành lập của hiệu trưởng, trong đó phân công phân nhiệm từng thành viên BGH, các lãnh đạo khoa/viện, lãnh đạo bộ môn đảm nhận các nhiệm vụ chủ yếu trong hội đồng thi như ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi, ban chấm thi phúc khảo [H16.16.01.04]. Trong một số trường hợp, hiệu trưởng ban hành bổ sung các quy định về quản lý đào tạo, về đánh giá kết quả học tập của người học, hình thức và số lượng tín chỉ tốt nghiệp cho sinh viên cuối khóa,... nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế, ví dụ như quy định về thi kết thúc học phần trực tuyến, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trực tuyến trong tình hình dịch Covid-19 [H16.16.01.05]. Việc quy định hình thức tổ chức lớp học, lựa chọn các hình thức đánh giá điểm quá trình và trọng số của các điểm đánh giá quá trình, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được các Bộ môn thiết kế trong quá trình xây dựng đề cương môn học, được hội đồng khoa/viện thẩm định trước khi trình hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện [H16.16.01.06]. Đối với những môn học liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Duy Tân và các trường quốc tế trên thế giới như Mỹ, Hàn Quốc,... trường thực hiện kế hoạch và loại hình đánh giá theo yêu cầu của hồ sơ chuyên giao [H16.16.01.07]. Đối với khảo sát đầu ra tin học, áp dụng theo Thông tư 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT cho tất cả các ngành đào tạo, đối với khảo sát đầu ra tiếng Anh áp dụng theo chuẩn TOEFL cho sinh viên chuyên ngữ, chuẩn TOEIC cho tất cả ngành còn lại [H16.16.01.08].

Quy định tổ chức đào tạo của Trường Đại học Duy Tân có quy định về các loại hình, tiêu chí nội dung đánh giá phù hợp với từng môn học, học phần trong chương trình dạy học. Nhà trường triển khai đánh giá kết quả của người học thông qua đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần. Đánh giá quá trình bao gồm đánh giá các thành phần: chuyên cần, nhận thức và thái độ trong học tập, kiểm tra thường xuyên, bài tập về nhà, bài tập thực hành, thi giữa học phần. Đánh giá kết thúc học phần có: bài tập thu hoạch cá nhân và thu hoạch nhóm và thi cuối học phần. Hình thức bài thi cuối học phần có thể là câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi tự luận, vấn đáp, tiểu luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thực hành hoặc kết hợp các hình thức phù hợp cho từng loại học phần [H16.16.01.06]. Điểm tổng kết học phần được tính dựa trên nhiều mục điểm thành phần. Trọng số mỗi điểm thành phần được bộ môn thống nhất và được hiệu trưởng phê duyệt, được giảng viên thể hiện trên đề cương học phần và hướng dẫn hình thức đánh giá cho sinh viên ngay khi bắt đầu giảng dạy lớp học phần [H16.16.01.03]. Trọng số điểm của bài thi kết thúc học phần phải chiếm trên 50% điểm tổng kết môn học [H16.16.02.03]. Đối với việc đánh giá quá trình, giảng viên thực hiện tại lớp theo lịch giảng dạy. Đối với đánh giá kết thúc học phần, nhà trường tiến hành tổ chức thi tập trung theo các quy định nghiêm ngặt từ khâu ra đề thi, chọn đề thi, tổ chức phòng thi, chấm thi đảm bảo tính khách quan và công bằng cho người học [H16.16.01.04]. Đề cương của các môn học học phần được yêu cầu xác định rõ về các loại hình, tiêu chí đánh giá; ma trận giữa loại hình, tiêu chí, nội dung với chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình dạy học; ma trận giữa nội dung giảng dạy và các hình thức đánh giá. Nội dung của các loại hình và tiêu chí đánh giá được yêu cầu phải bám sát mục tiêu đánh giá được chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình dạy học. Nhà trường đã thực hiện đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bám sát CDR, phù hợp nội dung từng học phần. Bên cạnh các phương pháp đánh giá truyền thống, trường áp dụng phương pháp mới như CDIO, PBL vào việc đào tạo góp phần đa dạng hóa phương pháp đào tạo và đánh giá, gắn kết người học với thực tế - là mục tiêu của nhà trường muốn hướng đến cho sinh viên của mình [H16.16.02.07]. Bên cạnh các loại hình đánh giá người học về kiến thức chuyên môn, trường còn chú trọng việc đánh giá các mặt liên quan đến việc rèn luyện về ý thức của người học trong việc tham gia học tập, tuân thủ nội quy, quy chế của Bộ GD&ĐT, quy định của trường,

tuân thủ pháp luật, tham gia sinh hoạt cộng đồng, hiệu trưởng giao Phòng Công tác sinh viên phụ trách công việc này [H6.16.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 16.2 Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR.

Các chương trình dạy học tại Trường Đại học Duy Tân được thiết kế nhằm hướng đến giúp người học đạt được các CDR. Nhà trường ban hành quy trình thi, kiểm tra, đánh giá cho các môn học/học phần nhằm đo lường mức độ đạt được CDR của người học. Nhà trường có Quy định 421A về tổ chức đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định 2192 về tổ chức thi, kiểm tra đánh giá người học, Quy định 2046 về việc xây dựng ngân hàng đề thi, quy định ban hành chuẩn đầu ra, các quy trình cấp trường, cấp khoa triển khai thực hiện các quy định trên [H16.16.02.01], [H16.16.01.04]. Quy trình kiểm tra đánh giá người học theo CDR được cung cấp thông qua hệ thống myDTU. Người dạy được yêu cầu cung cấp thông tin về quy trình đánh giá CDR cho người học vào buổi học đầu tiên của các môn học/học phần. Giảng viên giảng dạy công bố CDR học phần và phương thức đánh giá trong đề cương chi tiết học phần trên hệ thống myDTU. Sinh viên đều có tài khoản chính thức trên hệ thống myDTU và dễ dàng theo dõi mục tiêu và các hình thức đánh giá của học phần [H16.16.01.03].

Các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá người học dựa trên CDR của môn học và CDR của chương trình dạy học được mô tả và xác định cụ thể trong đề cương của môn học/học phần. Trong đó, mỗi CDR của môn học/học phần được đánh giá bằng nhiều hình thức kiểm tra khác nhau, mỗi CDR của chương trình dạy học được đánh giá thông qua nhiều môn học/học phần khác nhau. Nội dung của các loại hình và tiêu chí đánh giá được thiết kế nhằm đánh giá được CDR của môn học, thông qua đó đánh giá được CDR của chương trình dạy học. Các bài kiểm tra được thiết kế nhằm hướng đến đánh giá được năng lực đáp ứng của người học so với các yêu cầu về CDR của môn học/học phần, thông qua đó đánh giá được năng lực của người học so với các yêu cầu về CDR của chương trình dạy học trong từng môn học/học phần. Trên cơ sở mức độ đạt được CDR của người học trong từng môn học/học phần tính toán được mức độ đạt được CDR của người học trong từng chương trình dạy học. Các CDR liên quan đến

kiến thức và kỹ năng chuyên môn thường được đánh giá thông qua hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận, bài tập và đồ án; các CĐR liên quan đến kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm được đánh giá thông qua hệ thống các báo cáo, Rubric và phiếu đánh giá năng lực; các CĐR liên quan đến thái độ nhận thức được đánh giá thông qua các kết quả đánh giá rèn luyện. Sau khi có dữ liệu kết quả thi kiểm tra của người học, giảng viên và các bộ phận liên quan nhập dữ liệu vào hệ thống phần mềm AMS. Trên cơ sở các thiết lập mối quan hệ giữa câu hỏi kiểm tra với CĐR môn học/CĐR chương trình dạy học, hệ thống quản lý đào tạo sẽ phân tích mức độ đạt được CĐR của chương trình dạy học. Tại các quy định trên, giảng viên hoặc tập thể giảng viên cùng giảng dạy một học phần căn cứ các quy định của nhà trường để thiết kế hình thức đánh giá phù hợp đáp ứng CĐR. Các hình thức này được thông qua tổ bộ môn sau đó khoa sẽ đệ trình cho Phòng Đào tạo vào đầu học kỳ như tại minh chứng [H16.16.01.02] đã đề cập. Các thông tin này được chuyển đến từng sinh viên qua hệ thống quản lý đào tạo. Sinh viên có thể nắm toàn bộ thông tin về học phần khi xem đề cương chi tiết học phần trên hệ thống quản lý đào tạo. Tại đó, cơ cấu đánh giá quá trình và kết thúc học phần được liệt kê rõ ràng, các CĐR thiết kế theo tiêu chí đánh giá theo thang Bloom, hình thức đánh giá theo từng CĐR,... [H16.16.02.02].

Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học của trường đo lường được mức độ đạt CĐR. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp đối với đánh giá quá trình học tập, thi kết thúc học phần đối với kỳ thi kết thúc môn học, phù hợp với quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của người học cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học [H16.16.02.03]. Thời gian và độ khó của đề thi tỉ lệ với số tín chỉ và yêu cầu của các học phần theo hướng từ thấp đến cao, chẳng hạn học phần có 1 tín chỉ, thời gian làm bài đối với đề thi hình thức tự luận tối thiểu là 45 phút, tối đa 60 phút; đối với đề thi trắc nghiệm khách quan, thời gian tối thiểu là 30 phút, tối đa 45 phút, tương tự quy định cho các học phần có 02 tín chỉ, 03 tín chỉ. [H16.16.01.04]. Các hình thức tổ chức lớp học với hình thức thi bao gồm: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, tiểu luận, đồ án môn học, bài tập lớn, chuyên đề, thực tập cơ sở, thực tập chuyên ngành, khóa luận tốt nghiệp. Tuy nhiên, một vài học phần có thể tổ chức thi hoàn toàn theo hình thức trắc nghiệm khách quan. Hình thức thi vừa trắc nghiệm vừa tự luận có tỷ lệ tăng dần trong 5 năm qua và cao nhất hiện nay, năm 2016-2017 là 21,10%; năm 2017-

2028 là 14,14%; năm 2018-2029 là 18,17%; năm 2019-2020 là 52,8%; năm 2020-2021 là 82,76%. Nhà trường tiếp cận và áp dụng phương pháp đào tạo CDIO (Conceive/Hình thành ý tưởng) - Design/Thiết kế - Implement/Triển khai - Operate/Vận hành) vào khối ngành Kỹ thuật & Công nghệ và qua dự án (PBL-Project-Based Learning) cho khối ngành Kinh tế, Y tế, Xã hội Nhân văn... sinh viên được tham gia vào các tình huống cụ thể và chủ động giải quyết công việc qua việc hoàn thành đề án môn học. Trong quá trình thực hiện đề án, sinh viên được rèn luyện kiến thức và kỹ năng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sáng tạo và thuyết trình, thái độ tự giác học tập và nghiên cứu [H16.16.02.04]. Việc đánh giá quá trình thực tập của sinh viên được thực hiện theo đề cương học phần thực tập tốt nghiệp. Kết thúc quá trình thực tập sinh viên làm báo cáo thực tập và được hội đồng chấm thực tập đánh giá [H16.16.01.02]. Quy trình đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp của sinh viên thực hiện theo Quyết định 2678/QĐ-ĐHDT ngày 19/09/2016 “về việc ban hành Quy định bổ sung các nội dung trong công tác quản lý đào tạo”, Quyết định 2188/QĐ-ĐHDT ngày 28/05/2021 “về việc ban hành Quy định bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp/Đề án tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến”. Nhà trường tổ chức khảo sát đánh giá năng lực Tin học và tiếng Anh đầu ra theo chuẩn Tin học và tiếng Anh đã công bố cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp. CĐR đối với năng lực Tin học của sinh viên thực hiện theo Thông Tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT của Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT [H16.16.02.05]. Đối với năng lực tiếng Anh của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp sẽ theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân đối với từng ngành [H16.16.01.08]. Sinh viên Trường Đại học Duy Tân phải hoàn thành chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng để được công nhận tốt nghiệp. Nhà trường phối hợp với Trường Quân sự của thành phố Đà Nẵng để đào tạo, tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ. Trung tâm Giáo dục thể chất của trường chịu trách nhiệm đào tạo, tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ giáo dục thể chất cho sinh viên [H16.16.02.06]. Bên cạnh hình thức đánh giá mức độ đạt CĐR dựa trên dữ liệu trực tiếp từ các bài kiểm tra đánh giá, nhà trường còn sử dụng hình thức đánh giá mức độ đạt CĐR gián tiếp dựa trên khảo sát ý kiến người học năm cuối, cựu người học và người sử dụng lao động [H16.16.02.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 16.3 Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được

rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được CĐR.

Nhà trường tổ chức các đợt rà soát công tác ĐBCL, trong đó yêu cầu các đơn vị đào tạo như khoa/viện tiến hành rà soát chương trình đào tạo, xây dựng CĐR qua các thông báo triển khai của BGH như Thông báo 027/TB-ĐHDT ngày 12/01/2016, Thông báo số 2220/TB-ĐHDT ngày 28/10/2019. Tại các đợt rà soát này, các vấn đề liên quan đến phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được các bộ môn thuộc các khoa/viện triển khai thực hiện [H16.16.03.01]. Sau đợt thi hoặc sơ kết/tổng kết học kỳ/năm học, các đơn vị quản lý đào tạo thống kê số liệu phản ánh kết quả của các đợt thi kiểm tra, dữ liệu về mức độ đạt CĐR. Số liệu thống kê được các giảng viên và tổ bộ môn phân tích đánh giá nhằm có biện pháp điều chỉnh phương pháp, hình thức, công cụ đánh giá phù hợp với CĐR [H16.16.02.07]. Căn cứ trên số liệu phân tích của báo cáo tổng kết năm học trước đó và ý kiến khảo sát các bên liên quan, định kỳ đầu năm học tổ bộ môn tổ chức họp triển khai công tác phân công đào tạo, chú trọng rà soát kế hoạch tổ chức đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H16.16.03.01]. Bộ môn gửi hồ sơ đăng ký hình thức tổ chức đánh giá của từng học phần đã được giảng viên trong bộ môn thống nhất cho Phòng Đào tạo để trình hiệu trưởng phê duyệt. Qua các hoạt động rà soát này giúp các bộ môn xác định các phương pháp đánh giá phù hợp yêu cầu từng học phần cụ thể, bám sát CĐR và mục tiêu đào tạo của từng CTĐT. Trường Đại học Duy Tân tổ chức đào tạo đa ngành đa lĩnh vực vì thế áp dụng phương pháp đánh giá phù hợp với đặc thù của các ngành đào tạo thực sự là mối quan tâm của lãnh đạo nhà trường. Tuy nhiên, trường hiện chưa có công trình NCKH để thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu của một phương pháp đánh giá đối với từng môn từng ngành học.

Định kỳ đầu năm học, các đơn vị đào tạo như khoa, viện, bộ môn tiến hành phân tích và tổng hợp số liệu liên quan đến kết quả kiểm tra kết thúc học phần của người học qua các phần mềm thống kê như SPSS,... Kết quả phân tích này là tiền đề cho việc nghiên cứu điều chỉnh hình thức kiểm tra đánh giá cho các khóa tiếp theo. Các đợt thi khảo sát tiếng Anh và Tin học được ban thư ký của hội đồng tốt nghiệp thống kê phổ điểm và so sánh với kết quả các năm trước để đánh giá độ khó của hệ thống câu hỏi của đề thi [H16.16.03.05].

Việc công bố kết quả đánh giá người học được nhà trường nhanh chóng thực hiện thông qua hệ thống myDTU, website Phòng Đào tạo ngay khi có kết quả. Nhà trường

quy định thời gian công bố kết quả điểm các thành phần đánh giá quá trình 2 tuần sau khi làm bài và chậm nhất tại buổi học cuối của môn học [H16.16.01.05], bài thi kết thúc học phần giảng viên phải chấm xong trong thời gian cho phép là 07 ngày kể từ ngày tổ chức thi [H16.16.01.04]. Đối với các cột điểm thành phần trong đánh giá quá trình, người học có quyền yêu cầu giảng viên giảng dạy kiểm tra lại kết quả chấm ngay khi giảng viên công bố kết quả tại lớp. Đối với thi kết thúc học phần, trong vòng 15 ngày sau khi có kết quả, người học có thể nộp đơn đề nghị xem xét lại kết quả. Phòng Đào tạo tiếp nhận đơn của người học, kiểm tra bảng điểm gốc lưu trữ tại Phòng Đào tạo sau đó chuyển đơn cho Trung tâm Khảo thí của trường. Trung tâm Khảo thí phối hợp với giảng viên, Phòng Thanh tra kiểm tra toàn bộ điểm chi tiết bài thi so với đáp án, nếu có sai sót trong quá trình chấm bài sẽ lập biên bản và điều chỉnh kết quả cho người học. Kết quả kiểm tra bài thi của Trung tâm Khảo thí, Phòng Thanh Tra và giảng viên chấm được ghi rõ vào đơn thư trả lời cho người học và lưu trữ hồ sơ điểm gốc của Phòng Đào tạo [H16.16.01.11]. Đối với các kỳ thi khảo sát, tuyển sinh, tốt nghiệp của trường, thí sinh có thể nộp đơn xin phúc khảo bài thi sau khi có kết quả thi khảo sát, tuyển sinh hay tốt nghiệp. Hội đồng tuyển sinh hoặc hội đồng tốt nghiệp của trường thành lập hội đồng chấm phúc khảo để tiến hành chấm phúc khảo bài thi cho thí sinh. Kết quả chấm phúc khảo được hội đồng thi công bố công khai cho thí sinh ngay sau đợt chấm trên bảng tin, website của Phòng Đào tạo [H16.16.03.06].

Bảng 16. 1. Số lượt phúc khảo qua các năm

Năm	Bài thi phúc khảo		
	Lượt bài	Bài đạt	Tỷ lệ đạt
2018	177	26	14.69%
2019	89	3	3.37%
2020	60	2	3.33%
2021	Không có đơn		

Các trường hợp khiếu nại của người học và giải quyết khiếu nại của trường được triển khai theo các quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo sự công bằng, khách quan cho người học. Thời gian các khiếu nại của người học được giải quyết nhanh chóng, giải thích rõ ràng hợp lý luôn làm cho người học hài lòng. Trong thời gian dịch Covid-19 hoành hành (từ đầu năm 2020 cuối năm 2021), các đợt thi kết thúc học phần tổ chức trực tuyến có xảy ra một số trường hợp sinh viên nộp bài thi gặp trở ngại, do hệ thống hạ tầng và

mạng của sinh viên tại địa phương bị trục trặc. Nhà trường đã thông báo để sinh viên làm đơn xem xét kết quả thi kèm hình ảnh liên quan gửi qua hộp thư của phòng Đào tạo để giải quyết.

Nhà trường triển khai lấy ý kiến người học sau mỗi đợt thi kết thúc học phần, trong đó nội dung liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được chú trọng. Tại phiếu khảo sát sinh viên trả lời về nội dung “Bài tập Ngoài giờ” (số 40); “Nội dung Kiểm tra và thi cử” (số 41); “Hình thức Kiểm tra Trắc nghiệm” (số 42); “Kết quả qua Kiểm tra và Thi cử” (số 43); “Cách Chấm điểm” (số 44); “Cách đánh giá trong chấm điểm” (số 45); “Thời hạn công bố điểm thường kỳ” (số 46); “Thời hạn công bố điểm thi” (số 47); “Giải đáp thắc mắc về điểm” (số 48). Đối với sinh viên năm cuối, trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát về đánh giá về chất lượng đào tạo và các nội dung liên quan. Với các cựu người học, nhà trường phân công Phòng Hợp tác doanh nghiệp lấy ý kiến hàng năm về các nội dung như CTĐT, việc làm... mức độ hài lòng của người học được đánh giá từ trung bình đến tốt đối với chất lượng đào tạo của nhà trường hàng năm rất tốt, cụ thể năm 2016 & 2017 là 99,8%, năm 2018 là 100%, năm 2019 và 2020 là 99,8%. Tất cả ý kiến trên là kênh tham khảo quan trọng để nhà trường rà soát, bổ sung điều chỉnh phương thức kiểm tra đánh giá và hoạt động cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo [H16.16.03.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 16.4 Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CDR.

Một số cải tiến về loại hình và phương pháp đánh giá người học trong những năm qua đã thực hiện như sau:

- Nhà trường đã áp dụng thử nghiệm CDIO cho khối ngành kỹ thuật từ năm 2013. Sau đó phát triển cho khối ngành công nghệ. Từ năm 2016, nhà trường áp dụng PBL cho các khối ngành kinh tế và khoa học sức khỏe. Thêm môn đồ án CDIO cho khối ngành công nghệ kỹ thuật. Cải tiến các môn từ hình thức thi lý thuyết qua thực hành ở một số môn học như ở các ngành khoa học sức khỏe, tranh tài giải pháp PBL cho khối ngành kinh tế nhằm đánh giá chính xác hơn về năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm của người học [H16.16.02.04].

- Áp dụng quy trình kiểm tra đánh giá theo ABET cho các khối ngành khoa học máy tính từ năm 2013-2014, sau đó mở rộng cho các khối ngành về kỹ thuật từ năm 2015-2016. Việc áp dụng thành công quy trình kiểm tra đánh giá theo ABET đã giúp Nhà trường đạt được kiểm định ABET cho hai chương trình về khoa học máy tính (2019) và hai chương trình về kỹ thuật (2020). Đây là cơ sở tạo tiền đề cho nhà trường áp dụng chung quy trình kiểm tra đánh giá dựa trên CDR cho tất cả các CTĐT trong nhà trường.

- Trước năm học 2019-2020, hình thức thi kết thúc học phần của trường tổ chức theo hình thức thi tập trung tại trường. Riêng từ học kỳ 2 năm học 2019-2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19, các khoa phải rà soát và điều chỉnh hình thức thi tập trung sang thi trực tuyến, nên phải cấu trúc lại đề thi và câu hỏi thi phù hợp với phương thức thi trực tuyến mà không ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của trường. Quy trình tổ chức thi trực tuyến được thực hiện chặt chẽ như sau: Đề thi của giảng viên được nộp và duyệt qua hai cấp chuyên môn và hình thức trên hệ thống myDTU, mỗi câu hỏi của đề thi khi nhập vào hệ thống phải thỏa mãn các mục tiêu CDR được công bố, câu hỏi đề thi phải có tính đa dạng có thể đánh giá người học ở nhiều cấp độ, thể hiện qua số lượng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, số lượng câu hỏi ngắn, số câu hỏi tự luận [H16.16.03.03], [H16.16.03.04], [H16.16.01.05]. Ban đầu, tất cả đề thi kết thúc học phần đều có đầy đủ 3 loại câu hỏi là trắc nghiệm khách quan, trả lời ngắn (trả lời ngay trong giờ thi) và trắc nghiệm tự luận (làm tại nhà trả bài sau 1 tuần). Sau khi tổ chức thi, qua phản hồi từ giảng viên và người học, trường đã điều chỉnh cấu trúc đề thi đối với các môn thi năm 1&2 chỉ có phần trắc nghiệm khách quan và trả lời ngắn; đối với đề thi các môn thi của các năm 3, 4, 5 thì đầy đủ ba phần như cũ, vì cần đánh giá khả năng phân tích, tổng hợp, trình bày của người học.

Hàng năm, nhà trường tổ chức tổng kết công tác đào tạo và đánh giá người học nhằm thảo luận, thay đổi/cải tiến các loại hình/phương pháp đánh giá người học, đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá người học. Qua nghiên cứu phân tích về kết quả học tập của người học, ý kiến của giảng viên và người học,... Các bộ môn tổ chức đánh giá và đề xuất giải pháp cụ thể đối với từng học phần. Khoa/viện xem xét đánh giá các đề xuất này, sau đó gửi Phòng Đào tạo trình hiệu trưởng phê duyệt. Hình thức tổ chức đánh giá được phê duyệt mới sẽ

làm căn cứ để các giảng viên giảng dạy chuẩn bị xây dựng đề thi, các đơn vị phục vụ đào tạo xây dựng kế hoạch hỗ trợ giảng viên như hệ thống phòng thi sử dụng máy tính, hệ thống phòng thi lý thuyết hoặc thực hành, các môn thi sử dụng phương tiện truyền tải âm thanh,... [H16.16.04.01]. Đầu năm học, giảng viên phải kiểm tra và cập nhật hồ sơ môn học do mình phụ trách, những điều chỉnh phải được bộ môn thông qua mới được áp dụng. Hoạt động này nhằm khuyến khích sự cập nhật nội dung, cải tiến phương pháp giảng dạy và đánh giá người học của giảng viên [H16.16.04.02]. Năm 2016 và năm 2019, nhà trường thành lập tổ công tác bao gồm chuyên viên các Phòng Đào tạo, Phòng Thanh Tra, Trung tâm ĐBCL để rà soát hồ sơ chuyên môn của các khoa, viện, tổ bộ môn trong trường. Việc kiểm tra này tập trung vào các nội dung như cập nhật hồ sơ môn học, trong đó có các CDR, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần [H16.16.04.03].

Bộ môn và giảng viên giảng dạy sau mỗi đợt thi kết thúc học phần, dựa trên số liệu thống kê kết quả học tập của người học kết hợp phân tích số liệu các kỳ trước đó để kiểm tra độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp đánh giá quá trình, hệ thống câu hỏi của đề thi các môn học do bộ môn quản lý [H16.16.04.01]. Bên cạnh đó, các đơn vị chức năng như Phòng Đào tạo, Trung tâm Khảo thí, Trung tâm Học liệu cung cấp các số liệu thống kê và phân tích tình hình tổ chức thi, tỷ lệ sinh viên tham gia kỳ thi, tỷ lệ sinh viên vi phạm quy chế thi đối với từng khoa quản lý chuyên môn, thêm kênh thông tin giúp các bộ môn và giảng viên đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của loại hình kiểm tra đánh giá đã thực hiện [H16.16.03.05]. Bên cạnh đó, các thông tin khảo sát ý kiến người học sau khi kết thúc môn học do Trung tâm ĐBCL thu thập gồm các nội dung liên quan như: Sinh viên đánh giá về “Giảng viên đánh giá quá trình”, “Các dạng bài tập nhóm”, “Nội dung kiểm tra và Thi cử”, “Hình thức kiểm tra trắc nghiệm”,... cũng góp phần cung cấp thêm thông tin cho khoa, bộ môn trong công tác đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của loại hình kiểm tra đánh giá người học [H16.16.03.07].

Để xây dựng các phương pháp kiểm tra đánh giá, giảng viên dựa trên CDR và đặc thù của từng môn học để đề xuất phương pháp kiểm tra đánh giá cho môn học mình đảm trách. Bộ môn tổ chức họp để góp ý và thông qua hình thức kiểm tra đánh giá trước khi nộp về Phòng Đào tạo trình hiệu trưởng phê duyệt. Trước khi bắt đầu giảng

dạy, giảng viên cung cấp lên hệ thống myDTU và giới thiệu trong buổi đầu tiên của môn học. Sau khi có kết quả thi kết thúc học phần, bộ môn tổ chức đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp kiểm tra đánh giá dựa trên các kết quả khảo sát và thông tin cung cấp từ các phòng ban chức năng để có các đề xuất điều chỉnh cho phù hợp hơn cho từng năm [H16.16.04.04]. Nhờ vậy trong các năm qua, các môn học ban đầu chỉ tập trung vào đánh giá điểm thi cuối kỳ thì nay đã phân ra nhiều trọng số đánh giá khác nhau như thực hành, bài tập nhóm, thu hoạch cá nhân. Những môn cần kỹ năng phân tích tổng hợp sẽ chú trọng câu hỏi trắc nghiệm tự luận. Mặc dù các phương pháp kiểm tra đánh giá được cải tiến đã mang lại nhiều kết quả khả quan, nhưng nhà trường vẫn chưa có đề tài NCKH đi sâu vào phân tích tác động của từng phương pháp kiểm tra đánh giá đối với từng ngành đào tạo.

Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá người học được cải tiến liên tục, thực hiện khoa học, được kiểm chứng trước khi áp dụng. Quy trình ra đề, xét duyệt chuyên môn, chọn đề thi, nhân bản đề thi,.. thực hiện nghiêm ngặt nhằm đảm bảo tính khách quan và bảo mật đề thi [H16.16.04.05].

Đội ngũ cán bộ giảng viên, người học, cựu người học và doanh nghiệp được thông tin về các thay đổi trong việc kiểm tra đánh giá người học theo CDR. Trong buổi sinh hoạt đầu tiên của khóa học, buổi học đầu tiên của môn học/học phần, trong các buổi đối thoại sinh viên mỗi học kỳ, người học được thông báo công khai các thông tin liên quan đến quy trình kiểm tra đánh giá. Không có tình trạng khiếu nại, phản nản của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập. Căn cứ kết quả ý kiến sinh viên được Trung tâm ĐBCL tiến hành phát phiếu và tổng hợp, tại các nội dung số 10 “Giảng viên chú trọng đánh giá quá trình”, số 11 “Các dạng bài tập của giảng viên đòi hỏi bạn phải làm việc nhóm”, số 13 “Giảng viên có thái độ công bằng và chống tiêu cực trong đánh giá kết quả học tập”, số 41 “Nội dung kiểm tra và thi cử”, số 42 “Hình thức Kiểm tra trắc nghiệm”, số 44 “Cách chấm điểm”, số 45 “Cách đánh giá trong chấm điểm”,.. trên phiếu lấy ý kiến, sinh viên đều hài lòng với các phương pháp đánh giá kết quả học tập của nhà trường [H16.16.04.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học đa dạng, bám sát CDR phù hợp với từng môn học.
- Có đơn vị tổ chức thi, chấm thi độc lập, quy trình tổ chức thi nghiêm ngặt, bảo mật đảm bảo công bằng và khách quan.
- Nhà trường đã áp dụng công cụ công nghệ thông tin để quản lý đề thi, các hoạt động tổ chức thi trực tuyến, có các quy định cụ thể rõ ràng đảm bảo công tác giảng dạy và thi cử một cách nghiêm túc trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn ra.
- Nhà trường áp dụng công cụ quản lý câu hỏi đề thi gắn kết theo CDR của môn học giúp thuận lợi trong việc đo lường, kiểm tra đánh giá độ tin cậy và chính xác của đề thi.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc xử lý khiếu nại về các sự cố liên quan đến hạ tầng mạng của người học khi tham gia thi trực tuyến trong đợt giãn cách xã hội do phòng dịch Covid-19 còn chậm.
- Nhà trường chưa có đề tài NCKH về tác dụng và hiệu quả các phương thức kiểm tra đánh giá người học đối với từng ngành đào tạo.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành hướng dẫn giải quyết các trường hợp trục trặc khi thi trực tuyến một cách cụ thể giúp chủ trì có phương án xử lý nhanh chóng.	Phòng Đào tạo, các khoa, Trung tâm Khảo thí	Cuối học kỳ 1 2022-2023.
2	Khắc phục tồn tại 2	Đặt hàng đề tài NCKH về tác dụng và hiệu quả các phương thức kiểm tra đánh giá người học đối với từng ngành đào	Phòng KHCN, các bộ môn	Năm học 2022-2023

		tạo.		
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát huy việc giao đơn vị tổ chức thi độc lập và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý các đề thi, sử dụng công cụ đánh giá sự phù hợp của đề thi với chuẩn đầu ra cho tất cả các ngành học trong trường	Trung tâm Khảo thí, các đơn vị đào tạo	Bắt đầu từ năm học 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	<i>5,0</i>
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

Với phương châm “Tất cả vì quyền lợi học tập và việc làm của sinh viên”, Trường Đại học Duy Tân đã triển khai đầy đủ các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học. Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/7/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế Đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ; Căn cứ Thông tư 10/2016/TT- BGDDĐT ngày 05/04/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo Đại học hệ chính quy; Căn cứ Thông tư 16/2015/TT- BGDDĐT ngày 12/08/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ Đại học hệ chính quy; Căn cứ Quyết định số 60/2008/QĐ-BGDĐT ngày 05/7/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về tổ chức hoạt động văn hóa cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục Đại học và Trung cấp chuyên nghiệp; Căn cứ Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên; Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về tổ chức thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Căn cứ Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với sinh viên; Căn cứ Quyết định 07/QĐ-TTg ngày 05/01/2016, Quyết định 751/QĐ-TTg ngày 30/5/2017 và Quyết định 1656/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức vay cho sinh viên. Trên cơ sở các Quyết định, Nghị Định của Chính phủ, Quyết định của Bộ GD&ĐT và các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành về chế độ chính sách, tư vấn, hỗ trợ và phục vụ người học; Trường Đại học Duy Tân đã ban hành đầy đủ các quy định để phục vụ và hỗ trợ người học có hiệu quả. Cụ thể như: Quy định Đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thông tín chỉ [H17.17.01.01]; Quy định về Công tác sinh viên [H17.17.01.02], Quy định đánh giá hết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy [H17.17.01.03], Quy định về Công tác Cố vấn học tập [H17.17.01.04], Quy định về học bổng đối với sinh viên hệ chính quy [H17.17.01.05], Quy định về miễn giảm học phí cho sinh viên [H17.17.01.06], Quy định về khen

thường sinh viên [H17.17.01.07], Hướng dẫn sinh viên thuộc diện đối tượng vay vốn ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [H17.17.01.08]; Hướng dẫn cho sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/NĐ-CP về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm học phí từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 [H17.17.01.09].

BGH giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo, Ban Sau đại học, Trung tâm Đào tạo trực tuyến và Văn bằng 2 chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ người học để hoàn thành tốt và hiệu quả quá trình học tập của mỗi sinh viên theo chương trình học tập [H17.17.01.10] ; Phòng Công tác sinh viên thực hiện triển khai công tác phối hợp quản lý sinh viên ngoại trú, đánh giá xếp loại rèn luyện sinh viên, chế độ chính sách, vay vốn ưu đãi, miễn giảm học phí, công tác thi đua khen thưởng cho người học [H17.17.01.11]; Phòng KHCN triển khai công tác NCKH, khởi nghiệp đồng thời chủ trì hướng dẫn cho người học tham gia các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hàng năm [H17.17.01.12]; Phòng Hợp tác doanh nghiệp có nhiệm vụ thực hiện kết nối các doanh nghiệp với Nhà trường, hỗ trợ giới thiệu việc làm cho sinh viên, tổ chức ngày hội việc làm thường niên [H17.17.01.13]; Phòng Y Tế tổ chức công tác Y Tế học đường, khám sức khỏe và khám, chữa bệnh thông thường cho người học [H17.17.01.14]; Trung tâm Văn - Thể - Mỹ tổ chức cho sinh viên luyện tập, hoạt động văn nghệ trong nhà trường và tham gia các cuộc thi văn hóa văn nghệ hàng năm [H17.17.01.15], Trung tâm Giáo dục thể chất & Quốc phòng tổ chức rèn luyện thể chất thường xuyên và tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao cho sinh viên và người lao động [H17.17.01.16] , Đoàn thanh niên - Hội sinh viên tổ chức nhiều câu lạc bộ cho người học tham gia hoạt động đồng thời kết hợp với Trung tâm Văn thể mỹ và TT GDTC&QP hàng năm tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các chương trình thiện nguyện, chương trình công tác và phong trào sinh viên trong nhà trường [H17.17.01.17], Thư viện thực hiện mua sắm sách tham khảo, giáo trình và các trang thiết bị phục vụ bạn đọc [H17.17.01.18]; Văn phòng trường thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự, tổ chức trông giữ xe, dịch vụ căn tin phục vụ sinh viên [H17.17.01.19]; các khoa chủ quản hằng năm đã lập kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ công tác cố vấn học tập đồng thời tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, rèn luyện cho sinh viên khoa mình đồng thời phối hợp với các

phòng ban chức năng để hỗ trợ, phục vụ sinh viên [H17.17.01.20] .

Nhà trường xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo myDTU và triển khai đào tạo theo tín chỉ từ năm học 2006 – 2007, thời khóa biểu của sinh viên, kết quả đánh giá quá trình học tập đều được quản lý qua phần mềm [H17.17.01.21]. Phòng Thanh tra Pháp chế theo dõi quản lý các hoạt động dạy và học trong Nhà trường, đồng thời tất cả các phòng học đều có camera để hỗ trợ giám sát hoạt động dạy học và quản lý ANTT [H17.17.01.22]. Hệ thống giám sát người học được thể hiện ở chức năng nhiệm vụ của Cố vấn học tập, quy định về các tiêu chí đánh giá rèn luyện của sinh viên, quy định về công tác đào tạo theo học chế tín chỉ của nhà trường [H17.17.01.04].

Nhà trường đã ban hành bộ tiêu chí đánh giá năng lực của toàn thể cán bộ, nhân viên và giảng viên, trong đó quy định về công tác dạy học, quan hệ doanh nghiệp,... để làm căn cứ trả lương. Đồng thời trường cũng triển khai cho sinh viên đánh giá giảng viên và nhận xét mức độ hài lòng của sinh viên qua bộ tiêu chí 48 câu hỏi để khảo sát sinh viên vào cuối mỗi học kỳ [H17.17.01.23]; [H17.17.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Nhà trường đã thành lập đầy đủ các phòng, ban chức năng: Phòng Đào tạo, Ban Sau đại học, Trung tâm Đào tạo trực tuyến và Văn bằng 2, Phòng Công tác sinh viên, Phòng KHCN, Trung tâm Khởi nghiệp, Phòng Hợp tác doanh nghiệp, Trung tâm Văn thể mỹ, Trung tâm Giáo dục Thể chất & Quốc phòng, Phòng Thanh tra pháp chế, Phòng Y tế, Thư viện, Văn phòng trường và Đoàn thanh niên thực hiện nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ, phục vụ và giám sát người [H17.17.02.01]. Đồng thời mỗi phòng, ban chức năng đều có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng các nhân phụ trách theo từng mảng công tác được giao [H17.17.01.11].

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được triển khai theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công. Phòng Đào tạo, Ban Sau đại học, Trung tâm Đào tạo trực tuyến và Văn bằng 2 tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ học tập cho người học từ việc cấp mã số sinh viên, đăng ký tín chỉ cho đến việc đánh giá xếp loại học tập hằng năm, cấp phát văn bằng chứng chỉ cho người học khi ra trường đồng thời thực hiện công tác tư

vấn, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người học hoàn thành chương trình học tập. Đầu mỗi khóa học, người học được Nhà trường hướng dẫn đầy đủ về quy chế về đào tạo đại học theo học chế tín chỉ, quy định đào tạo theo học chế tín chỉ, mục tiêu học tập, CTĐT, kế hoạch học tập từng năm học và toàn khóa học, hướng dẫn sinh viên sử dụng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo myDTU, phương pháp học tập ở bậc đại học, quy trình đăng ký tín chỉ và phương pháp học nhanh để tốt nghiệp ra trường trước thời hạn [H17.17.02.02]. Giảng viên các khoa trực tiếp tư vấn và hỗ trợ người học thông qua công tác giảng dạy các môn học, đặc biệt nhà trường đã đưa vào chương trình chính khoá cho sinh viên môn Hướng nghiệp 1 và Hướng nghiệp 2 [H17.17.02.03]. Hỗ trợ, tư vấn về chỗ ở: Phòng Công tác sinh viên tham mưu cho BGH đăng ký tiếp nhận ký túc xá của thành phố Đà Nẵng để xét chọn và bố trí sinh viên thuộc diện chính sách, thuộc hộ nghèo hộ cận nghèo, sinh viên ở vùng sâu, vùng xa vào ở; số sinh viên ngoài diện chính sách có nhu cầu chỗ ở được Ban Chấp hành Đoàn trường và các Liên Chi đoàn các khoa tư vấn, giới thiệu chỗ trọ tại các khu vực dân cư gần các cơ sở học tập [H17.17.02.04]; [H17.17.02.05].

Tất cả các cơ sở đào tạo của nhà trường đều nằm ở vị trí trung tâm thành phố và hằng năm được xây dựng và đầu tư trang thiết bị hiện đại đảm bảo nhu cầu học tập, làm việc của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Tất cả các giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều được trang bị máy điều hòa, projector, âm thanh, ánh sáng và có hệ thống camera giám sát. Mỗi cơ sở đào tạo đều được nhà trường đầu tư và trang bị một thư viện hiện đại có đầy đủ giáo trình, sách tham khảo, sách điện tử. Thư viện được kết nối với các thư viện của các trường tiên tiến trên thế giới được nhà trường liên kết đào tạo để sinh viên khai thác. Toàn bộ khuôn viên trong trường được phủ sóng Wifi miễn phí và có camera giám sát an ninh, trật tự [H17.17.02.06]. Tại các cơ sở đào tạo đều tổ chức 01 phòng Y tế được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, thuốc men đầy đủ có đội ngũ điều dưỡng thường trực để phục vụ sơ cấp cứu, khám chữa bệnh thông thường cho sinh viên. Phòng Y tế chịu trách nhiệm tham mưu và phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống dịch, theo dõi quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm. Tất cả sinh viên đều được khám sức khỏe tổng quát đầu khóa học và hằng năm được tư vấn, vận động tham gia mua bảo hiểm y tế bắt buộc đối với sinh viên [H17.17.02.07], [H17.17.02.08].

Trong lĩnh vực NCKH và khởi nghiệp được hỗ trợ triển khai đến tất cả sinh viên và được nhà trường đầu tư cấp kinh phí cho sinh viên làm đề tài NCKH và cấp chi phí làm dự án khởi nghiệp. Sinh viên tham gia NCKH được nhà trường phân công giảng viên hướng dẫn, tùy kết quả nghiên cứu ưu tiên cộng điểm rèn luyện, xét khen thưởng, những đề tài phù hợp với chuyên ngành học tập của sinh viên năm cuối sẽ được khoa cho phát triển thành đề tài tốt nghiệp. Kết quả hàng trăm đề tài NCKH của sinh viên được nghiệm thu, trong đó rất nhiều đề tài đạt loại xuất sắc được Hội đồng Khoa học & Đào tạo trường xét chọn gửi tham dự thi NCKH các cấp trong và ngoài nước, đạt nhiều giải thưởng [H17.17.02.09]. Song hành cùng phong trào NCKH, hoạt động khởi nghiệp được BGH chú trọng ngay trong những năm đầu thành lập trường. Trung tâm Khởi nghiệp là đơn vị chuyên trách trực thuộc BGH hằng năm đã phối hợp với Ban Chấp hành Đoàn trường tổ chức mở các lớp đào tạo kiến thức khởi nghiệp, thường xuyên tổ chức các cuộc thi “Dự án kinh tế cộng đồng”, dự án khởi nghiệp cấp trường, cấp thành phố và tham gia dự thi khởi nghiệp cấp bộ và đạt nhiều giải thưởng [H17.17.02.10]. Ngoài ra, để tạo điều kiện tốt cho sinh viên dự thi Olympic các môn học như: Toán, Lý, Hóa, Cơ, Kiến trúc, Tin học, An toàn thông tin.... Nhà trường đã tuyển chọn sinh viên giỏi, tổ chức ôn luyện và hỗ trợ đầy đủ chi phí cho sinh viên tham gia dự thi. Bình quân mỗi năm có hàng trăm sinh viên tham gia dự thi và đạt nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế [H17.17.02.11].

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do 03 đơn vị (Trung tâm Văn thể mỹ, Trung tâm Giáo dục thể chất & Quốc phòng, Đoàn thanh niên) hằng năm đã triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao trong sinh viên. Tổ chức các hoạt động hội trại, Hội thi sinh viên thanh lịch, Hội thao sinh viên DTU... Tổ chức các đội bóng đá bóng chuyền tham gia thi đấu với các trường đại học, cao đẳng khu vực Đà Nẵng và miền Trung, cử đội văn nghệ tham gia Hội thi tiếng hát sinh viên toàn quốc năm 2018 (giải III toàn đoàn). Nhà trường đã tạo mọi điều kiện, đầu tư kinh phí cho sinh viên hoạt động phong trào, hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội, tạo điều kiện cho người học tham gia các câu lạc bộ trong và ngoài trường. Hằng năm, tổ chức đoàn - hội của nhà trường được Thành đoàn Đà Nẵng và Trung ương Đoàn tặng cờ thi đua xuất sắc và nhiều bằng khen cho tập thể và các cá nhân tiêu biểu [H17.17.02.12], [H17.17.02.13].

Hoạt động hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho sinh viên được nhà trường đã ký kết hợp tác trên 500 doanh nghiệp để sinh viên kiến tập, thực tập và làm việc khi ra trường [H17.17.02.14]. Liên tiếp từ năm 2006 đến nay nhà trường phối hợp với Báo Người lao động tổ chức Hội chợ việc làm hằng năm [H17.17.02.15]. Ngoài ra BGH đã quy định giảng viên mỗi năm phải dành 10 ngày đi doanh nghiệp để nghiên cứu thực tế, hợp tác và xin việc làm cho sinh viên. Chế độ 10 ngày doanh nghiệp được quy giờ chuẩn và tùy theo số lượng xin việc làm cho sinh viên được nhà trường chi trả vào phụ cấp lương hàng tháng [H17.17.02.16]. Chương trình hợp tác doanh nghiệp, hỗ trợ việc làm và thường xuyên tổ chức các phiên chợ việc làm ngay trong trường đã tác động lớn đến tỷ lệ có việc làm của sinh viên Trường Đại học Duy Tân ngày càng tăng (bình quân 95%) [H17.17.02.17].

Hằng năm học nhà trường chi hơn 13 tỷ đồng để cấp học bổng toàn/bán phần cho sinh viên có điểm đầu vào từ 24 điểm trở lên, sinh viên tàn tật, khuyết tật, cấp học bổng lần đầu cho sinh viên có điểm đầu vào cao hơn điểm trúng tuyển từ 5 điểm trở lên, cấp học bổng cho sinh viên có hộ khẩu tại các vùng khó khăn, cấp học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó do các doanh nghiệp tài trợ [H17.17.02.18]. Sinh viên thuộc diện chính sách xã hội được nhà trường hướng dẫn làm các thủ tục miễn giảm học phí, cấp chi phí học tập theo Nghị định 86 của Chính phủ [H17.17.02.19]. Ngoài ra, Trường Đại học Duy Tân chi trên 500 triệu đồng mỗi năm để thực hiện miễn giảm học phí hằng năm cho sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, sinh viên là dân tộc thiểu số, sinh viên mồ côi, sinh viên có hộ khẩu tại vùng sâu, vùng xa [H17.17.02.20]. Các chế độ chính sách của Nhà nước được nhà trường tư vấn, hướng dẫn cụ thể để tất cả người học thuộc diện ưu đãi đều được thụ hưởng. Sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình kinh tế khó khăn được nhà trường hướng dẫn tư vấn làm thủ tục vay vốn ưu đãi theo Quyết định 157/QĐ-TTg để trang trải chi phí học tập [H17.17.02.21]. Đối với nam sinh viên đang học tại trường nằm trong độ tuổi tham gia nghĩa vụ quân sự được nhà trường hướng dẫn và cấp giấy xác nhận về địa phương hoãn tham gia nghĩa vụ quân sự [H17.17.02.22]; [H17.17.02.23]. Ngoài ra sinh viên được hỗ trợ hội nhập, đào tạo tiếng Anh miễn phí cho những sinh viên theo học chương trình liên kết, hỗ trợ kinh phí cho sinh viên tham quan, hội nghị, hội thảo ở nước ngoài nằm trong tổ chức P2A [H17.17.02.24].

Hệ thống giám sát người học tại Trường Đại học Duy Tân được thực hiện qua các hệ thống camera gắn tại các giảng đường, phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hành lang để giám sát an ninh, an toàn cho người học đồng thời cũng nhằm theo dõi quản lý lực lượng giảng dạy. Tất cả camera được giám sát bởi tổng đài tại phòng của Trường phòng Thanh tra pháp chế, đồng thời mỗi cán bộ thanh tra khu vực đều được giám sát qua máy tính bảng của cá nhân. Nhà trường đã tiến hành thực hiện nghiêm túc sổ đầu bài, vừa thực hiện sổ đầu bài điện tử và sổ đầu bài bằng giấy để quản lý giờ dạy, số lượng sinh viên đến lớp theo từng buổi học [H17.17.02.25]. Giảng viên đứng lớp điểm danh sinh viên trên hệ thống quản lý đào tạo bằng hình thức trực tiếp và được giảng viên nhập vào hệ thống quản lý để các bên có liên quan theo dõi. Kết quả giám sát quá trình học tập từng sinh viên được thể hiện qua 3 màu xanh, vàng, đỏ. Căn cứ sắc màu của sinh viên cố vấn học tập sẽ tương tác trực tiếp với sinh viên đó [H17.17.02.26], [H17.17.02.27]. Đội ngũ cố vấn học tập được quản lý của trường khoa và chịu sự giám sát của Hội đồng giám sát cố vấn học tập [H17.17.02.28].

Kết quả học tập của sinh viên được thể hiện cụ thể trên hệ thống quản lý đào tạo MyDTU giúp giảng viên, cố vấn học tập, Phòng Đào tạo và khoa chủ quản nắm được kết quả học tập của sinh viên để có những giải pháp hỗ trợ kịp thời. Căn cứ theo quy chế đào tạo Hội đồng xét kết quả học tập cuối năm học họp xét kết quả học tập từng sinh viên và xếp theo từng nhóm: sinh viên được được lên lớp, sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập, sinh viên thuộc diện thôi học [H17.17.02.29]. Sinh viên có kết quả học tập xuất sắc, giỏi được xét cấp học bổng, xét khen thưởng [H17.17.02.30], sinh viên thuộc diện cảnh báo được cố vấn học tập mời lên gặp trực tiếp và phối hợp với gia đình để quản lý, tư vấn và hỗ trợ học tập tốt hơn. Sinh viên thuộc diện thôi học được Phòng Công tác sinh viên gửi thông báo trả về gia đình và địa phương [H17.17.02.31].

Ngoài việc giám sát người học trong thời gian học tập tại trường, việc giám sát và quản lý sinh viên nơi cư trú được nhà trường phối hợp chặt chẽ với công an các địa phương để quản lý sinh viên ngoại trú [H17.17.02.32].

Khảo sát, lấy ý kiến sinh viên là việc làm bắt buộc hằng năm của nhà trường. Hằng năm Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo, giảng dạy, quản lý của nhà trường, các kết quả khảo sát này được tổng hợp gửi về BGH, các phòng ban chức năng và các khoa để xem xét cải tiến cho năm học sau

[H11.11.01.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

Tất cả các đơn vị trực thuộc trường, cuối mỗi tháng đều tổ chức họp đơn vị để sơ kết đánh giá công việc trong tháng chỉ ra những tồn tại vướng mắc của đơn vị trong tháng qua đồng thời đề ra kế hoạch công tác tháng đến và những ý kiến lên đề xuất cho BGH những vấn đề liên quan cần sự chỉ đạo của hiệu trưởng [H17.17.03.01]. Mỗi tháng hiệu trưởng tổ chức giao ban trường. Văn phòng tổng hợp tất cả báo cáo của các đơn vị và các ý kiến trực tiếp của các phòng ban chức năng để các đơn vị giải trình và góp ý trước hội nghị giao ban. Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng (được hiệu trưởng ủy quyền) tổng hợp những công việc hoặc tiến độ thực hiện công việc trong tháng qua đồng thời triển khai công tác tháng tiếp theo và những giải pháp khắc phục các tồn tại (nếu có) [H02.02.02],[H02.02.02.04]. Sau mỗi cuộc họp giao ban tháng của nhà trường (chậm nhất sau 3 ngày) các đơn vị phải họp triển khai thông tin, công việc đến từng thành viên trong đơn vị [H17.17.02.02]. Cuối mỗi học kỳ, cuối năm học hiệu trưởng chủ trì sơ kết, tổng kết công tác trong toàn trường. Công tác sơ kết, tổng kết được tiến hành từ mỗi thành viên và từ các đơn vị, sau đó hiệu trưởng tổ chức hội nghị để sơ kết, tổng kết theo từng lĩnh vực công tác hoặc theo đơn vị trường/viện đào tạo để nghe các đơn vị, trường/viện báo cáo đánh giá điểm nổi bật trong thời gian qua đặc biệt là những tồn tại yếu kém của đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục để hội nghị góp ý kiến. Hiệu trưởng kết luận hội nghị chỉ ra nguyên nhân tồn tại để đề ra giải pháp khắc phục cho công tác phục vụ, tư vấn, hỗ trợ người học được tốt hơn [H02.02.02.06], [H04.04.03.06]. Trên cơ sở hội nghị rà soát góp ý kiến và qua ý kiến khảo sát góp ý của sinh viên hàng năm; các đơn vị phòng chức năng đã tham mưu cho hiệu trưởng bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp quy của nhà trường để triển khai thực hiện. Quyết định về việc cấp học bổng cho sinh viên theo từng năm học; Quyết định về Quy định miễn giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy để phù hợp theo lộ trình cho phép tăng học phí hàng năm của Nghị định 86/NĐ-CP [H17.17.03.03],[H17.17.03.04]; Quyết định ban hành quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy được thay đổi ban hành mới cho phù hợp với đào tạo tín chỉ và phù hợp với công tác đào tạo trực tuyến

[H17.17.03.05]; quy định về công tác cố vấn học tập phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường [H17.17.03.06]; kết quả học tập của sinh viên được rà soát sau mỗi kỳ thi kết thúc học phần để đánh giá và đối sánh với kết quả điểm quá trình và với các phổ điểm môn học khác, với kết quả rà soát, đối sánh Phòng Đào tạo tham mưu cho hiệu trưởng ban hành hướng dẫn, bổ sung nội dung vào Quy định Đào tạo đại học, sau đại học phù hợp với mục tiêu đào tạo trong trường [H16.16.03.05]. Phòng học, giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm và các trang thiết bị kể cả bàn ghế được rà soát, kiểm kê tài sản, CSVC được thực hiện định kỳ 6 tháng/1 lần để đánh giá chất lượng, thời gian sử dụng, kịp thời thay thế, sửa chữa nhằm phục vụ nhu cầu học tập, sinh hoạt của sinh viên. Cơ sở vật chất, tài chính và đội ngũ cán bộ giảng viên sau khi rà soát được nhà trường báo cáo công khai cho cơ quan quản lý và cho toàn xã hội [H07.07.01.07]. Các hoạt động đào tạo, phục vụ sinh viên được camera giám sát và theo dõi trực tiếp của cán bộ thanh tra được Phòng Thanh tra tổng hợp báo cáo định kỳ tại cuộc họp giao ban chuyên môn để chấn chỉnh và khắc phục ngay trong tháng [H17.17.03.07]. Phần mềm quản lý đào tạo và giám sát kết quả học tập của sinh viên được nâng cấp, bổ sung các chức năng để người học sử dụng thuận tiện giúp cán bộ quản lý, giám sát hiệu quả hơn [H17.17.03.08]. Công tác phối hợp quản lý sinh viên ngoại trú như khâu kê khai nơi cư trú của sinh viên thực hiện cập nhật theo từng học kỳ để nhà trường theo dõi, giám sát và phối hợp với Công an quản lý sinh viên ngoại trú tốt hơn [H17.17.03.09].

Các phòng chức năng được giao nhiệm vụ phục vụ và hỗ trợ sinh viên như: phòng Đào tạo, Ban Sau đại học, phòng Công tác sinh viên, phòng Hợp tác doanh nghiệp, Trung tâm Khởi nghiệp, Phòng KHCN, Trung tâm Khởi nghiệp, Phòng Y tế, Trung tâm Văn thể mỹ, Trung Giáo dục thể chất & Quốc phòng, Đoàn thanh niên cuối học kỳ sơ kết, cuối năm học tổng kết, đánh giá các mảng công tác phục vụ, hỗ trợ sinh viên đồng thời đề xuất giải pháp và kế hoạch khắc phục công tác của đơn vị. Đồng thời tất cả các đơn vị phòng ban chức năng trên đều được sinh viên đánh giá nhận xét theo từng lĩnh vực phục vụ hỗ trợ người học. Qua các kênh rà soát trên, nhà trường có những kênh thông tin để kịp thời chấn chỉnh các tồn tại và đề ra giải pháp phù hợp phục vụ, hỗ trợ người học tốt hơn [H04.04.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ cũng như hệ thống giám sát người học trong Trường Đại học Duy Tân ngày càng được cải tiến, nâng cấp nhằm nâng cao chất lượng và tạo được sự hài lòng của sinh viên và đội ngũ cán bộ, giảng viên. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ được cải tiến. Điển hình như: Hệ thống thư viện được đầu tư, nâng cấp, hằng năm được bổ sung đầy đủ các đầu sách để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên và cán bộ giảng viên. Đặc biệt, nhà trường đã đầu tư mua 54 máy đọc sách hiện đại, kết nối với 05 CSDL lớn (ACM Digital Library, IEEE Xplore, Web of Science, ScienceDirect, SpringerLink, ProQuest Central) trong và ngoài nước, vận hành hệ thống phần mềm quản lý thư viện để bạn đọc được đăng ký mượn sách, gia hạn thời gian mượn sách bằng hình thức online. Việc cải tiến hệ thống quản lý thư viện và đầu tư thiết bị hỗ trợ (máy đọc sách) đã tạo sự hấp dẫn và thu hút bạn đọc ngày càng tăng, tạo được sự hài lòng đại của đa số sinh viên đến thư viện [H07.07.04.02], [H07.07.04.03].

Bảng 17. 1. Thống kê số lượng sinh viên đến thư viện qua 5 năm

DANH MỤC	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng sinh viên đến thư viện	11.996	12.106	14.064	16.390	14.147
Tỷ lệ	73,40%	81,60%	78,50%	65,57%	57,4%

Từ việc cấp giấy tờ phục vụ sinh viên (giấy xác nhận vay vốn ưu đãi, giấy xác nhận sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên để miễn giảm học phí, chứng nhận để hoãn nghĩa vụ quân sự đối với nam sinh viên...) bằng hình thức trực tiếp qua hình thức online đã giảm số lượt sinh viên đến Phòng Công tác sinh viên nhưng tăng được tần suất phục vụ người học, tạo được thuận lợi cho sinh viên. Đặc biệt trong mùa dịch Covid-19, phòng Công tác sinh viên đã tham mưu cho BGH cho thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và cấp giấy xác nhận trực tuyến cho người học tại Trường Đại học Duy Tân. Nhà trường kịp thời ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ sinh viên trong thời gian giãn cách xã hội cho nên mọi thủ tục yêu cầu của người học đều được phục vụ kịp thời trong ngày và không phải tốn thời gian và chi phí đi lại của phụ huynh

và người học [H17.17.04.01], [H17.17.04.02].

Bảng 17. 2. Thống kê số lượng phục vụ giấy tờ cho sinh viên

TT	DANH MỤC	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
01	Vay vốn	3.691	3.269	2.813	3.087	5.180
02	Trợ cấp học phí	1.739	3.774	2.997	2.316	3.753
03	Hoãn NVQS	3.893	4.649	5.413	6.134	7.522
04	Khác	2.064	1.694	1.785	1.524	1.456
	Cộng	11.387	13.386	12.711	13.061	17.914

Chế độ học bổng, miễn giảm học phí được nhà trường thay đổi, cải tiến cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, ngày càng tăng số lượng người học được thụ hưởng và tổng mức chi học bổng cũng tăng theo hằng năm (số tiền giảm học phí chưa cộng số tiền giảm 2%/ số tiền nộp học phí của những sinh viên đóng học phí trong tuần 1 và tuần thứ 2 của đầu học kỳ [H17.17.01.05],[H17.17.01.06].

Bảng 17. 3. Thống kê số lượng và số tiền cấp học bổng, khen thưởng
Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

Năm học	Học bổng		Khen thưởng		Miễn giảm học phí		Cộng	
	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
2016-2017	1199	1748	204	274	879	2022	2282	4044
2017-2018	1598	11535	330	814	427	668	2355	13017
2018-2019	1562	9015	239	398	392	712	2193	10125
2019-2020	1784	10615	237	351	157	3101	2178	14067
2020-2021	1028	10118	217	239	626	648	1871	11005
Cộng:	7171	43031	1227	2076	2481	7151	10879	52258

Trước năm học 2017-2018 các phiên Hội chợ việc làm được tổ chức chung cho tất cả các ngành. Từ năm học 2017-2018 do nhu cầu việc làm của ngành du lịch tăng cao nên mỗi năm nhà trường tổ chức 02 phiên Hội chợ việc làm, trong đó tổ chức riêng một

phiên Hội chợ việc làm cho ngành Du lịch. Sự quan tâm đổi mới cách làm đó đã giúp cho tỷ lệ người học có việc làm tăng theo từng năm [H17.17.04.04]

Bảng 17. 4.Số lượng sinh viên có việc làm hằng năm

DANH MỤC	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng sinh viên được ứng tuyển tại Hội chợ việc làm	2.179	2.257	2.539	1.436	2.124
Tỷ lệ sinh viên có việc làm bình quân	75,18%	94,41%	95,44%	95,22%	86,50%

Hệ thống giám sát người học như hệ thống camera, sổ đầu bài giấy và sổ đầu bài điện tử, phần mềm quản lý đào tạo được nâng cấp, cải tiến để theo dõi giám sát người học hiệu quả hơn. Thể hiện qua chỉ số tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tăng theo từng năm và ngược lại chỉ số tỷ lệ sinh viên cảnh báo kết quả học tập giảm.

Bảng 17. 5.Thống kê số lượng và tỷ lệ sinh viên cảnh báo học tập, thôi học, tốt nghiệp hằng năm

Năm học	Cảnh báo học tập		Thôi học		Tốt nghiệp	
2016-2017	631	4,10%	1528	9,93%	2889	72,41%
2017-2018	541	3,13%	2352	16,6%	3274	73,72%
2018-2019	806	4,24%	2280	12,03%	3270	82,10%
2019-2020	713	3,28%	2694	12,27%	3235	84,68%
2020-2021	455	2,15%	1803	8,52%	4709	92,46%

Qua khảo sát ý kiến sinh viên hằng năm từ Trung tâm ĐBCL cho thấy hơn 90% ý kiến sinh viên hài lòng về việc phục vụ và hỗ trợ học tập của nhà trường [H11.11.01.02].

Việc cải tiến đổi mới là việc làm thường xuyên, song song với việc khảo sát sinh viên và cựu sinh viên về hoạt động đào tạo cũng như công tác phục vụ hỗ trợ người học giúp cho nhà trường có thông tin phản hồi để thay đổi, củng cố, điều chỉnh công tác giám sát, hỗ trợ, phục vụ người học ngày càng tốt hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức:4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- CSVC được đầu tư, nâng cấp hằng năm phục vụ cho nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu và học tập cho người học; tạo được sự hài lòng của các bên liên quan.

- Là một trường đại học tư thục nhưng hằng năm nhà trường đã trích khoản kinh phí tương đối lớn để thực hiện công tác khen thưởng, cấp học bổng và niêm giảm học phí cho người học.

- Cấp giấy chứng nhận, xác nhận cho sinh viên bằng hình thức online giúp giảm chi phí đi lại và giải quyết nhanh chóng cho sinh viên.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nhà trường chưa có khu ký túc xá riêng, các sân chơi dành cho hoạt động văn hoá – văn nghệ còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Quy hoạch Đại học Duy Tân về dự án 32 héc ta. Để xây dựng KTX, Trung tâm văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao	BGH và HĐQT	Giai đoạn 2022-2027
2	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư CSVC hiện đại, ứng dụng công nghệ và công tác đào tạo, quản lý; tăng cường công tác tư vấn hỗ trợ người học, đa dạng hóa nguồn quỹ khen thưởng, học bổng, niêm giảm học phí để khuyến khích tinh thần vượt khó học tập đồng thời tạo điều kiện cho người học vượt qua các điều kiện khó khăn để học tốt.	BGH	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 17	4,50
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	4
Tiêu chí 17.4	4

Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động có liên quan đến nghiên cứu.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức quản lý việc thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động NCKH từ BGH đến các khoa. BGH cử 01 phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm và trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động. Phòng KHCN có chức năng tham mưu, tư vấn giám sát và là đầu mối quản lý các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ. Phòng KHCN có trách nhiệm quản lý tất cả các đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN các cấp của cán bộ, giảng viên, sinh viên, kiểm tra tiến độ theo đúng quy định và lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm giám sát, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các quy định đã ban hành trong toàn trường [H18.18.01.01]. Thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động NCKH của nhà trường còn có Hội đồng Khoa học & Đào tạo cấp trường, Hội đồng Khoa học cấp khoa. Các khoa có phân công cá nhân thực hiện, giám sát các hoạt động NCKH của khoa theo kế hoạch chung của nhà trường [H18.18.01.02]. Phòng KHCN đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên về công tác quản lý NCKH, sở hữu trí tuệ. Tất cả các hoạt động NCKH đều phải qua sự phê duyệt của khoa và sự phê duyệt của lãnh đạo trường [H18.18.01.03]. Nhà trường đã thành lập các viện nghiên cứu. Hiện nay có các viện nghiên cứu sau: Viện Nghiên cứu phát triển công nghệ, Viện Nghiên cứu kinh tế xã hội, Viện Nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng, Viện Nghiên cứu ứng dụng khoa học cơ bản và ứng dụng, Viện Sáng kiến sức khỏe toàn cầu [H18.18.01.04].

Phòng KHCN đã tham mưu cho BGH trong việc ban hành chính sách về NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên trong toàn trường như chính sách về tính giờ chuẩn khối lượng NCKH trong giảng viên và sinh viên, hỗ trợ kinh phí viết đăng các công bố trong nước và quốc tế. Khen thưởng các công bố quốc tế, khen thưởng NCKH trong sinh viên. Bên cạnh về chính sách khen thưởng, nhà trường còn ban hành quy định về tính điểm thi đua hàng năm cho cán bộ, giảng viên có công trình nghiên cứu cũng như hướng dẫn sinh viên tham gia NCKH và định kỳ hàng năm kiểm tra, rà soát các hoạt động này [H18.18.01.05].

Trường đã ban hành Quyết định số 473/QĐ-ĐHDT ngày 13/3/2013 Quy chế quản lý đề tài, dự án khoa học và công nghệ, Quyết định 3666/QĐ-ĐHDT ngày 01/11/2017

ban hành để cải tiến về chế độ, kinh phí, quy trình thực hiện hoạt động KHCN của giảng viên, Quyết định 6530/QĐ-ĐHDT ngày 29/12/2018 Quy định thực thi đạo đức trong NCKH ở Trường Đại học Duy Tân, Quyết định 5323/QĐ-ĐHDT ngày 31/12/2020 Bảng đánh giá thi đua cho hoạt động NCKH, Quyết định 4540/QĐ-ĐHDT ngày 09/11/2021 Quy định hoạt động NCKH của sinh viên. Xây dựng Quy chế phối hợp trường - viện quy định hướng dẫn công tác quản lý như: quy định về đề xuất, quy trình quản lý và thực hiện đề tài, dự án các cấp, dự án hợp tác quốc tế về hoạt động KHCN, tham gia tổ chức hội thảo hội nghị, công tác thông tin và quản lý thông tin khoa học. Nhà trường đã ban hành quy định đánh giá đề tài từ cấp các đơn vị đến cấp trường. Những đề tài nghiên cứu của sinh viên và giảng viên được hội đồng khoa học khoa đánh giá thông qua, nếu đạt thì hồ sơ cấp các đơn vị gửi lên Phòng KHCN tiến hành đánh giá cấp trường thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo trường [H18.18.01.06]. Nhà trường đã ban hành sổ tay quy trình để quản lý các hoạt động NCKH như quy trình quản lý đề tài các cấp, quy trình quản lý đề tài cấp trường của giảng viên, quy trình quản lý đề tài sinh viên, quy trình đăng ký giáo trình, quy trình nghiệm thu đề tài, giáo trình [H18.18.01.07].

Nhà trường đã ban hành Quyết định 6875/QĐ-ĐHDT ngày 31/12/2021 về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Trường Đại học Duy Tân đến năm 2025 trên cơ sở Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn từ năm 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025 – 2030 [H18.18.01.08]. Để triển khai kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, hàng năm nhà trường đều thông báo tới các đơn vị lập dự toán kinh phí dựa vào kế hoạch năm; Phòng Kế hoạch tài chính tổng hợp dự toán kinh phí hoạt động KHCN của năm. Trên cơ sở đó, BGH quyết định phân bổ dự toán kinh phí cho hoạt động KHCN hàng năm. Phòng Kế hoạch tài chính phối hợp với đơn vị liên quan giúp hiệu trưởng thực hiện lập kế hoạch, dự toán phân bổ kinh phí hàng năm cho hoạt động NCKH, tạm ứng kinh phí nghiên cứu đề tài theo đề cương đã được phê duyệt. Kế hoạch dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH hàng năm được nhà trường phê duyệt [H18.18.01.09].

Bảng 18. 1. Bảng dự trù kinh phí các hoạt động KHCN hàng năm

Năm học	Ngân sách (đồng)
---------	------------------

2016-2017	3.800.000.000
2017-2018	4.100.000.000
2018-2019	4.620.000.000
2019-2020	5.452.000.000
2020-2021	6.170.000.000
2021-2022	7.500.000.000
Cộng:	31.642.000.000

Đánh giá các công bố quốc tế theo các chỉ tiêu bao gồm: số lượng bài báo, số trích dẫn/bài báo, uy tín về học thuật đối với các học giả bên ngoài trường, số lượng các giải thưởng có uy tín về NCKH. Đối với các đề tài NCKH, các tiêu chí để đánh giá như mức độ hoàn thành so với thuyết minh đã được duyệt, giá trị khoa học, giá trị ứng dụng, chất lượng báo cáo tổng kết. Về số lượng hoạt động NCKH, số giờ chuẩn hoạt động của mỗi giảng viên được thực hiện theo quy định về chế độ làm việc của giảng viên. Các sản phẩm trí tuệ thuộc sở hữu của Trường Đại học Duy Tân khi công bố phải ghi đầy đủ tên, địa chỉ của Trường. Để theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng các NCKH một cách có hiệu quả, nhà trường giao cho Phòng KHCN là cơ quan chuyên trách và là đầu mối tổ chức thực hiện các Hội đồng thẩm định các đề tài cấp trường, Hội đồng nghiệm thu cấp trường và có nhiệm vụ báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động NCKH trong các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng [H18.18.01.10]. Hoạt động quản lý KHCN của nhà trường được ban hành một cách đầy đủ và giám sát chặt chẽ trong những năm qua.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng CSGD.

Để tăng nguồn thu cho hoạt động KHCN, nhà trường đã có những giải pháp trong kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường rất cụ thể. Các kế hoạch chiến lược phát triển CSVN – tài chính, đã tiếp tục cụ thể hóa nội dung phát triển nguồn thu về KHCN của chiến lược phát triển trường với các chỉ tiêu được xác định cho cả giai đoạn và từng năm. Nguồn hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài: Trong 05 năm, nhà trường đã thực hiện

được 39 đề tài Nafosted, 02 đề tài cấp tỉnh, thành phố, 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài Nghị định thư, 01 dự án viện trợ trong nước [H18.18.02.01].

Bảng 18. 2 .Bảng Số lượng và kinh phí đề tài qua các năm

Năm học	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	Tổng Kinh phí (trđ)
Đề tài Nafosted	10	11	9	9	0	33.355
Đề tài cấp Nhà nước	0	1	0	0	0	5.460
Đề tài cấp tỉnh, thành phố	0	1	1	0	0	1.250
Đề tài Nghị định thư	0	0	1	0	0	3.200
Dự án tài trợ trong nước	0	0	0	1	0	5.000
Tổng	10	13	11	10	0	48.265

Về hoạt động chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu: từ năm 2017-2021 nhà trường đã có 16 bằng độc quyền sáng chế được Cục Sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước cấp bằng [H18.18.02.02].

Số lượng bằng sáng chế trong nước và quốc tế tăng dần qua các năm, cụ thể các năm sau:

Bảng 18. 3. Số bằng sáng chế được cấp

Loại	Năm					Tổng
	2017	2018	2019	2020	2021	
Bằng sáng chế		1	1	5	8	16

Trường đã thành lập 05 nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm các chuyên gia có trình độ, uy tín, kinh nghiệm trong và ngoài trường. Các nhóm đã thực hiện các đề tài và viết bài báo quốc tế [H18.18.02.03]. Về chính sách thu hút cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia NCKH, nhà trường đã cấp kinh phí cho đề tài cấp cơ sở với mức tối thiểu và

tối đa được quy định trong quy chế quản lý khoa học. Nhà trường có chính sách khen thưởng các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế. Đối với việc thu hút người học tham gia hoạt động NCKH, nhà trường đã ban hành quy định quản lý NCKH sinh viên, hỗ trợ theo từng mức xếp loại được quy định, sinh viên tham gia NCKH sẽ được tính điểm vào kết quả rèn luyện hàng năm. Trường hợp sinh viên xét tham gia các giải thưởng và đạt giải thì được khen thưởng bằng nhiều hình thức giá trị do hiệu trưởng quyết định trong từng năm học [H18.18.02.04].

Kết quả của hoạt động hợp tác, đối tác nghiên cứu giai đoạn 2017-2021 thể hiện qua các kết quả sau:

Bảng 18. 4.Số lượng hợp đồng (HĐ) hoặc thỏa thuận hợp tác (MoU) nghiên cứu ký kết với các tổ chức, cá nhân

Năm	Số lượng MoU với các tổ chức	Số lượng hợp đồng với các cá nhân
2017	0	43
2018	0	33
2019	1	147
2020	1	287
2021	1	19

Theo báo cáo hàng năm của Phòng KHCN, các kế hoạch đề ra đều đã được thực hiện, như công bố trong nước, công bố quốc tế; riêng các đề tài NCKH của giảng viên tỷ lệ nghiệm thu trên cơ sở đăng ký nhiệm vụ không đạt được 100%.

Bảng 18. 5.Bảng thống kê tỷ lệ nghiệm thu đề tài qua các năm

Năm học	Tỷ lệ nghiệm thu				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Đề tài NCKH của cán bộ, giảng viên	55 %	60%	65%	45%	40%
Đề tài NCKH của sinh viên	95%	90%	94%	80%	75%

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 18.3 Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Nhằm đảm bảo chất lượng và số lượng công bố khoa học theo yêu cầu về xếp hạng quốc tế. Nhà trường gắn hoạt động NCKH với các hoạt động cung ứng dịch vụ, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KHCN, ưu tiên các nghiên cứu gắn với đào tạo tiến sĩ, các nghiên cứu tạo ra sản phẩm ứng dụng mang thương hiệu Duy Tân. Nhà trường đã xây dựng các KPIs về số lượng và chất lượng nghiên cứu như số lượng công bố quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus năm sau cao hơn năm trước như năm 2022 là 400 bài đến năm 2023 là 450 bài, và đến năm 2025 là 500 bài. Số lượng đề tài cấp bộ năm 2022 là 10 đề tài, đến năm 2023 là 12 đề tài, và đến năm 2025 là 14 đề tài. Số lượng tạp chí chuyên ngành tính điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước năm 2022 là 80 bài, đến năm 2023 là 90 bài, và đến năm 2025 là 100 bài [H18.18.03.01].

Chất lượng của các NCKH thể hiện trong các phiếu nhận xét, phiếu đánh giá nhiệm vụ NCKH; biên bản của hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ NCKH; thống kê của giờ khoa học của giảng viên, sinh viên; kết quả kiểm tra tiến độ các đơn vị. Dựa trên quy định về quản lý khoa học công nghệ, các chỉ số để đánh giá chất lượng nghiên cứu như mức điểm đạt sau khi nghiệm thu đề tài, đầu ra cho kết quả nghiên cứu bắt buộc phải đăng báo trên các tạp chí chuyên ngành hoặc bài báo đăng trên tạp chí DTU. [H18.18.03.02].

Để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu, nhà trường xác lập theo dõi chỉ tiêu bài báo quốc tế, tham luận tại hội nghị, hội thảo trên hệ thống Scopus theo các tiêu chí: số bài báo trên số giảng viên; số trích dẫn trên bài báo; mức độ uy tín về học thuật, số lượng công trình hợp tác nghiên cứu với các trường trong Top 500 QS Ranking. Cuối mỗi năm, nhà trường tiến hành họp, tổng kết đánh giá kết quả của hoạt động NCKH về số lượng chất lượng nghiên cứu đã hoàn thành so với KPIs đã đề ra, đánh giá việc thực hiện các KPIs về nhân lực, kinh phí đầu tư và mở rộng về hợp tác KH&CN.

Bảng 18. 6. Bảng Số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2017-2021

STT	Phân loại đề tài	2017	2018	2019	2020	2021
1	Đề tài cấp Nhà nước				1	

2	Đề tài cấp Bộ	6	3	13	7	27
3	Đề tài cấp Trường	76	88	49	45	78
	Tổng cộng	82	91	62	53	105

Bảng 18. 7. Bảng Số lượng công bố quốc tế

STT	Phân loại tạp chí	Số lượng				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Tạp chí thuộc Danh mục ISI	343	495	1.034	2.481	1.280
2	Tạp chí thuộc Danh mục Scopus	17	18	76	70	10
3	Khác	16	38	39	33	8
	Tổng	376	551	1.149	2.584	1.298

Bên cạnh những mặt đạt được, tồn tại cần khắc phục đó là đội ngũ cán bộ khoa học vẫn chưa đủ đáp ứng yêu cầu về năng lực đề xuất và giải quyết vấn đề nghiên cứu lớn tầm quốc gia, khu vực và quốc tế. Các nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu cơ bản, thiếu nghiên cứu thực nghiệm và vẫn còn nhiều khó khăn trong việc chuyển giao công nghệ cho các nghiên cứu ứng dụng. Công tác nghiên cứu trong giảng viên vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy được nội lực trong công tác nghiên cứu ở các đơn vị đào tạo. Nguồn tài chính phục vụ cho nghiên cứu đang gặp nhiều khó khăn; phần lớn nguồn kinh phí này phụ thuộc vào nguồn thu từ học phí của sinh viên, chưa đa dạng các nguồn thu. Bộ phận nhân sự của trường thực hiện theo dõi các hoạt động nghiên cứu của cán bộ, giảng viên theo các chính sách về NCKH của trường và thi đua xếp loại cuối năm làm cơ sở để tính lương cho năm sau [H18.18.03.03].

Để có cơ sở đánh giá hiệu quả của hoạt động NCKH, hằng năm nhà trường thực hiện đối sánh kết quả nghiên cứu của đội ngũ giảng viên thông qua nhiều kênh: (a) đánh giá nội bộ thông qua công tác sơ kết, tổng kết NCKH; công tác thi đua NCKH; các Hội nghị NCKH giảng viên, Hội nghị NCKH sinh viên; qua đó phân tích đối sánh so với kỳ trước/năm trước, cũng như đề ra chiến lược phát triển cho kỳ sau/ năm sau, (b) sự ghi nhận thành tích NCKH của ngoài xã hội như: Sở KH-CN thành phố Đà Nẵng trao tặng bằng khen cho các cá nhân có thành tích nghiên cứu xuất sắc nhiều năm liền; các giải thưởng KH-CN quốc gia như Giải nhất Nhân tài Đất Việt 2017, giải thưởng Sao Khuê

2018...; (c) sự ghi nhận thành tích NCKH ở cấp độ quốc tế, thông qua việc nhà trường lọt Top 351-400 các trường đại học Châu Á theo QS Ranking, và xếp 601-700 thế giới theo tổ chức xếp hạng Shanghai Ranking. Tháng 10/2021, lần đầu tiên trường được tổ chức xếp hạng uy tín nhất thế giới, Times Higher Education (THE), xếp vào Top 401-500 các trường đại học tốt nhất thế giới cho năm 2022.

Bảng 18. 8 Bảng thống kê giải thưởng trong các cuộc thi KHCN của giảng viên và SV

Năm	Giải thưởng của GV	Giải thưởng của SV
2016	5	54
2017	2	12
2018	4	51
2019	5	22
2020	1	16
Tổng	17	155

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học

Công tác NCKH được nhà trường tổng kết hàng năm nhằm rút ra những mặt đạt được, những yếu kém, hạn chế và hướng khắc phục. Nhà trường có khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và sinh viên về hoạt động NCKH về các nội dung như: quy định, quy trình trong công tác quản lý KHCN; thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động NCKH; việc tìm kiếm nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN; hoạt động hợp tác với đối tác trong NCKH, hoạt động cải tiến trong công tác quản lý KHCN; các chính sách về KHCN [H18.18.04.01]. Kết quả khảo sát các năm cho thấy:

- Số lượng đề tài NCKH ngoài trường ngày càng tăng.
- Chất lượng các bài báo công bố quốc tế tăng qua các năm từ Q3 -> Q2 -> Q1. Chất lượng các công bố quốc tế được thể hiện qua các Quyết định khen thưởng của thành phố Đà Nẵng hàng năm, qua các kết quả xếp hạng về KHCN quốc tế hàng năm [H18.18.04.02].
- Nhà trường đã xây dựng bảng chấm điểm thi đua cho hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên. Đây là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, cũng như khen thưởng cho cán bộ, giảng viên có thành tích trong NCKH. Đồng thời là tiêu chí để xác định đơn giá lương cho cán bộ, giảng viên trong năm học tiếp theo [H18.18.04.03].

Nhằm cải tiến về số lượng lẫn chất lượng hoạt động NCKH, năm học 2020-2021 Phòng KHCN đã tham mưu cho BGH tăng điểm thi đua cho giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài NCKH, tổ chức thêm các cuộc thi khởi nghiệp trong trường; dự các cuộc thi trong và ngoài trường; giúp tăng thêm nhiều đề tài NCKH sinh viên có chất lượng và gắn với thực tiễn.

- Tạp chí KHCN của trường không ngừng nâng cấp.

Quy định Quản lý hoạt động nghiên cứu KH&CN không ngừng điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới như quy chế chỉ tiêu nội bộ điều chỉnh: tăng mức hỗ trợ cho đề tài NCKH sinh viên cấp trường; tăng mức chi bài báo quốc tế có chỉ số ISI/Scopus; ban hành quy định về đạo đức trong NCKH, quyền sở hữu trí tuệ và chống sao chép trong NCKH của cơ quan quản lý cấp trên, nhà trường ban hành các Quy định về một số tiêu chuẩn đạo đức trong hoạt động KH&CN. Các chỉ số về hoạt động NCKH được thiết lập, giám sát theo tháng/năm, và lưu đầy đủ trong CSDL của Trường. Đối với bài báo quốc tế ISI hoặc Scopus, nhà trường sử dụng CSDL Scopus và CSDL Web of Science để trích xuất dữ liệu bài báo, chỉ số IF và trích dẫn; đồng thời xây dựng CSDL nội bộ nhằm theo dõi, phân tích, đánh giá số lượng và trích dẫn của các bài báo. Nhằm nâng cao công tác NCKH của đội ngũ giảng viên trẻ, nhà trường đã xây dựng tạp chí KH&CN của Duy Tân với 05 ngành đã lọt vào danh mục tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư. Bên cạnh đó, nhà trường cũng xây dựng tạp chí EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems hiện đã được CSDL Scopus chỉ mục.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường đã lập ra các viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh đảm bảo được các yêu cầu của NCKH, công bố quốc tế. Nhà trường đã đầu tư CSVC cho nghiên cứu rất lớn, huy động được lực lượng nghiên cứu trong và ngoài nước, hình thành các nhóm nghiên cứu có hướng đi rất cụ thể.

- Số lượng đề tài bên ngoài tăng qua các năm tạo thêm nguồn thu cho nhà trường.

- Nhà trường đã xây dựng được hệ thống chấm điểm thi đua về hoạt động NCKH. Đây là căn cứ để cán bộ, giảng viên thực hiện nhiệm vụ NCKH, vừa là động lực để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ và đạt mức khen thưởng của nhà trường đề ra.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Nguồn thu từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu chưa đảm bảo yêu cầu.
- Nhà trường chưa thiết lập kênh phản hồi hoàn chỉnh từ phía xã hội nhằm đẩy mạnh chất lượng nghiên cứu phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn nhằm tăng nguồn thu	Phòng KHCN phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường	Giai đoạn 2021-2025
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kênh thông tin nhằm lấy ý kiến phản hồi từ phía xã hội về hoạt động NCKH	Phòng KHCN	Giai đoạn 2021-2025
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư và tạo thuận lợi cho đội ngũ nghiên cứu nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, công bố trên các tạp chí chuyên ngành để tăng vị thế và chất lượng đội ngũ của trường	BGH	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 18	4,50
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	4

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

Nhà trường giao cho phòng KHCN là đầu mối chủ trì tổ chức, quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ (CGCN), các dịch vụ KHCN cũng như hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền, kết quả nghiên cứu của nhà trường; có trách nhiệm xác định các kết quả nghiên cứu có thể đăng ký sở hữu trí tuệ và làm đầu mối giao dịch với Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam trong việc xử lý đơn, cấp bằng sở hữu trí tuệ. Phòng KHCN là đơn vị chuyên trách hỗ trợ, tư vấn cho các hoạt động liên quan đến tài sản trí tuệ, bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên, điều này được thể hiện rõ ở phần 2.3 và phần 2.9 (khoản f) về Quản lý khoa học, công nghệ và thông tin KHCN trong văn bản Chức năng - Nhiệm vụ Phòng Quản lý khoa học (nay là Phòng KHCN) được ban hành trong Quyết định kèm theo [H19.19.01.01].

Nhà trường đã ban hành quy định cụ thể về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế; quy định trách nhiệm của các bộ phận/cơ quan chức năng và cá nhân trong thực hiện quyền bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi nhà trường; tất cả nằm trong Quy định số 3666 (Điều 15-Quản lý và sử dụng sản phẩm trí tuệ) của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân. Theo quy định này, để công bố và bảo vệ các sản phẩm sở hữu trí tuệ của cán bộ, giảng viên, sinh viên hoặc đơn vị có yêu cầu công bố và bảo vệ các sản phẩm sở hữu trí tuệ cần liên lạc tới cán bộ phụ trách quản lý tài sản trí tuệ của Phòng KHCN để đánh giá sản phẩm và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết (trường hợp sản phẩm có tính khả thi/tính mới) để nộp tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Sở hữu trí tuệ và Cục Bản quyền tác giả), công nhận quyền tác giả hoặc cấp bằng sáng chế hoặc chứng nhận đăng ký nhãn hiệu [H19.19.01.02], [H19.19.01.03].

Trường Đại học Duy Tân có chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu được quy định trong Điều 16 của Quyết định số 3666, nhà trường hỗ trợ đóng 100% lệ phí nộp bản quyền Sở hữu trí tuệ. Để hỗ trợ các tổ chức/cá nhân trong giai đoạn chuẩn bị và khai thác thương mại hoá các đề tài

NCKH hàng năm nhà trường có các chính sách cụ thể như: Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài NCKH các cấp tối thiểu từ 0,5 triệu đến 1,5 triệu đồng; tính thành tích quy đổi thành giờ cho cán bộ, giảng viên, xét thi đua - khen thưởng; hỗ trợ cho các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế bằng quy đổi số giờ chuẩn/bài để hỗ trợ kinh phí ngoài mức quy định; hỗ trợ kinh phí để cán bộ, giảng viên viết và xuất bản các giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo...; hỗ trợ kinh phí cho đề án khởi nghiệp; hỗ trợ một phần kinh phí đăng kí bảo hộ quyền tác giả, hỗ trợ kinh phí cho CGCN. Trong 05 năm qua, nhà trường đã có 01 giải pháp hữu ích và 16 sản phẩm sáng chế đã đăng ký bảo hộ được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn hợp lệ.

Trường có quy trình công bố, theo dõi và công bố kết quả nghiên cứu, quy định việc khai thác tài sản trí tuệ được quy định trong Điều 17 của Quyết định 3666. Việc khai thác, thương mại hoá tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại hoá/phi thương mại hoá và hướng dẫn trích dẫn) được nhà trường thực hiện theo Quy định quản lý hoạt động KHCN, bao gồm các hình thức khai thác; quy định công bố, quyền và nghĩa vụ về khai thác tài sản trí tuệ của cán bộ, giảng viên; các quy định về chuyển giao tài sản trí tuệ; hoạt động xúc tiến thương mại các tài sản trí tuệ; khai thác và phân bổ lợi ích, lợi nhuận, hướng dẫn quy trình đăng ký tài sản trí tuệ và hướng dẫn về việc trích dẫn tài liệu tham khảo, sao chép;... [H19.19.01.01], [H19.19.01.02], [H19.19.01.03], [H19.19.01.04], [H19.19.02.01], [H19.19.02.02], [H19.19.02.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Trường có các quy trình: Quy trình đăng ký nhãn hiệu, đăng ký bản quyền tác giả, đăng ký sở hữu sáng chế, Quy định sử dụng sản phẩm sở hữu trí tuệ được công bố trên trang <http://pkhcn.duytan.edu.vn/vi-vn/so-huu-tri-tue/>. Các quy trình trên dựa vào Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT (Quyết định số 78/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008), việc thực hiện đăng ký bảo hộ các tài sản trí tuệ được tuân thủ theo các quy trình và quy định của Nhà nước [H19.19.02.01], [H19.19.02.02].

Trường đã phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, giảng viên các quy

định về quyền sở hữu trí tuệ (như đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ, giảng viên) thông qua việc điều động cán bộ chuyên trách tham gia các buổi tập huấn do Sở KHCN thành phố Đà Nẵng phối hợp với Văn phòng Đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Đà Nẵng tổ chức, sau đó phổ biến lại cho các cán bộ, giảng viên trong trường khi có nhu cầu cần tư vấn thông tin. Các quy định về quyền sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên được Phòng KHCN chủ trì tổ chức phổ biến và hướng dẫn đến các khoa chuyên môn, các cán bộ, giảng viên qua nhiều kênh: công văn điện tử, qua email; các quy định về quyền tác giả đối với bài viết khoa học được nhà trường công bố hằng năm trong các thông báo viết bài cho Hội nghị khoa học của Trường; hệ thống mẫu biểu về đăng ký bản quyền, quyền sở hữu công nghiệp, công nhận sản phẩm KHCN,... được công khai trên website của nhà trường [H19.19.02.02].

Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ hiện đang được lưu trữ dưới dạng file Excel và được cụ thể hóa bằng quy trình, thủ tục thực hiện đăng ký sáng chế sản phẩm tại Trường Đại học Duy Tân (từ lúc đăng ký đến sau khi đã công bố bằng sáng chế/giải pháp hữu ích). Việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác lợi ích từ tài sản trí tuệ được thực hiện theo quy định như: các giáo trình, luận văn, luận án, các công bố khoa học có bản cứng, bản mềm và danh sách do Phòng KHCN quản lý theo dõi; các công bố khoa học trong nước và quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của các tạp chí và tổ chức công bố trong nước và quốc tế; các sách, tài liệu sau khi được nghiệm thu và phê duyệt, được lưu trữ tại thư viện. Nhận dạng các kết quả nghiên cứu được đăng ký sở hữu trí tuệ trong danh mục sản phẩm đăng ký của đề tài cũng như trong kết luận, đánh giá của các hội đồng nghiệm thu các đề tài, dự án, các ấn phẩm khoa học, các đăng ký cấp giấy chứng nhận hoàn thành thực hiện đề tài/dự án. Các sản phẩm trí tuệ đều có bản quyền tác giả; xuất bản các tạp chí, thông báo khoa học theo đúng Luật Xuất bản. Các sáng chế, giải pháp hữu ích được các tổ chức/cá nhân nộp đơn đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ theo đúng quy định của pháp luật [H19.19.01.02], [H19.19.02.01], [H19.19.02.03]. Sau khi được hỗ trợ các thủ tục bảo hộ và được cấp văn bằng sáng chế, sản phẩm trí tuệ được cấp văn bằng được ghi nhận vào hệ thống theo dõi của Phòng KHCN để rà soát, phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ. Bên cạnh các thông tin từ Cục Sở hữu trí tuệ thì nhà trường cũng lập danh mục, quản lý sử dụng tài sản trí tuệ,

trong giai đoạn 2011-2016 nhà trường chưa có công trình sáng chế nhưng đến giai đoạn 2016-2020 thì nhà trường đã có được 16 bằng sáng chế (trong và ngoài nước) là kết quả của việc hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách. Tính đến nay hệ thống theo dõi bằng sáng chế Việt Nam của Cục Sở hữu trí tuệ đã ghi nhận 03/16 phát minh sáng chế trong nước của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Duy Tân. Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ đã quy định rõ việc xây dựng và lưu trữ CSDL NCKH và tài sản trí tuệ, trong đó xác định các chỉ số chính đánh giá hoạt động NCKH; lưu trữ dữ liệu về số lượng, thông tin liên quan đến các kết quả đánh giá sở hữu trí tuệ; giao nhiệm vụ cho Phòng KHCN chủ trì xây dựng và phối hợp với Thư viện trường lưu trữ CSDL tài sản trí tuệ. Toàn bộ CSDL về tài sản trí tuệ được lưu trữ trong hệ thống lưu trữ của Phòng KHCN, thư viện. Việc kiểm tra, rà soát các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ được thực hiện thông qua việc kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ NCKH của cán bộ, giảng viên và sinh viên do Phòng KHCN, các tiểu ban nghiệm thu, đánh giá thống nhất và được quy định tại Quy định quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ. Tính đến nay, nhà trường chưa phát hiện trường hợp nào xâm phạm về quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phần mềm để rà soát phát hiện các vi phạm về sở hữu trí tuệ [H19.19.01.02], [H19.19.02.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Từ năm 2017 đến nay, Phòng KHCN đã thực hiện 02 lần rà soát (2016-2017, 2018-2019), tổng hợp các tài sản trí tuệ hiện có về công bố khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên và cập nhật, làm thủ tục gia hạn các sáng chế được thể hiện trong các báo cáo năm học của phòng. Để thực hiện kế hoạch rà soát, chuyên viên chuyên trách của Phòng KHCN có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu việc thực hiện và báo cáo kết quả hoạt động NCKH, đánh giá mức độ hoàn thành và việc bảo hộ, đăng kí quyền sở hữu các sản phẩm sở hữu trí tuệ (các đề tài NCKH, các công bố khoa học, các sách, giáo trình, tài liệu; các sáng chế, giải pháp hữu ích...; xuất bản các tạp chí, thông báo khoa học) thông qua các buổi nghiệm thu đề tài theo định kỳ, các chứng nhận quyền sở hữu. Việc rà soát các số liệu về hoạt động KHCN được đối chiếu, phân tích, so sánh dữ liệu với kế hoạch hàng năm. Kết quả kiểm tra, rà soát đã chỉ ra những quy định còn thiếu,

cần ban hành, chỉ ra những chỉ tiêu chưa thực hiện được và chỉ ra nguyên nhân từ đó đề ra giải pháp khắc phục, điều chỉnh, cải tiến, bổ sung cho phù hợp [H19.19.02.02], [H19.19.03.01].

Hàng năm, nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá thực hiện các hoạt động NCKH hàng năm (bao gồm công tác quản lý tài sản trí tuệ). Hoạt động này giúp cho đơn vị, cán bộ, giảng viên tổ chức tốt việc thực hiện các hoạt động NCKH trong năm học được kịp thời, đúng tiến độ và đảm bảo chỉ tiêu đề ra. Hoạt động tổng kết, đánh giá kết quả NCKH (bao gồm hoạt động sở hữu trí tuệ) hàng năm được nhà trường công khai tại các cuộc họp tổng kết của nhà trường; qua đó tiếp nhận các ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về công tác quản lý tài sản trí tuệ, công tác NCKH đặc biệt là những nội dung hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động này. Việc tổng kết đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ được thực hiện vào năm học 2016-2017 và 2018-2019 Phòng KHCN đã hoàn thành hồ sơ đăng ký sáng chế và được Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ KHCN chấp nhận đơn hợp lệ cho 03 sáng chế, từ 2019 đến nay nhà trường tiếp tục hoàn thành hồ sơ đăng ký và được chấp nhận đơn hợp lệ cho 14 sản phẩm sáng chế, giải pháp hữu ích, nâng tổng số sản phẩm được cấp bằng sáng chế là 16 và 01 giải pháp hữu ích được công nhận trong và ngoài nước [H19.19.02.04]. Những năm gần đây do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên các hoạt động đánh giá và đăng ký sáng chế sản phẩm sở hữu trí tuệ bị ảnh hưởng đáng kể.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Vì mục đích bảo hộ tối đa các sản phẩm, tài sản trí tuệ, công tác quản lý được cải tiến liên tục phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nhà trường và mục tiêu, định hướng từng thời kỳ, cụ thể:

- Từ năm 2019, Phòng KHCN đã bắt đầu quản lý các tài sản sở hữu trí tuệ: Các văn bằng sáng chế, phát minh cần bảo hộ; Các hoạt động liên quan đến công bố khoa học, xuất bản sách/ giáo trình được giao quản lý bởi Phòng KHCN [H19.19.01.02].

- Đầu năm 2021, phòng KHCN đã từng bước chuyên nghiệp bộ phận chuyên trách về quản lý các tài sản sở hữu trí tuệ, các văn bằng sáng chế, phát minh giao nhiệm vụ

cho bộ phận này xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá và cải tiến các quy trình về sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở rà soát, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ và những ý kiến phản hồi của các ban liên quan trong quá trình thực hiện từ năm 2019 đến năm 2021, Phòng KHCN tham mưu nhà trường những điều chỉnh, bổ sung các văn bản, các quy định, quy trình nghiệp vụ thực hiện hoạt động NCKH của cán bộ, giảng viên không phù hợp, còn thiếu như: đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của giảng viên; Quy định về thực thi đạo đức trong NCKH; Quy định hoạt động NCKH của sinh viên. Trong đó quy định rõ việc công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu; hướng dẫn trích dẫn tài liệu tham khảo nhằm hướng dẫn, xác lập việc cán bộ, giảng viên, sinh viên không vi phạm quyền tác giả. Nhờ các quy định này mà các khoa, cán bộ, giảng viên, sinh viên đã triển khai tốt việc nộp lưu chiểu các đề án, khóa luận, luận văn, luận án, báo cáo đề tài NCKH; thực hiện đúng quy trình hướng dẫn trích dẫn tài liệu tham khảo (thể hiện trong nhận xét và biên bản họp hội đồng chấm luận văn, luận án, báo cáo đề tài NCKH; thực hiện đúng quy định hướng dẫn trích dẫn tài liệu tham khảo (thể hiện trong nhận xét và biên bản họp hội đồng chấm luận văn, luận án); chưa có hiện tượng vi phạm quyền tác giả. Qua thực hiện cải tiến công tác sở hữu trí tuệ cho thấy: nhận thức của cán bộ, giảng viên, sinh viên về quyền sở hữu trí tuệ được nâng lên; chưa có bất cứ phản hồi nào về việc vi phạm sở hữu trí tuệ trong cán bộ, giảng viên và sinh viên; CSDL về sản phẩm trí tuệ được lưu trữ ngày càng tăng lên [H19.19.01.02], [H19.19.02.03], [H19.19.04.02], [H19.19.04.03], [H19.19.04.04].

Những năm qua các hoạt động quản lý tài sản trí tuệ đều thực hiện đúng quy trình, đáp ứng được nguyện vọng của các bên liên quan và không gặp phải các trường hợp khiếu kiện nào. Ngoài ra, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm tài sản trí tuệ được triển khai ứng dụng trong thực tế; cụ thể năm 2017 sản phẩm Máy đóng nan lô sau khi hoàn thành đăng ký sáng chế đã được áp dụng tại nhà máy thông tin M3 thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội - Viettel. Nhờ đó, trường vinh dự được UBND thành phố Đà Nẵng tặng bằng khen cho sản phẩm sáng chế này. Nhà trường hiện đang nằm trong nhóm 12 trường đại học/Viện của mạng lưới IP-Hub, đây là mạng lưới được hình thành bởi tổ chức sở hữu trí tuệ Thế Giới - WIPO (cơ quan chuyên môn thuộc Liên Hợp Quốc), theo đó các tài sản trí tuệ trong nhà trường sẽ được quản lý để hỗ trợ các vấn đề về thương mại hóa và đăng ký sáng chế từ đó việc ghi nhận và khuyến khích

hoạt động NCKH, cho ra đời các sản phẩm sở hữu trí tuệ cũng được thay đổi cho phù hợp với tình hình phát triển NCKH chung và hướng phát triển các loại hình NCKH mới, nhận được những phản hồi tích cực từ cán bộ, giảng viên trong nhà trường thông qua kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ vào đầu năm 2022 theo hình thức trực tuyến, thu nhận được 30 phiếu phản hồi từ các bên liên quan, theo đó 28/30 phiếu hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ của nhà trường [H19.19.01.02], [H19.19.04.01], [H19.19.04.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường có số lượng bằng phát minh sáng chế tăng mạnh trong những năm gần đây, gồm cả các bằng phát minh sáng chế được cấp ở nước ngoài.
- Nhà trường là 1 trong số 12 thành viên được tổ chức WIPO lựa chọn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc thương mại hóa các tài sản trí tuệ còn hạn chế.
- Hệ thống cầu nối thị trường và xúc tiến thương mại còn yếu.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	- Tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, khách hàng. - Tổ chức các hoạt động quảng bá tài sản trí tuệ của nhà trường.	Phòng KHCN, Phòng Hợp tác DN	Quý III/2022
2	Khắc phục tồn tại 2	- Phối hợp với WIPO, Cục xúc tiến thương mại- Bộ KHCN trong việc kết nối với thị trường và tiêu thụ sản phẩm. - Chủ động xây dựng sàn thương mại chuyển giao công nghệ và phối	Phòng KHCN. Phòng Hợp tác DN	Quý III/2022

		hợp nhiều đơn vị liên quan.		
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục giao đơn vị chuyên trách hỗ trợ các hoạt động đăng ký, theo dõi và quản lý các tài sản thuộc sở hữu trí tuệ của trường và đội ngũ của trường	BGH, phòng KHCN	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 19	6,0
Tiêu chí 19.1	6
Tiêu chí 19.2	6
Tiêu chí 19.3	6
Tiêu chí 19.4	6

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Để thực hiện sứ mạng của nhà trường, với mục tiêu: NCKH để nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ và phục vụ cho công tác đánh giá, xếp hạng; nhà trường xác định nhiệm vụ hợp tác, đối tác trong NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2016-2021. Theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công Phòng KHCN và Phòng Hợp tác quốc tế là 02 đơn vị chính có trách nhiệm theo dõi, quản lý, đánh giá hiệu quả của hoạt động hợp tác NCKH. Trong đó, Phòng KHCN chịu trách nhiệm quản lý những quan hệ hợp tác trong nước, Phòng Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm quản lý những hoạt động hợp tác quốc tế. Việc thiết lập, triển khai các hoạt động hợp tác, đối tác NCKH cụ thể dưới dạng các đề tài, dự án, chương trình là chức năng của các viện hoặc các đơn vị nghiên cứu thuộc nhà trường [H20.20.01.01].

Dựa trên các mục tiêu cho hoạt động hợp tác NCKH trong kế hoạch phát triển nhà trường trong từng giai đoạn, Phòng KHCN xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025 để cụ thể hóa các mục tiêu đó [H20.20.01.02] và triển khai trong từng năm học.

Trường đã ban hành những quy định cụ thể cho hoạt động này như: quy định hướng dẫn thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo, khoa học công nghệ, dịch vụ giáo dục [H8.08.01.03], quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế [H8.08.01.04] và ban hành chính sách cụ thể cho hoạt động này thông qua các hợp đồng hợp tác nghiên cứu với các tổ chức, cá nhân. Đối với những hoạt động hợp tác ở cấp đơn vị như hợp tác giữa nhà trường với các CSGD, các viện nghiên cứu hoặc các doanh nghiệp lớn; nhà trường thành lập Ban hợp tác để điều phối và quản lý hoạt động hợp tác này [H20.20.01.03].

Các KPIs chính cho hoạt động hợp tác, đối tác NCKH về dài hạn được xây dựng trong Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động KH&CN trong các giai đoạn [H20.20.01.02], về ngắn hạn được xây dựng trong Kế hoạch hoạt động KH&CN năm học [H20.20.02.01]. Các KPIs chính quan trọng cho hoạt động này bao gồm: chỉ số mạng lưới nghiên cứu của nhà trường trong các đánh giá – xếp hạng CSGD trong nước

và quốc tế, số lượng các hoạt động KH&CN được hợp tác triển khai và số lượng tổ chức- cá nhân hợp tác với nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 20.2. Triển khai được chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Dựa trên Kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động KH&CN đã ban hành, các viện nghiên cứu, các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị và Phòng KHCN tổng hợp thành Kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm [H20.20.02.01]. Trong đó, các chỉ tiêu cho hoạt động hợp tác nghiên cứu được xác định cụ thể theo từng loại hình và đơn vị chịu trách nhiệm triển khai cụ thể.

Trong giai đoạn 2016-2021, nhà trường ưu tiên cho việc phát triển mạng lưới hợp tác nghiên cứu để thực hiện các công bố quốc tế, thực hiện các đề tài NCKH và hình thành các nhóm nghiên cứu chung nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vị thế - uy tín của nhà trường thông qua các đánh giá - xếp hạng, kiểm định trong nước và quốc tế.

Để thúc đẩy hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu, nhà trường đã thành lập thêm các viện nghiên cứu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh [H20.20.02.02] để hình thành hệ thống các viện nghiên cứu, các trung tâm phát triển ứng dụng theo mô hình hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã hình thành được các nhóm hợp tác nghiên cứu trong nước và quốc tế như nhóm nghiên cứu hợp tác với Đại học Queen's Belfast (Anh), nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài hợp tác quốc tế Việt -Ý, và nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài hợp tác quốc tế Việt-Nga [H20.20.02.03].

Kết quả của hoạt động hợp tác, đối tác nghiên cứu giai đoạn 2016-2021 thể hiện qua số lượng hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác nghiên cứu ký kết với các tổ chức, cá nhân tăng qua các năm.

Các thỏa thuận hợp tác trong nghiên cứu ký kết với các tổ chức bao gồm: thỏa thuận hợp tác trong NCKH với Học viện KHCN thuộc Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam, hợp tác trong nghiên cứu phát triển với Tập đoàn LG (Hàn Quốc) và hợp tác trong NCKH, đổi mới sáng tạo, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh với Đại học Huế [H20.20.02.04]. Hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước bao gồm: hợp tác

thực hiện các công trình khoa học, hợp tác công bố khoa học, hợp tác phát triển mạng lưới nghiên cứu.

Bảng 20. 1. Số lượng các nhiệm vụ khoa học công nghệ Trường là cơ quan chủ trì kết hợp với các tổ chức, cá nhân thực hiện

Năm	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố
2017	0	6	1
2018	0	3	1
2019	0	13	0
2020	1	7	1
2021	0	27	0

Bảng 20. 2. Số lượng hội nghị, hội thảo khoa học được tổ chức

Năm	Cấp trường	Trong nước	Quốc tế
2017	77	34	60
2018	1	45	82
2019	22	39	91
2020	8	8	58
2021	0	1	10

Với sự đa dạng về hình thức hợp tác, cùng với sự đầu tư thích hợp các nguồn lực, hoạt động hợp tác nghiên cứu đã đem lại hiệu quả về NCKH cho Trường. Số lượng các đề tài NCKH, các công bố khoa học tăng nhanh trong những năm qua. Đặc biệt số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus tăng cao trong những năm gần đây, cùng với các chỉ số đánh giá liên quan đến kết quả NCKH và uy tín học thuật của nhà trường trên các bảng xếp hạng thế giới cũng liên tục được cải thiện trong giai đoạn này.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Để quản lý, đánh giá, rà soát tính hiệu quả của hoạt động hợp tác, đối tác nghiên cứu, dựa trên quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị xây dựng quy trình và triển khai các hoạt động liên quan. Cụ thể, đối với những hợp tác ở quy mô cấp trường (như hợp tác giữa nhà trường với Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam, giữa nhà trường với các đại học trong và ngoài nước), nhà trường thành lập Ban hợp tác để triển khai các hoạt động liên quan. Đối với các hợp tác ở cấp đơn vị để triển khai các đề tài NCKH, triển khai nhiệm vụ KHCN hay thực hiện các công bố chung, Phòng KHCN là đơn vị trực tiếp

quản lý các hoạt động này cùng với các đơn vị phối hợp như: Phòng Quan hệ quốc tế, Phòng Tổ chức, Phòng Kế hoạch tài chính ở các lĩnh vực chuyên môn.

Việc rà soát, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được tiến hành định kỳ hoặc hàng năm tùy theo loại hình hợp tác. Việc đánh giá hoạt động hợp tác, đối tác nghiên cứu đối với tất cả các đơn vị là quy định bắt buộc được tiến hành hàng năm theo quy trình: các đơn vị trực thuộc tiến hành đánh giá, báo cáo hoạt động này trong báo cáo tổng kết hoạt động KHCN hàng năm [H20.20.03.01].

Ở cấp độ tổng quát hơn, nhà trường thường xuyên đánh giá tính hiệu quả của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu thông qua các chỉ số kiểm định, đánh giá, xếp hạng quốc tế như các chỉ số: mạng lưới hợp tác nghiên cứu quốc tế, uy tín học thuật [H20.20.03.02].

Do đặc thù của hoạt động hợp tác, đối tác trong NCKH thường xuất phát từ nhu cầu, năng lực của các bên liên quan; ngoại trừ những hoạt động cụ thể như thực hiện đề tài NCKH, thực hiện các công bố khoa học hay tổ chức các hội nghị, hội thảo thì những hoạt động khác chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể. Từ đó việc rà soát, đánh giá hiệu quả của từng hoạt động hợp tác cũng cần nghiên cứu, cải tiến trong thời gian đến.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Thực tế hoạt động hợp tác, đối tác nghiên cứu cần thiết phải được thường xuyên đánh giá, cải tiến cả về nội dung lẫn phương thức thực hiện để đạt được các mục tiêu đề ra và phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Ở phạm vi trong nước, nhà trường không ngừng cải tiến, mở rộng hợp tác với các viện/trường, cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực KHCN. Điển hình như, từ mô hình thành công của Viện Nghiên cứu phát triển công nghệ cao thuộc Trường Đại học Duy Tân được thành lập năm 2014, nhà trường đã tiếp tục thành lập thêm 02 viện nghiên cứu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Viện nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng trực thuộc Trường Đại học Duy Tân tại Thành phố Hồ Chí Minh (IFAS) thành lập năm 2017 và Viện Nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng thuộc Trường Đại học Duy Tân tại Hà Nội (ITAR) thành lập năm 2018. Đặc biệt, hai đơn vị

này bên cạnh chức năng NCKH còn có chức năng: sản xuất thử, hợp tác chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ KH&CN khác cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhu cầu như một tổ chức KH&CN được chính quyền sở tại cấp phép hoạt động [H20.20.04.01].

Ở phạm vi quốc tế, Trường cũng đã không ngừng mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế trong NCKH, công bố quốc tế. Nhà trường cũng đã chủ động tham gia Hội đồng Điều hành mạng lưới P2A nhằm gia tăng kết nối, hợp tác với các trường trong khu vực; tích cực tham gia và trở thành thành viên chính thức của các tổ chức: CDIO, PPL; kiểm định ABET thành công 4 CTĐT; tham gia các đánh giá xếp hạng quốc tế như QS Ranking, THE, Webometric đạt thứ hạng cao trong những năm gần đây.

Bên cạnh việc mở rộng phạm vi hợp tác trong và ngoài nước, hoạt động hợp tác nghiên cứu đã giúp gia tăng nguồn lực cho nhà trường như gia tăng kinh phí nghiên cứu từ các đề tài hợp tác quốc tế trên 3 tỷ đồng, hình thành 1 nhóm nghiên cứu Vật lý trong khuôn khổ hợp tác NCKH giữa Trường Đại học Duy Tân và Đại học Huế, hợp tác với Hội đồng Anh tổ chức Trại hè NCKH giúp cho trên 50 học viên nhận được học bổng NCS tại các trường châu Âu, Mỹ, Úc và các nước phát triển [H20.20.04.02]. Tuy nhiên, nguồn kinh phí mang lại từ hoạt động hợp tác chưa nhiều, chỉ tập trung từ nguồn kinh phí thực hiện các đề tài NCKH hợp tác quốc tế mà chưa triển khai được các hoạt động khác như thực hiện các dịch vụ KH&CN, chuyển giao công nghệ hay hợp tác thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có kế hoạch chiến lược, chính sách, quy trình và phân bổ nguồn lực để thúc đẩy hoạt động hợp tác, đối tác NCKH phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2021.

- Hoạt động hợp tác, đối tác NCKH được triển khai, rà soát đánh giá, cải tiến và giúp gia tăng các nguồn lực cho nhà trường và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Có nhiều hoạt động hợp tác, đối tác NCKH khác nhau, những hoạt động cơ bản

nghư: thực hiện đề tài NCKH, công bố khoa học, nghiên cứu-phát triển ứng dụng, tổ chức hội nghị - hội thảo có thể áp dụng tiêu chí đánh đã có; nhưng những hoạt động khác như: phát triển nhóm nghiên cứu, mở rộng mạng lưới nghiên cứu hay phát triển thị trường KH&CN là chưa có tiêu chí đánh giá mức độ hiệu quả.

- Mặc dù hoạt động hợp tác, đối tác NCKH của nhà trường trong giai đoạn 2016-2021 đã mang lại thêm kinh phí cho NCKH thông qua các đề tài hợp tác quốc tế nhưng vẫn còn ít và chưa tương xứng với tiềm lực KHCN của nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng tiêu chí đánh giá các hoạt động: nhóm nghiên cứu, mạng lưới NCKH, phát triển thị trường KH&CN.	Phòng KHCN	Quý III năm 2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Đa dạng hóa nguồn thu từ hoạt động hợp tác, đối tác nghiên cứu từ: chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, hình thành doanh nghiệp spin-off, dịch vụ KH&CN.	Phòng KHCN	Quý IV năm 2022
3	Phát huy các điểm mạnh	Xây dựng, triển khai kế hoạch chiến lược phát triển hoạt động KH&CN phù hợp với sức mạnh, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phát triển Trường. Từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, kiện toàn các quy định - chính sách thúc đẩy hoạt động hợp tác, đối tác nghiên cứu.	Phòng KHCN	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 20	5,0
Tiêu chí 20.1	5
Tiêu chí 20.2	6
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	5

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Trường Đại học Duy Tân đã xác định rõ trong tầm nhìn và sứ mạng của trường đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển cho xã hội. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được nhà trường khẳng định trong tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và được xây dựng thành các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để triển khai thực hiện. Nhà trường đã xây dựng các chính sách, các kế hoạch về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của mình. Năm 2016, nhà trường ban hành Kế hoạch Số 3078 ngày 22/12/2016 về việc tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho giai đoạn 2016-2021 làm cơ sở cho các đơn vị chức năng như: Phòng KHCN, Phòng Hợp tác doanh nghiệp, Trung tâm Khởi nghiệp, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phòng Công tác sinh viên,... triển khai thực hiện hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng theo chức năng và nhiệm vụ được giao [H21.21.01.01].

Năm 2016, nhà trường ban hành Quy định hoạt động kết nối cộng đồng làm cơ sở cho việc quản lý và hướng dẫn về cả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng theo đúng quy định của nhà nước. Quy định này đã nêu rõ những nội dung hoạt động: NCKH và chuyển giao công nghệ, chia sẻ tri thức, thiện nguyện và nhân đạo hướng đến công tác phục vụ cộng đồng của nhà trường [H21.21.01.02].

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, và chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị nhà trường đã giao các đơn vị chuyên trách: Phòng KHCN, Trung tâm Khởi nghiệp, Phòng Hợp tác doanh nghiệp chịu trách nhiệm tham mưu chính sách, hỗ trợ chuyên môn mảng kết nối chia sẻ tri thức; sản phẩm KHCN phục vụ cộng đồng và việc làm sinh viên và các đoàn thể: Công đoàn và Đoàn thanh niên, cựu sinh viên, Phòng Công tác sinh viên tham mưu chính sách với nhà trường trong lĩnh vực thiện nguyện và nhân đạo; việc làm sinh viên, hỗ trợ đời sống người lao động, việc làm, hỗ trợ người học,... [H21.21.01.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Trên cơ sở các kế hoạch chiến lược hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2021, các đơn vị chức năng liên quan triển khai xây dựng kế hoạch đơn vị trong đó công tác kết nối và phục vụ cộng đồng như kế hoạch hoạt động của Đoàn thanh niên hàng năm đều xác định nội dung: hiến máu nhân đạo, tình nguyện; kế hoạch hoạt động KHCN hướng đến các dự án phục vụ kinh tế xã hội của địa phương và các sản phẩm phục vụ đời sống, Công đoàn chăm lo đời sống người lao động hỗ trợ kịp thời những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, Phòng Công tác sinh viên phối hợp quản lý sinh viên ngoại trú, đánh giá xếp loại rèn luyện sinh viên, chế độ chính sách, vay vốn ưu đãi, miễn giảm học phí, công tác thi đua khen thưởng cho người học,... [H21.21.02.01].

Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng ban hành theo Quyết định số 3334/QĐ-ĐHDT ngày 14/11/2016 đã có những quy định và hướng dẫn các hoạt động kết nối cộng đồng cũng như cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng theo đúng quy định của Nhà nước và của nhà trường [H21.21.01.02]. Ví dụ như quy định về nội dung: nghiên cứu để phục vụ cộng đồng, tình nguyện, nhân đạo, từ thiện,... quy định quy trình thực hiện, các chế độ báo cáo,... để đảm bảo cho các hoạt động phục vụ cộng đồng của nhà trường thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng. Thực hiện các kế hoạch trên, hàng năm nhà trường đã trường đã tổ chức các buổi gặp mặt và giao lưu về khởi nghiệp, kỹ năng mềm và khởi nghiệp với học sinh trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; các trung tâm đã phối hợp với các Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT thực hiện các chương trình tập huấn về Robot cho đội ngũ giáo viên Tin học trên địa bàn và các tỉnh lân cận [H21.21.02.02]. Ngoài ra, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động chia sẻ tri thức theo từng lĩnh vực: Xây dựng, Môi trường, Công nghệ thông tin cho những học sinh trên địa bàn Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, cuộc thi xây cầu Ô thước; tư vấn hướng cho học sinh ở các tỉnh khu vực miền Trung,... [H21.21.02.03]. Khi các đơn vị, cá nhân trong trường thực hiện các hoạt động kết và phục vụ cộng đồng đều dựa vào Quy định hoạt động về kết nối và phục vụ cộng đồng quy định cụ thể: các kế hoạch triển khai từng hoạt động đều được BGH phê duyệt, có báo cáo đánh giá sau khi kết thúc thực hiện nhiệm vụ, tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ cộng đồng; các chương trình tình nguyện và thiện nguyện đều được sự chấp thuận của chính quyền địa phương trước khi triển khai theo đúng quy định pháp luật. Vì thế, kết quả các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đều được các địa phương đánh

giá cao.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 21.3 Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Để đo lường, đánh giá việc kết nối và phục vụ cộng đồng, nhà trường đã xây dựng các tiêu chí đánh giá chung ban hành trong Quy định hoạt động về kết nối và phục vụ cộng đồng, gồm các nội dung đánh giá như quy mô, mức độ hoàn thành, chi phí thực hiện, hiệu quả mang lại cho cộng đồng. Chẳng hạn như lĩnh vực NCKH có quy định: “mỗi năm thực hiện 01 chương trình khởi nghiệp; có 01 đề tài nghiên cứu được chuyển giao công nghệ hoặc sáng kiến phục vụ cộng đồng; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động đào tạo của nhà trường”. Bên cạnh đó, tùy theo hoạt động cụ thể mà các tiêu chí đánh giá dựa trên chỉ tiêu của từng kế hoạch riêng [H21.21.01.01], [H21.21.01.03].

CSDL về các hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết về kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2016-2021. Trong 05 năm qua, kết quả kết nối và hoạt động phục vụ cộng đồng đã đạt được những kết quả thể hiện qua các bảng thống kê từ Bảng 21.1. đến 21.5 [H21.21.03.01], [H21.21.03.02], [H21.21.03.03], [H21.21.03.04], [H21.21.03.05]:

Bảng 21. 1. Thống kê các hoạt động phục vụ cộng đồng

Hoạt động	Nội dung	Kết quả	Ghi chú
Tình nguyện	Hiến máu nhân đạo	5300 đơn vị máu	Đoàn viên, giảng viên .
	Làm đường khu dân cư	757 m đường bê tông	Đoàn viên, giảng viên .
	Hỗ trợ hộ nghèo và chính sách	Trao 2400 suất quà	Đoàn viên, giảng viên .
	Khám chữa bệnh miễn phí	3000 lượt	Đoàn viên, giảng viên .
Nghiên cứu những sản phẩm phục vụ cộng đồng	Sản phẩm KHCN hỗ trợ người khuyết tật thành phố	05	Xe lăn, cánh tay robot dành cho người khuyết tật, máy eCPR, AED 302 máy huấn luyện kỹ năng sơ cấp cứu
	Sản phẩm phục vụ cộng đồng khác	10	Máy thở dtuVENT 3.0; mạch máu nhân tạo; Mô hình cuống họng nhân tạo, Robot phục vụ hành khách đi máy

			bay, số hóa Phố cổ Hội An trên nền công nghệ 3D nhằm bảo tồn và giới thiệu di sản Việt Nam ra thế giới; Hệ sinh thái Y khoa Online
Chia sẻ tri thức	Tổ chức Hội thảo	536	Hội thảo quốc tế: 301; hội thảo trong nước: 127; hội thảo cấp trường: 108
	Tổ chức giáo dục STEM cho các Sở GD-ĐT/ Hỗ trợ cuộc thi KHKT tại các Sở GD-ĐT khu vực miền Trung	Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Quảng Bình, Quảng Trị	Giảng viên Tin học chủ chốt, học sinh có sản phẩm tham gia.
	Hợp tác hỗ trợ các doanh nghiệp	162 DN	Thực tập/kiến tập/tuyển dụng/hướng nghiệp cho Sv
	Ngày hội việc làm	417 DN tham gia	Nhu cầu tuyển dụng: 17511 vị trí

Bảng 21. 2. Bảng số lượng doanh nghiệp ký kết hợp tác cùng với nhà trường

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số DN ký kết hợp tác	35	74	40	24	25

Bảng 21. 3. Bảng Số doanh nghiệp tham gia ngày hội việc làm do trường tổ chức

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Số DN tham gia	75	92	95	90	65
Nhu cầu tuyển dụng của DN	2716	3152	3458	5371	2814

Bảng 21. 4. Bảng khảo sát tỷ lệ việc làm của Sinh viên

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
Tỷ lệ sinh có việc làm	94.41%	95.44%	95.22%	86.5%	81.42%

Bảng 21. 5. Bảng thống kê các hội thảo

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	60	82	91	58	10	301
2	Hội thảo trong nước	34	45	39	8	1	127
3	Hội thảo của trường	77	1	22	8	0	108
	Tổng cộng	171	128	152	74	11	536

Ngoài ra, nhà trường đã hỗ trợ cấp học bổng, khen thưởng và miễn giảm học phí:

mỗi năm học nhà trường chi hơn 13 tỷ đồng để cấp học bổng toàn/bán phần cho sinh viên có điểm đầu vào từ 24 điểm trở lên, sinh viên tàn tật, khuyết tật, cấp học bổng lần đầu cho sinh viên có điểm đầu vào cao hơn điểm trúng tuyển từ 5 điểm trở lên, cấp học bổng cho sinh viên xuất sắc do các doanh nghiệp tài trợ [H17.17.02.18]. Sinh viên thuộc diện chính sách xã hội được nhà trường hướng dẫn làm các thủ tục miễn giảm học phí, cấp chi phí học tập theo Nghị định 86 của Chính phủ [H17.17.02.19]. Ngoài ra Trường Đại học Duy Tân chi trên 500 triệu đồng mỗi năm để thực hiện miễn giảm học phí hằng năm cho sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, sinh viên là dân tộc thiểu số, sinh viên mồ côi, sinh viên có hộ khẩu tại vùng sâu, vùng xa [H17.17.02.20]. Năm 2021. Dự án “Hệ sinh thái Y khoa online” do nhóm Tình nguyện Y khoa của Trường Đại học Duy Tân thực hiện. Dự án đã chính thức được đưa vào hoạt động vào tháng 6-2019 với sự hỗ trợ của CSDS Việt Nam, Trung tâm Tình nguyện Quốc gia và Trường Đại học Duy Tân. Cộng đồng Y khoa của dự án "Hệ sinh thái Y khoa Online" thực tế đã có tới 23.000 người gồm các nhà khoa học, chuyên gia, bác sĩ và sinh viên y khoa trên toàn quốc. Tính đến thời điểm hiện tại, dự án đã hoạt động được khoảng 15 tháng và thu về được những kết quả rất tích cực [ykhoa.org].

Việc thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của đơn vị, cá nhân được đánh giá và giám sát bởi các đơn vị chức năng: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phòng Hợp tác doanh nghiệp, Phòng KHCN, bằng nhiều hình thức như: thực hiện báo cáo công tác tháng, báo cáo năm học của các đơn vị trong trường. Bên cạnh đó, nhà trường ghi nhận thêm ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua việc phỏng vấn lãnh đạo địa phương và người dân địa phương thụ hưởng các hoạt động này [H21.21.03.05].

Để đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trường thực hiện đánh giá hoạt động này thông qua các cuộc họp tổng kết đánh giá từng mảng công tác như: tổng kết công tác Đoàn thanh niên, Công đoàn, công tác sinh viên, công tác NCKH và công tác Hợp tác doanh nghiệp. Qua cuộc họp đánh giá này, công tác phục vụ cộng đồng của nhà trường luôn được đánh giá cao từ cộng đồng, mang lại hiệu quả thiết thực trong việc nâng cao nhận thức cho người học và đội ngũ sống có trách nhiệm với cộng đồng và đảm bảo sứ mạng nhà trường đã đề ra [H21.21.03.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên cơ sở đánh giá hàng năm và căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của xã hội, nhà trường xây dựng kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng để đáp ứng đúng theo nguyện vọng cá nhân và tập thể liên quan [H21.21.04.01].

Để nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng, nhà trường đã định hướng qua các mặt hoạt động cụ thể như sau: đối với NCKH tạo ra nhiều sản phẩm có tính ứng dụng [H21.21.04.02]; công tác hoạt động tình nguyện gắn liền với nhu cầu thực tiễn của địa phương và mang tính chuyên môn sâu như khám sức cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Quảng Nam, làm đường giao thông nông thôn; hoạt động từ thiện cần chú trọng đến trẻ mồ côi trên địa bàn [H21.21.04.03].

Các hoạt động cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng, tuy chưa có khảo sát đại trà nhưng sau mỗi đợt hoạt động nhà trường có nhận thông tin phản hồi từ lãnh đạo địa phương và cá nhân thụ hưởng. Đa số ý kiến đánh giá cao về các hoạt động phục vụ do trường tổ chức, có ý nghĩa nhân văn được chính quyền địa phương ghi nhận và khen thưởng [H21.21.04.04].

Bên cạnh đó còn những mặt tồn tại đó là chưa có quy định phản hồi về chất lượng NCKH của các đề tài từ các đơn vị ứng dụng các kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên trong trường và các doanh nghiệp ngoài trường. Chưa thực hiện khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan một cách rộng rãi. Chưa phát huy thế mạnh chuyên môn của đội ngũ giảng viên và sinh viên khoa Y trong công tác khám chữa bệnh cho bà con đồng bào vùng khó khăn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà trường có nhiều chính sách và thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho nhiều thành phần khác nhau.

- Kết quả hoạt động thể hiện qua các hợp tác doanh nghiệp, hỗ trợ thiết thực cho các Sở GD & ĐT và học sinh các tỉnh khu vực miền Trung.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Các đề tài dự án có tính ứng dụng chưa nhiều.
- Các loại hình hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng chưa được đa dạng, lượng cán bộ giảng viên và người học tham gia các hoạt động cộng đồng chưa thực sự cao.
- Việc thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan về phục vụ cộng đồng chưa thường xuyên và còn ít mẫu.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng các sản phẩm KHCN có tính ứng dụng trong huấn luyện kỹ năng cho công đồng trong lĩnh vực y tế	Phòng KHCN và các trường CN, KHMT	Từ năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Mở rộng tình nguyện tại nhiều vùng khó khăn trên địa bàn; chú trọng đến hoạt động tình nguyện chuyên môn: Khám bệnh cho trẻ em vùng cao, giảng dạy ngoại ngữ, lắp ghép robot	Đoàn thanh niên	Từ năm học 2022-2023
3	Khắc phục tồn tại 3	Giao cho Đoàn thanh niên lập kế hoạch hàng năm trong việc lấy ý kiến về phục vụ cộng đồng nhằm tăng về số lượng và chất lượng mẫu khảo sát.	Đoàn thanh niên	Từ năm học 2022-2023
4	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và các văn bản hỗ trợ nhằm phát huy các hoạt động phục vụ cộng đồng đa dạng, thiết thực nhằm mang lại lợi ích cho xã hội.	BGH	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 21	5,25
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	6
Tiêu chí 21.4	5

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ Người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trước khi bắt đầu năm học mới, hiệu trưởng phê duyệt việc ban hành khung kế hoạch đào tạo cho từng học kỳ và cả năm học đối với tất cả các CTĐT [H22.22.01.01]. Nội dung khung kế hoạch đào tạo xác định rõ các mốc thời gian triển khai thực hiện theo từng tuần đào tạo. Kèm theo khung kế hoạch đào tạo có đầy đủ thông tin về dự đoán tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ thôi học theo từng CTĐT [H22.22.01.02].

Toàn bộ quá trình đào tạo được tổ chức quản lý chặt chẽ ở tất cả các khâu từ khi sinh viên nhập học cho đến khi tốt nghiệp ra trường, toàn bộ quá trình đều được quản lý và theo dõi trên cả Hệ thống quản lý đào tạo (AMS) [H22.22.01.03], kết quả đánh giá học phần/môn học và cả quá trình được theo dõi và giám sát đầy đủ, nhất là tỷ lệ tốt nghiệp theo từng CTĐT. Kết thúc mỗi năm học nhà trường tổ chức xử lý kết quả học tập của sinh viên và có thông báo cụ thể về tiêu chí [H22.22.01.04], những sinh viên có kết quả học tập yếu kém nhà trường cảnh báo kết quả học tập, sau 2 lần cảnh báo kết quả học tập liên tiếp, nếu sinh viên tiếp tục rơi vào diện cảnh báo sẽ bị nhà trường cho thôi học và Phòng Công tác sinh viên sẽ phụ trách thông báo về địa phương và gia đình trong thời hạn 30 ngày [H22.22.01.05].

Kết thúc mỗi học kỳ nhà trường có tổ chức sơ kết, kết thúc năm học thì tổ chức tổng kết nhằm đánh giá kết quả giảng dạy, học tập, đối sánh kết quả học tập qua các năm và giữa các CTĐT thông qua đó đánh giá được tỷ lệ sinh viên thôi học theo từng CTĐT, tỷ lệ đạt, không đạt theo từng học phần đồng thời đề ra các giải pháp nhằm cải tiến, khắc phục các mặt hạn chế [H22.22.01.06]. Nhà trường đã thành lập Hội đồng cố vấn học tập nhằm giám sát đội ngũ cố vấn học tập và đề ra giải pháp kịp thời để giảm thiểu sinh viên thôi học [H22.22.01.07]. Hội đồng cố vấn học tập theo dõi số liệu sinh viên vắng học ở các lớp do giảng viên báo cáo hàng tuần, phối hợp với cố vấn học tập kịp thời liên hệ với phụ huynh sinh viên vắng học và hỗ trợ, tư vấn cho những sinh viên trong diện cảnh báo học tập [H22.22.01.08]. Đề tạo điều kiện cho sinh viên học trả nợ, cải thiện điểm trường ban hành qui định cho phép sinh viên học vượt [H22.22.01.09].

Trên cơ sở việc giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên thôi học và tỷ lệ sinh viên tốt

nghiệp đúng hạn đối sánh qua các năm nhà trường đề ra những giải pháp: Để giảm tỷ lệ sinh viên thôi học thì tăng cường các học phần giảng dạy dưới hình thức CDIO, PBL, Project tạo ra những nét mới, tăng sự hứng khởi cho người học [H22.22.01.10]. Cho phép các khoa quản lý chuyên môn chủ động đề xuất hình thức thi kết thúc học phần những học phần do khoa mình quản lý [H22.22.01.11]. Triển khai hệ thống học liệu điện tử trên WinSCP và trên hệ thống Sakai tạo điều kiện thuận lợi nhất để sinh viên tiếp cận với học liệu của môn học [H22.22.01.12]. Để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn nhà trường đã tiến hành sắp xếp lại kế hoạch giảng dạy và học tập nhằm đảm bảo cho sinh viên năm cuối khóa sẽ kết thúc việc học và dành nguyên một học kỳ cuối khóa cho việc thực hiện các nội dung tốt nghiệp cuối khóa [H22.22.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Đầu năm học hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch đào tạo của năm học, trong đó xác định cụ thể từng mốc thời gian tốt nghiệp của các CTĐT và phê duyệt các hình thức tốt nghiệp cuối khóa khác nhau, các hình thức tốt nghiệp cuối khóa gồm: Thực tập tốt nghiệp kết hợp với thi tốt nghiệp, thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc thực hiện đồ án tốt nghiệp [H22.22.02.01].

Hàng năm, các khoa quản lý chuyên môn thực hiện việc báo cáo tổng kết khóa học của các CTĐT do khoa quản lý khi kết thúc thời gian thiết kế của chương trình, báo cáo đánh giá quá trình đào tạo từ khi tuyển sinh đầu vào đến khi kết thúc khóa học, đánh giá tỷ lệ sinh viên thôi học, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và đánh giá học lực của những sinh viên tốt nghiệp đúng hạn [H22.22.02.02]. Tất cả các CTĐT ở trình độ đại học khi kết thúc thời gian thiết kế của chương trình đều được Phòng Đào tạo giám sát và đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cho từng khóa tuyển sinh [H22.22.02.03].

Thông qua việc giám sát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, nhà trường xác định được các nguyên nhân tốt nghiệp trễ hạn của sinh viên phần lớn đến từ việc chưa đạt chuẩn tiếng Anh và Tin học đầu ra, tiếp đến là do nợ học phần và cuối cùng là nợ các học phần Giáo dục thể chất và Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh [H22.22.02.04]. Từ các kết quả theo dõi, giám sát và đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ở các CTĐT của từng khóa

học, nhà trường tiến hành việc đối sánh kết quả tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giữa các khóa học [H22.22.02.05] và giữa các ngành học [H22.22.02.06] thông qua đó đề ra những giải pháp nhằm tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp ở các CTĐT.

Để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp ở các CTĐT, nhà trường đã tiến hành sắp xếp lại kế hoạch giảng dạy và học tập nhằm đảm bảo cho sinh viên năm cuối khóa sẽ kết thúc việc học và dành nguyên một học kì cuối khóa cho việc thực hiện các nội dung tốt nghiệp cuối khóa [H22.22.02.07]. Hội đồng tốt nghiệp thông qua diện xét **vớt** cho sinh viên tham gia các nội dung tốt nghiệp cuối khóa nếu không nợ các học phần tiên quyết và tỷ lệ số tín chỉ chưa đạt không vượt quá 5% tổng số tín chỉ toàn khóa [H22.22.02.08]. Nhận thấy nhiều sinh viên trễ hạn tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn tiếng Anh và Tin học đầu ra, nhà trường tăng số lần khảo sát tiếng Anh, Tin học đầu ra trong năm, đồng thời công nhận các kết quả đánh giá từ Trung tâm ngoại ngữ Olympia của trường và các kết quả đánh giá về văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh, Tin học có giá trị trên phạm vi quốc gia và quốc tế [H22.22.02.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Từ năm 1999, nhà trường đã thành lập Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ sinh viên [H22.22.03.01], sau đó đổi tên thành Trung tâm Xúc tiến Việc làm [H22.22.03.02], đến thời điểm hiện tại được đổi tên thành Phòng Hợp tác doanh nghiệp [H22.22.03.03], với nhiệm vụ: Tư vấn hỗ trợ và giới thiệu việc làm; hợp tác doanh nghiệp, tổ chức các hội nghị, hội thảo, giao lưu giữa sinh viên với doanh nghiệp; tổ chức Ngày hội việc làm thường niên; điều tra, khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan [H22.22.03.04].

Hàng năm, căn cứ theo Công văn của Bộ GD&ĐT về yêu cầu Khảo sát việc làm Sinh viên tốt nghiệp [H22.22.03.05], nhà trường đã xây dựng Kế hoạch khảo sát thường niên về tình hình việc làm của sinh viên sau 12 tháng ra trường và giao nhiệm vụ cho Phòng Hợp tác doanh nghiệp tổ chức thực hiện (bắt đầu từ năm 2009 đến nay) [H22.22.03.06]. Phòng Hợp tác doanh nghiệp đã nghiên cứu thiết kế biểu mẫu khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H22.22.03.07] và kết hợp sử dụng nhiều

phương pháp thu thập kết quả như gửi thư trực tiếp, email, điện thoại phỏng vấn đối với sinh viên tốt nghiệp. Hiện tại, phương pháp gọi điện thoại phỏng vấn trực tiếp sinh viên tốt nghiệp là cách thức hiệu quả nhất và được Phòng Hợp tác doanh nghiệp sử dụng chủ yếu [H22.22.03.08].

Báo cáo Khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp được gửi về Bộ GD&ĐT trước 31/12 hàng năm theo đường bưu điện [H22.22.03.09] và cập nhật trên Phần mềm nhập dữ liệu báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp [H22.22.03.10].

Bảng 22. 1. Tỷ lệ (%) Việc làm sinh viên tốt nghiệp được khảo sát trong 5 năm

Nội dung	2015	2016	2017	2018	2019	Trung bình
Tỷ lệ % sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp	74.07	94.41	95.44	95.22	86.5	89.13
Tỷ lệ % sinh viên làm việc đúng chuyên ngành đào tạo	71.08	65.35	68.27	64.01	62.2	66.18

Nhằm đảm bảo cho người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, nhà trường luôn đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các nhà tuyển dụng để mang đến cho các em nhiều cơ hội việc làm chất lượng. Song song với việc xây dựng mạng lưới quan hệ hợp tác rộng khắp với hơn 500 doanh nghiệp đa lĩnh vực trong và ngoài nước [H22.22.03.11]. Nhà trường chú trọng đẩy mạnh hoạt động gắn kết với nhà tuyển dụng thông qua các chương trình Ký kết hợp tác toàn diện - MoU [H22.22.03.12]. Nhằm mang đến cho các em sinh viên có nhiều cơ hội tiếp cận với thực tiễn thông qua các hình thức: thực tập, kiến tập, thực tế và làm việc chính thức tại đơn vị. Cùng với đó, nhà trường cũng thiết lập Ban liên lạc Hội Cựu sinh viên [H22.22.03.13] quy tụ những cựu sinh viên thành đạt qua các năm với kỳ vọng hỗ trợ nhà trường thông qua nhiều hoạt động, trong đó bao gồm hỗ trợ việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp [H22.22.03.14].

Với mục tiêu “Tất cả vì quyền lợi, học tập và việc làm của Sinh viên”, nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp cải tiến, đổi mới trong công tác quản lý đề động viên toàn trường tham gia công tác hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên. Hoạt động thi đua nộp minh chứng quan hệ doanh nghiệp của giảng viên là một biện pháp sáng tạo được nhà trường áp dụng từ năm 2015 đến nay [H22.22.03.15]. Giảng viên khi tìm được việc làm cho sinh viên của mình và có minh chứng đầy đủ kèm theo sẽ được chấm điểm thi đua vào cuối năm học [H22.22.03.16].

Từ năm học 2014-2015 đến nay, nhà trường đã tổ chức liên tục 14 chương trình Ngày hội Việc làm thường niên quy tụ hàng trăm doanh nghiệp tham gia với hàng chục nghìn lượt tuyển dụng, qua đó giới thiệu hàng trăm vị trí việc làm phù hợp có chất lượng cũng như đúng chuyên ngành cho sinh viên mới ra trường [H22.22.03.17].

Các báo cáo về hoạt động hợp tác với doanh nghiệp; báo cáo công tác hỗ trợ việc làm; báo cáo khảo sát tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp; báo cáo điểm thi đua minh chứng về quan hệ doanh nghiệp của giảng viên; báo cáo Ngày hội việc làm thường niên được lãnh đạo nhà trường xem xét và đánh giá vào cuối mỗi học kỳ và thời điểm kết thúc năm học. Qua đó có sự điều chỉnh kịp thời CTĐT cũng như linh hoạt sáng tạo trong vấn đề giải quyết đầu ra, tất cả với mục tiêu cải thiện và làm tăng tỷ lệ việc làm của sinh viên cũng như tỷ lệ có việc làm đúng với chuyên ngành đào tạo [H22.22.03.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường ban hành Quy định về việc Khảo sát các bên liên quan từ năm 2016 [H22.22.04.01], với đối tượng được khảo sát cụ thể bao gồm: người dạy (giảng viên), người học (sinh viên năm cuối), người học đã tốt nghiệp (cựu sinh viên), nhà sử dụng lao động (doanh nghiệp) được thực hiện theo chu kỳ một năm và phân công cho Trung tâm ĐBCL, các khoa và Phòng Hợp tác doanh nghiệp chịu trách nhiệm triển khai thực hiện với từng quy trình cụ thể.

Khảo sát người học nhằm đánh giá về chất lượng CTĐT của trường và kỹ năng đứng lớp của giảng viên đang theo học thông qua mẫu phiếu khảo sát [H22.22.04.02], hoạt động được thực hiện hàng năm do Trung tâm ĐBCL phụ trách, tổng hợp, gửi đánh giá và tham mưu cho BGH, Phòng Đào tạo để có hướng điều chỉnh khung chương trình cho phù hợp.

Khảo sát người dạy là giảng viên về CTĐT cũng được Trung tâm ĐBCL phụ trách triển khai theo từng thời điểm trong năm học [H22.22.04.03], khảo sát người học đã tốt nghiệp do Phòng Hợp tác doanh nghiệp lên kế hoạch khảo sát thường niên (bắt đầu từ năm 2009) [H22.22.04.04] nhằm xác định tỷ lệ có việc làm của sinh viên sau khi vừa ra

trường, sau 6 tháng và sau 1 năm [H22.22.04.05]. Mẫu khảo sát bao gồm các nội dung đánh giá về CTĐT, chất lượng đào tạo và ý kiến đóng góp của cựu sinh viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy [H22.22.04.06]. Phòng Hợp tác doanh nghiệp sử dụng công cụ khảo sát online và gọi điện thoại để thu thập dữ liệu, từ đó tổng hợp, phân tích và gửi báo cáo lên BGH (và gửi Bộ GD&ĐT) làm cơ sở cho việc điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội. Tỷ lệ khảo sát sinh viên tốt nghiệp đạt tối thiểu 50% trên mỗi ngành đào tạo của trường.

Khảo sát người sử dụng lao động được thực hiện xuyên suốt trong một năm theo từng lĩnh vực căn cứ vào CTĐT của từng ngành. Các khoa triển khai thu thập ý kiến rồi gửi kết quả bằng phiếu khảo sát người sử dụng lao động để tổng hợp [H22.22.04.07]. Các ý kiến đánh giá về sự hài lòng cũng như đề xuất cải tiến của người sử dụng lao động được xác lập, từ đó đối sánh và có hình thức điều chỉnh, cải tiến CTĐT.

Với mục tiêu tiếp cận hơn nữa giữa nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động, bên cạnh hoạt động khảo sát các bên liên quan, nhà trường cũng cho ban hành Quy định “10 ngày đi quan hệ doanh nghiệp trong năm” [H22.22.04.08] dành cho mỗi giảng viên nhằm tăng khối lượng thời gian tiếp xúc với doanh nghiệp, các báo cáo cá nhân của giảng viên được gửi trực tiếp về Phòng Hợp tác doanh nghiệp tổng hợp và làm minh chứng cụ thể.

Các hoạt động khảo sát các bên liên quan được báo cáo với BGH hàng năm vào cuối mỗi học kỳ để kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp [H22.22.04.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có tổ chức đầy đủ hoạt động giám sát và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học.
- Các hoạt động thu thập ý kiến các bên liên quan được theo dõi, giám sát chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, trung thực. Dữ liệu báo cáo được trình lên BGH cuối mỗi học kỳ và kết thúc năm học để có phương pháp đối sánh, cải tiến chất lượng đào tạo.
- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường luôn đạt mức trên 90% tỷ lệ khảo sát toàn trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình và giảm tỷ lệ thôi học nhưng kết quả thực hiện vẫn chưa đạt được như kỳ vọng.

- Việc thực hiện khảo sát việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp còn gặp nhiều tồn tại. Nguyên do là sinh viên sau khi ra trường đã thay đổi email và số điện thoại, gây khó khăn trong việc khai thác thông tin. Bên cạnh đó, dữ liệu dùng để liên lạc với sinh viên trong danh sách nhận bằng tốt nghiệp hàng năm cũng còn khá hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Phân công các khoa chuyên môn tổ chức cho đội ngũ giảng viên cố vấn học tập thường xuyên tương tác với sinh viên để đảm bảo hoàn thành đúng và vượt tiến độ đào tạo có sự giám sát của Phòng Đào tạo. Đồng thời tổ chức thêm đội ngũ Cố vấn đào tạo thường xuyên phân tích dữ liệu và khuyến cáo cho đội ngũ Cố vấn học tập và sinh viên	Cố vấn học tập, các khoa, Phòng Đào tạo	Bắt đầu năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Giao các khoa tạo sự gắn kết chặt chẽ với sinh viên từ khi còn đang học tại trường cho đến khi tốt nghiệp, đồng thời gắn kết chặt chẽ với Cựu sinh viên để sinh viên sau khi ra trường vẫn còn có kênh kết nối thường xuyên và tự nguyện phản hồi các yêu cầu từ phía nhà trường.	Các Khoa, Hội Cựu sinh viên, Cố vấn học tập.	Bắt đầu năm học 2022-2023
3	Phát huy các điểm mạnh	Nâng cao vai trò, hiệu quả của đội ngũ cố vấn học tập trong việc tư vấn hỗ trợ người học trong suốt quá trình học cũng như khi đã tốt nghiệp	Các khoa, cố vấn học tập, Ban liên lạc Cựu sinh viên	Bắt đầu từ năm 2022-2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	5,0
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	5
Tiêu chí 22.4	5

Tiêu chuẩn 23. Kết quả Nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhằm phát triển Trường Đại học Duy Tân trong giai đoạn mới, HĐQT đã ban hành chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025-2030 theo QĐ số 2841/QĐ-ĐHDT, ngày 03/10/2016; trong đó phân đầu vào Top 300 Đại học châu Á bằng xếp hạng Times Higher Education (THE) [H23.23.01.01]. Để cụ thể hóa mục tiêu đó, Phòng KHCN đã tham mưu cho hiệu trưởng ban hành chiến lược phát triển hoạt động KHCN trong hai giai đoạn: 2016-2020, và 2021-2025 [H20.20.02.01]; các kế hoạch phát triển hoạt động KHCN hàng năm [H20.20.02.02]; và Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ theo QĐ số 3666/QĐ-ĐHDT [H23.23.01.02]. Theo đó, nhà trường xác lập rõ loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu của nhà trường gồm: các đề tài/dự án NCKH; các công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế; các báo cáo hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế; hướng dẫn sinh viên NCKH; bồi dưỡng đội tuyển dự kỳ thi cấp quốc gia, quốc tế; viết giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, ngân hàng câu hỏi. Các chỉ tiêu về NCKH nói chung đã bao gồm các tiêu chí về: (a) số lượng công trình: bài báo tạp chí các loại, báo cáo hội nghị các loại, số lượng đề tài các cấp; (b) chất lượng nghiên cứu: thể hiện qua các chỉ số Q1-Q4 (Q-rating), chỉ số ảnh hưởng (impact factor, IF), H-index của tạp chí đăng tải công trình, chỉ số trích dẫn đối với các bài báo; (c) kết quả nghiệm thu từ đạt, tốt, xuất sắc đối với đề tài các cấp, giáo trình, sách, và ngân hàng câu hỏi; các giải nhất, nhì, ba, khuyến khích đối với các giải thưởng.

Nhà trường giao phòng KHCN theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu theo quyết định số 4775/QĐ-ĐHDT ngày 30/12/2017 quy định chức năng nhiệm vụ của phòng KHCN [H23.23.01.03]. Các tiêu chí định lượng khối lượng NCKH của giảng viên và cán bộ nghiên cứu được quy định trong tiêu chí đánh giá điểm thi đua cho hoạt động KH&CN trong văn bản số 1179/ĐHDT ngày 06/9/2017; và được cập nhật theo quyết định số 5323/QĐ-ĐHDT ngày 31/12/2020 [H23.23.01.04]. Việc theo dõi và đánh giá các hoạt động KHCN toàn trường được giao cho các cán bộ chuyên trách thuộc Phòng KHCN. Các sản phẩm NCKH của từng đơn vị, từng cán bộ giảng viên hàng năm được lưu trữ trong CSDL ở

phòng KHCN dưới dạng bản in và file Excel, và được quy đổi thành điểm thi đua NCKH của năm học tương ứng. Cán bộ và giảng viên phải đạt 12 điểm quy đổi trở lên sẽ được xem là hoàn thành nhiệm vụ NCKH của năm học. Đối với các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc, Phòng KHCN sẽ trình Ban Thi đua của trường để xem xét khen thưởng. Với cán bộ nghiên cứu, kết quả nghiên cứu còn được giám sát bởi Quy định về công việc và chính sách đối với tiến sĩ, cán bộ nghiên cứu, ban hành kèm Quyết định số 878/QĐ-ĐHDT ngày 15/4/2016 [H23.23.01.04]. Theo đó, các tiến sĩ được chia thành 3 nhóm tùy theo công việc: Tiến sĩ nghiên cứu, tiến sĩ quản lý, và tiến sĩ giảng dạy. Với mỗi nhóm, văn bản này cũng quy định rõ chỉ tiêu về khối lượng và chất lượng nghiên cứu mà nhà nghiên cứu phải thực hiện trong năm [H23.23.01.05].

Từ những quy định mang tính thúc đẩy nghiên cứu đó, kể từ 2017, số lượng các công trình NCKH, trong đó có bài báo trong nước và quốc tế của trường tăng nhanh. Tăng trưởng bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2017-2021 là 44.4%. Các công bố bài báo trong nước và quốc tế giai đoạn 2017-2021 được cho ở bảng dưới đây, và danh mục chi tiết được cho ở minh chứng [H23.23.01.06]:

Bảng 23. 1. Thống kê các công bố trong và ngoài nước 05 năm

Loại	Năm					Tổng
	2017	2018	2019	2020	2021	
Đề tài cấp NCKH của CBGV	76	88	49	45	78	336
Đề tài Nafosted	10	11	9	9		39
Đề tài cấp Nhà nước		1				1
Đề tài cấp Tỉnh, Thành phố		1	1			1
Đề tài Nghị định thư			1			1
Dự án tài trợ trong nước				1		1
Bài báo ISI	343	495	1036	2533	1950	6357
Bài báo SCOPUS	17	18	76	72	34	217
Bài báo quốc tế khác	16	38	39	38	27	158
Bài Hội nghị thuộc Scopus	7	12	31	37	36	123
Bài báo Tạp chí Ngành	80	123	120	177	97	597
Bài báo Tạp chí Trường	116	73	154	107	47	497

Bài Hội nghị Quốc tế	53	70	63	39	17	242
Bài Hội nghị Trong nước	34	45	40	37	25	181
Sách xuất bản quốc tế		1	2	1	1	5
Chương sách	9	22	39	38	37	145
Chương sách thuộc Scopus				2	0	2
Biên tập Sách		7	10	7	11	35
Tổng	761	1005	1670	3143	2360	8938

Để ghi nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, việc thu thập thông tin ban đầu được thực hiện thông qua ghi nhận các kiến nghị trong báo cáo hàng tháng mỗi đơn vị gửi về cho Văn phòng trường trong các năm 2017 và 2018. Kể từ năm 2019 cho đến nay, việc lấy ý kiến phản hồi được thực hiện thông qua phiếu khảo sát trực tuyến sau khi kết thúc mỗi năm học với hơn 100 cán bộ giảng viên tham gia. Kết quả thu được từ việc khảo sát cho thấy trong năm 2019 có 70.8% người khảo sát hài lòng với chất lượng cũng như chính sách NCKH của cán bộ giảng viên trong trường. Tỷ lệ này tăng lên 79,1% và 83.8% trong các năm 2020 và 2021 [H23.23.01.07]. Các kiến nghị thu được từ các đợt khảo sát cũng được tập hợp, nghiên cứu và tiến hành điều chỉnh cho phù hợp.

Nhằm đánh giá hiệu quả của hoạt động NCKH, hằng năm nhà trường thực hiện đối sánh kết quả nghiên cứu của đội ngũ giảng viên thông qua nhiều kênh: (a) đối sánh nội bộ; (b) đối sánh trong nước; và (c) đối sánh quốc tế. Với đối sánh nội bộ, nhà trường đánh giá kết quả NCKH chung của toàn trường thông qua công tác sơ kết, tổng kết NCKH [H23.23.01.08]; đánh giá định lượng đối với từng cán bộ giảng viên thông qua kết quả thi đua NCKH [H23.23.01.09]. Với đối sánh trong nước, nhà trường đã đối sánh với các trường đại học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thông qua số lượng công trình nghiên cứu được Sở KHCN thành phố Đà Nẵng trao tặng bằng khen hàng năm [H23.23.01.10]. Trường Đại học Duy Tân có đến 03 loại hình nghiên cứu được khen thưởng, gồm: Giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ SHTT, công trình đạt giải thưởng KHCN quốc gia, và bài báo ISI; trong khi Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng chỉ có 02, và các trường còn lại chỉ có 01 loại hình được khen thưởng. Cụ thể, giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ SHTT đó là sáng chế “Máy đóng nan lô tự động” của nhóm tác giả Vũ Dương và cộng sự; công trình đạt giải thưởng quốc gia đó là: Giải nhất Nhân tài Đất Việt 2017, giải thưởng Sao Khuê 2018 của nhóm tác giả Lê Nguyên Bảo –

Lê Văn Chung và cộng sự. Số lượng các bài báo ISI được khen thưởng của nhà trường hàng năm cũng luôn gần gấp đôi trường có nhiều bài báo đứng thứ hai là Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Ngoài ra, theo một số phân tích về năng suất công bố quốc tế của các trường đại học trong nước, trong những năm gần đây, Trường Đại học Duy Tân luôn duy trì là một trong 05 cơ sở giáo dục đại học có năng suất công bố quốc tế tốt nhất Việt Nam. Với đối sánh quốc tế, nhà trường đã lọt Top 300 các trường đại học Châu Á theo QS Ranking, và xếp 601-700 thế giới theo tổ chức xếp hạng Shanghai Ranking. Tháng 10/2021, lần đầu tiên trường được tổ chức xếp hạng uy tín nhất thế giới, Times Higher Education (THE), xếp vào Top 401-500 các trường đại học tốt nhất thế giới cho năm 2022 [H23.23.01.11].

Mặc dù đã đạt những thành tích đạt được như vậy, nhà trường vẫn còn có những vấn đề cần khắc phục và cải thiện hơn nữa, trong đó có sự không đồng đều trong hoạt động nghiên cứu giữa các nhóm đối tượng. Các sản phẩm nghiên cứu hầu hết xuất phát từ đội ngũ cán bộ nghiên cứu ở các viện và trung tâm nghiên cứu, trong khi đội ngũ giảng viên ở các khoa còn trẻ chưa có kinh nghiệm nghiên cứu chiếm phần lớn. Thông qua đối sánh, nhà trường đã đề ra kế hoạch cải tiến nhằm tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên, cụ thể ban hành quy chế phối hợp giữa viện nghiên cứu và các khoa theo QĐ số 3831/QĐ-ĐHDT ngày 01/10/2019 [H23.23.01.12]. Việc gắn kết lực lượng nghiên cứu chuyên nghiệp của các Viện nghiên cứu thuộc trường với giảng viên trẻ ở các khoa với kỳ vọng sẽ thúc đẩy được năng suất nghiên cứu của trường tốt hơn nữa. Ngoài ra, qua khảo sát cho thấy có nhiều CBGV mong muốn nhà trường cải tiến tiêu chí đánh giá và mức điểm thi đua NCKH. Chính vì lẽ đó, nhà trường đã tiến hành rà soát và ban hành quyết định số 5323/QĐ-ĐHDT ngày 31/12/2020 quy định các tiêu chí thi đua NCKH mới, cũng như nâng thang điểm đánh giá thi đua từ 10 lên 12 điểm [H23.23.01.04]. Việc nâng mức đánh giá này với kỳ vọng sẽ tạo động lực cho cán bộ giảng viên tham gia nghiên cứu nhiều hơn nữa.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Kèm theo sự phát triển NCKH của cán bộ, giảng viên, nhà trường cũng rất chú trọng đến phát triển NCKH của người học, đồng thời khuyến khích người học khởi

nghiệp bằng cách đề ra sứ mạng mới, trong đó gắn việc đào tạo với khởi nghiệp của người học [H23.01.01.03], [H23.01.01.04]. Để hỗ trợ cho việc đó, trường đã thành lập Trung tâm Khởi nghiệp theo Quyết định số 1291/QĐ-ĐHDT, ngày 31/5/2019 [H23.23.02.01]. Hằng năm, nhà trường ban hành kế hoạch NCKH tổng thể, trong đó có kế hoạch NCKH sinh viên [H23.23.02.02]. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập tại điều 6 Quy định NCKH của sinh viên [H23.23.02.03], gồm có: đề tài, dự án NCKH sinh viên, các dự án khởi nghiệp; tham gia hội thảo khoa học, câu lạc bộ học thuật; các cuộc thi học thuật các cấp, bao gồm quốc gia và quốc tế; công bố kết quả nghiên cứu; v.v... Số lượng và chất lượng NCKH của người học cũng được quy định tại mục c, khoản 4, điều 9 và điều 15 của quy định nói trên.

Việc theo dõi hoạt động NCKH của người học được giao cho khoa và giảng viên hướng dẫn triển khai thực hiện, Phòng KHCN theo dõi ra quyết định giao nhiệm vụ, tổ chức nghiệm thu, tổng hợp, đề xuất đề tài đạt yêu cầu tham gia các cuộc thi trong và ngoài nước. Việc theo dõi, giám sát này thực hiện theo điều 5, 6, và 7 của Quy định số 3666/QĐ-ĐHDT và Khoản 3 Điều 8 của Quy định NCKH sinh viên số 4540/QĐ-ĐHDT [H23.23.01.02], [H23.23.02.03]. Tất cả các hoạt động KHCN của người học được cập nhật và lưu trữ vào CSDL của Phòng KHCN dưới dạng file Word và Excel.

Thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học do phòng KHCN phối hợp các khoa thực hiện thông qua biên bản xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài hàng năm [H23.23.02.04]. Ngoài ra, để thu thập thêm thông tin phản hồi về chất lượng hoạt động NCKH của người học, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan thông qua khảo sát trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy, trong các năm 2019 đến 2021, tỉ lệ người được khảo sát hài lòng lần lượt là 83.8%, 91.8%, và 89.4% [H23.23.01.07].

Hằng năm, phòng KHCN tổng hợp bảng thống kê đối sánh loại hình, số lượng nghiên cứu của người học các năm từ 2017-2021 [H23.23.02.05].

Bảng 23. 2. Thống kê NCKH của sinh viên

	2017	2018	2019	2020	2021
Đề tài NCKH của sinh viên	180	164	166	105	182
Giải thưởng trong nước	12	51	22	16	

Giải thưởng quốc tế	1	7	3		
---------------------	---	---	---	--	--

Qua số liệu thống kê cho thấy, số lượng các đề tài NCKH của sinh viên đạt mức trung bình 160 đề tài/năm. Ngoài thực hiện đề tài, sinh viên còn chú trọng tham gia các cuộc thi trong và ngoài nước, đạt được nhiều giải cao. Chẳng hạn nhiều năm liền sinh viên của Trường đạt giải từ khuyến khích trở lên cuộc thi IDEER – Mô hình nhà chống động đất tại Đài Loan; vô địch liên tiếp cuộc thi CDIO quốc tế tại Canada, Nhật, Mỹ; xếp hạng Top đầu trong xếp hạng CTFTIME về An ninh mạng quốc tế. Ngoài ra, nhà trường đã lựa chọn các đề tài NCKH sinh viên xuất sắc để giới thiệu ứng dụng trong doanh nghiệp hoặc ươm tạo khởi nghiệp, trong đó có đề tài được đánh giá cao và triển khai vào thực tế, như: robot hướng dẫn tại Sân bay Đà Nẵng [H23.23.02.06]. Một số đề tài đạt các giải thưởng khởi nghiệp quốc gia, như: “Biến thức ăn thừa thành phân bón” - giải Ba cuộc thi Sáng kiến năng lượng bền vững 2021 do Liên hiệp các Hội KHKT Việt Nam (VUSTA) tổ chức; “Giường ngủ thông minh” - giải Ba cuộc thi Khởi nghiệp Quốc gia 2020 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức; Sinh viên Hà Mỹ Duyên đạt giải thưởng Nữ sinh viên tiêu biểu trong lĩnh vực KHCN do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trao tặng v.v... [H23.23.02.07].

Thông qua rà soát, lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về số lượng và chất lượng nghiên cứu của người học [H23.23.01.07], nhà trường đã nhận được nhiều ý kiến góp ý cần tăng chế độ chính sách NCKH cho người học. Chính vì vậy, phòng KHCN đã tham mưu cho BGH thực hiện nhiều biện pháp cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động KHCN của người học. Cụ thể, phòng đã tham mưu nhà trường ban hành Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên, trong đó người học khi thực hiện NCKH được hưởng rất nhiều quyền lợi: được sử dụng CSVC của Trường, được hỗ trợ kinh phí thực hiện nghiên cứu, được hỗ trợ phí xuất bản nếu đăng bài báo, được hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, được ưu tiên cộng điểm học tập, rèn luyện (khoản 1, điều 13); và đặc biệt được thưởng điểm NCKH (điều 15) [H23.23.02.03]. Ngoài những quyền lợi hỗ trợ người học, phòng KHCN cũng tham mưu nhà trường ban hành Bảng tiêu chí đánh giá thi đua NCKH cập nhật dành cho cán bộ giảng viên theo quyết định số 5323/QĐ-ĐHDT [H23.23.01.04]. Đây là bảng cập nhật các tiêu chí đánh giá thay thế cho văn bản số 1179/QĐ-ĐHDT trước đó; trong đó quyền lợi của người hướng dẫn sinh viên NCKH

được nâng cao hơn.

Nhà trường đã có đầy đủ văn bản quy định cụ thể, có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ, hiệu quả về loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu của người học; có CSDL luôn được cập nhật, có thực hiện đối sánh và cải tiến.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Loại hình công bố khoa học được quy định tại khoản 2, 3, 6 điều 4 của Quy định số 3666/QĐ-ĐHDT đối với giảng viên, sinh viên; và tại điều 2 Quy định số 878/QĐ-ĐHDT đối với cán bộ nghiên cứu [H23.23.01.02], [H23.23.01.05]. Loại hình công bố khoa học bao gồm: bài báo ISI, Scopus, bài báo quốc tế khác; bài báo trên tạp chí ngành thuộc danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước; báo cáo đăng trên kỷ yếu của các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế; bằng sáng chế, hoặc giải pháp hữu ích được bảo hộ; v.v... Số lượng các công bố khoa học trong giai đoạn 2017-2021 được xác định và cụ thể hóa trong các kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm [H20.20.02.02].

Loại hình và số lượng công bố khoa học được theo dõi, giám sát bởi phòng KHCN. Việc theo dõi, giám sát công bố khoa học được thực hiện theo quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ của phòng KHCN số 4775/QĐ-ĐHDT, ngày 30/12/2017 [H23.23.01.03]. Phòng KHCN đã cử cán bộ chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát các công bố khoa học của cán bộ, giảng viên, và sinh viên [H23.23.03.01]. Ở mỗi năm học, các cán bộ, giảng viên gửi minh chứng về phòng KHCN cho đến trước ngày 20/6 hàng năm theo quy định (khoản 7, điều 5, QĐ số 3666/QĐ-ĐHDT). Phòng KHCN có trách nhiệm tiếp nhận, lập danh mục theo từng năm/năm học; lưu trữ thông tin vào CSDL; và lưu trữ các bản in hoặc file mềm vào các hộp minh chứng hoặc vào máy tính. Đối với bài báo quốc tế ISI hoặc Scopus, nhà trường sử dụng CSDL Scopus để trích xuất dữ liệu bài báo, chỉ số IF và trích dẫn; đồng thời xây dựng CSDL nội bộ nhằm theo dõi, phân tích, đánh giá số lượng và trích dẫn của các bài báo. Nhằm chuẩn hóa tên của Trường Đại học Duy Tân bằng tiếng Anh trên các công bố khoa học, nhà trường đã ra thông báo số 172/TB-ĐHDT ngày 10/3/2020 [H23.23.03.02]. Việc chuẩn hóa tên gọi bằng tiếng Anh giúp cho Trường hội nhập tốt hơn nhờ làm tăng nhận diện thương hiệu

Trường Đại học Duy Tân trong cộng đồng khoa học, qua đó tăng tính chính xác trong việc xếp hạng. Các công bố quốc tế có chất lượng cao được Phòng KHCN theo dõi, giám sát và tham mưu cho BGH thực hiện khen thưởng cho cán bộ, giảng viên và cán bộ nghiên cứu theo quy định tại Điều 11, Quyết định số 3666/QĐ-ĐHDT. Đơn cử, bài báo ISI xếp hạng Q1 sẽ được thưởng mức tối đa là 40 triệu đồng; hạng Q2 được thưởng 30 triệu đồng; v.v... [H23.23.01.02].

Thông tin phản hồi về loại hình, số lượng công bố khoa học được phòng KHCN thu thập từ báo cáo hằng năm của các đơn vị, cũng như kiến nghị của CBGV tại các buổi họp tổng kết KHCN toàn trường [H23.23.01.08]. Ngoài ra, dưới sự chỉ đạo của BGH, phòng KHCN tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng công bố khoa học, kể cả trích dẫn bằng hình thức khảo sát trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ CBGV hài lòng tăng dần qua các năm, lần lượt là 78.3%; 88.4%; và 90.6% của các năm 2019 đến 2021 [H23.23.01.07].

Với CSDL nội bộ tự xây dựng, nhà trường đã thực hiện đối sánh về loại hình, số lượng và trích dẫn của các bài báo khoa học từ năm 2017 đến năm 2021 [H23.23.03.03]. Bảng thống kê đối sánh loại hình, số lượng công bố khoa học, bao gồm trích dẫn của nhà trường theo từng năm, từ năm 2017 đến 2020 như dưới đây.

Bảng 23.3.1 Thống kê loại hình, số lượng công bố, bao gồm trích dẫn từ 2017 đến 2021

Loại	Năm					Tổng
	2017	2018	2019	2020	2021	
Đề tài cấp NCKH của CBGV	76	88	49	45	78	336
Đề tài Nafosted	10	11	9	9		39
Đề tài cấp Nhà nước		1				1
Đề tài cấp Tỉnh, Thành phố		1	1			1
Đề tài Nghị định thư			1			1
Dự án tài trợ trong nước				1		1
Bài báo ISI	343	495	1036	2533	1950	6357
Bài báo SCOPUS	17	18	76	72	34	217
Bài báo quốc tế khác	16	38	39	38	27	158
Bài Hội nghị thuộc Scopus	7	12	31	37	36	123

Bài báo Tạp chí Ngành	80	123	120	177	97	597
Bài báo Tạp chí Trường	116	73	154	107	47	497
Bài Hội nghị Quốc tế	53	70	63	39	17	242
Bài Hội nghị Trong nước	34	45	40	37	25	181
Sách xuất bản quốc tế		1	2	1	1	5
Chương sách	9	22	39	38	37	145
Chương sách thuộc Scopus				2	0	2
Biên tập Sách		7	10	7	11	35
Trích dẫn (bài báo ISI, Scopus)	3135	8185	15457	34647	49217	110641
Tổng (trừ trích dẫn)	761	1005	1670	3143	2360	8938

Từ bảng đối sánh có thể nhận thấy số lượng và trích dẫn của các công bố của nhà trường tăng nhanh qua các năm. Ngoài ra, nhà trường cũng thực hiện đối sánh số lượng công bố quốc tế với các trường đại học trong nước. Theo số liệu các năm 2018 và 2019, Trường Đại học Duy Tân có số lượng công bố khoa học nằm trong Top 5; có số lượng trích dẫn thuộc Top 2 so với tất cả các trường đại học trong cả nước [H23.23.03.04]. Đối sánh riêng với Đại học Đà Nẵng trong giai đoạn 2014-2018, số lượng công bố và trích dẫn của Trường Đại học Duy Tân gần gấp đôi và gấp ba so với Đại học Đà Nẵng.

Bảng 23.3.2 Đối sánh loại hình, số lượng công bố, bao gồm trích dẫn, giai đoạn 2014-2018 với Đại học Đà Nẵng

STT	Tên trường	Số bài báo ISI/Scopus	Tổng số trích dẫn
1	Trường Đại học Duy Tân	1333	15777
2	Đại học Đà Nẵng	770	5736

Việc cải tiến, điều chỉnh về loại hình và số lượng công bố khoa học được xác lập qua biên bản họp tổng kết công tác NCKH và bản báo cáo tổng kết công tác NCKH hàng năm [H23.23.01.08], [H23.23.03.05]. Nhằm khuyến khích đội ngũ giảng viên trẻ NCKH và công bố khoa học, nhà trường đã xây dựng tạp chí KH&CN của Trường với 05 ngành đã lọt vào danh mục tính điểm của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước [H23.23.03.06]. Đây là nơi để các giảng viên trẻ ở các khoa gửi đăng bài báo của mình, và hoàn toàn được miễn phí xuất bản. Ngoài ra, nhà trường cũng xây dựng tạp chí quốc tế EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems nhằm giúp CBGV đăng bài báo quốc tế [H23.23.03.07]. Tạp chí này đã được CSDL Scopus

chỉ mục từ năm 2021 [H23.23.03.08]. Với việc thành lập 2 tạp chí trong nước và quốc tế, nhà trường kỳ vọng các tạp chí này sẽ giúp nâng cao số lượng cũng như chất lượng các công bố khoa học, kể cả nâng cao trích dẫn.

Như vậy, nhà trường đã có đầy đủ văn bản quy định cụ thể và có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ, hiệu quả về loại hình, số lượng và chất lượng công bố khoa học, bao gồm cả trích dẫn, có CSDL luôn được cập nhật, đối sánh để cải tiến.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Các loại hình tài sản trí tuệ của nhà trường được xác lập tại điều 13 Quy định quản lý các hoạt động KHCN theo QĐ số 3666/QĐ-ĐHDT ngày 01/11/2017 [H23.23.01.02], bao gồm: các loại tác phẩm khoa học, sách, giáo trình, bài giảng, bài báo; các loại sơ đồ, bản đồ, bản vẽ; chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu; tác phẩm điện ảnh và sản phẩm liên quan; tên Trường, logo, nhãn hiệu liên quan; kết quả công trình kỹ thuật, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thiết kế mạch tích hợp; sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, linh kiện, máy móc, thiết bị; giống cây trồng, vật nuôi, và các sản phẩm khác theo quy định.

Trường giao Phòng KHCN phụ trách theo dõi giám sát các loại hình tài sản trí tuệ của trường tại Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ số 4775/QĐ-ĐHDT [H23.23.01.03], và hướng dẫn đăng ký cấp bằng sáng chế với Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Cơ quan quản lý Sở hữu trí tuệ quốc tế tại điều 16 Quy định số 3666/QĐ-ĐHDT [H23.23.01.02]. Nhà trường có CSDL về tài sản trí tuệ được cập nhật thường xuyên, do một cán bộ phòng KHCN phụ trách. CSDL về tài sản trí tuệ được cập nhật trên phần mềm Word, Excel và bản in được lưu trữ ở phòng KHCN.

Phòng KHCN tổng hợp bảng thống kê đối sánh loại hình, số lượng tài sản trí tuệ của nhà trường trong từng năm và 5 năm từ 2017 đến 2021 [H23.23.04.01]. Có thể thấy loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của nhà trường tăng dần qua các năm.

Bảng 23.4.1. Bảng thống kê tài sản trí tuệ qua 5 năm

Loại	Năm					Tổng
	2017	2018	2019	2020	2021	
Đề tài cấp NCKH của CBGV	76	88	49	45	78	336
Đề tài Nafosted	10	11	9	9		39
Đề tài cấp Nhà nước		1				1
Đề tài cấp Tỉnh, Thành phố		1	1			1
Đề tài Nghị định thư			1			1
Dự án tài trợ trong nước				1		1
Bài báo ISI	343	495	1036	2533	1950	6357
Bài báo SCOPUS	17	18	76	72	34	217
Bài báo quốc tế khác	16	38	39	38	27	158
Bài Hội nghị thuộc Scopus	7	12	31	37	36	123
Bài báo Tạp chí Ngành	80	123	120	177	97	597
Bài báo Tạp chí Trường	116	73	154	107	47	497
Bài Hội nghị Quốc tế	53	70	63	39	17	242
Bài Hội nghị Trong nước	34	45	40	37	25	181
Sách xuất bản quốc tế		1	2	1	1	5
Chương sách	9	22	39	38	37	145
Chương sách thuộc Scopus				2		2
Biên tập Sách		7	10	7	11	35
Sách chuyên khảo			1	1	1	3
Sách giáo trình	3	1	2		3	9
Sách tham khảo	1	1	1		2	5
Sách chuyên khảo			1	1	1	3
Bằng sáng chế		1	2	5	8	16
Tổng	765	1008	1677	3150	2375	8974

Đặc biệt trong giai đoạn 2017-2021, nhà trường đã có hơn 16 bằng sáng chế, trong đó có 3 bằng sáng chế được Cục Sở hữu trí tuệ cấp, và 13 bằng sáng chế được Cơ quan Quản lý sáng chế các nước Hàn Quốc, Úc, Nga, Ấn Độ... cấp [H23.23.04.02].

Ngoài ra, nhà trường còn đối sánh loại hình, số lượng tài sản trí tuệ của Trường

với Đại học Đà Nẵng (dữ liệu trên website của Đại học Đà Nẵng). So với Đại học Đà Nẵng, số lượng bằng sáng chế của Trường Đại học Duy Tân nhiều hơn, và đang tiếp tục gia tăng.

Bảng 23.4.2. Đối sánh về bằng sáng chế trong 5 năm, 2017-2021

Trường	Năm					Tổng
	2017	2018	2019	2020	2021	
Trường Đại học Duy Tân		1	2	5	8	16
Đại học Đà Nẵng		1	5	5		11

Nhằm cải tiến hơn nữa chất lượng của hoạt động sở hữu trí tuệ, nhà trường đã tiến hành thu thập các kiến nghị từ các báo cáo tháng của các đơn vị trong năm 2017 và 2018; và thực hiện khảo sát các bên liên quan trong các năm từ 2019 đến 2021 [H23.23.01.07]. Kết quả cho thấy tỉ lệ các ý kiến hài lòng của các đợt khảo sát đều đạt trên 75.1%. Các ý kiến chưa hài lòng bao gồm: thông tin về các hoạt động sở hữu trí tuệ trong trường chưa được phổ biến rộng rãi; kinh phí dành cho hoạt động sở hữu trí tuệ chưa được quan tâm đúng mức; phần mềm chống đạo văn chưa được sử dụng rộng rãi.

Căn cứ vào thông tin phản hồi thu nhận được, nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả hoạt động Sở hữu trí tuệ và đề ra các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao số lượng và loại hình Sở hữu trí tuệ thông qua các buổi tổng kết cuối năm [H23.23.01.04]. Theo đó, nhà trường đã thành lập các trung tâm nghiên cứu cơ bản và ứng dụng đặt tại trường [H23.23.04.03] và đội ngũ chuyên trách về sở hữu trí tuệ. Các trung tâm này bên cạnh xuất bản các công bố quốc tế, bước đầu đã có một số sản phẩm được cấp bằng bảo hộ độc quyền trong nước, cũng như các bằng sáng chế quốc tế [H23.23.04.02]. Chẳng hạn, sản phẩm “Máy đóng nan lô tự động” sau khi hoàn thành đăng ký sáng chế đã được áp dụng tại nhà máy thông tin M3 thuộc Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel. Nhà trường cũng đã có chính sách khen thưởng các sản phẩm Sở hữu trí tuệ thông qua QĐ 3666/QĐ-ĐHDT. Các tài sản trí tuệ được theo dõi giám sát và cập nhật trong CSDL ở Phòng KHCN.

Nhà trường đã có đầy đủ văn bản quy định cụ thể và có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ, hiệu quả về loại hình, số lượng và chất lượng tài sản trí tuệ, có CSDL về tài sản trí tuệ luôn được cập nhật, đối sánh để cải tiến. Tuy nhiên cán bộ, giảng viên phần lớn chưa nắm được thông tin về các hoạt động liên quan sở hữu trí tuệ; chưa ý

thức được quyền sở hữu trí tuệ đúng mức.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường Đại học Duy Tân là trường đại học tư thục, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi. Căn cứ theo chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2016-2020 [H23.23.01.01], Nhà trường xây dựng và ban hành chiến lược phát triển nguồn tài chính dựa trên kế hoạch tài chính của các đơn vị hằng năm của trường [H23.23.05.01], trong đó phân bổ kinh phí từ 4-5% tổng thu cho hoạt động NCKH. Kinh phí sẽ phân bổ cho các hoạt động mua sắm thiết bị, hóa chất phục vụ nghiên cứu, cũng như khen thưởng cho cán bộ giảng viên và sinh viên, đơn vị có thành tích nghiên cứu xuất sắc. Phòng Kế hoạch tài chính tổng hợp dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động KHCN mỗi năm, và trình BGH quyết định.

Bảng 23.5.1 Bảng dự trù kinh phí các hoạt động KHCN hàng năm

Năm học	Ngân sách (đồng)
2016-2017	3.800.000.000
2017-2018	4.100.000.000
2018-2019	4.620.000.000
2019-2020	5.452.000.000
2020-2021	6.170.000.000
2021-2022	7.500.000.000
Cộng:	31.642.000.000

Tổng chi cho hoạt động KHCN đã tương đối đáp ứng các quy định hiện hành và nhu cầu của nhà trường.

Để tăng tính minh bạch của hoạt động phân bổ ngân quỹ đối với từng loại hình nghiên cứu, nhà trường đã tiến hành thu thập ý kiến phản hồi từ báo cáo tháng các đơn vị [H23.23.05.02]. Ngoài ra kể từ năm 2019, nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan bằng phiếu điều tra đối với cán bộ giảng viên và cán bộ nghiên cứu. Kết quả lấy ý kiến phản hồi cho thấy mức độ hài lòng năm 2019 là tương đối thấp, chỉ đạt 66%. Tuy nhiên, sự hài lòng về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu các năm 2020 và 2021 đã tăng lên 76.1% và 79.9%

[H23.23.01.07]. Các ý kiến chưa hài lòng đó là: xử lý thanh toán kinh phí còn chậm; thủ tục nhận thanh toán cho sinh viên còn rườm rà; quy trình nghiệm thu đề tài còn phức tạp; chế độ chính sách chưa rõ ràng.

Việc giám sát phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được thực hiện liên tục hàng năm qua báo cáo tổng kết công tác tài chính và báo cáo kiểm toán [H7.07.01.07], [H7.07.01.08]. Nhà trường giao Phòng Kế hoạch-Tài chính quản lý, giám sát và phân bổ ngân quỹ cho tất cả các hoạt động NCKH toàn trường [H23.23.01.03]. CSDL về hoạt động của các quỹ nghiên cứu được cập nhật thường xuyên và lưu trữ tại Phòng Kế hoạch - Tài chính.

Bảng 23.5.2 Đối sánh ngân quỹ NCKH của Trường

Loại chi	Tổng kinh phí (đồng)
Đề tài cấp NCKH của Cán bộ, Giảng viên	2.000.000.000
Đề tài NCKH của sinh viên	2.230.000.000
Đề tài Nafosted	33.355.000.000
Đề tài cấp Nhà nước	5.460.000.000
Đề tài cấp Tỉnh, Thành phố	1.250.000.000
Đề tài Nghị định thư	3.200.000.000
Dự án tài trợ trong nước	5.000.000.000

Thông qua việc giám sát, nhà trường thực hiện đối sánh và có kế hoạch điều chỉnh kinh phí cho các loại hoạt động trong các cuộc họp tổng kết và báo cáo tổng kết NCKH hàng năm [H23.23.01.08].

Nhà trường có đầy đủ các văn bản cụ thể về việc phân bổ ngân quỹ NCKH, có hệ thống giám sát chặt chẽ, kinh phí cấp cho hoạt động NCKH kịp thời. Tuy nhiên kinh phí chi cho hoạt động KHCN của cán bộ giảng viên và sinh viên còn hạn chế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Kết quả nghiên cứu và sáng tạo tại Trường Đại học Duy Tân được xác lập thông

qua kế hoạch hoạt động và chiến lược phát triển nhà trường của HĐQT giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025-2030, QĐ số 2841/QĐ-ĐHDT, ngày 03/10/2016 [H23.23.01.01], trong đó nêu rõ Trường Đại học Duy Tân phấn đấu trở thành một trường đại học nghiên cứu ứng dụng. Hoạt động NCKH, bao gồm việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao công nghệ được giám sát bởi quy định về NCKH tại điều 15 của Quyết định 3666/QĐ-ĐHDT [H23.23.01.02].

Nhà trường giao phòng KHCN thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng nghiên cứu và sáng tạo, công tác thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp [H23.23.01.03]. Phòng KHCN đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến trong các năm 2019, 2020 và 2021 [H23.23.01.07]. Kết quả cho thấy tỷ lệ hài lòng về hoạt động nghiên cứu và sáng tạo năm 2019 còn thấp, tương ứng 69.1%. Đến năm 2020 và 2021, tỷ lệ hài lòng đã tăng lên 77% và 82.6%. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan còn thông qua các cuộc họp tổng kết đánh giá kết quả KHCN hàng năm [H23.23.01.08].

Thông qua ý kiến khảo sát được, và cũng nhằm hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu sáng tạo trong nhà trường, trường đã thành lập một số trung tâm nghiên cứu ứng dụng đặt tại trong khuôn viên trường [H23.23.06.01], một Trung tâm Khởi nghiệp hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp [H23.23.02.01] và Phòng Hợp tác doanh nghiệp và Chuyển giao công nghệ [H22.22.03.03] với nhiệm vụ thiết lập mối quan hệ với các doanh nghiệp cũng như tìm kiếm đối tác chuyển giao các sản phẩm nhà trường nghiên cứu được. Các đơn vị khởi nghiệp này đã có những sản phẩm nghiên cứu sáng tạo được giải thưởng quốc gia rất uy tín như: Giải nhất Nhân tài Đất Việt 2017, giải thưởng Sao Khuê, giải Nhì Make-In-Vietnam 2020,... [H23.23.06.02]. Các sản phẩm là phần mềm được nghiên cứu phát triển bởi các trung tâm này đã được ứng dụng rất hiệu quả tại nhiều đơn vị chức năng trong trường; chẳng hạn: phần mềm quản lý nhân sự; phần mềm quản lý công tác đào tạo myDTU; phần mềm quản lý công tác tuyển sinh; phần mềm quản lý tài sản Bravo; phần mềm quản lý tài chính FnP; Phần mềm thu học phí; v.v...

Ngoài chức năng nghiên cứu phát triển các sản phẩm, nhà trường còn đẩy mạnh hoạt động chuyển giao các sản phẩm đó cho các tổ chức, công ty có nhu cầu. Cụ thể, nhà trường đã ký kết và chuyển giao phần mềm 3D Anatomy Now cho công ty cổ phần

VinTesGroup (Hà Nội); hoặc đã chuyển giao sản phẩm Máy đóng nan lô tự động cho công ty MTV Thông tin M3 (Hà Nội) với tổng giá trị hợp đồng 501 triệu đồng [H23.23.06.03].

Các kết quả nghiên cứu và sáng tạo này được đối sánh nhằm đánh giá hiệu quả đầu tư thông qua các cuộc họp tổng kết và báo cáo tổng kết NCKH mỗi năm [H23.23.03.04]. Qua đó cho thấy dù số lượng và chất lượng của hoạt động nghiên cứu sáng tạo còn khiêm tốn, nhưng nhà trường cũng đã có những sản phẩm chuyển giao và áp dụng thành công tại các đơn vị trong nước.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có đội ngũ nghiên cứu đông đảo, được đào tạo bài bản ở các nước tiên tiến: Mỹ, Đức, Nhật, Hàn Quốc. Lực lượng này đóng tại các viện nghiên cứu trải khắp 3 miền, đã đóng góp số lượng lớn công bố quốc tế chất lượng cao, thu hút hàng trăm nghìn trích dẫn. Qua đó giúp nhà trường đạt được những vị thế cao trên các bảng xếp hạng uy tín trên thế giới.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Giảng viên trẻ các khoa chưa tham gia nghiên cứu, năng lực nghiên cứu còn khiêm tốn, chưa tương xứng với vị thế của trường.
- Nguồn thu từ NCKH của nhà trường cũng chưa tương xứng với chi phí NCKH.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường kết nối các khoa, viện trong việc hỗ trợ và phối hợp nghiên cứu giúp giảng viên trẻ cùng tham gia NCKH	Phòng KHCN. Các khoa và viện nghiên cứu	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường chuyển giao công nghệ các sản phẩm ứng dụng đã nghiên cứu, phối hợp việc giao lưu kết nối giữa đội ngũ nghiên cứu	Các trung tâm nghiên cứu, phòng khoa học công nghệ	Giai đoạn 2022-2027

		với doanh nghiệp, các trung tâm khởi nghiệp		
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục các chính thu hút và tạo thuận lợi các các cán bộ nghiên cứu trong việc công bố quốc tế, tạo các sản phẩm nghiên cứu có tính ứng dụng góp phần vào sự phát triển kinh tế-xa hội của địa phương và cả nước	Các Viện nghiên cứu tại Đà Nẵng, TpHCM, và Hà Nội	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	5,5
Tiêu chí 23.1	6
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	6
Tiêu chí 23.4	6
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	6

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Nhà trường có các văn bản quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, cụ thể như: Ngày 14/3/2017 Ban chấp hành Đảng ủy Trường Đại học Duy Tân đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-ĐU về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác Đoàn và phong trào sinh viên” đặt ra 10 chỉ tiêu phấn đấu, trong đó có chỉ tiêu 100% Đoàn viên tham gia hoạt động cộng đồng [H24.24.01.01]. Chiến lược phát triển Trường Đại học Duy Tân giai đoạn 2016-2020 nêu rõ trong sứ mạng là đào tạo, nghiên cứu gắn liền với khoa học công nghệ nhằm tạo ra những sinh viên và học viên “có trách nhiệm cộng đồng” [H01.01.01.02]. Tại Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn thanh niên Trường Đại học Duy Tân nhiệm kỳ 2017-2019 và nhiệm kỳ 2019-2022 cũng đặt ra chỉ tiêu hành động “100% đoàn viên sinh viên tham gia các phong trào hoạt động của tuổi trẻ, thực hiện văn hóa Duy Tân, văn minh học đường” [H24.24.01.02]. Kế hoạch năm học hằng năm của BGH Trường Đại học Duy Tân cũng đặt ra những nhiệm vụ cụ thể trong công tác quản lý sinh viên về việc giáo dục tư tưởng, văn hóa, định hướng tư tưởng chính trị trong sinh viên và tổ chức các hoạt động tình nguyện, sáng tạo, chăm lo hỗ trợ người học, tổ chức các hoạt động thi đua yêu nước, từ thiện nhân đạo và các hoạt động mang tính cộng đồng trong nhà trường. Năm 2016, nhà trường đã ban hành quy định tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, trong đó xác lập cụ thể mục tiêu và các loại hình hoạt động [H21.21.01.02].

Đối với các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, căn cứ các chỉ tiêu đặt ra trong các kế hoạch chiến lược và nhiệm kỳ, căn cứ kế hoạch công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học hằng năm của đoàn cấp trên, kế hoạch năm học của nhà trường, Đoàn thanh niên Trường Đại học Duy Tân đã cụ thể hóa chương trình hành động với các giải pháp thực hiện qua kế hoạch công tác Đoàn thanh niên và phong trào sinh viên từng năm học [H24.24.01.03]. Trên cơ sở đó, các hoạt động phục vụ cộng đồng được lên kế hoạch tổ chức với các mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian, địa điểm và nội dung thực hiện như hiến máu nhân đạo, chiến dịch tình nguyện mùa đông và xuân tình nguyện, chiến dịch tình nguyện hè, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động tình

nguyên thường xuyên và tại chỗ được triển khai sâu rộng trong sinh viên [H24.24.01.04], [H24.24.01.05]. Công đoàn trường xây dựng kế hoạch tổng thể tổ chức các loại hình từ thiện, nhân đạo trong năm học như hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam, trao quà khuyến học và hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài trường [H24.24.01.06]. Bên cạnh đó tổ chức nhiều chương trình bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu như Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Ban quản lý bán đảo Sơn Trà và các đơn vị liên quan tổ chức ra quân dọn vệ sinh môi trường biển hay tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường qua chương trình kiệt hẻm văn minh xanh [H24.24.01.07]. Đoàn thanh niên cũng chủ động triển khai nhiều chương trình trực tuyến kêu gọi cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường như tổ chức các cuộc thi thử thách sống xanh, youth go green [H24.24.01.08]. Năm 2020, trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, NGU'T. AHLĐ Lê Công Cơ – Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Duy Tân đã có lời kêu gọi “Sống Xanh: Trách nhiệm với Tương lai”, trong đó kêu gọi mọi người cùng tạo ra lối sống xanh gồm ăn uống xanh, sử dụng thực phẩm xanh, vận động xanh, duy trì các thói quen xanh [H24.24.01.09]. Đối với hoạt động chia sẻ tri thức, nhà trường hỗ trợ, tài trợ các cuộc thi khoa học kỹ thuật cho học sinh THPT tại các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên, tài trợ Hội thi tin học trẻ thành phố Đà Nẵng hàng năm [H24.24.01.10], [H24.24.01.11]. Năm 2020, nhà trường tổ chức khóa học robot miễn phí dành cho học sinh THPT tại tỉnh Quảng Ngãi [H24.24.01.11]. Các hoạt động khởi nghiệp, nghiên cứu phục vụ cộng đồng được cụ thể hóa thông qua các cuộc thi như dự án kinh tế cộng đồng, tham gia cuộc thi Hultprize 2021 với chủ đề Food for good, hỗ trợ khởi nghiệp cho học sinh THPT hay nghiên cứu sáng chế các sản phẩm như máy thở hỗ trợ điều trị bệnh nhân Covid-19, xe lăn dành cho người khuyết tật, giường ngủ thông minh, I-tầm: tủ nuôi tầm ứng dụng công nghệ IoT, máy ép thực phẩm thừa, khẩu trang làm từ bã mía, ứng dụng 3D trong giảng dạy y khoa [H24.24.01.12], [H24.24.01.13]. Ngoài ra nhiều chương trình kết nối và phục vụ cộng đồng khác được nhà trường tổ chức dựa trên tình hình thực tiễn.

Nhà trường có hệ thống giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. Căn cứ kế hoạch tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, các đơn vị phụ trách từng loại hình phục vụ cộng đồng có nhiệm vụ lập kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả hoạt động

hàng năm, thực hiện tự giám sát trong quá trình triển khai từng hoạt động, cụ thể: lĩnh vực tình nguyện, nhân đạo do Công đoàn trường và Đoàn thanh niên chịu trách nhiệm; lĩnh vực chia sẻ tri thức do Phòng Hợp tác doanh nghiệp chịu trách nhiệm; lĩnh vực nghiên cứu phục vụ cộng đồng và khởi nghiệp do Phòng Khoa học công nghệ chịu trách nhiệm.

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được đối sánh về loại hình và khối lượng giữa các năm, qua đó rút kinh nghiệm để xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm sau hoặc giai đoạn sau. Kết quả của hoạt động này thường xuyên được tổng hợp, theo dõi thông qua các báo cáo theo năm học, được rà soát điều chỉnh để đa dạng hóa cho các hoạt động của năm sau [H24.24.01.03]. Chương trình tình nguyện mùa hè xanh hàng năm của Đoàn thanh niên trước đây chỉ tổ chức tại địa bàn thành phố Đà Nẵng, đến năm 2018 và năm 2019, nhà trường đã mở rộng địa bàn hỗ trợ đến tỉnh Quảng Ngãi với nhiều phần việc hỗ trợ địa phương nơi đóng quân [H24.24.01.04]. Năm 2020, chiến dịch tình nguyện hè phong phú hơn với 2 nội dung mới là xây dựng mô hình phòng chống rác thải nhựa tại địa phương và mở lớp dạy tiếng Anh miễn phí cho học sinh tiểu học [H24.24.01.04]. So với năm 2019 trở về trước, từ năm 2020, các chương trình tình nguyện phục vụ cộng đồng đã được đa dạng hóa về loại hình do tình hình thực tiễn. Điều này là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 dẫn đến việc hạn chế các hoạt động tập trung đông người, Đoàn thanh niên đã đổi mới phương thức hoạt động, chuyển sang tổ chức nhiều chương trình tình nguyện trực tuyến, tình nguyện tại chỗ và thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Nhiều cuộc thi, chương trình đã nhận được sự hưởng ứng từ đông đảo sinh viên và có sức lan tỏa đối với xã hội, giúp nâng cao ý thức phòng chống dịch cũng như thay đổi thói quen để bảo vệ môi trường sống như cuộc thi thiết kế ấn phẩm truyền thông phòng chống Covid-19, thử thách 20.000 bước chân mỗi ngày, corona hãy tránh xa,... [H24.24.01.08]. Chương trình hỗ trợ các trường THPT tham gia hội thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh được triển khai từ năm 2016 tại địa bàn Quảng Nam, sau đó đến các năm 2019, 2020 trường đã mở rộng địa bàn hỗ trợ ra các tỉnh miền Trung – Tây Nguyên như Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Quảng Trị, Đak Lak. Bên cạnh việc hỗ trợ cuộc thi dưới hình thức tài trợ kinh phí và cán bộ, giảng viên về tập huấn cho các đội thi của các trường và giám khảo chấm thi cho các sở, năm 2020, nhà trường còn hỗ trợ CSVC và cán bộ bồi dưỡng kiến thức về robotics và tự động hóa cho giáo viên cốt

cán môn tin học của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi. Đến năm 2021, nhà trường tiếp tục mở rộng các loại hình và khối lượng chương trình hỗ trợ học sinh THPT tỉnh Quảng Ngãi tham gia cuộc thi sáng tạo robot dành cho học sinh THPT như cử giảng viên tập huấn, hỗ trợ học sinh tham quan, sử dụng các linh kiện có sẵn trong phòng thực hành để chế tạo robot [H24.24.01.11].

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. Căn cứ văn bản quy định, các đơn vị thực hiện thu thập thông tin, phản hồi và báo cáo với BGH theo mảng công việc được phân công. Từ năm học 2019–2020, Đoàn thanh niên bắt đầu triển khai phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về các hoạt động đoàn và phong trào sinh viên nhằm thu thập thông tin phản hồi của người học về các loại hình và khối lượng tham gia vào các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, năm 2019-2020 phát phiếu khảo sát và thu về được 150 phiếu, năm 2020-2021 do dịch Covid-19 nên khảo sát bằng hình thức online thu về được 1820 ý kiến [H24.24.01.14]. Bên cạnh đó, thông qua mạng lưới các ban cán sự chi đoàn, ban chấp hành liên chi Đoàn khoa, giảng viên cố vấn học tập, trang fanpage “Tuổi trẻ Đại học Duy Tân” để thường xuyên thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của người học và phản hồi kịp thời, nhanh chóng [H24.24.01.15]. Chương trình hỗ trợ các trường THPT trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cũng nhận được phản hồi tích cực từ xã hội, đó là cơ sở để nhà trường tiếp tục đầu tư phát triển đội ngũ tham gia hoạt động này [H24.24.01.11].

Trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được lên kế hoạch cải tiến thông qua các đề xuất, giải pháp đưa vào kế hoạch thực hiện của hoạt động tiếp theo hoặc giai đoạn tiếp theo. Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động công tác đoàn và phong trào sinh viên năm học 2019–2020 cho thấy người học có nhu cầu tổ chức thêm nhiều chương trình tình nguyện hỗ trợ cộng đồng, các chương trình hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cần được triển khai thường xuyên hơn, trên cơ sở đó, năm học 2020–2021 nhà trường đã đa dạng hóa các chương trình tình nguyện và hỗ trợ người học về các đề xuất trên, kết quả đã nhận được phản hồi tích cực từ người học qua lần khảo sát năm học 2020-2021 với 89% sinh viên được khảo sát đồng ý rằng các hoạt động tình nguyện được tổ chức rất thường xuyên, kịp thời và rất đa dạng, phù hợp với đoàn viên, sinh viên

[H24.24.01.14]. Trước sự phản hồi tích cực từ xã hội về việc hỗ trợ cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh của các trường THPT, nhà trường đã có sự cải tiến về quy mô hỗ trợ, từ địa bàn 01 tỉnh thành (Quảng Nam năm 2016), nay đã mở rộng ra địa bàn hỗ trợ ra các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên (Quảng Ngãi, Đắk Lắk, từ năm 2018) khối lượng và loại hình hỗ trợ cũng được điều chỉnh tăng qua các năm [H24.24.01.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Mỗi chương trình hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội đều được lập kế hoạch chi tiết và có báo cáo kết quả thực hiện và đánh giá tác động của mỗi hoạt động đối với xã hội và người tham gia, bên cạnh đó việc báo cáo tác động này còn được thực hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học hoặc tổng kết giai đoạn. Từ năm 2017 đến 2021, trường tổ chức 14 đợt hiến máu nhân đạo với hơn 10.146 lượt sinh viên tham gia, thu được 5.300 đơn vị máu; hằng năm đều nhận được bằng khen của Hội liên hiệp thanh niên thành phố Đà Nẵng vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào hiến máu nhân đạo [H24.24.01.01], [H24.24.01.03]. Sự lan tỏa của các hoạt động tình nguyện và tinh thần vì cộng đồng của sinh viên nhà trường còn được thể hiện rõ nét trong các đợt chống dịch Covid-19 cùng thành phố Đà Nẵng và cả nước trong các năm 2020 và năm 2021. Hưởng ứng lời kêu gọi của thành phố và địa phương, nhiều sinh viên trường đã tham gia hiến máu khẩn cấp tại bệnh viện Đà Nẵng, hơn 350 đoàn viên, sinh viên tham gia hỗ trợ công tác kiểm tra y tế tại các chốt kiểm soát dịch của địa phương, hỗ trợ vận chuyển nhu yếu phẩm, dọn dẹp các khu cách ly, đồng hành với tuyến đầu chống dịch tại các bệnh viện dã chiến [H24.24.01.04], [H24.24.02.01]. Đoàn thanh niên đã triển khai sâu rộng các đợt tình nguyện cao điểm thường niên, kết quả tổ chức được 04 lượt chiến dịch tình nguyện hè với hơn 405 đoàn viên sinh viên tham gia tình nguyện làm công tác dân vận, đóng góp 3.811 ngày công, làm mới 757m đường bê tông giao thông nông thôn, trao hơn 205 suất quà cho bà con có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em vượt khó học giỏi trị giá 58,5 triệu đồng, tri ân thấp hương tại các nghĩa trang anh hùng liệt sĩ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhân ngày Thương binh liệt sĩ cùng nhiều chương trình dạy học miễn phí, tuyên truyền kiến thức về sức khỏe, sửa chữa thiết bị điện hộ gia đình, tặng các mô hình phòng chống rác thải nhựa tại địa phương,

phối hợp với các đơn vị bạn hỗ trợ sửa chữa và xây dựng được 01 căn nhà cho hộ chính sách, hộ nghèo [H24.24.01.01], [H24.24.01.04], [H24.24.02.02]. Tại lễ kỷ niệm ngày Truyền thống học sinh sinh viên hằng năm, Đoàn thanh niên – Hội sinh viên Trường Đại học Duy Tân cũng xét chọn và trao các suất học bổng tiếp sức đến trường và hỗ trợ vé xe về quê ăn tết cho đoàn viên sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với tổng giá trị gần 100 triệu đồng [H24.24.02.03]. Các hoạt động tri ân, thăm hỏi các nhân chứng lịch sử, các bà mẹ Việt Nam Anh hùng cũng được Đoàn thanh niên triển khai nhân các dịp lễ lớn [H24.24.02.04], [H24.24.01.04]. Năm 2020, trước diễn biến phức tạp của Covid-19 gây nên nhiều thiệt hại, khó khăn cho xã hội, cộng đồng, nhà trường đã ban hành chính sách học bổng cho toàn bộ tân sinh viên khóa 26 nhập học với tổng giá trị lên đến hơn 13 tỷ đồng, các cán bộ giảng viên, nhân viên tham gia quyên góp hỗ trợ sinh viên mắc kẹt tại Đà Nẵng gặp khó khăn do dịch với tổng giá trị 100,89 triệu đồng [H24.24.02.01], [H24.24.02.05]. Bên cạnh đó, Công đoàn Trường Đại học Duy Tân cũng có công văn kêu gọi các cán bộ giảng viên, nhân viên của trường quyên góp hỗ trợ các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do bão lũ, qua đó cấp các suất học bổng trị giá 100 triệu đồng từ nguồn đóng góp này và trích từ quỹ từ thiện nhân đạo của Công đoàn trường cho học sinh các trường THPT các tỉnh miền Trung. Từ năm 2009 đến nay, quỹ nhận hỗ trợ nuôi dưỡng thường xuyên 04 nạn nhân chất độc da cam với tổng kinh phí hỗ trợ hằng năm gần 15 triệu đồng [H24.24.02.06]. Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với các địa phương thực hiện nhiều chương trình phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội như ra quân dọn vệ sinh bãi biển Sơn Trà, kiệt hẻm văn minh xanh, lễ dâng hương và chương trình giao lưu với nhân chứng lịch sử “Tiếp lửa tuổi hai mươi”, lớp truyền thông về HIV/AIDS hưởng ứng tháng hành động quốc gia phòng chống HIV/AIDS năm 2018 với Quận Đoàn Hải Châu [H24.24.01.07], [H24.24.02.07].

Tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được thường xuyên tổng hợp, theo dõi, giám sát thông qua các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tháng, năm học của các đơn vị theo nhiệm vụ được phân công. Để đánh giá lại tác động của chiến dịch tình nguyện hè, hằng năm Đoàn thanh niên cử các cán bộ Đoàn về lại địa phương nơi đóng quân để khảo sát chất lượng các công trình, đồng thời lấy ý kiến của người dân địa phương về hoạt động của chiến dịch để rút kinh nghiệm cho chương trình tiếp theo. Nhìn chung chiến dịch đều nhận được

những phản hồi tích cực từ địa phương, đặc biệt là hoạt động xây dựng đường bê tông nông thôn đã giúp người dân đi lại thuận tiện hơn, các em nhỏ cũng rất quý mến các chiến sĩ mùa hè xanh vì đã giúp các em ôn bài trong hè [H24.24.02.08].

Bên cạnh việc báo cáo, đánh giá tổng thể kết quả tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, các đơn vị triển khai còn đánh giá tác xã hội của các hoạt động này. Cụ thể là quỹ từ thiện nhân đạo của trường được thành lập từ năm 2009 và đã thực hiện hỗ trợ nhiều hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài trường, nguồn kinh phí này được đóng góp từ việc trích 04 ngày lương/năm của mỗi cán bộ giảng viên, nhân viên và con số này không ngừng tăng lên qua các năm [H24.24.01.06]:

Bảng 24. 1. Đối sánh kinh phí đóng góp vào Quỹ từ thiện nhân đạo
ĐVT: đồng

Năm	2017	2018	2019	2020	7/2021
Kinh phí đóng góp	447.857.276	470.441.675	527.298.530	552.102.719	276.401.622

Thông qua các chương trình tình nguyện của các liên chi Đoàn khoa như hỗ trợ bão lũ, trung thu cho thiếu nhi, tình nguyện mùa đông và xuân tình nguyện, trao gần 2.040 suất quà cho các hộ dân nghèo, có hoàn cảnh khó khăn; tặng hơn 5.000 suất quà cho học sinh nghèo, khám chữa bệnh phát thuốc miễn phí cho 3.000 lượt người với tổng giá trị gần 2 tỷ đồng [H24.24.01.01] [H24.24.01.05].

Bảng 24. 2. Kết quả tổ chức Chiến dịch Tình nguyện mùa đông và Xuân tình nguyện

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số tình nguyện viên trực tiếp tham gia (người)	528	300	200	262	1.550
Tổng giá trị chương trình (triệu đồng)	500	209,2	242	296	380,6

Trường Đại học Duy Tân cũng là nhà tài trợ chính cho hội thi tin học trẻ thành phố Đà Nẵng hàng năm với tổng giá trị tài trợ gần 300 triệu đồng [H24.24.01.10]. Các dự án nghiên cứu phục vụ cộng đồng cũng đem lại những kết quả đáng ghi nhận. Đầu năm 2017, Trung tâm Điện-Điện tử thuộc Trường Đại học Duy Tân đã chế tạo thành công sản phẩm “Cánh tay robot” dành cho người khuyết tật và đã trao tặng cho 2 em học sinh là Phan Trọng Hiếu (bị mìn nổ mất gần hết tay phải) và Trần Đăng Khoa (thiếu bàn tay trái từ khi sinh ra) ở tỉnh Quảng Nam. Cánh tay robot đã giúp các em có thể

cầm nắm chắc chắn các vật dụng có kích thước và khối lượng khác nhau, giúp các em thực hiện mọi hoạt động sinh hoạt hằng ngày thuận tiện, dễ dàng hơn như ăn, uống, đi xe đạp. Với mong muốn đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng, nhiều sản phẩm hữu ích khác đã được nhà trường đầu tư chế tạo, trong đó không thể không nhắc đến sản phẩm xe lăn điện dành cho người khuyết tật, đã được thực hiện và trao tặng tận tay 10 người khuyết tật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vào năm 2019, giúp họ có thể sinh hoạt hằng ngày dễ dàng hơn cũng như có thêm nghị lực để vui sống [H24.24.01.13]. Qua những kết quả trên cho thấy tác động xã hội của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của nhà trường 05 năm qua ngày càng đa dạng, thiết thực mang lại nhiều giá trị tích cực cho cộng đồng cả về vật chất lẫn tinh thần cho người được thụ hưởng lẫn người tham gia.

Các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội báo cáo về BGH qua báo cáo tháng, năm học hoặc từng chương trình, giai đoạn cụ thể [H24.24.01.03], [H24.24.01.14].

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch cải tiến cho hoạt động tiếp theo hoặc năm học sau. Dựa vào hệ thống cố vấn học tập, ban cán sự chi đoàn, ban chấp hành các liên chi Đoàn khoa và phiếu khảo sát ý kiến sinh viên do Đoàn thanh niên thực hiện đã kịp thời tiếp nhận thông tin phản hồi của sinh viên về các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng [H24.24.01.14]. Năm học 2019–2020, khảo sát sinh viên cho thấy người học có mong muốn và nguyện vọng được tham gia các chương trình tình nguyện, nhân đạo nhưng do không tiếp cận được thông tin hoặc nhận thông tin trễ nên không thể tham gia. Trên cơ sở đó, năm học 2020–2021, Đoàn thanh niên đã hệ thống hóa các kênh thông tin để người học có thể tiếp cận nhanh chóng, kịp thời không chỉ qua website và fanpage của Đoàn trường mà còn qua hệ thống các kênh fanpage của các khoa, nhóm, câu lạc bộ, triển khai sâu rộng thông tin xuống tận các chi đoàn. Nhờ vậy kết quả khảo sát năm học này đã nhận được phản hồi tích cực từ người học với 88.37% người tham gia đồng ý rằng các kênh tuyên truyền qua website, fanpage của đoàn trường và các đoàn khoa/viện mang đến nhiều thông tin kịp thời và hữu ích.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của nhà trường được lập kế hoạch chi tiết, trong đó có kế hoạch đánh giá tác động của các hoạt động này đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được thực hiện trong các văn bản báo cáo sơ kết, tổng kết của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của các đơn vị chức năng [H21.21.01.03], [H24.24.01.03].

Thông qua hệ thống ban chấp hành Công đoàn trường, Đoàn thanh niên và các trường đơn vị liên quan để giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, được thể hiện qua báo cáo từng năm học và từng hoạt động cụ thể [H24.24.01.03], [H24.24.01.04], [H24.24.01.05].

Kết quả tác động xã hội và các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội đối với người học, cán bộ, giảng viên, nhân viên được đối sánh hằng năm thể hiện qua báo cáo đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu năm học [H09.09.03.01]. Công tác phục vụ cộng đồng được lan tỏa sâu rộng trong toàn thể người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường. Đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, ngoài việc đóng góp hằng năm theo quy định của Công đoàn trường thì còn chung tay tham gia hỗ trợ khẩn cấp cho người học, xã hội như quyên góp hỗ trợ sinh viên gặp khó khăn do Covid-19, quyên góp hỗ trợ học sinh các trường THPT bị ảnh hưởng bởi bão lũ năm 2020 với tổng số tiền quyên góp gần 200 triệu đồng [H24.24.01.06], [H24.24.02.06]. Công đoàn trường cũng kịp thời hỗ trợ các trường hợp cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường có hoàn cảnh khó khăn lúc khẩn cấp hoặc vào các dịp Tết với tổng giá trị hơn 30 triệu đồng/năm [H24.24.01.06]. Nhiều thầy cô không chỉ tham gia đóng góp theo tinh thần kêu gọi của Công đoàn, Đoàn thanh niên trường mà còn tích cực, chủ động tổ chức các hoạt động từ thiện như Chi hội Nữ trí thức Đại học Duy Tân tặng quà cho bệnh nhi ung thư tại bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng, quyên góp hỗ trợ gia đình 2 chiến sĩ hi sinh trong đợt phòng chống dịch Covid-19, thầy cô khoa Y kêu gọi quyên góp hỗ trợ cho sinh viên bị tai nạn với tổng số tiền hơn 136 triệu đồng... [H24.24.03.01]. Kết quả này đã phần nào thể hiện sự lan tỏa và tinh thần vì cộng đồng

của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong nhà trường. Đối với người học, sự lan tỏa tinh thần vì cộng đồng không chỉ được thể hiện ở việc tham gia các hoạt động do Đoàn thanh niên, nhà trường phát động mà còn thể hiện ở tại nơi các em sinh sống. Đợt dịch thứ 4 năm 2021, sinh viên được ở nhà học online, khi địa phương kêu gọi tham gia hỗ trợ công tác phòng chống dịch hay hỗ trợ tiếp sức mùa thi tại kỳ thi THPT quốc gia, nhiều sinh viên đã tự mình xung phong đăng ký tham gia trên khắp nhiều tỉnh thành trong cả nước như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Huế, Quảng Nam, Quảng Trị, Đắk Lak... [H24.24.01.04], [H24.24.03.02].

Từ năm học 2019–2020, Đoàn thanh niên thực hiện thu thập thông tin phản hồi về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học thông qua bảng khảo sát ý kiến sinh viên về các hoạt động Đoàn–Hội [H24.24.01.14]. Kết quả khảo sát cho thấy 90% sinh viên đồng ý với việc tham gia các hoạt động, phong trào Đoàn–Hội giúp các bạn thể hiện lòng nhân ái, tình đoàn kết, mở rộng các mối quan hệ xã hội, tiếp thu nhiều kiến thức và kỹ năng, trở nên tự tin và trưởng thành hơn; 89.9% sinh viên đồng ý rằng các hoạt động tình nguyện đem lại cho các bạn cơ hội trải nghiệm, học hỏi và mong muốn cống hiến vì cộng đồng. Có thể thấy đây là một kênh khảo sát rất hiệu quả để qua đó đánh giá được mức độ tham gia cũng như tác động của các chương trình hoạt động xã hội nói chung và hoạt động tình nguyện, nhân đạo nói riêng đối với người học, từ đó nhà trường có được cái nhìn khách quan và có sự cải tiến phù hợp với nhu cầu của sinh viên.

Căn cứ kết quả thực hiện và lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Công đoàn, Đoàn thanh niên trường và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong kế hoạch giai đoạn tiếp theo hoặc năm sau. Đối với người học, sau khi nhận phản hồi từ kết quả khảo sát, đã thực hiện cải tiến bằng cách đa dạng hóa các hình thức tổ chức chương trình tình nguyện và đem lại nhiều kết quả đáng ghi nhận. Từ năm học 2020–2021, thay vì chỉ tổ chức hoạt động tình nguyện trực tiếp thì nay dù ở nhà cũng có thể đóng góp thông qua các chương trình tình nguyện trực tuyến như “Học tập linh hoạt – Kết nối tri thức” do Trung ương Hội sinh viên Việt Nam tổ chức, kêu gọi 20.000 lượt chia sẻ bài đăng trên fanpage từ cộng đồng tương đương 70 laptop mới sẽ được trao tặng cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập tốt tại tâm dịch Đà

Năng, Quảng Nam và Quảng Ngãi. Kết quả nhà trường có 05 sinh viên được xét chọn để nhận những phần quà từ Trung ương Hội sinh viên Việt Nam. Nhằm lan tỏa các hành động bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, Đoàn thanh niên Trường Đại học Duy Tân cũng triển khai tổ chức cuộc thi online “Mỗi ngày một hành động xanh”, “Youth go green”, hay chương trình “Đổi rác lấy cây xanh” thu hút hơn 3.000 sinh viên tham gia [H24.24.01.03]. Không chỉ vậy, nhiều chương trình hoạt động của sinh viên đã có sự đồng hành, cùng tham gia của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường như hoạt động trồng cây xanh trên bán đảo Sơn Trà của thầy và trò Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn [H24.24.01.07], chương trình bác sĩ điện tử trong chiến dịch mùa hè xanh hằng năm cũng có sự đồng hành của giảng viên khoa Điện-Điện tử [H24.24.01.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường giao cho các đơn vị chức năng như: Phòng Khoa học công nghệ, Phòng Hợp tác doanh nghiệp, Phòng Công tác sinh viên và Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội về các nội dung mà mình được phân công và được thực hiện định kỳ hằng năm [H21.21.01.01], [H21.21.01.02].

Các đơn vị chức năng nêu trên dựa vào quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, tiến hành xây dựng kế hoạch, mẫu khảo sát, phân công nhân sự tiến hành thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Đối với Đoàn thanh niên đã tổ chức thu thập được 02 đợt trong 05 năm qua, Phòng Hợp tác doanh nghiệp tiến hành thu thập hàng năm,... Các công cụ khảo sát là các phiếu khảo sát hoặc sử dụng Google Form, tập trung vào các nội dung: về sự hữu ích, tính kịp thời, hiệu quả các hoạt động phục vụ cộng đồng do Trường Đại học Duy Tân thực hiện [H24.24.01.14]. Tuy nhiên việc khảo sát đối tượng là cán bộ, giảng viên trong trường chưa được thực hiện một cách bài bản bằng phiếu khảo sát hoặc Google Form, chỉ mới bằng các hình thức báo cáo từ Công đoàn trường và trưởng đơn vị trong cuộc họp giao ban.

Trường có hệ thống giám sát về sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội chủ yếu thực hiện qua hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên trường và các đơn vị trực thuộc. Kết quả của hoạt động này cũng được thường xuyên tổng hợp, theo dõi qua các báo cáo năm học của Trường Đại học Duy Tân. Trong những năm qua, hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp xã hội của nhà trường đạt được nhiều thành quả, được xã hội đánh giá cao. Từ 2017 đến nay, công tác Đoàn và phong trào sinh viên Trường Đại học Duy Tân luôn được xếp loại xuất sắc dẫn đầu và được nhận cờ thi đua đơn vị xuất sắc liên tục qua các năm học, các chương trình tình nguyện cao điểm như tình nguyện hè, phòng chống Covid-19 đều nhận được bằng khen của Trung ương Hội sinh viên Việt Nam và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh [H24.24.04.01]. Các chương trình tình nguyện của Đoàn thanh niên nhận được phản hồi tích cực của cộng đồng, các địa phương nơi Đoàn thanh niên đến thăm và tặng quà, xây dựng các công trình an sinh xã hội đã gửi thư cảm ơn đến các đội hình tình nguyện của trường [H24.24.01.04], [H24.24.01.07]. Công đoàn trường luôn đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc hằng năm do Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng khen tặng [H24.24.04.02]. Những thành tích trên là minh chứng thể hiện sự hài lòng của xã hội đối với các hoạt động tình nguyện, nhân đạo của trường.

Thông qua kết quả khảo sát và lấy ý kiến phản hồi, các đơn vị được giao nhiệm vụ tiến hành đối sánh, rà soát rút kinh nghiệm. Kết quả khảo sát ý kiến người học về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng năm học 2019-2020 chỉ có 80% đánh giá hài lòng thì đến năm học 2020-2021 đã có 97.5% đánh giá hài lòng, bên cạnh đó có 90.2% đánh giá các hoạt động tình nguyện đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng, xã hội [H24.24.01.14].

Trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, các hoạt động phục vụ cộng đồng được cải tiến thông qua đề xuất thực hiện của kế hoạch hoạt động tiếp theo hoặc năm học tiếp theo. Nhờ vậy mà công tác phục vụ cộng đồng của trường 05 năm qua ngày càng đa dạng, thiết thực và lan tỏa trong cán bộ, giảng viên, sinh viên thu hút được nhiều người tham gia và ủng hộ.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội của Trường Đại học Duy Tân đa dạng về loại hình, rộng khắp cho nhiều đối tượng.

- Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của nhà trường có sức hút và tính lan tỏa cao đối với người học và cán bộ, giảng viên, nhân viên với 95% sinh viên được khảo sát có tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của nhà trường giúp người học tăng cường khả năng trau dồi về kiến thức, phát triển kỹ năng mềm và nâng cao tinh thần chia sẻ, yêu thương, đùm bọc của người Việt.

- Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Duy Tân được các trường THPT và các Sở GD&ĐT các tỉnh đánh giá tích cực thông qua các giải thưởng, bằng khen đã nhận được.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường chưa thực hiện khảo sát ý kiến bằng các tiêu chí cụ thể về các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng Bảng khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên, nhân viên về các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.	Công đoàn trường	Từ năm học 2022-2023
2	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục phát huy các hoạt động phục vụ cộng đồng đa dạng, phong phú nhằm thu hút thêm nhiều cán bộ, giảng viên sinh viên tham gia đề công tác phục vụ cộng đồng của trường ngày càng mạnh hơn.	Đoàn thanh niên	Từ năm học 2022-2023

4.Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	<i>4,5</i>
Tiêu chí 24.1	5
Tiêu chí 24.2	5
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	4

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Thực hiện theo kế hoạch tài chính hằng năm nhà trường luôn chú trọng đến việc phân bổ các khoản chi tiêu tài chính hợp lý nhằm mang lại hiệu quả sử dụng nguồn thu - chi tài chính. Công tác quản lý tài chính ngày càng chặt chẽ nên góp phần tiết kiệm được khoản chi tiêu thường xuyên, tập trung nguồn tài chính cho công tác đầu tư và thanh toán.

Nguồn chi chủ yếu của nhà trường được phân bổ theo hai tiêu thức chính: chi phí cho hoạt động gồm các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; và chi phí cho đầu tư và thanh toán: gồm đầu tư CSVC, trang thiết bị, đầu tư nguồn nhân lực và thanh toán nợ ngân hàng, các khoản nộp ngân sách [H25.25.01.01]. Định kỳ, nhà trường thực hiện kiểm kê tài sản, công cụ định kỳ theo yêu cầu của BGH, thực hiện công tác báo cáo tài chính và kiểm toán theo đúng quy trình, minh bạch và hiệu quả. Bên cạnh đó, nhà trường thực hiện đầy đủ và đúng quy định các nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Nhà trường thực hiện kê khai và trích nộp đầy đủ các khoản nghĩa vụ và ngân sách Nhà nước [H25.25.01.02]; thanh toán công nợ với khách hàng đúng hạn, số dư nợ ngân hàng thấp. Công tác thanh toán cho các đơn vị và cá nhân được quy định rõ ràng bằng văn bản và thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, công tác quyết toán tài chính luôn được quan tâm thực hiện theo đúng quy định. Báo cáo tài chính hàng năm được lập đúng niên độ, định kỳ, báo cáo với các cơ quan chức năng về các chỉ tiêu và hiệu quả hoạt động. Báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đều được đơn vị kiểm toán độc lập có đủ tư cách pháp nhân, năng lực thực hiện kiểm toán, soát xét nhằm đảm bảo công tác tài chính thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài các kết quả về quản trị tài chính nêu trên, các chỉ số về công tác quản lý tài chính của trường đóng góp một phần không nhỏ vào chất lượng giáo dục và đào tạo thông qua các kết quả đạt được trong công tác kiểm định trường, kiểm định ngành [H25.25.01.03] đã nâng tầm uy tín của nhà trường đối với nhu cầu của người học trong và ngoài nước.

Kết thúc từng năm học HDT, BGH nhà trường luôn tổng kết đánh giá các mảng công tác, chỉ số tài chính thực hiện trong từng năm học dựa trên kết quả hoạt động và ý kiến đánh giá của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường theo các tiêu chí thi đua của

mỗi cá nhân. Kết quả theo ý kiến phản hồi qua các năm học của các bộ phận đều cho thấy công tác liên quan đến các hoạt động, chỉ số tài chính; thu – chi của nhà trường đều đúng mục đích, quy trình và đảm bảo hiệu quả công việc mang lại [H25.25.01.04]. Thông qua chỉ số tài chính công khai, minh bạch, trên cơ sở ý kiến kiểm toán độc lập trong từng niên độ; các đánh giá và ý kiến góp ý của các phòng, ban chức năng; HĐQT và BGH sẽ đưa ra các ý kiến để góp phần hoàn thiện công tác lập kế hoạch và quản lý tài chính đạt hiệu quả cao hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các định hướng phát triển của trường thường dựa trên các định hướng chiến lược, sau khi đánh giá và đối sánh các kết quả đạt được trong giai đoạn phát triển 2011-2015, nhà trường tiếp tục đề ra những nhiệm vụ mới trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020. Chiến lược này xác định rõ mục tiêu góp phần vào sự nghiệp chung của dân tộc, đất nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ được tuyên bố cụ thể trong sứ mệnh. Thêm vào đó tầm nhìn và mục tiêu cụ thể được xác định thông qua các tuyên bố: “... nằm trong Top 20 trường hàng đầu của hệ thống đại học Việt Nam”, “một số ngành đạt chuẩn Quốc tế trước năm 2020”, “Hội nhập Khu vực và Quốc tế về đào tạo và NCKH”,... Những tuyên bố này là định hướng cho nhà trường trong việc xác định các chỉ số thị trường giáo dục và làm cơ sở để triển khai các hoạt động trong giai đoạn 2016-2021 [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], [H1.01.01.04].

Để đảm bảo việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu nêu trên, nhà trường đã công bố kế hoạch chiến lược trong toàn trường, giao chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ cụ thể đến các đơn vị thông qua việc đăng ký chỉ tiêu hàng năm. Nhà trường giao cho phòng KHCN giám sát các chỉ tiêu NCKH và công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước, đẩy mạnh các nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế-xã hội và phục vụ cộng đồng; giao cho Trung tâm ĐBCL giám sát các chỉ số xếp hạng trường, ngành theo các xếp hạng quốc tế và khu vực; giao Phòng Đào tạo giám sát các hoạt động đào tạo, phòng Tổ chức giám sát các hoạt động tuyển dụng và phát triển đội ngũ, giao các khoa 38 tiêu chí thực hiện nhiệm vụ hàng năm gồm các nội dung liên quan tuyển sinh, đào tạo, NCKH, hợp tác doanh nghiệp, tìm việc làm cho sinh viên,... [H1.01.01.08],

[H1.01.01.09], [H1.01.03.07], [H9.09.03.02]. Các kết quả trên được các khoa, đơn vị chức năng báo cáo trong các cuộc họp chuyên đề cho phó hiệu trưởng phụ trách (người được phân công phụ trách các mảng công tác của trường) hoặc giao ban trường hàng tháng, học kỳ và năm học để BGH có những chính sách, giải pháp nhằm đảm bảo các mục tiêu lớn được triển khai thực hiện đúng kế hoạch.

Trường thực hiện đối sánh kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo từng mảng công tác. Cụ thể đối sánh với kế hoạch đề ra hàng năm và so sánh với các trường trong và ngoài nước (trường cùng tham gia xếp hạng các chuẩn khu vực và quốc tế) vào các đợt xây dựng kế hoạch năm, họp đánh giá học kỳ, cuối năm và một số trường hợp tổ chức theo chuyên đề riêng, cụ thể:

- Về đào tạo đối sánh dựa trên các số liệu về tuyển sinh hàng năm, số lượng sinh viên tốt nghiệp, kết quả việc làm của cựu sinh viên so với kế hoạch Nhà trường đã đề ra và so với mặt bằng chung trong cả nước về điểm tuyển sinh đầu vào, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

- Về NCKH trường thực hiện đối sánh dựa trên số công bố quốc tế của các bài báo đăng trên tạp chí ISI, Scopus của trường năm sau so với năm trước và với các trường cùng tham gia xếp hạng đại học quốc tế.

- Về ĐBCL trường dựa vào các thông tin về điều kiện ĐBCL, các tiêu chuẩn chuẩn kiểm định để biết những lĩnh vực nào cần cải thiện để đạt các tiêu chí về chất lượng và dựa vào các mục tiêu thăng hạng thì cần phấn đấu đạt bao nhiêu điểm khi đối sánh số liệu xếp hạng các năm trước của trường từng tổ chức xếp hạng (QS Ranking, THE, Shanghai,...)

- Về phục vụ cộng đồng: dựa vào các báo cáo học kỳ, năm học của Đoàn thanh niên, Công đoàn trường, số đề tài NCKH chuyển giao cho cộng đồng, các số liệu về kết quả cuộc thi khoa học kỹ thuật của học sinh PTTH các trường trên địa bàn Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắc Lắc,... (nơi Trường Đại học Duy Tân cử cán bộ nghiên cứu về hỗ trợ, tư vấn cho các em về phương pháp nghiên cứu và cách thực hiện các đề tài khoa học kỹ thuật).

- Về tài chính, nhà trường dựa vào các số liệu tổng nguồn thu, nguồn thu từ NCKH, nguồn thu từ học phí, từ dịch vụ và các khoản chi hàng năm đã được cơ quan

Kiểm toán và Thuế Nhà nước thực hiện kiểm tra định kỳ để đánh giá các kết quả đạt được của nhà trường trong những năm qua.

Các kết quả trong 5 năm qua cho thấy trường luôn tuyển sinh đạt và vượt chỉ tiêu, điểm xét tuyển đầu vào ngày càng tăng, điểm thủ khoa tăng. Về việc làm thi nhiều ngành được doanh nghiệp tuyển dụng làm thực tập có lương và tuyển dụng chính thức ngay khi tốt nghiệp (ngành Công nghệ phần mềm,...), tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao dù 2 năm qua bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Đặc biệt trường đảm bảo các mục tiêu đạt chuẩn kiểm định CTĐT cho 4 ngành theo chuẩn ABET, tham gia xếp hạng QS Asia Ranking lần đầu năm 2020 vào Top 500 đến nay trường đã có kết quả xếp hạng năm 2022 Top 210, lần đầu tiên vào Top 401-500 của THE và theo Shanghai Ranking trường cũng vào Top 601-700. Với xếp hạng theo khối ngành đào tạo, trường cũng có nhiều ngành được xếp hạng ở top cao của các tổ chức xếp hạng uy tín như [H9.09.02.03]:

Bảng 25. 1. Xếp hạng ngành của trường năm 2022

THE World University Rankings by Subject	Xếp hạng năm 2022
Computer Science	251 – 300
Engineering	251 – 300
Clinical and Health	176 – 200
Physical Sciences	201 – 250

Gần đây U.S. News & World Reports đã xếp hạng Trường Đại học Duy Tân ở vị trí 577 trên toàn cầu, trường tốt thứ 2 ở Việt Nam có chương trình Engineering ở thứ 355 và Material Science ở thứ 570,...

Để thêm kênh đánh giá từ các bên liên quan, nhà trường đã ban hành quy định lấy ý kiến các bên liên quan hàng năm. Giao cho Phòng Hợp tác doanh nghiệp khảo sát về việc làm của sinh viên tốt nghiệp, ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo của nhà tuyển dụng, giao cho các khoa lấy ý kiến sinh viên năm cuối (trước khi ra trường) để đánh giá về công tác đào tạo cho người học và mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Riêng các khảo sát về kết quả phục vụ cộng đồng thì chưa có phân công cụ thể, hiện tại giao cho Đoàn thanh niên tiến hành khảo sát từ đối tượng là sinh viên và một số cựu sinh viên cho

mảng này. Khi thực hiện các đề án mở ngành đào tạo, nhà trường giao cho các khoa khảo sát nhu cầu thị trường và lấy ý kiến đánh giá của các nhà khoa học, giảng viên trong và ngoài trường. Tất cả các kênh thông tin thu thập ở trên được phân tích, đánh giá giúp cho việc ra quyết định khi tiến hành xây dựng và cải tiến CTĐT, điều chỉnh các quy định về đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng [H22.22.04.05], [H24.24.01.14].

Như vậy, trong giai đoạn 2016-2021, với những mục tiêu nhà trường đề ra ban đầu đến nay đã được thực hiện và có được những ghi nhận và đánh giá tốt từ người học, doanh nghiệp đặc biệt từ các tổ chức xếp hạng uy tín quốc tế. Với những kết quả ấn tượng trên nhờ vào quá trình phấn đấu của toàn thể đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên trong suốt nhiều năm qua. Tuy nhiên, qua các phản hồi từ các bên liên quan và qua đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, xu thế hội nhập,.. lãnh đạo nhà trường vẫn xác định rõ trường vẫn phải tiếp tục nỗ lực hơn nữa, vẫn còn nhiều hạn chế cần phải khắc phục để trường phát triển ổn định và bền vững trong thời gian tới. Theo đó Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025, nêu rõ các chỉ số cần đạt trong từng năm để toàn trường tiếp tục phấn đấu cho các mục tiêu cao hơn trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Về CSDL đánh giá các chỉ số thị trường, được nhà trường dựa vào các dữ liệu báo cáo 3 công khai, các dữ liệu từ việc khảo sát các bên liên quan, dữ liệu về các công bố quốc tế, các đánh giá xếp hạng trường, ngành đào tạo trong đó có các đánh giá về uy tín học thuật, danh tiếng đối với nhà tuyển dụng, các ý kiến từ doanh nghiệp, các địa phương khi đánh giá về trường. Riêng CSDL về hoạt động phục vụ cộng đồng của nhà trường vẫn còn ít, chưa đa dạng các đối tượng khảo sát.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Cân đối, cơ cấu các khoản thu chi, phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả các chỉ số về tài chính, tạo điều kiện phát triển ổn định của nhà trường trong các năm qua.
- Việc đối sánh các chỉ số xếp hạng trong nhiều năm trước giúp trường đề ra những giải pháp kịp thời và hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng và tăng vị thế trường

thông qua các bảng xếp hạng uy tín thế giới.

- Chất lượng và số lượng các công bố quốc tế của trường tăng trong 5 năm qua.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc sử dụng vốn vay để đầu tư CSVC đặt ra yêu cầu về chi phí để trả nợ ngân hàng hàng năm rất lớn, làm ảnh hưởng một phần đến hạn mức các khoản chi phục vụ các hoạt động khác của nhà trường.

- CSDL phục vụ cộng đồng chưa đa dạng về các đối tượng khảo sát.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
1	Khắc phục tồn tại 1	Đầu năm 2020, HĐQT Công ty Cổ phần tập đoàn Duy Tân – đơn vị chủ sở hữu ban hành Nghị quyết về huy động nguồn vốn mới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng của nhà trường trong thời gian đến	Hội đồng Quản trị của Tập đoàn Duy Tân	Năm học 2022-2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Bổ sung mẫu khảo sát về kết quả phục vụ cộng đồng và xây dựng kế hoạch khảo sát định kỳ theo năm học	Đoàn thanh niên	Năm học 2022-2023
3	Phát huy các điểm mạnh	Tiếp tục khuyến khích và tạo thuận lợi trong việc công bố quốc tế và tham gia xếp hạng làm động lực cho sự phát triển của trường.	BGH	Giai đoạn 2022-2027

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 25	4,50
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	4

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	5,60	
1	1.1	5	
2	1.2	5	
3	1.3	6	
4	1.4	6	
5	1.5	6	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	5,75	
6	2.1	6	
7	2.2	6	
8	2.3	5	
9	2.4	6	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	4,50	
10	3.1	5	
11	3.2	5	
12	3.3	4	
13	3.4	4	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	5,0	
14	4.1	5	
15	4.2	5	
16	4.3	5	
17	4.4	5	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>	4,50	
18	5.1	5	
19	5.2	4	
20	5.3	4	
21	5.4	5	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	5,00	
22	6.1	5	
23	6.2	5	
24	6.3	5	
25	6.4	5	
26	6.5	5	
27	6.6	5	
28	6.7	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	5,40	
29	7.1	6	
30	7.2	5	
31	7.3	6	
32	7.4	5	
33	7.5	5	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	4,75	
34	8.1	4	
35	8.2	6	
36	8.3	4	
37	8.4	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong</i>	4,16	
38	9.1	4	
39	9.2	5	
40	9.3	4	
41	9.4	4	
42	9.5	4	
43	9.6	4	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4,00	
44	10.1	4	
45	10.2	4	
46	10.3	4	
47	10.4	4	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	4,5	
48	11.1	4	
49	11.2	5	
50	11.3	4	
51	11.4	5	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4,20	
52	12.1	4	
53	12.2	4	
54	12.3	5	
55	12.4	4	
56	12.5	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	5,80	
57	13.1	6	
58	13.2	5	
59	13.3	6	
60	13.4	6	
61	13.5	6	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5,00	
62	14.1	5	
63	14.2	5	
64	14.3	5	
65	14.4	5	
66	14.5	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5,20	
67	15.1	5	
68	15.2	5	
69	15.3	6	
70	15.4	5	
71	15.5	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	5,00	
72	16.1	5	
73	16.2	5	
74	16.3	5	
75	16.4	5	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,50	
76	17.1	5	
77	17.2	5	
78	17.3	4	
79	17.4	4	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	4,50	
80	18.1	5	
81	18.2	5	
82	18.3	4	
83	18.4	4	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	6,00	
84	19.1	6	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
85	19.2	6	
86	19.3	6	
87	19.4	6	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	5,00	
88	20.1	5	
89	20.2	6	
90	20.3	4	
91	20.4	5	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	5,25	
92	21.1	5	
93	21.2	5	
94	21.3	6	
95	21.4	5	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5,00	
96	22.1	5	
97	22.2	5	
98	22.3	5	
99	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	5,50	
100	23.1	6	
101	23.2	5	
102	23.3	6	
103	23.4	6	
104	23.5	4	
105	23.6	6	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	4,50	
106	24.1	5	
107	24.2	5	
108	24.3	4	
109	24.4	4	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4,50	
110	25.1	5	
111	25.2	4	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 6 điểm;
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm;
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 5 năm 2022



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Số: *LHH/L&Đ-T ĐHOT*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá - KĐCL cơ sở giáo dục

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

- Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 666/TTg, ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Duy Tân;
- Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg, ngày 2/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình Trường Đại học Duy Tân;
- Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-TĐDT ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Duy Tân v/v công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;
- Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo, Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay thành lập Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Duy Tân gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai hoạt động tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức, Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Duy Tân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP.



TS. Lê Nguyên Bảo



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1111/QĐ-ĐHDT, ngày 28 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Lê Nguyên Bảo	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	TS. Võ Thanh Hải	Phó Hiệu trưởng trực	Phó chủ tịch trực
3	TS. Trần Nhật Tân	GD TT. ĐBCL	Phó chủ tịch
4	ThS. Nguyễn Thanh Trung	Phó GD TT.ĐBCL	Ủy viên thư ký
5	TS. Lê Nguyễn Tuệ Hằng	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
6	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh	Phó Hiệu trưởng kiêm Hiệu trưởng Trường Y Dược	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Hữu Phú	Phó Hiệu trưởng kiêm Trưởng phòng Tổ chức	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Phi Sơn	Phó Hiệu trưởng kiêm Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
9	ThS. Võ Như Phùng	Trưởng phòng Thanh tra	Ủy viên
10	TS. Trương Tiến Vũ	Trưởng phòng Khoa học công nghệ	Ủy viên
11	ThS. Nguyễn Thành Dương	Chánh Văn phòng	Ủy viên
12	ThS. Nguyễn Thôi	Trưởng phòng Công tác sinh viên	Ủy viên
13	ThS. Mai Hoàng Hải	Trưởng phòng KHTC	Ủy viên
14	TS. Nguyễn Đức Hiền	GD. TT. HTDN	Ủy viên
15	PGS.TS. Nguyễn Gia Như	Hiệu trưởng trường đào tạo Khoa học Máy tính	Ủy viên
16	TS. Hà Đắc Bình	Hiệu trưởng trường đào tạo Công nghệ	Ủy viên
17	PGS.TS. Phan Thanh Hải	Hiệu trưởng trường đào tạo Kinh tế	Ủy viên

(Handwritten signature)

18	TS. Trần Văn Hùng	Phó Hiệu trưởng trực trường đào tạo Ngoại ngữ	Ủy viên
19	TS. Nguyễn Đức Mạnh	Viện trưởng Viện Đào tạo Quốc tế	Ủy viên
20	TS. Bùi Kim Luận	Phó Viện trưởng Viện Đào tạo & NC Du lịch	Ủy viên
21	ThS. Nguyễn Thị Tuyết	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên
22	ThS. Nguyễn Thị Anh Đào	Giảng viên Viện Đào tạo Quốc tế	Ủy viên
23	Ngô Đình Nam	Sinh viên khoa Y	Ủy viên

(Danh sách gồm có 23 người)

Handwritten signature



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 2144/QĐ-ĐHDT, ngày 08 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)

TT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Thanh Trung	PGĐ. TT. ĐBCL	Trưởng ban Thư ký
2	ThS. Mai Quốc Bảo	Trưởng phòng Khảo thí	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Ân	Phó phòng ĐTĐH& Sau ĐH	Thành viên
4	ThS. Hoàng Minh Đức	Phó Chánh Văn phòng	Thành viên
5	ThS. Trịnh Sử Trường Thi	GD. TT. Học liệu	Thành viên
6	ThS. Lê Nguyễn Như Bình	PGĐ. TT. ĐBCL	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Hồng Lam	Chuyên viên TT. ĐBCL	Thành viên
8	Cô Nguyễn Thị Hồng Quyên	Tổ phó Tổ Hành chính- Tổng hợp-Thi đua	Thành viên
9	Ông Phạm Văn Tuấn	Phó phòng CSVC&KT	Thành viên
10	Ông Phan Văn Hân	Chuyên viên P.Tổ chức	Thành viên
11	Cô Đoàn Thị Như Quỳnh	Giám đốc Thư viện	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người)

Handwritten signature



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-ĐHDT, ngày 18 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân)

NHÓM	THÀNH VIÊN	CHỨC DANH	NHIỆM VỤ
Nhóm 1. Phụ trách các tiêu chuẩn: 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa. 2. Quản trị. 4. Quản trị chiến lược.	ThS. Nguyễn Thành Dương	Chánh Văn phòng	Trưởng nhóm
	Cô Nguyễn Thị Cẩm Tú	Tổ trưởng tổ phục vụ - Văn phòng trường	Thư ký nhóm
	ThS. Hoàng Minh Đức	Phó chánh Văn phòng	Thành viên
	Cô Trần Thị Kim Dung	Nhân viên Văn phòng Đảng ủy	Thành viên
Nhóm 2. Phụ trách các tiêu chuẩn: 3. Lãnh đạo và quản lý. 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. 6. Quản lý nguồn nhân lực.	TS. Nguyễn Hữu Phú	Phó Hiệu trưởng kiêm trưởng P.Tổ chức	Trưởng nhóm
	Ông Phan Văn Hân	Chuyên viên P. Tổ chức	Thư ký nhóm
	ThS. Hoàng Thị Xinh	Phó trưởng P. Tổ chức	Thành viên
	ThS. Lê Anh Tuấn	Phó trưởng P. Tổ chức	Thành viên
Nhóm 3. Phụ trách các tiêu chuẩn: 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất. 25. Kết quả tài chính và thị trường.	ThS. Mai Hoàng Hải	Trưởng P. KHTC	Trưởng nhóm
	Cô Hoàng Thị Hương	Chuyên viên P. KHTC	Thư ký nhóm
	ThS. Phan Phụng Ban	Chuyên viên Văn phòng	Thành viên
	Ông Phạm Văn Tuấn	phó Trưởng P. CSVC	Thành viên
	Cô Đoàn Thị Như Quỳnh	Giám đốc Thư viện	Thành viên
	ThS. Hồ Tiến Sung	Giám đốc TT.CIT	Thành viên
Nhóm 4. Phụ trách các tiêu chuẩn: 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong. 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài. 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong. 12. Nâng cao chất lượng	TS. Trần Nhật Tân	Giám đốc TT. ĐBCL	Trưởng nhóm
	ThS. Lê Nguyễn Như Bình	Phó GD.TT.ĐBCL	Thư ký nhóm
	ThS. Nguyễn Thanh Trung	Phó GD.TT.ĐBCL	Thành viên
	ThS. Nguyễn Hồng Lam	Chuyên viên TT.ĐBCL	Thành viên

Handwritten signature

Nhóm 5. Phụ trách các tiêu chuẩn: 13. Tuyển sinh và nhập học. 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học. 15. Giảng dạy và học tập. 16. Đánh giá người học. 22. Kết quả đào tạo	TS. Nguyễn Phi Sơn	Phó Hiệu trưởng, Trưởng P. Đào tạo	Trưởng nhóm
	ThS. Nguyễn Trọng Tuệ	Phó trưởng P. Đào tạo	Thư ký nhóm
	ThS. Nguyễn Ân	Phó trưởng P. Đào tạo	Thành viên
	ThS. Đặng Ngọc Trung	Giám đốc TT. Tuyển sinh	Thành viên
	ThS. Trịnh Sử Trường Thi	GD TT. Học liệu	Thành viên
	ThS. Mai Quốc Bảo	Trưởng P. Khảo thí	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Duy Khôi	Phó trưởng P. HTDN	Thành viên
	Hiệu trưởng, viện trưởng các trường đào tạo, trưởng các khoa thuộc Trường Đại học Duy Tân	Các trường đào tạo, viện, khoa	Thành viên
Nhóm 6. Phụ trách các tiêu chuẩn: 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại. 18. Quản lý nghiên cứu khoa học. 19. Quản lý tài sản trí tuệ. 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học. 23. Kết quả nghiên cứu khoa học.	TS. Trương Tiến Vũ	Trưởng P. KHCN	Trưởng nhóm
	ThS. Nguyễn Thị Lãnh	Phó trưởng P. KHCN	Thư ký nhóm
	TS. Lê Văn Khoa Bảo	Phó trưởng P. KHCN	Thành viên
	ThS. Nguyễn Huy Phước	Trưởng P. Trao đổi SV toàn cầu	Thành viên
	Cô Nguyễn Thị Nguyên Thi	CV P. QHQT	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Kiên	Phó GD. TT. Khởi nghiệp	Thành viên
	Viện trưởng các viện nghiên cứu	Viện nghiên cứu	Thành viên
Nhóm 7. Phụ trách các tiêu chuẩn: 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng. 24. Kết quả phục vụ cộng đồng.	ThS. Nguyễn Thôi	Trưởng P. CTSV	Trưởng nhóm
	Cô Trần Thị Thu Nguyệt	Chuyên viên P. CTSV	Thư ký nhóm
	TS. Nguyễn Đức Hiền	Trưởng P. HTDN	Thành viên
	ThS. Nguyễn Thị Tuyết	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
	ThS. Phạm Trung Tuyền	Giám đốc TT. Văn Thể Mỹ	Thành viên
	TS. Đặng Văn Cường	Chủ tịch Hội đồng Cố vấn học tập	Thành viên
	ThS. Phùng Anh Quân	GD. TT. GDTC&QP	Thành viên
	Hiệu trưởng, viện trưởng các trường đào tạo, trưởng các khoa thuộc Trường Đại học Duy Tân	Các trường đào tạo, viện, khoa	Thành viên

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/QĐ-QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc củng cố Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-TĐDT ngày 16/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Duy Tân v/v công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Củng cố Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học (danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai kế hoạch tự đánh giá Trường Đại học Duy Tân theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học và hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Điều 3. Các Ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân về các công việc được giao.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Phòng Tổ chức, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Văn phòng Trường, các đơn vị liên quan và các Ông (bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VP, P.TC.



TS. Lê Nguyên Bảo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số *4402/QĐ-DHDT*, ngày *04* tháng *11* năm *2021*)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Lê Nguyên Bảo	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	TS. Võ Thanh Hải	Phó Hiệu trưởng thường trực	Phó chủ tịch trực
3	TS. Trần Nhật Tân	Giám đốc TT. ĐBCL	Phó chủ tịch
4	ThS. Nguyễn Thanh Trung	Phó Giám đốc TT.ĐBCL	Ủy viên thư ký
5	TS. Lê Nguyễn Tuệ Hằng	Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDT	Ủy viên
6	PGS.TS Nguyễn Ngọc Minh	Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDT kiểm Hiệu trưởng Trường Y Dược	Ủy viên
7	TS. Nguyễn Hữu Phú	Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDT kiểm Trưởng phòng Tổ chức	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Phi Sơn	Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDT kiểm Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên

9	TS. Hà Đắc Bình	Hiệu trưởng Trường Công nghệ	Ủy viên
10	PGS.TS Phan Thanh Hải	Hiệu trưởng Trường Kinh tế	Ủy viên
11	PGS.TS Nguyễn Gia Như	Hiệu trưởng Trường Khoa học Máy tính	Ủy viên
12	TS. Trần Văn Hùng	Phó Hiệu trưởng TT Trường Ngoại ngữ	Ủy viên
13	TS. Nguyễn Đức Mận	Viện trưởng Viện Đào tạo Quốc tế	Ủy viên
14	TS. Bùi Kim Luận	Phó Viện trưởng Viện ĐT&NC Du lịch Duy Tân	Ủy viên
15	TS. Trương Tiến Vũ	Trưởng phòng Khoa học Công nghệ	Ủy viên
16	ThS. Nguyễn Thành Dương	Chánh Văn phòng Trường ĐHDT	Ủy viên
17	ThS. Mai Hoàng Hải	Trưởng phòng KHTC	Ủy viên
18	TS. Nguyễn Đức Hiền	Trưởng phòng HTDN	Ủy viên
19	ThS. Võ Như Phùng	Trưởng phòng Thanh tra	Ủy viên
20	ThS. Nguyễn Thôi	Trưởng phòng Công tác sinh viên	Ủy viên
21	ThS. Nguyễn Thị Tuyết	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên
22	ThS. Nguyễn Thị Anh Đào	Giảng viên Viện Đào tạo Quốc tế	Ủy viên
23	Ngô Đình Nam	Sinh viên khoa Y	Ủy viên

(Danh sách gồm có 23 người)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 44/QĐ-ĐHDT, ngày 04 tháng 11 năm 2021)

TT	Họ và tên	Chức danh	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Thanh Trung	Phó Giám đốc TT.ĐBCL	Trưởng ban Thư ký
2	ThS. Mai Quốc Bảo	Giám đốc TT.Khảo thí	Thành viên
3	ThS. Trịnh Sử Trường Thi	Giám đốc TT.Học liệu	Thành viên
4	Cô Đoàn Thị Như Quỳnh	Giám đốc Thư viện	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Ân	Phó phòng Đào tạo	Thành viên
6	ThS. Hoàng Minh Đức	Phó Chánh Văn phòng	Thành viên
7	ThS. Lê Nguyễn Như Bình	Phó Giám đốc TT.ĐBCL	Thành viên
8	Cô Nguyễn Thị Hồng Quyên	Tổ phó Tổ HC-TH-TĐ thuộc VP Trường	Thành viên
9	ThS. Nguyễn Hồng Lam	Chuyên viên TT.ĐBCL	Thành viên
10	Ông Phan Văn Hân	Chuyên viên Phòng Tổ chức	Thành viên
11	Cô Phạm Thị Hồng	Chuyên viên TT.Học liệu	Thành viên

(Danh sách gồm có 11 người)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH NHÓM CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 4402/QĐ-DHDT, ngày 04 tháng 11 năm 2021)

NHÓM	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	NHIỆM VỤ
Nhóm 1. Phụ trách các tiêu chuẩn: 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa. 2. Quản trị. 4. Quản trị chiến lược.	ThS. Nguyễn Thành Dương	Chánh Văn phòng Trường ĐHDT	Trưởng nhóm
	Cô Nguyễn Thị Cẩm Tú	Chuyên viên Văn phòng Trường	Thư ký nhóm
	ThS. Hoàng Minh Đức	Phó Chánh Văn phòng trường	Thành viên
	Cô Hoàng Thị Thu Sương	Chuyên viên Văn phòng trường	Thành viên
	Cô Trần Thị Kim Dung	Chuyên viên Văn phòng Đảng ủy-CĐ	Thành viên
Nhóm 2. Phụ trách các tiêu chuẩn: 3. Lãnh đạo và quản lý. 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. 6. Quản lý nguồn nhân lực.	TS. Nguyễn Hữu Phú	Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDT kiêm Trưởng P.Tổ chức	Trưởng nhóm
	Ông Phan Văn Hân	Chuyên viên P. Tổ chức	Thư ký nhóm
	ThS. Hoàng Thị Xinh	Phó trưởng Phòng Tổ chức	Thành viên
	ThS. Lê Anh Tuấn	Phó trưởng Phòng Tổ chức	Thành viên
Nhóm 3. Phụ trách các tiêu chuẩn: 7. Quản lý tài chính và CSVC 25. Kết quả tài chính và thị trường.	ThS. Mai Hoàng Hải	Trưởng Phòng KHTC	Trưởng nhóm
	Cô Hoàng Thị Hương	Chuyên viên P.KHTC	Thư ký nhóm
	ThS. Hồ Tiến Sung	Giám đốc TT.CIT	Thành viên
	Cô Đoàn Thị Như Quỳnh	Giám đốc Thư viện	Thành viên
	ThS. Phan Phụng Ban	Chuyên viên Văn phòng Trường	Thành viên
	Ông Phạm Văn Tuấn	Phó trưởng Phòng CSVC&KT	Thành viên



Nhóm 4. Phụ trách các tiêu chuẩn: 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong. 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài. 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong. 12. Nâng cao chất lượng	TS. Trần Nhật Tân	Giám đốc TT. ĐBCL	Trưởng nhóm
	ThS. Lê Nguyễn Như Bình	Phó GD TT.ĐBCL	Thư ký nhóm
	ThS. Nguyễn Thanh Trung	Phó GD TT.ĐBCL	Thành viên
	ThS. Nguyễn Hồng Lam	Chuyên viên TT.ĐBCL	Thành viên
Nhóm 5. Phụ trách các tiêu chuẩn: 13. Tuyển sinh và nhập học. 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học. 15. Giảng dạy và học tập. 16. Đánh giá người học. 22. Kết quả đào tạo	TS. Nguyễn Phi Sơn	Phó Hiệu trưởng Trường ĐHDT kiêm Trưởng Phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
	ThS. Nguyễn Trọng Tuệ	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thư ký nhóm
	ThS. Nguyễn Ân	Phó trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
	ThS. Đặng Ngọc Trung	Giám đốc TT. Tuyển sinh	Thành viên
	ThS. Trịnh Sư Trường Thi	Giám đốc TT. Học liệu	Thành viên
	ThS. Mai Quốc Bảo	Giám đốc TT. Khảo thí	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Duy Khôi	Chuyên viên Phòng HTDN	Thành viên
	Hiệu trưởng, Viện trưởng các Trường đào tạo; Trưởng các khoa	Các Trường đào tạo, Viện, Khoa	Thành viên
Nhóm 6. Phụ trách các tiêu chuẩn: 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại. 18. Quản lý nghiên cứu khoa học. 19. Quản lý tài sản trí tuệ. 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học. 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	TS. Trương Tiến Vũ	Trưởng Phòng KHCN	Trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Đức Kiên	Phó Giám đốc TT. Khởi nghiệp	Thư ký nhóm
	ThS. Nguyễn Thị Lân	Chuyên viên Phòng KHCN	Thành viên
	TS. Lê Văn Khoa Bảo	Phó trưởng Phòng KHCN	Thành viên
	ThS. Nguyễn Huy Phước	Trưởng Phòng Trao đổi SV toàn cầu	Thành viên
	Cô Nguyễn Thị Nguyên Thi	Phó trưởng Phòng QHQT	Thành viên
	Cô Nguyễn Thị Cừ	Chuyên viên Phòng KHCN	Thành viên
	Viện trưởng các Viện Nghiên cứu	Viện Nghiên cứu	Thành viên

Nhóm 7. Phụ trách các tiêu chuẩn: 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng. 24. Kết quả phục vụ cộng đồng.	ThS. Nguyễn Thôi	Trưởng Phòng CTSV	Trưởng nhóm
	Cô Trần Thị Thu Nguyệt	Chuyên viên Phòng CTSV	Thư ký nhóm
	TS. Nguyễn Đức Hiền	Trưởng Phòng HTDN	Thành viên
	ThS. Nguyễn Thị Tuyết	Bí Thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
	ThS. Phùng Anh Quân	Giám đốc TT.GDTC&QP	Thành viên
	Hiệu trưởng, Viện trưởng các Trường đào tạo; Trưởng các khoa	Các Trường đào tạo, Viện, Khoa	Thành viên
Phụ trách chung	TS. Võ Thanh Hải	Phó Hiệu trưởng Thường trực	Trưởng nhóm
	TS. Trần Nhật Tân	Giám đốc TT.DBCL	Thường trực
	ThS. Nguyễn Thanh Trung	Phó Giám đốc TT.DBCL	Thư ký



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23/KH-DHDT

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 4 năm 2021

KẾ HOẠCH **Tự đánh giá Trường Đại học Duy Tân**

1. Mục đích tự đánh giá

- Cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.
- Phục vụ kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi

- Đánh giá các hoạt động của Trường Đại học Duy Tân trong giai đoạn 2016 – 2021 theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

3. Công cụ tự đánh giá

Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn: Công văn 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20 tháng 4 năm 2018.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CSGD được thành lập theo Quyết định số 1144/QĐ-ĐHDT ngày 08 tháng 03 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân, Hội đồng gồm có 23 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

-Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp.

-Nhân lực: Các thành viên từ Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký, nhóm chuyên trách, ngoài ra trường có điều động thêm cán bộ, giảng viên, sinh viên để phỏng vấn, thu thập minh chứng và góp ý vào báo cáo tự đánh giá

-Cơ sở vật chất: Phòng làm việc có máy tính nối mạng, máy in, tủ lưu hồ sơ và minh chứng, phòng họp có máy chiếu từ cơ sở vật chất có sẵn của trường.

-Tài chính: Kinh phí mua văn phòng phẩm, in ấn và các hộp lưu minh chứng, kinh phí ký hợp đồng đánh giá ngoài,... đều theo quy định chung của trường và ký kết với trung tâm kiểm định độc lập bên ngoài.

6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài CSGD

Các kế hoạch khảo sát doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, Hội nghề nghiệp và cựu sinh viên thực hiện thường xuyên theo chương trình của trường.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài: Không

8. Thời gian biểu



Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 15/3/2021- 28/3/2021	- Họp Lãnh đạo Trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường. - Họp Hội đồng tự đánh giá Trường để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Trường; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 3 - 4 29/3/2021- 11/4/2021	- Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan; - Tổ chức hội thảo chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan. - Họp Hội đồng tự đánh giá Trường để thông qua: - Kế hoạch tự đánh giá Trường; - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (theo tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT). - Hiệu trưởng ký ban hành kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 - 8 12/4/2021- 09/5/2021	- Công bố kế hoạch tự đánh giá, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá.
Tuần 9 - 15 10/5/2021- 27/6/2021	- Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). - Trường các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 16 28/6/2021- 04/7/2021	Hội đồng tự đánh giá Trường: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo. - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. - Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung. - Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá Trường.
Tuần 17-18 05/7/2021- 18/7/2021	Hội đồng tự đánh giá Trường: - Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). - Thảo luận về dự thảo báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-21 19/7/2021- 08/8/2021	- Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ Trường. - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá.

	3. Nhóm nghiên cứu độc lập rà soát dự thảo báo cáo tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cần thiết.
Tuần 22-23 09/8/2021- 22/8/2021	1. Hội đồng tự đánh giá Trường: - Họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị. - Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. - Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. 2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá Trường ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. 3. Hiệu trưởng Trường ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo tự đánh giá.
Tuần 24 23/8/2021- 29/8/2021	1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ GD&ĐT. 2. Trường công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). 3. Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định.
Từ tuần 25 30/8/2021- 12/9/2021	1. Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động. 2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu VP, TT.ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Nguyên Bảo

Phụ lục 3
CÁC DANH MỤC MINH CHỨNG